



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Áp dụng từ 06/2026 cho đến khi có thông báo tiếp theo

Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Sales Analysis 2	Sales Analysis 3	Giá thông thường	
						Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)			Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
A. MŨI KHOAN KIM LOẠI							
1	D-64004	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1X34MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 1X34MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
2	D-64010	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ 1.5X40MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
3	D-64026	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2X49MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 2X49MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
4	D-64032	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2.5X57MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 2.5X57MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
5	D-64048	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3X61MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 3X61MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
6	D-64054	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3.5X70MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 3.5X70MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
7	D-64060	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4X75MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 4X75MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
8	D-64076	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4.5X80MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 4.5X80MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
9	D-64082	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5X86MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 5X86MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
10	D-64098	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5.5X93MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 5.5X93MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
11	D-64107	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6X93MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 6X93MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
12	D-64113	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6.5X101MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 6.5X101MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
13	D-64129	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7X109MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 7X109MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
14	D-64135	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7.5X109MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 7.5X109MM	DRBIT	METAL	49.950	8%
15	D-64141	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X117MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 8X117MM	DRBIT	METAL	56.808	8%
16	D-64157	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8.5X117MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 8.5X117MM	DRBIT	METAL	56.808	8%
17	D-64163	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9X125MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 9X125MM	DRBIT	METAL	56.808	8%
18	D-64179	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9.5X125MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 9.5X125MM	DRBIT	METAL	70.524	8%
19	D-64185	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10X133MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 10X133MM	DRBIT	METAL	77.490	8%
20	D-64191	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10.5X133MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 10.5X133MM	DRBIT	METAL	77.490	8%
21	D-64200	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11X142MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 11X142MM	DRBIT	METAL	82.620	8%
22	D-64216	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11.5X142MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 11.5X142MM	DRBIT	METAL	91.260	8%
23	D-64222	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 12X151MM	DRBIT	METAL	105.030	8%
24	D-64238	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12.5X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 12.5X151MM	DRBIT	METAL	105.030	8%
25	D-64244	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 13X151MM	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ) 13X151MM	DRBIT	METAL	105.030	8%
26	D-64250	HSS-TIN METAL DRILL 1.0X34X12 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.0X34X12 10PCS	DRBIT	METAL	111.780	8%
27	D-64266	HSS-TIN METAL DRILL 1.5X40X18 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.5X40X18 10PCS	DRBIT	METAL	111.780	8%
28	D-64272	HSS-TIN METAL DRILL BIT (2X49MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(2X49MM)	DRBIT	METAL	111.780	8%
29	D-64288	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2.5X57MM	DRBIT	METAL	111.780	8%
30	D-64294	HSS-TIN METAL DRILL 3.0X61X33 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3.0X61X33 10PCS	DRBIT	METAL	118.800	8%
31	D-64303	HSS-TIN METAL DRILL BIT (3.5X70MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(3.5X70MM)	DRBIT	METAL	118.800	8%
32	D-64319	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI LỤC GIÁC) 4X75MM	DRBIT	METAL	118.800	8%
33	D-64325	HSS-TIN METAL DRILL 4.5X80X47 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 4.5X80X47 10PCS	DRBIT	METAL	153.090	8%
34	D-64331	HSS-TIN METAL DRILL 5.0X86X52 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.0X86X52 10PCS	DRBIT	METAL	196.020	8%
35	D-64347	HSS-TIN METAL DRILL 5.5X93X57 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.5X93X57 10PCS	DRBIT	METAL	230.310	8%
36	D-64353	HSS-TIN METAL DRILL BIT (6X93MM) 10CÁI/BỘ	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH TẾ(6X93MM)	DRBIT	METAL	278.640	8%
37	D-64369	HSS-TIN METAL DRILL 6.5X101X63 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6.5X101X63 10PCS	DRBIT	METAL	278.640	8%
38	D-64375	HSS-TIN METAL DRILL 7.0X109X69 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.0X109X69 10PCS	DRBIT	METAL	292.140	8%
39	D-64381	HSS-TIN METAL DRILL 7.5X109X69 BIT10PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.5X109X69 10PCS	DRBIT	METAL	292.140	8%
40	D-64397	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X117MM (10PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8X117MM (LOẠI KINH TẾ)	DRBIT	METAL	305.910	8%
41	D-64406	HSS-TIN METAL DRILL 8.5X117X75 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8.5X117X75 5PCS	DRBIT	METAL	196.020	8%
42	D-64412	HSS-TIN METAL DRILL 9.0X125X81 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.0X125X81 5PCS	DRBIT	METAL	223.560	8%
43	D-64428	HSS-TIN METAL DRILL 9.5X125X81 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.5X125X81 5PCS	DRBIT	METAL	244.080	8%
44	D-64434	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI LỤC GIÁC) 5PCS	DRBIT	METAL	271.404	8%
45	D-64440	HSS-TIN METAL DRILL 10.5X133X87 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10.5X133X87 5PCS	DRBIT	METAL	319.680	8%
46	D-64456	HSS-TIN METAL DRILL 11X142X94 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11X142X94 5PCS	DRBIT	METAL	346.950	8%
47	D-64462	HSS-TIN METAL DRILL 11.5X142X94 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11.5X142X94 5PCS	DRBIT	METAL	390.150	8%
48	D-64478	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12X151MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12X151MM(LOẠI KINH TẾ)	DRBIT	METAL	438.210	8%
49	D-64484	HSS-TIN METAL DRILL 12.5X151X101 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12.5X151X101 5PCS	DRBIT	METAL	451.710	8%
50	D-64490	HSS-TIN METAL DRILL 13X151X101 BITS5PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 13X151X101 5PCS	DRBIT	METAL	472.500	8%
51	B-67795	HSS-TIN DRILL BIT SET 1.5MM-10MM(19PCS/BOX)	BỘ MŨI KHOAN HSS-TIN 1.5MM-10MM(19CÁI/HỘP)	DRBIT	OTDHT	673.920	8%
52	D-77241	METAL DRILL BIT HSS-G FLUTE COATED TITANIUM 1.5X40MM	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G PHỤ TI TANIUM6PCS	DRBIT	OTDHT	278.640	8%
53	D-42955	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1X34MM	DRBIT	METAL	45.360	8%
54	D-42961	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1.5X40MM	DRBIT	METAL	45.360	8%
55	D-42977	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2X49MM	DRBIT	METAL	51.840	8%
56	D-42983	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2.5X57MM	DRBIT	METAL	43.200	8%
57	D-43016	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.2X65MM	DRBIT	METAL	64.800	8%
58	D-43038	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.5X70MM	DRBIT	METAL	64.800	8%
59	D-43044	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 4X75MM	DRBIT	METAL	77.760	8%
60	D-43066	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.2X75MM	DRBIT	METAL	51.840	8%
61	D-43072	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.5X80MM	DRBIT	METAL	43.200	8%
62	D-43094	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5X86MM	DRBIT	METAL	43.200	8%
63	D-43119	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5.5X93MM	DRBIT	METAL	58.320	8%
64	D-43131	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6.5X101MM	DRBIT	METAL	71.280	8%
65	D-43147	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 7X109MM	DRBIT	METAL	77.760	8%
66	D-43181	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 9X125MM	DRBIT	METAL	129.600	8%
67	D-43206	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 10X133MM	DRBIT	METAL	162.000	8%
68	D-43212	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 11X142MM	DRBIT	METAL	200.880	8%
69	D-43228	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 12X151MM	DRBIT	METAL	239.760	8%
70	D-43234	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 13X151MM	DRBIT	METAL	278.640	8%
71	D-43256	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1.5X40MM	DRBIT	METAL	86.400	8%
72	D-43293	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 5.5X93MM	DRBIT	METAL	334.800	8%
73	D-43424	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 7X109MM	DRBIT	METAL	583.200	8%
74	D-43468	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9X125MM	DRBIT	METAL	1.026.000	8%
75	D-43474	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9.5X125MM	DRBIT	METAL	1.123.200	8%

76	D-43496	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10.5X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 10.5X133MM	DRBIT	METAL	718.200	8%
77	D-43505	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11X142MM	DRBIT	METAL	804.600	8%
78	D-43511	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11.5X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11.5X142MM	DRBIT	METAL	880.200	8%
79	D-43533	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 12.5X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 12.5X151MM	DRBIT	METAL	1.063.800	8%
80	D-43549	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 13X151MM	DRBIT	METAL	1.166.400	8%
81	D-43555	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6PCS 2,3,4,5,6,8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6CÁI 2,3,4,5,6,8	DRBIT	METAL	324.000	8%
82	D-46539	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK) 2.5X78	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUỒI LỤC GIÁC) 2.5	DRBIT	METAL	36.180	8%
83	D-31114	HSS-TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 3X81MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 3X	DRBIT	METAL	37.908	8%
84	D-31120	HSS METAL DRILL BITS (1PCS,HEX SHANK) 3.2X85MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI, CHUỒI LỤC GIÁC) 3.	DRBIT	METAL	43.092	8%
85	D-31136	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 3.3X85MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI, CHUỒI LỤC GIÁC) 3.	DRBIT	METAL	43.092	8%
86	D-31142	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 4X95MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 4X	DRBIT	METAL	49.950	8%
87	D-31158	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK,) 4.1X95	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 4.1	DRBIT	METAL	49.950	8%
88	D-31164	HSS METAL DRILL BITS(1PCS,HEX SHANK) 4.2X95MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI,CHUỒI LỤC GIÁC) 4.2	DRBIT	METAL	49.950	8%
89	D-31170	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 5X106MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 5X	DRBIT	METAL	56.808	8%
90	D-46545	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SHANK) 5.2X10	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUỒI LỤC GIÁC) 5.2	DRBIT	METAL	63.720	8%
91	D-31186	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 6X113MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 6X	DRBIT	METAL	70.524	8%
92	D-31192	HSS- TIN METAL DRILL BITS(HEX SHANK) 6.5X121MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 6.5	DRBIT	METAL	91.260	8%
93	D-31201	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 8X	DRBIT	METAL	153.090	8%
94	D-31217	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 10	DRBIT	METAL	209.790	8%
95	D-31223	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 12	DRBIT	METAL	322.920	8%
96	D-31239	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK) 13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỒI LỤC GIÁC) 13	DRBIT	METAL	374.760	8%
97	B-57401	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3X90 1PC (SDS-PLUS SHAN	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3X90MM 1CÁI (SDS-PL	DRBIT	METAL	56.808	8%
98	B-57417	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3.5X100 1PC (SDS-PLUS SH	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3.5X100MM 1CÁI (SDS	DRBIT	METAL	66.420	8%
99	B-57423	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4X105 1PC (SDS-PLUS SHA	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4X105MM 1CÁI(SDS-P	DRBIT	METAL	66.420	8%
100	B-57439	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4.5X110 1PC (SDS-PLUS SH	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4.5X110MM 1CÁI (SDS	DRBIT	METAL	72.900	8%
101	B-57445	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5X116 1PC (SDS-PLUS SHA	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5X116MM 1CÁI(SDS-P	DRBIT	METAL	85.860	8%
102	B-57451	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5.5X123 1PC (SDS-PLUS SH	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5.5X123MM 1CÁI (SDS	DRBIT	METAL	92.340	8%
103	B-57467	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6X123 1PC (SDS-PLUS SHA	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6X123MM 1CÁI(SDS-P	DRBIT	METAL	92.340	8%
104	B-57473	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6.5X131 1PC (SDS-PLUS SH	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6.5X131MM 1CÁI (SDS	DRBIT	METAL	111.780	8%
105	B-57532	SDS-PLUS SHANK DRILL BITS SET 3,4,5,6,MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN CHUỒI SDS-PLUS 3,4,5,6,MM(5CÁI)	DRBIT	WOOD	298.800	8%
106	D-77687	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.0X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.0X34MM	DRBIT	METAL	32.724	8%
107	D-77693	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.5X40MM	DRBIT	METAL	39.528	8%
108	D-77702	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2X49MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
109	D-77718	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2.5X57MM	DRBIT	METAL	46.440	8%
110	D-77724	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3X61MM	DRBIT	METAL	46.440	8%
111	D-77730	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.2X65MM	DRBIT	METAL	60.210	8%
112	D-77746	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.3X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.3X65MM	DRBIT	METAL	60.210	8%
113	D-77752	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.5X70MM	DRBIT	METAL	60.210	8%
114	D-77768	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS4X75MM	DRBIT	METAL	67.068	8%
115	D-77774	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.2X75MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
116	D-77780	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.5X80MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
117	D-77796	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC5X86MM	DRBIT	METAL	49.950	8%
118	D-77805	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC5.5X93MM	DRBIT	METAL	56.808	8%
119	D-77811	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6X93MM	DRBIT	METAL	60.210	8%
120	D-77827	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6.5X101MM	DRBIT	METAL	73.980	8%
121	D-77833	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7X109MM	DRBIT	METAL	80.784	8%
122	D-77849	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7.5X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7.5X109MM	DRBIT	METAL	91.260	8%
123	D-77855	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8X117MM	DRBIT	METAL	105.030	8%
124	D-77861	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8.5X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8.5X117MM	DRBIT	METAL	108.270	8%
125	D-77877	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9X125MM	DRBIT	METAL	128.844	8%
126	D-77883	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9.5X125MM	DRBIT	METAL	139.320	8%
127	D-77899	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10X133MM	DRBIT	METAL	159.840	8%
128	D-77908	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10.5X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10.5X133MM	DRBIT	METAL	173.610	8%
129	D-77914	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11X142MM	DRBIT	METAL	196.020	8%
130	D-77920	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11.5X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11.5X142MM	DRBIT	METAL	202.770	8%
131	D-77936	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12X151MM	DRBIT	METAL	233.550	8%
132	D-77942	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12.5X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12.5X151MM	DRBIT	METAL	240.570	8%
133	D-77958	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC13X151MM	DRBIT	METAL	267.948	8%
134	D-77964	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC14X160MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC14X160MM	DRBIT	METAL	465.480	8%
135	D-77970	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC15X169MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC15X169MM	DRBIT	METAL	529.200	8%
136	D-77986	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC16X178MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC16X178MM	DRBIT	METAL	597.780	8%
137	D-77992	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.0x34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.0x34MM	DRBIT	METAL	70.524	8%
138	D-78003	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.5x40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.5x40MM	DRBIT	METAL	77.490	8%
139	D-78019	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2x49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2x49MM	DRBIT	METAL	84.240	8%
140	D-78025	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2.5x57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2.5x57MM	DRBIT	METAL	105.030	8%
141	D-78031	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3x61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3x61MM	DRBIT	METAL	125.496	8%
142	D-78047	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.2x65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.2x65MM	DRBIT	METAL	153.090	8%
143	D-78053	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.3x70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.3x70MM	DRBIT	METAL	159.840	8%
144	D-78069	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4x75MM	DRBIT	METAL	189.000	8%
145	D-78075	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.2x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.2x75MM	DRBIT	METAL	216.540	8%
146	D-78081	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.5x80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.5x80MM	DRBIT	METAL	223.560	8%
147	D-78097	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5x86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5x86MM	DRBIT	METAL	264.600	8%
148	D-78106	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5.5x93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5.5x93MM	DRBIT	METAL	305.910	8%
149	D-78112	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6x93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS6x93MM	DRBIT	METAL	355.590	8%
150	D-78128	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6.5x101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS6.5x101MM	DRBIT	METAL	417.420	8%
151	D-78134	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7x109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7x109MM	DRBIT	METAL	506.736	8%
152	D-78140	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7.5x109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7.5x109MM	DRBIT	METAL	570.240	8%
153	D-78156	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS8x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS8x117MM	DRBIT	METAL	659.880	8%
154	D-78162	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS8.5x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS8.5x117MM	DRBIT	METAL	390.150	8%
155	D-78178	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9x125MM	DRBIT	METAL	438.210	8%
156	D-78184	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9.5x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9.5x125MM	DRBIT	METAL	472.500	8%
157	D-78190	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10x133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10x133MM	DRBIT	METAL	543.240	8%
158	D-78209	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10.5x133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10.5x133MM	DRBIT	METAL	597.780	8%
159	D-78215	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11x142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11x142MM	DRBIT	METAL	666.360	8%
160	D-78221	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11.5x142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11.5x142MM	DRBIT	METAL	723.330	8%
161	D-78237	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12x151MM	DRBIT	METAL	812.700	8%
162	D-78243	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12.5x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12.5x151MM	DRBIT	METAL	867.510	8%

163	D-78259	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS13x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS13x151MM	DRBIT	METAL	924.210	8%
164	D-78346	METAL DRILL BIT HSS-GS ASSORTMENT IN PLASTIC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 6PCS/SET	DRBIT	METAL	285.120	8%
165	D-09656	HSS METAL DRILL BITS 1.5X40MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI)	DRBIT	METAL	19.440	8%
166	D-09662	HSS METAL DRILL BITS 2X40MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.5X40(1 CÁI)	DRBIT	METAL	21.600	8%
167	D-09678	HSS METAL DRILL BITS 5.5X57MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 2.5X57(1CÁI)	DRBIT	METAL	25.920	8%
168	D-09684	HSS METAL DRILL BIT 3X61MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(1 CÁI)	DRBIT	METAL	25.920	8%
169	D-09690	HSS METAL DRILL BITS 3.5X70MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.5X70(1 CÁI)	DRBIT	METAL	25.920	8%
170	D-09709	HSS METAL DRILL BITS 4X75MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4X75(1 CÁI)	DRBIT	METAL	32.400	8%
171	D-09715	HSS METAL DRILL BITS 4.5X80MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.5X80(1 CÁI)	DRBIT	METAL	38.880	8%
172	D-09737	HSS METAL DRILL BITS 5.5X93MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 5.5X93(1 CÁI)	DRBIT	METAL	51.840	8%
173	D-09759	HSS METAL DRILL BITS 6.5X101MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 6.5X101(1 CÁI)	DRBIT	METAL	58.320	8%
174	D-09765	HSS METAL DRILL BITS 7X109MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7X109(1 CÁI)	DRBIT	METAL	64.800	8%
175	D-09771	HSS METAL DRILL BITS 7.5X109MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 7.5X109(1 CÁI)	DRBIT	METAL	64.800	8%
176	D-09787	HSS METAL DRILL BITS 8X117MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8X117(1 CÁI)	DRBIT	METAL	90.720	8%
177	D-09793	HSS METAL DRILL BITS 8.5X117MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 8.5X117(1 CÁI)	DRBIT	METAL	75.600	8%
178	D-09802	HSS METAL DRILL BITS 9X125MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(1 CÁI)	DRBIT	METAL	91.800	8%
179	D-09818	HSS METAL DRILL BITS 9.5X125MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 9.5X125(1 CÁI)	DRBIT	METAL	102.600	8%
180	D-09824	HSS METAL DRILL BITS 10X133MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10X133(1 CÁI)	DRBIT	METAL	142.560	8%
181	D-09830	HSS METAL DRILL BIST 10.4X133MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.4X133(1 CÁI)	DRBIT	METAL	129.600	8%
182	D-09846	HSS METAL DRILL BITS 11X142MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(1 CÁI)	DRBIT	METAL	145.800	8%
183	D-09852	HSS METAL DRILL BITS 11.5X142MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 11.5X142(1 CÁI)	DRBIT	METAL	151.200	8%
184	D-09868	HSS METAL DRILL BITS 12X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	207.360	8%
185	D-09874	HSS METAL DRILL BITS 12.5X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12.5X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	183.600	8%
186	D-09880	HSS METAL DRILL BITS 13X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	205.200	8%
187	D-06242	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.75X46(10 CÁI)	DRBIT	METAL	85.860	8%
188	D-06258	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2X49(10 CÁI)	DRBIT	METAL	84.240	8%
189	D-06264	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.25X53(10 CÁI)	DRBIT	METAL	105.300	8%
190	D-06270	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.5X57(10 CÁI)	DRBIT	METAL	103.680	8%
191	D-06286	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.75X61(10 CÁI)	DRBIT	METAL	131.220	8%
192	D-06292	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(10 CÁI)	DRBIT	METAL	139.320	8%
193	D-06301	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.25X65(10 CÁI)	DRBIT	METAL	157.140	8%
194	D-06323	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 3.75X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 3.75X70MM	DRBIT	METAL	170.100	8%
195	D-06345	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 4.25X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 4.25X75MM	DRBIT	METAL	250.776	8%
196	D-06367	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.75X80(10 CÁI)	DRBIT	METAL	240.300	8%
197	D-06389	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 5.25X86(10 CÁI)	DRBIT	METAL	341.820	8%
198	D-06404	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 5.75X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 5.75X93MM	DRBIT	METAL	393.660	8%
199	D-06426	HSS-G METAL DRILL BITS 6.25X101(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.25X101(10 CÁI)	DRBIT	METAL	490.860	8%
200	D-06432	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.5X101(10 CÁI)	DRBIT	METAL	486.000	8%
201	D-06448	HSS METAL DRILL BIT 6.75X109(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.75X109(10 CÁI)	DRBIT	METAL	583.200	8%
202	D-06460	HSS-G METAL DRILL BITS 7.25X109(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.25X109(10 CÁI)	DRBIT	METAL	641.520	8%
203	D-06476	HSS METAL DRILL BIT(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.5X109(10 CÁI)	DRBIT	METAL	635.040	8%
204	D-06482	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 7.75X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 7.75X117MM	DRBIT	METAL	766.260	8%
205	D-06507	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(5 CÁI)	DRBIT	METAL	432.540	8%
206	D-06513	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(5 CÁI)	DRBIT	METAL	427.680	8%
207	D-06529	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 8.75X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 8.75X125MM	DRBIT	METAL	524.880	8%
208	D-06535	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(5 CÁI)	DRBIT	METAL	518.400	8%
209	D-06541	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.25X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.25X125MM	DRBIT	METAL	576.720	8%
210	D-06557	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9.5X125(5 CÁI)	DRBIT	METAL	475.200	8%
211	D-06563	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.75X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.75X133MM	DRBIT	METAL	682.020	8%
212	D-06585	HSS METAL DRILL BITS 10.25X133(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.25X133(5 CÁI)	DRBIT	METAL	733.860	8%
213	D-06591	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.5X133(5 CÁI)	DRBIT	METAL	725.760	8%
214	D-06600	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(5 CÁI)	DRBIT	METAL	810.000	8%
215	D-06616	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11.5X142(5 CÁI)	DRBIT	METAL	739.800	8%
216	D-06638	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 12.5X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 12.5X151MM	DRBIT	METAL	907.200	8%
217	D-06644	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(5 CÁI)	DRBIT	METAL	1.192.320	8%
218	D-46779	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)6.8X109(69)	DRBIT	METAL	583.200	8%
219	D-46785	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)8.8X125(81)	DRBIT	METAL	437.400	8%
220	D-46791	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10.3X133(87)	DRBIT	METAL	733.860	8%
221	D-46800	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10.8X142(94)	DRBIT	METAL	818.100	8%
222	D-46816	HSS METAL DRILL BITS 1PC 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC2.9X61(33)2.9*61(33)	DRBIT	METAL	27.540	8%
223	D-46822	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.3X86(52)5.3X86(52)	DRBIT	METAL	46.980	8%
224	D-46844	HSS METAL DRILL BITS 1PC 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC8.8X125(81)8.8*125(81)	DRBIT	METAL	93.150	8%
225	D-46850	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.3X133(87)10.3*133(87)	DRBIT	METAL	157.140	8%
226	D-46866	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.8X142(94)10.8*142(94)	DRBIT	METAL	178.200	8%
227	D-46567	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10CÁI/HỘP) 3.3X65(36)	DRBIT	METAL	157.140	8%
228	D-46589	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.2X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.2X65(36)3.2X65(36)	DRBIT	METAL	21.600	8%
229	D-46595	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.3X65(36)3.3X65(36)	DRBIT	METAL	21.600	8%
230	D-46604	HSS METAL DRILL BITS 1PC 4.2X75(43)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC4.2X75(43)4.2X75(43)	DRBIT	METAL	38.880	8%
231	D-46610	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.2X86(52)5.2X86(52)	DRBIT	METAL	46.980	8%
232	D-46648	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)2.9X61(33)	DRBIT	METAL	131.220	8%
233	D-46654	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)5.3X86(52)	DRBIT	METAL	341.820	8%
234	D-57196	HSS-G METAL DRILL ASSORTMENT 6 PCS (STRAIGHT	HSS-G BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI 6PCS 2,3,4,5,6,8MM	DRBIT	METAL	233.280	8%
235	D-67549	HSS METAL DRILL BIT SET(19PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G(19 CÁI)	DRBIT	METAL	1.049.760	8%
236	D-67555	HSS-G METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25CÁI/BỘ	DRBIT	OTDĐT	1.944.000	8%
237	D-38283	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ1MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
238	D-38299	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 1.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
239	D-38308	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
240	D-38314	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
241	D-38320	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.6MM	DRBIT	METAL	27.540	8%
242	D-38336	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
243	D-38342	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3.2MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
244	D-38358	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
245	D-38364	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 4MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
246	D-38370	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 4.2MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
247	D-38386	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 4.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
248	D-38392	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 4.8MM	DRBIT	METAL	27.540	8%
249	D-38401	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%

250	D-38417	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 5.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
251	D-38423	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 6MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
252	D-38439	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 6.5MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
253	D-38445	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 7MM	DRBIT	METAL	29.376	8%
254	D-38451	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 7.5MM	DRBIT	METAL	36.180	8%
255	D-38467	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 8MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
256	D-38473	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 8.5MM	DRBIT	METAL	43.092	8%
257	D-38489	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 9MM	DRBIT	METAL	49.950	8%
258	D-38495	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 10MM	DRBIT	METAL	56.808	8%
259	D-38504	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 11MM	DRBIT	METAL	63.720	8%
260	D-38510	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 12MM	DRBIT	METAL	77.490	8%
261	D-38526	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 13MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÓI 13MM	DRBIT	METAL	77.490	8%
262	D-38532	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 1MM	DRBIT	METAL	40.500	8%
263	D-38548	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 1.5MM	DRBIT	METAL	49.950	8%
264	D-38554	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 2MM	DRBIT	METAL	49.950	8%
265	D-38560	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 2.5MM	DRBIT	METAL	53.460	8%
266	D-38576	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3MM	DRBIT	METAL	70.524	8%
267	D-38582	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3.2MM	DRBIT	METAL	72.900	8%
268	D-38598	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3.5MM	DRBIT	METAL	72.900	8%
269	D-38607	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4MM	DRBIT	METAL	84.240	8%
270	D-38613	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.2MM	DRBIT	METAL	85.860	8%
271	D-38629	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.5MM	DRBIT	METAL	85.860	8%
272	D-38635	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.8MM	DRBIT	METAL	92.340	8%
273	D-38641	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 5MM	DRBIT	METAL	98.010	8%
274	D-38663	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 6MM	DRBIT	METAL	125.496	8%
275	D-38679	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 6.5MM	DRBIT	METAL	194.400	8%
276	D-38685	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 7MM	DRBIT	METAL	150.660	8%
277	D-38691	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 7.5MM	DRBIT	METAL	163.620	8%
278	D-38700	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 8MM	DRBIT	METAL	216.540	8%
279	D-38716	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 8.5MM	DRBIT	METAL	249.480	8%
280	D-38722	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 9MM	DRBIT	METAL	268.920	8%
281	D-38738	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 9.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 9.5MM	DRBIT	METAL	288.360	8%
282	D-38744	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/SE 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 10MM	DRBIT	METAL	396.900	8%
283	D-38750	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/SET 10.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 10.5MM	DRBIT	METAL	210.600	8%
284	D-38766	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/SET 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 11MM	DRBIT	METAL	230.040	8%
285	D-38772	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/SET 11.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 11.5MM	DRBIT	METAL	243.000	8%
286	D-38788	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/SET 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 12MM	DRBIT	METAL	288.360	8%
287	D-38794	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/SET 12.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 12.5MM	DRBIT	METAL	301.320	8%
288	D-46698	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP3.3X65-36	DRBIT	METAL	72.900	8%
289	D-46707	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP5.2X86-52	DRBIT	METAL	82.350	8%
290	D-46713	HSS-R METAL DRILL BIT 2PCS/PKG 3.3X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/HỘP3.3X65	DRBIT	METAL	27.540	8%
291	D-46729	HSS-R METAL DRILL BIT 5.2X86MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5.2X86MM(1CÁI/HỘP)	DRBIT	METAL	29.376	8%
292	D-46872	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 2.9X61-33	DRBIT	METAL	55.530	8%
293	D-46888	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 5.3X86-52	DRBIT	METAL	82.350	8%
294	D-46894	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 6.8X109(69)	DRBIT	METAL	144.180	8%
295	D-46903	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 8.8X125(81)	DRBIT	METAL	218.700	8%
296	D-46919	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10.3X133(87)	DRBIT	METAL	175.500	8%
297	D-46925	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10.8X142(94)	DRBIT	METAL	186.300	8%
298	D-46931	HSS-R METAL DRILL BIT 2.9X61MM(2PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2.9X61MM(2CÁI/HỘP)	DRBIT	METAL	22.950	8%
299	D-46947	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 5.3X86(52)	DRBIT	METAL	29.376	8%
300	D-46953	HSS-R METAL DRILL BIT 6.8X109MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 6.8X109MM(1CÁI/HỘP)	DRBIT	METAL	29.376	8%
301	D-46969	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 8.8X125-81	DRBIT	METAL	46.980	8%
302	D-46975	HSS-R METAL DRILL BIT 10.3X133MM(1PCS/PKG)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10.3X133MM(1CÁI/HỘP)	DRBIT	METAL	53.460	8%
303	D-46981	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 10.8X142(94)	DRBIT	METAL	59.940	8%
304	D-54075	HSS-R METAL DRILL BIT 13PC METAL BOX SET 1.0-6.5	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13 CÁI/BỘ 1.0-6.5MM	DRBIT	METAL	162.000	8%
305	D-37655	MULT POINT HSS DRILL BIT 5.2X86	MŨI KHOAN ĐÀ NĂNG 5.2X86MM	DRBIT	METAL	71.280	8%
306	D-46626	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT (1PC./PKG) 3.3X65	MŨI KHOAN ĐÀ NĂNG (1PC./HỘP)3.3X65.3X65	DRBIT	OTDPT	32.400	8%
307	D-17625	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1.75X46MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1.75X46MM	DRBIT	METAL	131.220	8%
308	D-17289	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 1.5X40(1 CÁI)	DRBIT	METAL	32.724	8%
309	D-17295	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2X49(1 CÁI)	DRBIT	METAL	32.724	8%
310	D-17304	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2.5X57(1 CÁI)	DRBIT	METAL	32.724	8%
311	D-17310	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3X61(1 CÁI)	DRBIT	METAL	46.440	8%
312	D-17326	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.2X65(1 CÁI)	DRBIT	METAL	46.440	8%
313	D-17332	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.5X70(1 CÁI)	DRBIT	METAL	46.440	8%
314	D-17348	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4X75(1 CÁI)	DRBIT	METAL	53.352	8%
315	D-17354	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4.5X80(1 CÁI)	DRBIT	METAL	60.210	8%
316	D-17360	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5X86(1 CÁI)	DRBIT	METAL	67.068	8%
317	D-17376	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5.5X93(1 CÁI)	DRBIT	METAL	73.980	8%
318	D-17382	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6X99MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6X99(1 CÁI)	DRBIT	METAL	84.240	8%
319	D-17398	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6.5X101(1 CÁI)	DRBIT	METAL	89.370	8%
320	D-17407	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7X109(1 CÁI)	DRBIT	METAL	111.780	8%
321	D-17413	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7.5X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7.5X109(1 CÁI)	DRBIT	METAL	132.408	8%
322	D-17429	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8X117(1 CÁI)	DRBIT	METAL	163.530	8%
323	D-17435	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8.5X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8.5X117(1 CÁI)	DRBIT	METAL	183.870	8%
324	D-17441	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9X125(1 CÁI)	DRBIT	METAL	192.510	8%
325	D-17457	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9.5X125(1 CÁI)	DRBIT	METAL	217.080	8%
326	D-17463	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC/ 10X133	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10X133(1 CÁI)	DRBIT	METAL	257.688	8%
327	D-17479	HSS-CO METAL DRILL BITS 10.5X133(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10.5X133(1 CÁI)	DRBIT	METAL	268.920	8%
328	D-17485	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 11X142	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11X142(1 CÁI)	DRBIT	METAL	326.430	8%
329	D-17491	HSS-CO METAL DRILL BITS 11.5X142(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11.5X142(1 CÁI)	DRBIT	METAL	348.300	8%
330	D-17500	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 12X151	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	396.900	8%
331	D-17516	HSS-CO METAL DRILL BITS 12.5X151(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12.5X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	424.440	8%
332	D-17522	HSS-CO METAL DRILL BITS 13X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 13X151(1 CÁI)	DRBIT	METAL	472.500	8%
333	D-16617	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 1.5X40MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	111.780	8%
334	D-16623	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2X49MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	139.320	8%
335	D-16639	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 2.5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2.5X57MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	139.320	8%
336	D-16645	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3X61MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	192.510	8%

337	D-16651	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.2x65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.2x65MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	202.770	8%
338	D-16667	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.5x70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.5x70MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	209.790	8%
339	D-16673	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4X75MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	223.560	8%
340	D-16689	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4.5x80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4.5X80MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	292.140	8%
341	D-16695	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 5x86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5X86MM (5 CÁI/BỘ)	DRBIT	METAL	292.140	8%
342	D-16704	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 5.5	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5CÁI/BỘBỘ 5.5X	DRBIT	METAL	320.760	8%
343	D-16710	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 6X	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5CÁI/BỘBỘ 6X9	DRBIT	METAL	376.110	8%
344	D-16726	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 6.5x101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)6.5x101MM	DRBIT	METAL	400.140	8%
345	D-16732	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7x109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7x109MM	DRBIT	METAL	458.460	8%
346	D-16748	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7.5x109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7.5x109MM	DRBIT	METAL	584.010	8%
347	D-16754	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)8x117MM	DRBIT	METAL	730.080	8%
348	D-16760	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8.5x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)8.5x117MM	DRBIT	METAL	819.450	8%
349	D-16776	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)9x125MM	DRBIT	METAL	924.210	8%
350	D-16782	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9.5x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)9.5x125MM	DRBIT	METAL	873.450	8%
351	D-16798	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10x133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10x133MM	DRBIT	METAL	1.257.120	8%
352	D-16807	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10.5x133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10.5x133MM	DRBIT	METAL	1.263.600	8%
353	D-16813	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11x142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11x142MM	DRBIT	METAL	1.487.160	8%
354	D-16829	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11.5x142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11.5x142MM	DRBIT	METAL	1.683.180	8%
355	D-16835	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12x151MM	DRBIT	METAL	1.894.320	8%
356	D-16841	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12.5x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12.5x151MM	DRBIT	METAL	1.582.200	8%
357	D-16857	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)13x151MM	DRBIT	METAL	2.187.000	8%
358	D-34958	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 5PCS/PKG 4.2	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%) 5CÁI/HỘ	DRBIT	METAL	275.400	8%
359	D-46660	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 3.3X65	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1PC3.3X65	DRBIT	METAL	46.440	8%
360	D-46676	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 4.2X75	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)1PC4.2X7	DRBIT	METAL	60.210	8%
361	D-46682	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 1PC 5.2X86(5	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT 5%)1PC5.2X8	DRBIT	METAL	73.980	8%
362	D-75758	METAL DRILL BIT HSS-G ASSORTMENT 6PCS/SET (2,3,	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6PCS/SET (2,3,4,5,6,	DRBIT	OTDBT	382.320	8%
363	D-67577	HSS-CO METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 25CÁI/BỘ	DRBIT	OTDBT	3.006.720	8%
364	D-22816	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1/16"X1-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/16"X1-7/8"	DRBIT	METAL	90.720	8%
365	D-22838	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/32"X2-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/32"X2-1/4"	DRBIT	METAL	108.000	8%
366	D-22844	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/64"X2-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/64"X2-5/8"	DRBIT	METAL	151.200	8%
367	D-22866	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/64"X2-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/64"X2-7/8"	DRBIT	METAL	202.770	8%
368	D-22894	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/16"X3-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/16"X3-1/2"	DRBIT	METAL	220.320	8%
369	D-22903	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/64"X3-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/64"X3-5/8"	DRBIT	METAL	254.880	8%
370	D-22919	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/32"X3-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/32"X3-3/4"	DRBIT	METAL	254.880	8%
371	D-22931	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/4"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/4"X4"	DRBIT	METAL	332.640	8%
372	D-22947	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)17/64"X4-1/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)17/64"X4-1/8"	DRBIT	METAL	380.160	8%
373	D-22953	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/32"X4-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/32"X4-1/4"	DRBIT	METAL	457.920	8%
374	D-22969	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)19/64"X4-3/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)19/64"X4-3/8"	DRBIT	METAL	457.920	8%
375	D-22975	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/16"X4-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/16"X4-1/2"	DRBIT	METAL	574.560	8%
376	D-22981	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)21/64"X4-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)21/64"X4-5/8"	DRBIT	METAL	648.000	8%
377	D-22997	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11/32"X4-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11/32"X4-3/4"	DRBIT	METAL	725.760	8%
378	D-23008	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)23/64"X4-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)23/64"X4-7/8"	DRBIT	METAL	881.280	8%
379	D-23014	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/8"X5"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/8"X5"	DRBIT	METAL	881.280	8%
380	D-23020	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)25/64"X5-1/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)25/64"X5-1/8"	DRBIT	METAL	993.600	8%
381	D-23036	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/32"X5-1/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/32"X5-1/4"	DRBIT	METAL	1.049.760	8%
382	D-23042	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)27/64"X5-3/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)27/64"X5-3/8"	DRBIT	METAL	1.235.520	8%
383	D-23058	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/16"X5-1/2"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/16"X5-1/2"	DRBIT	METAL	1.395.360	8%
384	D-23064	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)29/64"X5-5/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)29/64"X5-5/8"	DRBIT	METAL	1.395.360	8%
385	D-23070	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)15/32"X5-3/4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)15/32"X5-3/4"	DRBIT	METAL	1.490.400	8%
386	D-23086	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)31/64"X5-7/8"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)31/64"X5-7/8"	DRBIT	METAL	1.589.760	8%
387	D-23092	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/2"X6"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/2"X6"	DRBIT	METAL	1.732.320	8%
388	B-26652	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2X38MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 2X38MM	DRBIT	METAL	79.380	8%
389	B-26668	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3X46MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3X46MM	DRBIT	METAL	118.260	8%
390	B-26674	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.1X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.1X49MM	DRBIT	METAL	137.700	8%
391	B-26680	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.2X49MM	DRBIT	METAL	144.180	8%
392	B-26696	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.3X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.3X49MM	DRBIT	METAL	150.660	8%
393	B-26705	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.5X52MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.5X52MM	DRBIT	METAL	166.860	8%
394	B-26711	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.8X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.8X55MM	DRBIT	METAL	184.860	8%
395	B-26727	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4X55MM	DRBIT	METAL	184.680	8%
396	B-26733	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.1X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.1X55MM	DRBIT	METAL	197.640	8%
397	B-26749	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.2X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.2X55MM	DRBIT	METAL	204.120	8%
398	B-26755	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.3X55MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.3X55MM	DRBIT	METAL	204.120	8%
399	B-26761	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.5X58MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.5X58MM	DRBIT	METAL	230.040	8%
400	B-26777	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.8X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.8X62MM	DRBIT	METAL	249.480	8%
401	B-26783	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.9X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.9X62MM	DRBIT	METAL	268.920	8%
402	B-26799	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5X62MM	DRBIT	METAL	268.920	8%
403	B-26808	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.1X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.1X62MM	DRBIT	METAL	314.280	8%
404	B-26814	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.2X62MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.2X62MM	DRBIT	METAL	314.280	8%
405	B-26820	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.5X66MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.5X66MM	DRBIT	METAL	314.280	8%
406	B-26836	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6X66MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 6X66MM	DRBIT	METAL	367.740	8%
407	B-26842	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 8X79MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 8X79MM	DRBIT	METAL	654.480	8%
408	B-26858	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 10X89MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 10X89MM	DRBIT	METAL	1.009.260	8%
409	B-33772	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2.5X43(10)	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 2.5X43(10)	DRBIT	METAL	125.496	8%
410	B-33788	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6.5X70(21)	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 6.5X70(21)	DRBIT	METAL	535.788	8%
411	D-29614	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2x49MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2X49MM	DRBIT	METAL	21.600	8%
412	D-29620	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2.5x57MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2.5X57MM	DRBIT	METAL	21.600	8%
413	D-29636	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 3x61MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X61MM	DRBIT	METAL	27.000	8%
414	D-29686	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 5.5X93MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X93MM	DRBIT	METAL	59.400	8%
415	D-29701	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 6.5X101MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X101MM	DRBIT	METAL	64.800	8%
416	D-29717	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7X109MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X109MM	DRBIT	METAL	81.000	8%
417	D-29723	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7.5X109MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7.5X109MM	DRBIT	METAL	86.400	8%
418	D-29739	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8X117MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X117MM	DRBIT	METAL	108.000	8%
419	D-29745	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8.5X117MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8.5X117MM	DRBIT	METAL	108.000	8%
420	D-29751	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9X125MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X125MM	DRBIT	METAL	135.000	8%
421	D-29767	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9.5X125MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9.5X125MM	DRBIT	METAL	151.200	8%
422	D-29773	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10X133MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X133MM	DRBIT	METAL	172.800	8%
423	D-29789	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10.5X133MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10.5X133MM	DRBIT	METAL	183.600	8%

424	D-29795	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11X142MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X142MM	DRBIT	METAL	205.200	8%
425	D-29804	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11,5X142MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11,5X142MM	DRBIT	METAL	221.400	8%
426	D-29810	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12X151MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X151MM	DRBIT	METAL	253.800	8%
427	D-29826	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12,5X151MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12,5X151MM	DRBIT	METAL	259.200	8%
428	D-29832	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 13X151MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X151MM	DRBIT	METAL	297.000	8%
B MŨI KHOAN BẠC, KHOAN RỘNG LỖ							
429	D-40048	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP		STPDB	387.720	8%
430	D-40054	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP		STPDB	644.220	8%
431	D-40060	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP		STPDB	1.236.330	8%
432	D-40076	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP		STPDB	2.180.520	8%
433	D-40107	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC		STPDB	1.668.600	8%
434	D-40135	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC		STPDB	1.739.340	8%
435	D-40163	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC		STPDB	1.453.410	8%
436	D-40191	STEP DRILL BIT 4-32MM	MŨI KHOAN BẮC 4-32MM		STPDB	1.526.310	8%
437	D-46414	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	417.150	8%
438	D-46420	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	715.500	8%
439	D-46436	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	434.970	8%
440	D-46442	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	744.660	8%
441	D-46458	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	536.760	8%
442	D-46464	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	720.900	8%
443	D-46470	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	548.640	8%
444	D-46486	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ		STPDB	757.890	8%
445	D-37306	COUNTERSINK 7CUTTING EDGES 13.0MM 120X60X14	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 7LƯỖI CÁT 13X50MMX14	DRBIT	CTSIN	111.780	8%
446	D-37312	COUNTERSINK 6.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X31MM	DRBIT	CTSIN	125.496	8%
447	D-37328	COUNTERSINK 8.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X31MM	DRBIT	CTSIN	153.090	8%
448	D-37334	COUNTERSINK 10.4X34MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X34MM	DRBIT	CTSIN	182.250	8%
449	D-37340	COUNTERSINK 12.4X35MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X35MM	DRBIT	CTSIN	209.790	8%
450	D-37356	COUNTERSINK 16.5X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X40MM	DRBIT	CTSIN	298.890	8%
451	D-37362	COUNTERSINK 20.5X41MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X41MM	DRBIT	CTSIN	396.900	8%
452	D-37378	COUNTERSINK 6X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6X48MM	DRBIT	CTSIN	118.800	8%
453	D-37384	COUNTERSINK 8X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8X48MM	DRBIT	CTSIN	139.320	8%
454	D-37390	COUNTERSINK 10X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10X40MM	DRBIT	CTSIN	166.860	8%
455	D-37409	COUNTERSINK 12X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12X40MM	DRBIT	CTSIN	223.560	8%
456	D-37415	COUNTERSINK 16X43MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16X43MM	DRBIT	CTSIN	250.776	8%
457	D-37421	COUNTERSINK 20X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20X45MM	DRBIT	CTSIN	355.590	8%
458	D-37437	COUNTERSINK 6.3X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X45MM	DRBIT	CTSIN	125.496	8%
459	D-37443	COUNTERSINK 8.3X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X50MM	DRBIT	CTSIN	159.840	8%
460	D-37459	COUNTERSINK 10.4X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X50MM	DRBIT	CTSIN	196.020	8%
461	D-37465	COUNTERSINK 12.4X56MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X56MM	DRBIT	CTSIN	216.540	8%
462	D-37471	COUNTERSINK 16.5X60MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X60MM	DRBIT	CTSIN	275.400	8%
463	D-37487	COUNTERSINK 20.5X63MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X63MM	DRBIT	CTSIN	390.150	8%
464	D-37493	COUNTERSINK 25X67MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 25X67MM	DRBIT	CTSIN	506.736	8%
465	D-37502	COUNTERSINK (2-5)X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (2-5)X45MM	DRBIT	CTSIN	244.080	8%
466	D-37518	COUNTERSINK (5-10)X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (5-10)X48MM	DRBIT	CTSIN	486.000	8%
467	D-37524	COUNTERSINK (10-15)X65MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (10-15)X65MM	DRBIT	CTSIN	750.600	8%
468	D-37530	COUNTERSINK (15-20)X85MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (15-20)X85MM	DRBIT	CTSIN	1.388.340	8%
C MŨI KHOAN GỖ							
469	D-07026	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 3X60(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	30.996	8%
470	D-07032	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 4X75(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	30.996	8%
471	D-07048	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 5X85(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	30.996	8%
472	D-07054	WOOD DRILL BITS (1PCS) 6X95MM	MŨI KHOAN GỖ (1 CÁI) 6X95MM	DRBIT	WOOD	30.996	8%
473	D-07060	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 7X110(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	37.908	8%
474	D-07076	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 8X115(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	37.908	8%
475	D-07082	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 9X125(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	37.908	8%
476	D-07098	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 10X135(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	46.440	8%
477	D-07107	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 12X155(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	60.210	8%
478	D-07113	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 14X170(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	73.980	8%
479	D-53453	WOOD DRILL BITS 13X151MM	MŨI KHOAN GỖ 13X151MM	DRBIT	WOOD	67.068	8%
480	D-53469	WOOD DRILL BITS 15X160MM	MŨI KHOAN GỖ 15X160MM	DRBIT	WOOD	82.620	8%
481	D-07129	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 16X180(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	89.370	8%
482	D-07135	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 18X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	139.320	8%
483	D-07141	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 20X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	146.070	8%
484	D-07157	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 6X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	103.140	8%
485	D-07163	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 8X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	110.160	8%
486	D-07179	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 10X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	125.496	8%
487	D-07185	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 12X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	161.730	8%
488	D-07191	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 14X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	199.260	8%
489	D-07200	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 16X315(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	235.440	8%
490	D-07216	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 18X335(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	300.780	8%
491	D-07222	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 20X335(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	366.120	8%
492	D-31245	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 3X78MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC(1 CÁI) 3X78MM	DRBIT	WOOD	36.180	8%
493	D-31251	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 4X92	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC (1/4") 4X924X92	DRBIT	WOOD	43.092	8%
494	D-31267	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 5X103	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC (1/4") 5X1035X103	DRBIT	WOOD	43.092	8%
495	D-31273	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 6X110MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC(1 CÁI) 6X110MM	DRBIT	WOOD	49.950	8%
496	D-31289	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SHANK,) 8X117	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC (1/4") 8X1178X117	DRBIT	WOOD	56.808	8%
497	D-31295	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 10X133MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC(1 CÁI) 10X133MM	DRBIT	WOOD	63.720	8%
498	D-31304	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 12X151MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC(1 CÁI) 12X151MM	DRBIT	WOOD	84.240	8%
499	D-31310	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 15X162MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỖI LỤC GIÁC(1 CÁI) 15X162MM	DRBIT	WOOD	105.030	8%
500	B-57489	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 4X105 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 4X105 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	DRBIT	WOOD	69.660	8%
501	B-57495	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 5X116 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 5X116 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	DRBIT	WOOD	70.524	8%
502	B-57504	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 6X123 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 6X123 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	DRBIT	WOOD	72.900	8%
503	B-57510	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 8X147 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 8X147 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	DRBIT	WOOD	79.380	8%
504	B-57526	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 10X163 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 10X163 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	DRBIT	WOOD	90.720	8%
505	D-07674	FLAT BITS 6X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 6X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	46.440	8%
506	D-07680	FLAT BITS 8X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 8X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	46.440	8%
507	D-07696	FLAT BITS 10X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 10X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	53.352	8%
508	D-07705	FLAT BITS 12X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 12X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	53.352	8%

509	D-67614	FLAT BIT 13X150MM	MŨI KHOAN DET 13X150MM	DRBIT	WOOD	53.352	8%
510	D-07711	FLAT BITS 14X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 14X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	53.352	8%
511	D-07727	FLAT BITS 15X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 15X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	53.352	8%
512	D-07733	FLAT BITS 16X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 16X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	53.352	8%
513	D-07749	FLAT BITS 18X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 18X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	60.210	8%
514	D-07755	FLAT BITS 20X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 20X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	67.068	8%
515	D-07761	FLAT BITS 22X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 22X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	67.068	8%
516	D-07777	FLAT BITS 24X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 24X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	67.068	8%
517	D-07783	FLAT BITS 25X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 25X150MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	67.068	8%
518	D-07799	FLAT BITS 26X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 26X150(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	73.980	8%
519	D-07808	FLAT BITS 28X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 28X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	84.240	8%
520	D-07814	FLAT BITS 30X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 30X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	89.370	8%
521	D-07820	FLAT BITS 32X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 32X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	96.390	8%
522	D-07836	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 34X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	105.030	8%
523	D-07842	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 35X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	105.030	8%
524	D-07858	FLAT BITS 36X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 36X160(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	105.030	8%
525	E-08707	FLAT BIT SET(8PCS)	MŨI KHOAN DEP(8 CÁI)	DRBIT		576.720	8%
526	D-24583	FLAT BIT 3/4"X6"	MŨI KHOÉT GỖ 3/4"X6"	DRBIT	WOOD	34.560	8%
527	D-24000	FLAT BITS (1/4"HEX SHANK) 7/8"X6"	MŨI KHOAN DET (CHUỐI LỤC GIÁC 1/4")7/8"X6"	DRBIT	WOOD	70.524	8%
528	D-07238	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 6X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	80.784	8%
529	D-07244	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 8X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	87.750	8%
530	D-07250	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 10X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	101.520	8%
531	D-07266	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 12X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	108.270	8%
532	D-07272	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 14X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	115.290	8%
533	D-07288	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 16X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	132.408	8%
534	D-53475	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẢN ỐC CHUỐI THĂNG 13X250MM	DRBIT	WOOD	125.496	8%
535	D-53481	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOẢN ỐC CHUỐI THĂNG 15X250MM	DRBIT	WOOD	131.220	8%
536	D-07294	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 18X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	146.070	8%
537	D-07303	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 20X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	153.090	8%
538	D-07319	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 22X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	171.720	8%
539	D-07325	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 24X200(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	196.020	8%
540	D-07331	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 6X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	87.750	8%
541	D-07347	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 8X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	87.750	8%
542	D-07353	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 10X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	108.270	8%
543	D-07369	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 12X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	108.540	8%
544	D-07375	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 14X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	139.320	8%
545	D-53497	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẢN ỐC CHUỐI THĂNG 13X450MM	DRBIT	WOOD	261.036	8%
546	D-53506	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOẢN ỐC CHUỐI THĂNG 15X450MM	DRBIT	WOOD	272.160	8%
547	D-07381	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 16X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	146.070	8%
548	D-07397	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 18X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	166.860	8%
549	D-07406	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 20X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	166.860	8%
550	D-07412	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 22X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	196.020	8%
551	D-07428	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 24X250(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	223.560	8%
552	D-07434	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 8X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	166.860	8%
553	D-07440	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 10X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	173.610	8%
554	D-07456	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 12X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	202.770	8%
555	D-07462	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 14X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	223.560	8%
556	D-07478	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 16X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	247.320	8%
557	D-07484	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 18X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	288.630	8%
558	D-07490	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 20X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	305.910	8%
559	D-07509	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 22X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	320.760	8%
560	D-07515	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 24X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	406.620	8%
561	D-07521	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 26X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	465.480	8%
562	D-07537	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 28X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	556.416	8%
563	D-07543	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 30X400(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	625.320	8%
564	D-07559	AUGER BITS(1PCS) 8X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 8X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	209.790	8%
565	D-07565	AUGER BITS(1PCS) 10X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 10X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	216.540	8%
566	D-07571	AUGER BITS(1PCS) 12X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 12X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	254.232	8%
567	D-07587	AUGER BITS(1PCS) 14X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 14X450(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	267.948	8%
568	D-07593	AUGER BITS(1PCS) 16X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 16X450(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	322.920	8%
569	D-07602	AUGER BITS(1PCS) 18X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 18X450(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	352.350	8%
570	D-07618	AUGER BITS(1PCS) 20X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 20X450(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	383.130	8%
571	D-07624	AUGER BITS(1PCS) 22X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 22X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	424.440	8%
572	D-07630	AUGER BITS(1PCS) 24X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 24X450(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	493.020	8%
573	D-07646	AUGER BITS(1PCS) 26X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 26X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	543.240	8%
574	D-07652	AUGER BITS(1PCS) 28X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 28X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	632.610	8%
575	D-07668	AUGER BITS(1PCS) 30X450MM	MŨI KHOAN XOẢN ỐC 30X450MM(1 CÁI)	DRBIT	WOOD	730.080	8%
576	D-23466	AUGER BITS (1PCS.) 5/8"X10"	MŨI KHOAN XOẢN ỐC (1PC.) 5/8"X10"	DRBIT	WOOD	112.320	8%
577	E-07755	3D WOOD LONG DRILL BIT 6X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 6X400MM	DRBIT	WOOD	852.120	8%
578	E-07761	3D WOOD LONG DRILL BIT 8X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 8X400MM	DRBIT	WOOD	852.120	8%
579	E-07777	3D WOOD LONG DRILL BIT 9X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 9X400MM	DRBIT	WOOD	903.420	8%
580	E-07783	3D WOOD LONG DRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10X400MM	DRBIT	WOOD	852.120	8%
581	E-07799	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5MMX400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10.5MMX400MM	DRBIT	WOOD	819.450	8%
582	E-07808	3D WOOD LONG DRILL BIT 11X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 11X400MM	DRBIT	WOOD	903.420	8%
583	E-07814	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 12X400MM	DRBIT	WOOD	852.120	8%
584	E-07820	3D WOOD LONG DRILL BIT 13X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13X400MM	DRBIT	WOOD	1.061.100	8%
585	E-07836	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13.5MMX400MM	DRBIT	WOOD	1.027.728	8%
586	E-07842	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 15X400MM	DRBIT	WOOD	1.061.100	8%
587	E-07858	3D WOOD LONG DRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 16X400MM	DRBIT	WOOD	1.270.080	8%
588	E-07864	3D WOOD LONG DRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 18X400MM	DRBIT	WOOD	1.270.080	8%
589	E-07870	3D WOOD LONG DRILL BIT 21X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 21X400MM	DRBIT	WOOD	1.519.560	8%
590	E-07886	3D WOOD LONG DRILL BIT 22X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 22X400MM	DRBIT	WOOD	1.833.840	8%
591	E-07892	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 24X400MM	DRBIT	WOOD	1.833.840	8%
592	E-07901	3D WOOD LONG DRILL BIT 27X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 27X400MM	DRBIT	WOOD	2.042.820	8%
593	E-07917	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X400MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 30X400MM	DRBIT	WOOD	2.277.720	8%
594	E-07923	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 10.5X500MM	DRBIT	WOOD	924.210	8%
595	E-07939	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 12X500MM	DRBIT	WOOD	924.210	8%

596	E-07945	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 13.5MMX500MM	DRBIT	WOOD	1.104.840	8%
597	E-07951	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 15X500MM	DRBIT	WOOD	1.145.880	8%
598	E-07967	3D WOOD LONG DRILL BIT 18.0MMX500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 18.0MMX500MM	DRBIT	WOOD	1.325.970	8%
599	E-07973	3D WOOD LONG DRILL BIT 21.0MMX500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 21.0MMX500MM	DRBIT	WOOD	1.583.820	8%
600	E-07989	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 24X500MM	DRBIT	WOOD	1.917.000	8%
601	E-07995	3D WOOD LONG DRILL BIT 27.0MMX500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 27.0MMX500MM	DRBIT	WOOD	2.166.480	8%
602	E-08006	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X500MM	MŨI KHOAN GỖ DÀI 3D 30X500MM	DRBIT	WOOD	2.387.340	8%
603	D-31326	AUGER BITS (1PCS)6MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC(1CÁI) 6MM	DRBIT	WOOD	105.030	8%
604	D-31332	AUGER BITS(1PCS) 8MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CÁI) 8MM	DRBIT	WOOD	105.300	8%
605	D-31360	AUGER BITS(1PCS) 14MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CÁI) 14MM	DRBIT	WOOD	146.070	8%
606	D-31376	AUGER BITS(1PCS) 16MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CÁI) 16MM	DRBIT	WOOD	137.700	8%
607	D-31382	AUGER BITS(1PCS) 18MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CÁI) 18MM	DRBIT	WOOD	173.610	8%
608	D-31398	AUGER BITS(1PCS) 20MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CÁI) 20MM	DRBIT	WOOD	178.200	8%
609	D-31407	AUGER BITS (1/4" HEX SHANK) 21X200MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC(CHUỐI LỤC GIÁC) 1/4".21X200MM	DRBIT	WOOD	184.680	8%
610	D-36055	SHIP AUGER BIT 10X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 10X165MM	DRBIT	WOOD	255.960	8%
611	D-36061	SHIP AUGER BIT 12X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 12X165MM	DRBIT	WOOD	305.910	8%
612	D-36077	SHIP AUGER BIT 14X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 14X165MM	DRBIT	WOOD	326.430	8%
613	D-36083	SHIP AUGER BIT 16X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 16X165MM	DRBIT	WOOD	320.760	8%
614	D-36099	SHIP AUGER BIT 18X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 18X165MM	DRBIT	WOOD	348.300	8%
615	D-36108	SHIP AUGER BIT 20X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 20X165MM	DRBIT	WOOD	390.150	8%
616	D-36114	SHIP AUGER BIT 22X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 22X165MM	DRBIT	WOOD	413.100	8%
617	D-36120	SHIP AUGER BIT 24X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 24X165MM	DRBIT	WOOD	472.500	8%
618	D-36136	SHIP AUGER BIT 26X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 26X165MM	DRBIT	WOOD	499.824	8%
619	D-36142	SHIP AUGER BIT 28X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 28X165MM	DRBIT	WOOD	549.720	8%
620	D-36158	SHIP AUGER BIT 30X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 30X165MM	DRBIT	WOOD	576.720	8%
621	D-36164	SHIP AUGER BIT 32X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 32X165MM	DRBIT	WOOD	622.080	8%
622	D-36170	SHIP AUGER BIT 35X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 35X165MM	DRBIT	WOOD	805.680	8%
623	D-36186	SHIP AUGER BIT 38X165MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 38X165MM	DRBIT	WOOD	871.560	8%
624	D-36192	SHIP AUGER BIT 10X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 10X470MM	DRBIT	WOOD	387.180	8%
625	D-36201	SHIP AUGER BIT 12X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 12X470MM	DRBIT	WOOD	459.000	8%
626	D-36217	SHIP AUGER BIT 14X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 14X470MM	DRBIT	WOOD	518.400	8%
627	D-36223	SHIP AUGER BIT 16X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 16X470MM	DRBIT	WOOD	570.240	8%
628	D-36239	SHIP AUGER BIT 18X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 18X470MM	DRBIT	WOOD	632.610	8%
629	D-36245	SHIP AUGER BIT 20X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 20X470MM	DRBIT	WOOD	680.400	8%
630	D-36251	SHIP AUGER BIT 22X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 22X470MM	DRBIT	WOOD	716.850	8%
631	D-36267	SHIP AUGER BIT 24X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 24X470MM	DRBIT	WOOD	819.450	8%
632	D-36273	SHIP AUGER BIT 26X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 26X470MM	DRBIT	WOOD	882.900	8%
633	D-36289	SHIP AUGER BIT 28X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 28X470MM	DRBIT	WOOD	1.013.472	8%
634	D-36295	SHIP AUGER BIT 30X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 30X470MM	DRBIT	WOOD	1.002.780	8%
635	D-36304	SHIP AUGER BIT 32X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 32X470MM	DRBIT	WOOD	1.223.640	8%
636	D-36310	SHIP AUGER BIT 35X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 35X470MM	DRBIT	WOOD	1.289.520	8%
637	D-36326	SHIP AUGER BIT 38X470MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC 38X470MM	DRBIT	WOOD	1.666.710	8%
638	D-74304	SELF FEEDING BIT 25MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 25MMX127MM	HOLSW		249.480	8%
639	D-74310	SELF FEEDING BIT 28MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 28MMX127MM	HOLSW		311.310	8%
640	D-74326	SELF FEEDING BIT 32MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 32MMX127MM	HOLSW		335.340	8%
641	D-74332	SELF FEEDING BIT 35MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 35MMX127MM	HOLSW		353.160	8%
642	D-74348	SELF FEEDING BIT 38MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 38MMX127MM	HOLSW		389.340	8%
643	D-74354	SELF FEEDING BIT 45MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 45MMX127MM	HOLSW		463.050	8%
644	D-74360	SELF FEEDING BIT 51MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 51MMX127MM	HOLSW		510.948	8%
645	D-74376	SELF FEEDING BIT 54MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 54MMX127MM	HOLSW		565.920	8%
646	D-74382	SELF FEEDING BIT 57MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 57MMX127MM	HOLSW		680.940	8%
647	D-74398	SELF FEEDING BIT 65MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 65MMX127MM	HOLSW		753.030	8%
648	D-74407	SELF FEEDING BIT 76MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 76MMX127MM	HOLSW		1.190.700	8%
649	D-74413	SELF FEEDING BIT 92MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 92MMX127MM	HOLSW		1.335.960	8%
650	D-74429	SELF FEEDING BIT 117MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 117MMX127MM	HOLSW		1.701.000	8%
651	D-29985	SELF FEED BIT(1PCS) 38MM	MŨI KHOÉT GỖ CHUỐI LỤC GIÁC 38MM	DRBIT	WOOD	313.200	8%
652	D-74457	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS140MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOÉT GỖ 140MM	HOLSW		272.470	10%
653	D-74463	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS305MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOÉT GỖ 305MM	HOLSW		323.125	10%
654	D-74479	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS457MM	THANH NÓI DÀI DỪNG CHO MŨI KHOÉT GỖ 457MM	HOLSW		390.500	10%
655	D-74435	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FOR 25MM-65	ĐẦU ĐỊNH TÂM DỪNG CHO MŨI KHOÉT GỖ TỪ 25'-65'	HOLSW		31.644	8%
656	D-74441	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FOR 76MM-117	ĐẦU ĐỊNH TÂM DỪNG CHO MŨI KHOÉT GỖ TỪ 76'-117'	HOLSW		31.644	8%
657	D-71093	TCT HINGE CUTTING BIT 15X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 15X77MM	DRBIT	WOOD	46.980	8%
658	D-71102	TCT HINGE CUTTING BIT 19X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 19X77MM	DRBIT	WOOD	60.210	8%
659	D-71118	TCT HINGE CUTTING BIT 20X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 20X77MM	DRBIT	WOOD	67.068	8%
660	D-71124	TCT HINGE CUTTING BIT 25X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 25X77MM	DRBIT	WOOD	73.980	8%
661	D-71130	TCT HINGE CUTTING BIT 26X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 26X77MM	DRBIT	WOOD	77.760	8%
662	D-71146	TCT HINGE CUTTING BIT 30X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 30X77MM	DRBIT	WOOD	90.720	8%
663	D-71152	TCT HINGE CUTTING BIT 32X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 32X77MM	DRBIT	WOOD	90.720	8%
664	D-71168	TCT HINGE CUTTING BIT 35X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 35X77MM	DRBIT	WOOD	105.030	8%
665	D-74681	TCT HINGE CUTTING BIT 16X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 16X77MM	DRBIT	WOOD	56.808	8%
666	D-74697	TCT HINGE CUTTING BIT 18X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 18X77MM	DRBIT	WOOD	56.700	8%
667	D-74706	TCT HINGE CUTTING BIT 22X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 22X77MM	DRBIT	WOOD	73.980	8%
668	D-74712	TCT HINGE CUTTING BIT 23X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 23X77MM	DRBIT	WOOD	79.380	8%
669	D-71978	DRILL BITS ASSORTMENT 9PCS/SET	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG/GỖ/KIM LOẠI 9 CÁI/BỘ	OTDBT		311.400	8%
670	D-46202	DRILL BIT 18PCS SET IN METAL CASE	BỘ MŨI KHOAN 18 CÁI/BỘ(CHỨA TRONG HỘP KIM LO	DRBIT	OTDBT	557.280	8%
671	D-31516	DRILL BIT ASSORTMENT 5,6,8MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUỐI LỤC GIÁC) 5,6,	DRBIT	OTDBT	336.960	8%
672	D-31522	DRILL BIT ASSORTMENT M/S 5,6,8MM(5PCS)	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUỐI LỤC GIÁC) 5,6,	DRBIT	OTDBT	259.200	8%
673	D-57093	ADJUSTABLE CIRCLÉ CUTTER 30-120MM	MŨI KHOÉT LỎ TRÒN 30-120MM	DRBIT	WOOD	343.440	8%
674	D-57102	ADJUSTABLE CIRCLÉ CUTTER 30-200MM	MŨI KHOÉT LỎ TRÒN 30-200MM	DRBIT	WOOD	417.420	8%
675	D-57118	ADJUSTTABLE CIRCLE CUTTER BLADE 2PCS/SET	LƯỠI CỬA MŨI KHOÉT LỎ TRÒN 2 CÁI/BỘ	DRBIT	WOOD	63.720	8%
676	D-25111	GLASS DRILL BIT 3X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 3X65MM	DRBIT	OTDBT	53.460	8%
677	D-25127	GLASS DRILL BIT 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 4X65MM	DRBIT	OTDBT	70.524	8%
678	D-25133	GLASS DRILL BIT 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 5X65MM	DRBIT	OTDBT	70.524	8%
679	D-25149	GLASS DRILL BIT 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 6X65MM	DRBIT	OTDBT	77.490	8%
680	D-25155	GLASS DRILL BIT 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH 8X70MM	DRBIT	OTDBT	84.240	8%
681	D-25161	GLASS DRILL BIT 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 10X80MM	DRBIT	OTDBT	105.030	8%
682	D-25177	GLASS DRILL BIT 12X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 12X80MM	DRBIT	OTDBT	125.496	8%

683	D-31413	GLASS BITS(1PCS) 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 4X65MM	DRBIT	OTDBT	84.240	8%
684	D-31429	GLASS BITS(1PCS) 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 5X65MM	DRBIT	OTDBT	84.240	8%
685	D-31435	GLASS BITS(1PCS) 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 6X65MM	DRBIT	OTDBT	89.370	8%
686	D-31441	GLASS BITS(1PCS) 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 8X70MM	DRBIT	OTDBT	91.260	8%
687	D-31457	GLASS BITS(1PCS) 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 10X80MM	DRBIT	OTDBT	111.780	8%
688	E-23575	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 4X110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 4X110			53.460	8%
689	E-23743	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X460MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X460			161.460	8%
690	E-23771	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X16			55.620	8%
D MŨI KHOAN ĐÁT							
691	E-07646	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 150MM/DDG460	LƯỖI CỬA MŨI KHOAN ĐÁT 150MM/DDG460	DRBIT	OTDBT	301.320	8%
692	E-13611	EARTH AUGER BIT 50X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 50X800MM	DRBIT	OTDBT	2.199.960	8%
693	E-13627	EARTH AUGER BIT 60X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 60X800MM	DRBIT	OTDBT	2.331.180	8%
694	E-13633	EARTH AUGER BIT 80X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 80X800MM	DRBIT	OTDBT	2.357.100	8%
695	E-07294	EARTH AUGER BIT 100X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 100X800MM	DRBIT	OTDBT	2.383.020	8%
696	E-07303	EARTH AUGER BIT 150X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 150X800MM	DRBIT	OTDBT	2.802.600	8%
697	E-07319	EARTH AUGER BIT 200X800MM	MŨI KHOAN ĐÁT 200X800MM	DRBIT	OTDBT	3.325.860	8%
698	E-07325	EXTENSION BAR 540MM	THANH NỐI DÀI MŨI KHOAN ĐÁT 540MM	DRBIT	OTDBT	854.700	10%
699	E-07630	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 100MM/DDG460	LƯỖI CHO MŨI KHOAN ĐÁT 100MM/DDG460	DRBIT	OTDBT	275.400	8%
700	E-13649	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 50MM	LƯỖI CHO MŨI KHOAN ĐÁT 50MM	DRBIT	OTDBT	236.520	8%
701	E-13655	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 60MM	LƯỖI CHO MŨI KHOAN ĐÁT 60MM	DRBIT	OTDBT	255.960	8%
702	E-13661	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 80MM	LƯỖI CHO MŨI KHOAN ĐÁT 80MM	DRBIT	OTDBT	268.920	8%
703	E-07652	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 200MM/DDG460	LƯỖI CỬA MŨI KHOAN ĐÁT 200MM/DDG460	DRBIT	OTDBT	354.780	8%
704	B-54302	EARTH AUGER DRILL SET 20MM(13/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐÁT 20MM(13/16")	DRBIT	OTDBT	6.577.200	8%
705	B-54318	EARTH AUGER DRILL SET 25MM(1")	BỘ MŨI KHOAN ĐÁT 25MM(1")	DRBIT	OTDBT	6.258.060	8%
706	B-54324	EARTH AUGER DRILL SET 30MM(1-3/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐÁT 30MM(1-3/16")	DRBIT	OTDBT	6.938.460	8%
707	B-54330	EARTH AUGER DRILL SET 35MM(1-3/8")	BỘ MŨI KHOAN ĐÁT 35MM(1-3/8")	DRBIT	OTDBT	7.984.980	8%
708	B-57576	EARTH AUGER DRILL SET 40MM(1-9/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐÁT 40MM(1-9/16")	DRBIT	OTDBT	10.053.720	8%
709	B-54380	SOCKET SET 3/4" FOR EARTH AUGER DRILL	ĐẦU TUỖP 3/4" CHO MŨI KHOAN ĐÁT	SKCKET		1.136.160	8%
710	B-54405	O-RING FOR 3/4" SQ. SOCKET	VÒNG CAO SU 3/4" CHO ĐẦU TUỖP	OTHER		31.104	8%
711	B-54558	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 17	VÒNG CHỖ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖP 17MM 3 CÁI/BỘ	SKCKET		25.164	8%
712	B-54564	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 18	VÒNG CHỖ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖP 18MM ĐẾN 19MM	SKCKET		25.164	8%
713	B-54570	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 20	VÒNG CHỖ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖP 20MM ĐẾN 32MM	SKCKET		25.164	8%
714	B-54542	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 8M	VÒNG CHỖ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖP 8MM ĐẾN 16MM	SKCKET		25.164	8%
715	D-75415	EARTH AUGER DRILL BIT 30X600X200MM	MŨI KHOAN ĐÁT 30X600X200MM	DRBIT	OTDBT	493.020	8%
716	D-75421	EARTH AUGER DRILL BIT 45X600X200MM	MŨI KHOAN ĐÁT 45X600X200MM	DRBIT	OTDBT	543.240	8%
717	D-75437	EARTH AUGER DRILL BIT 70X600X200MM	MŨI KHOAN ĐÁT 70X600X200MM	DRBIT	OTDBT	604.530	8%
718	D-75443	EARTH AUGER DRILL BIT 100X600X240MM	MŨI KHOAN ĐÁT 100X600X200MM	DRBIT	OTDBT	673.380	8%
719	D-75459	EARTH AUGER DRILL BIT 130X600X280MM	MŨI KHOAN ĐÁT 130X600X200MM	DRBIT	OTDBT	757.620	8%
E MŨI KHOÉT LỖ							
720	E-03632	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 16X44MM	MŨI KHOÉT HSS 16X44MM	HOLSW		279.720	8%
721	E-03648	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 17X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 17X44MM	HOLSW		279.720	8%
722	E-03654	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 19X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 19X44MM	HOLSW		285.660	8%
723	E-03660	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 20X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 20X44MM	HOLSW		291.600	8%
724	E-03676	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 22X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 22X44MM	HOLSW		303.750	8%
725	E-03682	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 24X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 24X44MM	HOLSW		303.750	8%
726	E-03698	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 25X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 25X44MM	HOLSW		297.810	8%
727	E-03707	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 27X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 27X44MM	HOLSW		303.750	8%
728	E-03713	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 29X44MM	MŨI KHOÉT HSS 29X44MM	HOLSW		303.750	8%
729	E-03729	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 30X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 30X44MM	HOLSW		297.810	8%
730	E-03735	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 32X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 32X44MM	HOLSW		329.130	8%
731	E-03741	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 35X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 35X44MM	HOLSW		323.190	8%
732	E-03757	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 37X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 37X44MM	HOLSW		335.340	8%
733	E-03763	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 38X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 38X44MM	HOLSW		335.340	8%
734	E-03779	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 40X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 40X44MM	HOLSW		335.340	8%
735	E-03785	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 41X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 41X44MM	HOLSW		371.250	8%
736	E-03791	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 44X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 44X44MM	HOLSW		365.310	8%
737	E-03800	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 46X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 46X44MM	HOLSW		377.190	8%
738	E-03816	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 48X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 48X44MM	HOLSW		383.400	8%
739	E-03822	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 51X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 51X44MM	HOLSW		383.400	8%
740	E-03838	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 52X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 52X44MM	HOLSW		455.490	8%
741	E-03844	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 54X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 54X44MM	HOLSW		455.490	8%
742	E-03850	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 56X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 56X44MM	HOLSW		455.490	8%
743	E-03866	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 57X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 57X44MM	HOLSW		480.870	8%
744	E-03872	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 60X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 60X44MM	HOLSW		498.960	8%
745	E-03888	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 64X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 64X44MM	HOLSW		498.960	8%
746	E-03894	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 65X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 65X44MM	HOLSW		517.104	8%
747	E-03903	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 68X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 68X44MM	HOLSW		517.104	8%
748	E-03919	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 70X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 70X44MM	HOLSW		517.104	8%
749	E-03925	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 73X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 73X44MM	HOLSW		535.680	8%
750	E-03931	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 76X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 76X44MM	HOLSW		535.680	8%
751	E-03947	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 79X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 79X44MM	HOLSW		559.440	8%
752	E-03953	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 83X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 83X44MM	HOLSW		559.440	8%
753	E-03969	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 86X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 86X44MM	HOLSW		583.200	8%
754	E-03975	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 92X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 92X44MM	HOLSW		614.790	8%
755	E-03981	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 95X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 95X44MM	HOLSW		711.180	8%
756	E-03997	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 102X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 102X44MM	HOLSW		832.680	8%
757	E-04008	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 105X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 105X44MM	HOLSW		863.190	8%
758	E-04014	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 111X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 111X44MM	HOLSW		1.057.320	8%
759	E-04020	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 114X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 114X44MM	HOLSW		1.107.000	8%
760	E-04036	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 121X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 121X44MM	HOLSW		1.251.990	8%
761	E-04042	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 127X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 127X44MM	HOLSW		1.318.950	8%
762	E-04058	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 140X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 140X44MM	HOLSW		1.391.580	8%
763	E-04064	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 152X44MM	MŨI KHOÉT HSS 8%CO 152X44MM	HOLSW		1.445.850	8%
764	E-06644	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 20X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 20X60MM	HOLSW		614.790	8%
765	E-06650	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 22X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 22X60MM	HOLSW		650.970	8%
766	E-06666	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 25X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 25X60MM	HOLSW		614.790	8%
767	E-06672	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLES AW 32X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 32X60MM	HOLSW		704.970	8%

768	E-06688	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 35X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 35X60MM	HOLSW		704.970	8%
769	E-06694	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 38X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 38X60MM	HOLSW		747.360	8%
770	E-06703	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 40X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 40X60MM	HOLSW		747.360	8%
771	E-06719	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 44X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 44X60MM	HOLSW		790.560	8%
772	E-06725	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 51X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 51X60MM	HOLSW		839.160	8%
773	E-06731	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 54X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 54X60MM	HOLSW		996.300	8%
774	E-06747	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 60X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 60X60MM	HOLSW		1.038.744	8%
775	E-06753	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 64X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 64X60MM	HOLSW		1.044.468	8%
776	E-06769	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 67X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 67X60MM	HOLSW		1.076.220	8%
777	E-06775	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 68X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 68X60MM	HOLSW		1.076.220	8%
778	E-06781	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 70X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 70X60MM	HOLSW		1.099.980	8%
779	E-06797	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 73X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 73X60MM	HOLSW		1.130.760	8%
780	E-06806	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 76X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 76X60MM	HOLSW		1.130.760	8%
781	E-06812	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 83X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 83X60MM	HOLSW		1.172.070	8%
782	E-06828	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 102X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 102X60MM	HOLSW		1.815.750	8%
783	E-06834	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLESAW 127X60M	MŨI KHOÉT ĐA NĂNG T.C.T 127X60MM	HOLSW		3.820.500	8%
784	E-14152	EZYCHANGE BIM HOLESAW 67MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 67MM	HOLSW		583.200	8%
785	E-14168	EZYCHANGE BIM HOLESAW 89MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 89MM	HOLSW		669.060	8%
786	E-14174	EZYCHANGE BIM HOLESAW 133MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 133MM	HOLSW		1.525.230	8%
787	E-04070	ADAPTER+PILOT DRILL BIT 85MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G	HOLSW		766.800	8%
788	E-04086	PILOT DRILL HSS-G 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G 85MM	HOLSW		225.450	8%
789	E-04092	PILOT DRILL HSS-CO 85MM	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-CO 85MM	HOLSW		297.810	8%
790	E-06959	EZYCHANGE ADAPTER 3/8" SHANK+TCT PILOT DRILL	BỘ CHUYỂN ĐỔI NHANH 3/8" VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH T	HOLSW		924.210	8%
791	E-06840	HSS-G PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G(105MM)	HOLSW		285.660	8%
792	E-06856	HSS-CO PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-CO(105MM)	HOLSW		401.490	8%
793	E-06862	TCT PILOT DRILL BIT(105MM)	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM TCT(105MM)	HOLSW		371.250	8%
794	E-06884	EZYCHANGE EXTENSION BAR(300MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NÓI DÀI (300MM)	HOLSW		903.100	10%
795	E-06878	EZYCHANGE EXTENSION BAR(150MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NÓI DÀI(150MM)	HOLSW		854.150	10%
796	B-11265	BIM HOLESAW 16X40MM	MŨI KHOÉT 16X40MM	HOLSW		177.120	8%
797	B-11271	BIM HOLESAW 19X40MM	MŨI KHOÉT 19X40MM	HOLSW		177.120	8%
798	B-11287	BIM HOLESAW 20X40MM	MŨI KHOÉT 20X40MM	HOLSW		177.120	8%
799	B-11293	BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOÉT 22X40MM	HOLSW		181.440	8%
800	B-11302	BIM HOLESAW 24X40MM	MŨI KHOÉT 24X40MM	HOLSW		185.760	8%
801	B-11318	BIM HOLESAW 25X40MM	MŨI KHOÉT 25X40MM	HOLSW		185.760	8%
802	B-11324	BIM HOLESAW 29X40MM	MŨI KHOÉT 29X40MM	HOLSW		216.000	8%
803	B-11330	BIM HOLESAW 30X40MM	MŨI KHOÉT 30X40MM	HOLSW		216.000	8%
804	B-11346	BIM HOLESAW 32X40MM	MŨI KHOÉT 32X40MM	HOLSW		216.000	8%
805	B-11352	BIM HOLESAW 35X40MM	MŨI KHOÉT 35X40MM	HOLSW		241.920	8%
806	B-11368	BIM HOLESAW 38X40MM	MŨI KHOÉT 38X40MM	HOLSW		241.920	8%
807	B-11374	BIM HOLESAW 41X40MM	MŨI KHOÉT 41X40MM	HOLSW		254.880	8%
808	B-11380	BIM HOLESAW 44X40MM	MŨI KHOÉT 44X40MM	HOLSW		267.840	8%
809	B-11396	BIM HOLESAW 48X40MM	MŨI KHOÉT 48X40MM	HOLSW		272.160	8%
810	B-11405	BIM HOLESAW 51X40MM	MŨI KHOÉT 51X40MM	HOLSW		285.120	8%
811	B-11411	BIM HOLESAW 57X40MM	MŨI KHOÉT 57X40MM	HOLSW		319.680	8%
812	B-11427	BIM HOLESAW 60X40MM	MŨI KHOÉT 60X40MM	HOLSW		319.680	8%
813	B-11433	BIM HOLESAW 64X40MM	MŨI KHOÉT 64X40MM	HOLSW		332.640	8%
814	B-11477	BIM HOLESAW 83X40MM	MŨI KHOÉT 83X40MM	HOLSW		444.960	8%
815	B-11483	BIM HOLESAW 92X40MM	MŨI KHOÉT 92X40MM	HOLSW		488.160	8%
816	B-11499	BIM HOLESAW 102X40MM	MŨI KHOÉT 102X40MM	HOLSW		589.680	8%
817	B-16754	EZYCHANGE BIM HOLESAW 40X40MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 40X40MM	HOLSW		254.880	8%
818	B-16760	EZYCHANGE BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOÉT EZYCHANGE 22X40MM	HOLSW		341.280	8%
819	B-11542	HSS-G PILOT DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G CHO MŨI KHOÉT/HP16	OTHER		142.560	8%
820	D-30140	64MM BIM HOLE SAW	64X38MM MŨI KHOÉT	HOLSW		219.510	8%
821	D-33869	BIM HOLE SAW 80MM	MŨI KHOÉT 80X38MM	HOLSW		273.564	8%
822	D-35368	BIM HOLE SAW 14X38MM	MŨI KHOÉT 14X38MM	HOLSW		85.860	8%
823	D-35374	BIM HOLE SAW 17X38MM	MŨI KHOÉT 17X38MM	HOLSW		86.670	8%
824	D-35380	BIM HOLE SAW 21X38MM	MŨI KHOÉT 21X38MM	HOLSW		98.010	8%
825	D-35396	BIM HOLE SAW 27X38MM	MŨI KHOÉT 27X38MM	HOLSW		122.040	8%
826	D-35405	BIM HOLE SAW 30X38MM	MŨI KHOÉT 30X38MM	HOLSW		127.872	8%
827	D-35411	BIM HOLE SAW 33X38MM	MŨI KHOÉT 33X38MM	HOLSW		139.860	8%
828	D-35427	BIM HOLE SAW 37X38MM	MŨI KHOÉT 37X38MM	HOLSW		137.592	8%
829	D-35433	BIM HOLE SAW 41X38MM	MŨI KHOÉT 41X38MM	HOLSW		159.570	8%
830	D-35449	BIM HOLE SAW 43X38MM	MŨI KHOÉT 43X38MM	HOLSW		171.450	8%
831	D-35455	BIM HOLE SAW 46X38MM	MŨI KHOÉT 46X38MM	HOLSW		177.390	8%
832	D-35461	BIM HOLE SAW 48X38MM	MŨI KHOÉT 48X38MM	HOLSW		183.600	8%
833	D-35477	BIM HOLE SAW 52X38MM	MŨI KHOÉT 52X38MM	HOLSW		195.480	8%
834	D-35483	BIM HOLE SAW 56X38MM	MŨI KHOÉT 56X38MM	HOLSW		201.420	8%
835	D-35499	BIM HOLE SAW 59X38MM	MŨI KHOÉT 59X38MM	HOLSW		207.630	8%
836	D-35508	BIM HOLE SAW 67X38MM	MŨI KHOÉT 67X38MM	HOLSW		237.600	8%
837	D-35514	BIM HOLE SAW 73X38MM	MŨI KHOÉT 73X38MM	HOLSW		261.576	8%
838	D-35520	BIM HOLE SAW 79X38MM	MŨI KHOÉT 79X38MM	HOLSW		267.840	8%
839	D-35536	BIM HOLE SAW 86X38MM	MŨI KHOÉT 86X38MM	HOLSW		285.660	8%
840	D-35542	BIM HOLE SAW 89X38MM	MŨI KHOÉT 89X38MM	HOLSW		286.470	8%
841	D-35558	BIM HOLE SAW 95X38MM	MŨI KHOÉT 95X38MM	HOLSW		329.130	8%
842	D-35564	BIM HOLE SAW 98X38MM	MŨI KHOÉT 98X38MM	HOLSW		329.130	8%
843	D-35570	BIM HOLE SAW 102X38MM	MŨI KHOÉT 102X38MM	HOLSW		341.550	8%
844	D-35586	BIM HOLE SAW 108X38MM	MŨI KHOÉT 108X38MM	HOLSW		377.190	8%
845	D-35592	BIM HOLE SAW 111X38MM	MŨI KHOÉT 111X38MM	HOLSW		389.340	8%
846	D-35601	BIM HOLE SAW 114X38MM	MŨI KHOÉT 114X38MM	HOLSW		401.490	8%
847	D-35617	BIM HOLE SAW 121X38MM	MŨI KHOÉT 121X38MM	HOLSW		419.580	8%
848	D-35623	BIM HOLE SAW 140X38MM	MŨI KHOÉT 140X38MM	HOLSW		475.200	8%
849	D-16994	BIM HOLE SAW 16X38MM	MŨI KHOÉT BIM 16X38MM	HOLSW		85.860	8%
850	D-17005	BIM HOLE SAW 19X38MM	MŨI KHOÉT BIM 19X38MM	HOLSW		98.010	8%
851	D-17011	BIM HOLE SAW 22X38MM	MŨI KHOÉT BIM 22X38MM	HOLSW		103.950	8%
852	D-17027	BIM HOLE SAW 24X38MM	MŨI KHOÉT BIM 24X38MM	HOLSW		103.680	8%
853	D-17033	BIM HOLE SAW 25X38MM	MŨI KHOÉT BIM 25X38MM	HOLSW		109.890	8%
854	D-17049	BIM HOLE SAW 32X38MM	MŨI KHOÉT BIM 32X38MM	HOLSW		139.860	8%

855	D-17055	BIM HOLE SAW 35X38MM	MŨI KHOÉT BIM 35X38MM	HOLSW		146.070	8%
856	D-17061	BIM HOLE SAW 38X38MM	MŨI KHOÉT BIM 38X38MM	HOLSW		152.010	8%
857	D-17077	BIM HOLE SAW 44X38MM	MŨI KHOÉT BIM 44X38MM	HOLSW		161.730	8%
858	D-17083	BIM HOLE SAW 51X38MM	MŨI KHOÉT BIM 51X38MM	HOLSW		189.540	8%
859	D-17099	BIM HOLE SAW 57X38MM	MŨI KHOÉT BIM 57X38MM	HOLSW		195.750	8%
860	D-17108	BIM HOLE SAW 68X38MM	MŨI KHOÉT BIM 68X38MM	HOLSW		243.540	8%
861	D-17114	BIM HOLE SAW 76X38MM	MŨI KHOÉT BIM 76X38MM	HOLSW		267.840	8%
862	D-17120	BIM HOLE SAW 83X38MM	MŨI KHOÉT BIM 83X38MM	HOLSW		279.720	8%
863	D-17136	BIM HOLE SAW 92X38MM	MŨI KHOÉT BIM 92X38MM	HOLSW		317.250	8%
864	D-17142	BIM HOLE SAW 105X38MM	MŨI KHOÉT BIM 105X38MM	HOLSW		359.370	8%
865	D-17158	BIM HOLE SAW 127X38MM	MŨI KHOÉT BIM 127X38MM	HOLSW		443.610	8%
866	D-17164	BIM HOLE SAW 152X38MM	MŨI KHOÉT BIM 152X38MM	HOLSW		517.104	8%
867	D-17251	BIM HOLE SAW 20X38MM	MŨI KHOÉT BIM 20X38MM	HOLSW		98.010	8%
868	D-17267	BIM HOLE SAW 29X38MM	MŨI KHOÉT BIM 29X38MM	HOLSW		122.040	8%
869	D-17273	BIM HOLE SAW 40X38MM	MŨI KHOÉT BIM 40X38MM	HOLSW		159.570	8%
870	D-24876	BIM HOLE SAW 54X38MM	MŨI KHOÉT 54X38MM	HOLSW		195.480	8%
871	D-24882	BIM HOLE SAW 65X38MM	MŨI KHOÉT 65X38MM	HOLSW		225.540	8%
872	D-25688	60MM BIM HOLE SAW	60X38MM MŨI KHOÉT	HOLSW		213.570	8%
873	D-25694	70MM BIM HOLE SAW	70X38MM MŨI KHOÉT	HOLSW		243.540	8%
874	D-17186	11MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐINH TÂM 11MM	OTHER		186.030	8%
875	D-17170	9.5MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỂN VỚI KHOAN ĐINH TÂM 9.5MM	OTHER		101.790	8%
876	D-17603	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 14 - 29MM	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐINH VI SDS-PLUS 14 -	SDSPL		153.090	8%
877	D-17619	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 32 - 76MM	CỤC CHUYỂN VỚI MŨI KHOAN ĐINH VI SDS-PLUS 32 -	SDSPL		271.404	8%
878	D-17192	71MM PILOT DRILL	KHOAN ĐINH TÂM 71MM	HOLSW		73.710	8%
879	B-00898	T.C.T. HOLE SAW #278 16MM	MŨI KHOÉT #278 16MM	HOLSW		1.649.970	8%
880	B-00907	T.C.T. HOLE SAW #278 18MM	MŨI KHOÉT #278 18MM	HOLSW		1.649.970	8%
881	B-00913	T.C.T. HOLE SAW #278 20MM	MŨI KHOÉT #278 20MM	HOLSW		1.749.870	8%
882	B-00929	T.C.T. HOLE SAW #278 21MM	MŨI KHOÉT #278 21MM	HOLSW		1.649.970	8%
883	B-00935	T.C.T. HOLE SAW #278 22MM	MŨI KHOÉT #278 22MM	HOLSW		1.649.970	8%
884	B-00941	T.C.T. HOLE SAW #278 25MM	MŨI KHOÉT #278 25MM	HOLSW		1.649.970	8%
885	B-00957	T.C.T. HOLE SAW #278 27MM	MŨI KHOÉT #278 27MM	HOLSW		1.902.420	8%
886	B-00963	T.C.T. HOLE SAW #278 28MM	MŨI KHOÉT #278 28MM	HOLSW		1.902.420	8%
887	B-00979	T.C.T. HOLE SAW #278 30MM	MŨI KHOÉT #278 30MM	HOLSW		1.902.420	8%
888	B-00985	T.C.T. HOLE SAW #278 32MM	MŨI KHOÉT #278 32MM	HOLSW		2.199.960	8%
889	B-00991	T.C.T. HOLE SAW #278 35MM	MŨI KHOÉT #278 35MM	HOLSW		2.199.960	8%
890	B-01002	T.C.T. HOLE SAW #278 38MM	MŨI KHOÉT #278 38MM	HOLSW		2.543.130	8%
891	B-01018	T.C.T. HOLE SAW #278 40MM	MŨI KHOÉT #278 40MM	HOLSW		2.543.130	8%
892	B-01024	T.C.T. HOLE SAW #278 45MM	MŨI KHOÉT #278 45MM	HOLSW		2.955.690	8%
893	B-01030	T.C.T. HOLE SAW #278 48MM	MŨI KHOÉT #278 48MM	HOLSW		3.322.620	8%
894	B-01046	T.C.T. HOLE SAW #278 50MM	MŨI KHOÉT #278 50MM	HOLSW		3.322.620	8%
895	B-01052	T.C.T. HOLE SAW #278 55MM	MŨI KHOÉT #278 55MM	HOLSW		3.735.180	8%
896	B-01074	T.C.T. HOLE SAW #278 65MM	MŨI KHOÉT #278 65MM	HOLSW		5.270.400	8%
897	B-01080	T.C.T. HOLE SAW #278 70MM	MŨI KHOÉT #278 70MM	HOLSW		6.395.760	8%
898	B-01096	T.C.T. HOLE SAW #278 75MM	MŨI KHOÉT #278 75MM	HOLSW		6.894.720	8%
899	B-01105	T.C.T. HOLE SAW #278 80MM	MŨI KHOÉT #278 80MM	HOLSW		7.416.360	8%
900	B-01111	T.C.T. HOLE SAW #278 85MM	MŨI KHOÉT #278 85MM	HOLSW		8.210.160	8%
901	B-01127	T.C.T. HOLE SAW #278 90MM	MŨI KHOÉT #278 90MM	HOLSW		9.026.640	8%
902	B-01133	T.C.T. HOLE SAW #278 95MM	MŨI KHOÉT #278 95MM	HOLSW		9.389.520	8%
903	B-01155	T.C.T. HOLE SAW #278 110MM	MŨI KHOÉT #278 110MM	HOLSW		12.179.160	8%
904	B-01161	T.C.T. HOLE SAW #278 120MM	MŨI KHOÉT #278 120MM	HOLSW		14.742.000	8%
905	B-02652	T.C.T. HOLE SAW 68MM	MŨI KHOÉT HOP KIM 68MM	HOLSW		6.395.760	8%
906	B-01177	CENTER DRILL C-6	MŨI KHOAN TRUNG TÂM C-6	OTHER		264.600	8%
907	D-51188	TC GRIT HOLES AW 33MM	MŨI KHOÉT HAT TC 33MM	HOLSW		213.570	8%
908	D-51194	TC GRIT HOLES AW 43MM	MŨI KHOÉT HAT TC 43MM	HOLSW		255.528	8%
909	D-51203	TC GRIT HOLES AW 53MM	MŨI KHOÉT HAT TC 53MM	HOLSW		311.310	8%
910	D-51219	TC GRIT HOLES AW 63MM	MŨI KHOÉT HAT TC 63MM	HOLSW		359.370	8%
911	D-51225	TC GRIT HOLES AW 67MM	MŨI KHOÉT HAT TC 67MM	HOLSW		377.190	8%
912	D-51231	TC GRIT HOLES AW 73MM	MŨI KHOÉT HAT TC 73MM	HOLSW		413.370	8%
913	D-51247	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW 83X64MM	MŨI KHOÉT GACH 83X64MM	HOLSW		517.104	8%
914	D-51253	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	BỘ CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐINH TÂM	HOLSW		243.540	8%
915	D-51269	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	MŨI KHOAN ĐINH TÂM	HOLSW		115.830	8%
916	B-45870	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 16X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 16X40MM	HOLSW		682.020	8%
917	B-45886	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 19X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 19X40MM	HOLSW		757.080	8%
918	B-45892	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 25X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 25X40MM	HOLSW		905.850	8%
919	B-45901	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 30X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 30X40MM	HOLSW		1.031.940	8%
920	B-45917	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 32X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 32X40MM	HOLSW		1.077.300	8%
921	B-45923	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 35X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 35X40MM	HOLSW		1.169.640	8%
922	B-45939	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 38X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 38X40MM	HOLSW		1.237.680	8%
923	B-45945	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 45X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 45X40MM	HOLSW		1.397.790	8%
924	B-45951	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 50X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 50X40MM	HOLSW		1.557.900	8%
925	B-45967	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 53X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 53X40MM	HOLSW		1.604.610	8%
926	B-45973	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 57X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 57X40MM	HOLSW		1.695.330	8%
927	B-45989	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 64X40MM	BỘ MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 64X40MM	HOLSW		1.879.740	8%
928	B-45995	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 16X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 16X40MM	HOLSW		437.400	8%
929	B-46006	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 19X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 19X40MM	HOLSW		517.104	8%
930	B-46012	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 25X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 25X40MM	HOLSW		680.940	8%
931	B-46028	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 30X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 30X40MM	HOLSW		808.650	8%
932	B-46034	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 32X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 32X40MM	HOLSW		863.190	8%
933	B-46040	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 35X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 35X40MM	HOLSW		942.570	8%
934	B-46056	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 38X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 38X40MM	HOLSW		1.020.600	8%
935	B-46062	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 45X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 45X40MM	HOLSW		1.202.040	8%
936	B-46078	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 50X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 50X40MM	HOLSW		1.360.800	8%
937	B-46084	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 53X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 53X40MM	HOLSW		1.434.510	8%
938	B-46090	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 57X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 57X40MM	HOLSW		1.532.250	8%
939	B-46109	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES AW 64X40MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 64X40MM	HOLSW		1.701.000	8%
940	B-53914	VACUUM BRAZED DIA HOLES AW 68MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 68MM	HOLSW		1.970.460	8%
941	B-46137	SHANK FOR 13MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 13MM	HOLSW		201.420	8%

942	B-46115	SHANK WITH PILOT DRILL FOR 13MM	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG VÀ MŨI KH	HOLSW		317.250	8%
943	B-52700	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)	CHUỐI SDS 182MM(M12-M16)	HOLSW		371.250	8%
944	B-52691	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)-CENTER DRILL	CHUỐI SDS 182MM(M12-M16)-MŨI KHOAN ĐINH TÂM	HOLSW		468.990	8%
945	B-46121	PILOT DRILL FOR 13MM DRILL	MŨI KHOAN ĐINH TÂM 13MM	HOLSW		127.872	8%
F MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI THANG							
946	E-06367	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 4X70MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 4X70MM	DRBIT	STONE	40.500	8%
947	E-06373	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X85MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 5X85MM	DRBIT	STONE	40.500	8%
948	E-06389	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 5X150MM	DRBIT	STONE	40.500	8%
949	E-06395	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5.5X100MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 5.5X100MM	DRBIT	STONE	40.500	8%
950	E-06404	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5.5X150	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 5.5X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
951	E-06410	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X100MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 6X100MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
952	E-06426	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 6X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
953	E-06432	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X250	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 6X250MM	DRBIT	STONE	63.720	8%
954	E-06448	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6.5X100	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 6.5X100MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
955	E-06454	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6.5X150	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 6.5X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
956	E-06460	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X100MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 7X100MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
957	E-06476	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 7X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
958	E-06482	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X110MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 8X110MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
959	E-06498	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 8X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
960	E-06507	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X250	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 8X250MM	DRBIT	STONE	70.524	8%
961	E-06513	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 9X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 9X150MM	DRBIT	STONE	49.950	8%
962	E-06529	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 10X150MM	DRBIT	STONE	49.950	8%
963	E-06535	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X250	MŨI KHOAN TƯỜNG TCT CHUỐI THANG 10X250MM	DRBIT	STONE	84.240	8%
964	E-06541	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 12X150MM	DRBIT	STONE	56.808	8%
965	E-06557	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X250MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 12X250MM	DRBIT	STONE	91.260	8%
966	E-06563	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 14X150MM	DRBIT	STONE	77.490	8%
967	E-06579	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X250MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 14X250MM	DRBIT	STONE	111.780	8%
968	E-06585	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 16X150MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 16X150MM	DRBIT	STONE	84.240	8%
969	E-06591	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 18X200MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 18X200MM	DRBIT	STONE	124.740	8%
970	E-06600	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 20X200MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 20X200MM	DRBIT	STONE	137.700	8%
971	D-05228	MASONRY DRILL BIT 3X60MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 3X60MM	DRBIT	STONE	30.996	8%
972	D-05234	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 4X70	DRBIT	STONE	30.996	8%
973	D-05240	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5X85	DRBIT	STONE	30.996	8%
974	D-05256	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 6X100	DRBIT	STONE	30.996	8%
975	D-05262	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 6X150	DRBIT	STONE	30.996	8%
976	D-05278	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 7X100	DRBIT	STONE	37.908	8%
977	D-05284	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 7X150	DRBIT	STONE	30.996	8%
978	D-05290	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 8X110	DRBIT	STONE	37.908	8%
979	D-05309	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 8X150	DRBIT	STONE	37.908	8%
980	D-05315	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 9X150	DRBIT	STONE	37.908	8%
981	D-05321	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 10X150	DRBIT	STONE	46.440	8%
982	D-05337	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 11X150	DRBIT	STONE	43.740	8%
983	D-05343	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 12X150	DRBIT	STONE	53.352	8%
984	D-05359	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 13X150	DRBIT	STONE	63.180	8%
985	D-05365	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 14X150	DRBIT	STONE	67.068	8%
986	D-05371	MASONRY BRILL BIT 15X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 15X150MM	DRBIT	STONE	73.980	8%
987	D-05387	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 16X150	DRBIT	STONE	82.620	8%
988	D-36728	MASONRY DRILL BIT 5.5X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5.5X100MM	DRBIT	STONE	30.996	8%
989	D-36734	MASONRY DRILL BIT 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5.5X150MM	DRBIT	STONE	30.996	8%
990	D-36740	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 6.5X150MM	DRBIT	STONE	29.160	8%
991	D-36756	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 6.5X150MM	DRBIT	STONE	30.996	8%
992	D-18960	MASONRY BRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 10X400MM	DRBIT	STONE	111.780	8%
993	D-18976	MASONRY BRILL BIT 14X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 14X400	DRBIT	STONE	137.700	8%
994	D-18982	MASONRY BRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 18X400MM	DRBIT	STONE	206.280	8%
995	D-17697	MASONRY BRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 12X400	DRBIT	STONE	118.260	8%
996	D-17706	MASONRY BRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 16X400MM	DRBIT	STONE	177.120	8%
997	D-17712	MASONRY BRILL BIT 20X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 20X400MM	DRBIT	STONE	213.030	8%
998	D-17728	MASONRY BRILL BIT 12X600MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 12X600MM	DRBIT	STONE	168.480	8%
999	D-17734	MASONRY BRILL BIT 16X600MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 16X600MM	DRBIT	STONE	221.940	8%
1000	D-17740	MASONRY BRILL BIT 20X600MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 20X600MM	DRBIT	STONE	275.400	8%
1001	D-71788	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 3X60MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 3X60MM	DRBIT	STONE	131.220	8%
1002	D-71794	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 4X70MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 4X70MM	DRBIT	STONE	131.220	8%
1003	D-71819	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 6X100MM	DRBIT	STONE	131.220	8%
1004	D-71825	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 6X150MM	DRBIT	STONE	109.350	8%
1005	D-16508	MASONRY DRILL BIT ASSY5PCS/SET 7X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5CÁI/BỘ 7X100MM	DRBIT	STONE	137.700	8%
1006	D-71831	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6.5X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 6.5X100MM	DRBIT	STONE	109.350	8%
1007	D-71847	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 8X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5 CÁI/BỘ 8X110MM	DRBIT	STONE	144.180	8%
1008	D-71853	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 8X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/BỘ 8X150MM	DRBIT	STONE	125.550	8%
1009	D-05175	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 4X70, 5X85, 6-8	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP 5 CÁI/BỘ 4X70, 5X85	DRBIT	STONE	129.600	8%
1010	D-73483	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12PCS	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 12 CÁI	DRBIT	OTDBT	333.450	8%
1011	D-31463	MASONRY DRILL BITS (1/4"3X80)	MŨI KHOAN BÉ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 1/4", 3X80 M	DRBIT	STONE	53.352	8%
1012	D-31479	MASONRY DRILL BITS (1/4" 4X80)	MŨI KHOAN BÉ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 1/4", 4X80M	DRBIT	STONE	60.210	8%
1013	D-31485	MASONRY DRILL BITS (1/4" 5*90)	MŨI KHOAN BÉ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 1/4", 5X90M	DRBIT	STONE	60.210	8%
1014	D-31491	TCT DRILL BIT 6X100	MŨI KHOAN TƯỜNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 6X100MM	DRBIT	STONE	60.210	8%
1015	D-31500	MASONRY DRILL BITS (1/4" HEX SHANK,) 8X100	MŨI KHOAN BÉ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 8X100MM	DRBIT	STONE	73.980	8%
1016	D-63694	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(MM,NZ) 3.2X80	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI LỤC GIÁC 1/4" (MM,NZ) 3.	DRBIT	STONE	53.352	8%
1017	D-55061	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(MM,NZ) 6.5X100	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI LỤC GIÁC 1/4" (MM,NZ) 6.	DRBIT	STONE	63.180	8%
1018	D-40727	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3X60MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 3X60MM	DRBIT	STONE	22.464	8%
1019	D-40733	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3.5X75MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 3.5X75M	DRBIT	STONE	27.540	8%
1020	D-40749	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4X75MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 4X75MM	DRBIT	STONE	21.060	8%
1021	D-40755	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4.5X85MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 4.5X85M	DRBIT	STONE	17.550	8%
1022	D-40761	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X85MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 5X85MM	DRBIT	STONE	21.060	8%
1023	D-40777	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 5X150M	DRBIT	STONE	29.376	8%
1024	D-40783	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X85MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 5.5X85M	DRBIT	STONE	17.550	8%
1025	D-40799	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 5.5X150	DRBIT	STONE	29.376	8%
1026	D-40808	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6X100M	DRBIT	STONE	29.376	8%
1027	D-40814	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6X150M	DRBIT	STONE	29.376	8%

1028	D-40820	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X200MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6X200M	DRBIT	STONE	34.020	8%
1029	D-40836	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6X400M	DRBIT	STONE	56.808	8%
1030	D-40842	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6.5X100	DRBIT	STONE	27.540	8%
1031	D-40858	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6.5X150	DRBIT	STONE	29.376	8%
1032	D-40864	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 6.5X400	DRBIT	STONE	77.490	8%
1033	D-40870	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X100MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 7X100M	DRBIT	STONE	22.950	8%
1034	D-40886	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 7X150M	DRBIT	STONE	29.376	8%
1035	D-40892	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 7X400M	DRBIT	STONE	77.490	8%
1036	D-40901	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X120MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 8X120M	DRBIT	STONE	27.540	8%
1037	D-40917	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 8X150M	DRBIT	STONE	29.376	8%
1038	D-40923	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X200MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 8X200M	DRBIT	STONE	43.092	8%
1039	D-40939	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 8X400M	DRBIT	STONE	72.900	8%
1040	D-40945	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 9X120MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 9X120M	DRBIT	STONE	22.950	8%
1041	D-40951	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X120MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 10X120M	DRBIT	STONE	36.180	8%
1042	D-40967	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 10X150M	DRBIT	STONE	36.180	8%
1043	D-40973	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X200MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 10X200M	DRBIT	STONE	53.460	8%
1044	D-40989	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 10X400M	DRBIT	STONE	84.240	8%
1045	D-40995	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 11X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 11X150M	DRBIT	STONE	49.950	8%
1046	D-41006	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X150MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 12X150M	DRBIT	STONE	49.950	8%
1047	D-41012	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X200MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 12X200M	DRBIT	STONE	59.940	8%
1048	D-41028	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X400MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 12X400M	DRBIT	STONE	98.010	8%
1049	D-41034	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3PCS/SET 5.6,8MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG CHUỐI KEP CHO GACH 3CÁI/BỘ	DRBIT	STONE	58.320	8%
1050	D-41791	MASONRY DRILL BIT 8PCS/SET 3--10MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 8CÁI/BỘ 3--10MM	DRBIT	STONE	212.760	8%
1051	E-10958	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)3X700MM	DRBIT	OTDBT	49.950	8%
1052	E-10964	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)4X75MM	DRBIT	OTDBT	49.950	8%
1053	E-10970	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)5X85MM	DRBIT	OTDBT	49.950	8%
1054	E-10986	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)5.5X100MM	DRBIT	OTDBT	56.808	8%
1055	E-10992	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)6X100MM	DRBIT	OTDBT	56.808	8%
1056	E-11003	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)6X150MM	DRBIT	OTDBT	63.720	8%
1057	E-11019	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)6.5X100MM	DRBIT	OTDBT	56.808	8%
1058	E-11025	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)6.5X150MM	DRBIT	OTDBT	70.524	8%
1059	E-11031	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)7X100MM	DRBIT	OTDBT	63.720	8%
1060	E-11047	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)8X120MM	DRBIT	OTDBT	77.490	8%
1061	E-11053	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)8X150MM	DRBIT	OTDBT	84.240	8%
1062	E-11069	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)10X150MM	DRBIT	OTDBT	98.010	8%
1063	E-11075	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)12X150MM	DRBIT	OTDBT	111.780	8%
1064	E-11081	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK FOR MULTI M	MŨI KHOAN ĐA NĂNG TCT(CHUỐI THĂNG)13X150MM	DRBIT	OTDBT	132.408	8%
1065	D-30287	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1066	D-30293	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1067	D-30302	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1068	D-30318	MULTI PURPOSE DRILL BIT 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X100MM	DRBIT	OTDBT	29.376	8%
1069	D-30324	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1070	D-30330	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1071	D-30346	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	DRBIT	STONE	36.180	8%
1072	D-30352	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1073	D-30368	OMNIBOHRER 8X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X150MM	DRBIT	STONE	36.180	8%
1074	D-30374	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	DRBIT	STONE	49.950	8%
1075	D-30380	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	DRBIT	STONE	49.950	8%
1076	D-30396	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	DRBIT	STONE	118.800	8%
1077	D-30405	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	DRBIT	STONE	53.460	8%
1078	D-30411	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	DRBIT	STONE	56.808	8%
1079	D-30427	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	DRBIT	STONE	125.496	8%
1080	D-30433	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	DRBIT	STONE	130.950	8%
1081	D-30449	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	DRBIT	STONE	70.524	8%
1082	D-30455	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	DRBIT	STONE	77.490	8%
1083	D-30461	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	DRBIT	STONE	157.140	8%
1084	D-31027	OMNIBOHRER 5.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85	DRBIT	STONE	27.540	8%
1085	D-31033	OMNIBOHRER 5.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100	DRBIT	STONE	29.376	8%
1086	D-31049	OMNIBOHRER 5.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150	DRBIT	STONE	27.540	8%
1087	D-31055	OMNIBOHRER 6.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85	DRBIT	STONE	27.540	8%
1088	D-31061	OMNIBOHRER 6.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100	DRBIT	STONE	27.540	8%
1089	D-31077	OMNIBOHRER 6.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150	DRBIT	STONE	34.020	8%
1090	D-35053	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1091	D-35069	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1092	D-35075	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1093	D-35081	OMNIBOHRER 5.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1094	D-35097	OMNIBOHRER 5.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1095	D-35106	OMNIBOHRER 5.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1096	D-35112	OMNIBOHRER 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X100MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1097	D-35128	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1098	D-35134	OMNIBOHRER 6.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1099	D-35140	OMNIBOHRER 6.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1100	D-35156	OMNIBOHRER 6.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1101	D-35162	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1102	D-35178	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1103	D-35184	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	DRBIT	STONE	29.376	8%
1104	D-35209	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	DRBIT	STONE	36.180	8%
1105	D-35215	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	DRBIT	STONE	36.180	8%
1106	D-35221	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	DRBIT	STONE	96.390	8%
1107	D-35237	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	DRBIT	STONE	43.092	8%
1108	D-35243	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	DRBIT	STONE	49.950	8%
1109	D-35259	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	DRBIT	STONE	103.140	8%
1110	D-35265	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	DRBIT	STONE	137.376	8%
1111	D-35271	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	DRBIT	STONE	56.808	8%
1112	D-35287	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	DRBIT	STONE	56.808	8%
1113	D-35293	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	DRBIT	STONE	123.660	8%
1114	D-37683	DRILL BITS	MŨI KHOAN	DRBIT	STONE	1.447.200	8%

1115	E-14255	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK MULTI MATE	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUỖI THẮNG 5 CÁI (4,5,6,7,8)	DRBIT	OTDBT	285.120	8%
1116	D-36974	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAIGHT SHANK/ O	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUỖI THẮNG 5 CÁI/BỘ	DRBIT	OTDBT	174.960	8%
G MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS							
1117	D-79099	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 6X110MM	SDSPL		42.768	8%
1118	D-79108	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 6X160MM	SDSPL		53.190	8%
1119	D-79142	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 8X110MM	SDSPL		53.190	8%
1120	D-79158	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 8X160MM	SDSPL		53.190	8%
1121	D-79186	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 10X110MM	SDSPL		53.190	8%
1122	D-79192	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 10X160MM	SDSPL		53.190	8%
1123	D-79239	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 12X160MM	SDSPL		63.504	8%
1124	D-79295	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 14X160MM	SDSPL		85.590	8%
1125	D-79348	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG TCT SDS-PLUS 16X160MM	SDSPL		106.380	8%
1126	D-16950	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X90MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 3.5X90MM	SDSPL		46.440	8%
1127	D-00016	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 4X110MM	SDSPL		46.440	8%
1128	D-00022	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 5x110MM	SDSPL		46.440	8%
1129	D-00038	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 5x160MM	SDSPL		46.440	8%
1130	D-00044	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 5.5x110MM	SDSPL		43.740	8%
1131	D-00050	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 6X110MM	SDSPL		46.440	8%
1132	D-00066	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 6X160MM	SDSPL		53.352	8%
1133	D-00072	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 6X210MM	SDSPL		60.210	8%
1134	D-00088	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 6.5X110MM	SDSPL		53.352	8%
1135	D-00094	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 6.5X160MM	SDSPL		53.352	8%
1136	D-00103	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 7X110MM	SDSPL		53.352	8%
1137	D-00119	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 7X160MM	SDSPL		53.352	8%
1138	D-00125	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 8X110MM	SDSPL		53.352	8%
1139	D-00131	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 8X160MM	SDSPL		53.352	8%
1140	D-00147	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 8X210MM	SDSPL		60.210	8%
1141	D-00153	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 8X260MM	SDSPL		67.068	8%
1142	D-00169	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9x210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 9X210MM	SDSPL		56.700	8%
1143	D-00175	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 10X160MM	SDSPL		53.352	8%
1144	D-00181	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 10X210MM	SDSPL		60.210	8%
1145	D-00197	SDS-PLUS HAMMERS 10X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 10x260MM	SDSPL		67.068	8%
1146	D-00206	SDS-PLUS HAMMERS 10X310MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 10x310MM	SDSPL		82.620	8%
1147	D-00212	SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 11x160MM	SDSPL		53.352	8%
1148	D-00228	SDS-PLUS HAMMERS 12X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 12x160MM	SDSPL		60.210	8%
1149	D-00234	SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 12x210MM	SDSPL		73.980	8%
1150	D-00240	SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 12x260MM	SDSPL		82.620	8%
1151	D-00256	SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 13x160MM	SDSPL		60.210	8%
1152	D-00262	SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 14x160MM	SDSPL		73.980	8%
1153	D-00278	SDS-PLUS HAMMERS 14X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 14x260MM	SDSPL		96.390	8%
1154	D-00284	SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 15x160MM	SDSPL		89.370	8%
1155	D-00290	SDS-PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 16x210MM	SDSPL		110.160	8%
1156	D-00309	SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 16x310MM	SDSPL		125.496	8%
1157	D-00315	SDS-PLUS HAMMERS 17X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 17x210MM	SDSPL		125.496	8%
1158	D-00321	SDS-PLUS HAMMERS 18X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 18x210MM	SDSPL		125.496	8%
1159	D-00337	SDS-PLUS HAMMERS 18X300MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 18x300MM	SDSPL		168.480	8%
1160	D-00343	SDS-PLUS HAMMERS 19X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 19x210MM	SDSPL		154.710	8%
1161	D-00359	SDS-PLUS HAMMERS 20X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 20x210MM	SDSPL		161.730	8%
1162	D-00365	SDS-PLUS HAMMERS 20X310MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 20x310MM	SDSPL		206.280	8%
1163	D-00371	SDS-PLUS HAMMERS 22X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 22x260MM	SDSPL		213.030	8%
1164	D-00387	SDS-PLUS HAMMERS 25X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 25x260MM	SDSPL		264.600	8%
1165	D-00393	SDS-PLUS HAMMERS 26X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 26x260MM	SDSPL		292.140	8%
1166	D-66612	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 4X160MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 4X160MM	SDSPL		53.352	8%
1167	D-66628	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 5X210MM	SDSPL		56.700	8%
1168	D-66634	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 6.5X260MM	SDSPL		63.180	8%
1169	D-66640	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 8X310MM	SDSPL		89.370	8%
1170	D-66656	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X350MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 10X350MM	SDSPL		89.370	8%
1171	D-66662	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X210MM	SDSPL		63.180	8%
1172	D-66678	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X260MM	SDSPL		77.760	8%
1173	D-66684	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 12X310MM	SDSPL		89.370	8%
1174	D-66690	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 13X210MM	SDSPL		89.370	8%
1175	D-66709	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 14X310MM	SDSPL		118.800	8%
1176	D-14102	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.5X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 12.5X160MM	SDSPL		56.700	8%
1177	D-15235	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X460MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 20X460MM	SDSPL		264.600	8%
1178	D-15241	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X460MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 22X460MM	SDSPL		292.140	8%
1179	D-15257	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X460MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 25X460MM	SDSPL		352.350	8%
1180	D-15263	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X460MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 26X460MM	SDSPL		410.670	8%
1181	D-15665	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X110MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 3.5X110MM	SDSPL		46.440	8%
1182	D-16106	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 5.5X160MM	SDSPL		53.352	8%
1183	D-16112	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 12X350MM	SDSPL		89.370	8%
1184	D-16128	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 13X350MM	SDSPL		97.200	8%
1185	D-21331	BIT FOR SDS PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 14X210MM	SDSPL		89.370	8%
1186	D-16134	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 14X350MM	SDSPL		118.800	8%
1187	D-16140	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 15X350MM	SDSPL		137.700	8%
1188	D-03311	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 25X350MM	SDSPL		300.780	8%
1189	D-03981	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16x160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 16X160MM	SDSPL		90.720	8%
1190	D-16156	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 16X260MM	SDSPL		118.800	8%
1191	D-16162	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 16X350MM	SDSPL		146.070	8%
1192	D-16178	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 17X160MM	SDSPL		118.800	8%
1193	D-16184	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 17X260MM	SDSPL		146.070	8%
1194	D-16190	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 17X350MM	SDSPL		177.120	8%
1195	D-16209	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X160MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 18X160MM	SDSPL		118.800	8%
1196	D-16215	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 18X260MM	SDSPL		146.070	8%
1197	D-16221	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 18X350MM	SDSPL		177.120	8%
1198	D-16243	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 19X350MM	SDSPL		220.050	8%
1199	D-16259	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X260MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 20X260MM	SDSPL		177.120	8%
1200	D-16265	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG SDS-PLUS 20X350MM	SDSPL		220.050	8%

1201	D-16271	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 12X460MM	SDSPL		168.480	8%
1202	D-16287	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 16X460MM	SDSPL		206.280	8%
1203	D-16293	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 19X460MM	SDSPL		264.600	8%
1204	D-16302	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 24X460MM	SDSPL		314.280	8%
1205	D-16318	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 28X460MM	SDSPL		467.100	8%
1206	D-17538	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 10X460MM	SDSPL		161.730	8%
1207	D-17544	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 14X460MM	SDSPL		177.120	8%
1208	D-17550	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 15X460MM	SDSPL		220.050	8%
1209	D-17566	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 18X460MM	SDSPL		242.460	8%
1210	D-17572	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X460MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 30X460MM	SDSPL		606.690	8%
1211	D-01149	SDS-PLUS DRILL 14.5X160	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 14.5X160MM	SDSPL		84.240	8%
1212	D-03268	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.8X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 5.8X110MM	SDSPL		43.740	8%
1213	D-03274	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9.5X210MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 9.5X210MM	SDSPL		56.700	8%
1214	D-03280	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 12.7X160MM	SDSPL		60.210	8%
1215	D-03296	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X350MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 12.7X350MM	SDSPL		97.200	8%
1216	D-03305	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17.5X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 17.5X160MM	SDSPL		111.780	8%
1217	D-03997	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14.3X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 14.3X160MM	SDSPL		69.660	8%
1218	D-74728	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4PCS (6.5,8,1	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 4 CÁI (6.5,8,10,12X160MM)	SDSPL		181.440	8%
1219	D-00795	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 5,6,8X110MM, 6,8	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 5 CÁI/BỘ 5,6,8X110MM, 6,8	SDSPL		181.440	8%
1220	D-17784	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 6,6.5X110MM, 8,10	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 5 CÁI/BỘ 6,6.5X110MM, 8,10	SDSPL		228.690	8%
1221	D-36049	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4PCS) 6,8,10,12X160MM	BỘ MŨI KHOAN TCT CHUÔI SDS PLUS (4PCS) 6,8,10,12	SDSPL		216.540	8%
1222	D-62723	T.C.T DRILL BIT 12 PCS (6,8,10,12) SET FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUÔI SDS-PLUS 12PCS/SET	DRBIT	STONE	563.760	8%
1223	B-54128	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X110MM	SDSPL		60.210	8%
1224	B-54134	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X160MM	SDSPL		60.210	8%
1225	B-54140	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X110MM	SDSPL		61.830	8%
1226	B-54156	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X160MM	SDSPL		67.068	8%
1227	B-54162	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X210MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X210MM	SDSPL		67.068	8%
1228	B-54178	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X110MM	SDSPL		63.180	8%
1229	B-54184	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X160MM	SDSPL		73.980	8%
1230	B-54190	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X160MM	SDSPL		82.620	8%
1231	B-54209	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X210MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X210MM	SDSPL		85.860	8%
1232	B-54215	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X160MM	SDSPL		96.390	8%
1233	B-54221	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X210MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X210MM	SDSPL		103.680	8%
1234	B-55859	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 4X110MM	SDSPL		60.210	8%
1235	B-55865	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X110MM	SDSPL		60.210	8%
1236	B-55871	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X160MM	SDSPL		67.068	8%
1237	B-55887	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X110MM	SDSPL		67.068	8%
1238	B-55893	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X160MM	SDSPL		67.068	8%
1239	B-55902	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X210MM	SDSPL		84.240	8%
1240	B-55918	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6.5X260MM	SDSPL		91.260	8%
1241	B-55924	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 7X110MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 7X110MM	SDSPL		67.068	8%
1242	B-55930	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 7X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 7X160MM	SDSPL		69.660	8%
1243	B-55946	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 7X210MM	SDSPL		84.240	8%
1244	B-55952	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 8X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 8X210MM	SDSPL		84.240	8%
1245	B-55968	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 8X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 8X260MM	SDSPL		92.340	8%
1246	B-55974	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 9X160MM	SDSPL		82.620	8%
1247	B-55980	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X110MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 10X110MM	SDSPL		82.620	8%
1248	B-55996	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 10X260MM	SDSPL		105.300	8%
1249	B-56007	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X310MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 10X310MM	SDSPL		118.800	8%
1250	B-56013	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 10X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 10X460MM	SDSPL		209.790	8%
1251	B-56029	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 12X260MM	SDSPL		124.740	8%
1252	B-56035	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 12X350MM	SDSPL		147.420	8%
1253	B-56041	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 12X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 12X460MM	SDSPL		230.310	8%
1254	B-56057	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X160MM	SDSPL		132.408	8%
1255	B-56063	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 14X160MM	SDSPL		157.140	8%
1256	B-56079	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 14X210MM	SDSPL		158.760	8%
1257	B-56085	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X260MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 14X260MM	SDSPL		185.490	8%
1258	B-56091	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 14X350MM	SDSPL		187.920	8%
1259	B-56100	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 14X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 14X460MM	SDSPL		264.600	8%
1260	B-56116	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X160MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 16X160MM	SDSPL		157.140	8%
1261	B-56122	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X210MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 16X210MM	SDSPL		192.510	8%
1262	B-56138	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X310MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 16X310MM	SDSPL		217.080	8%
1263	B-56144	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X350MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 16X350MM	SDSPL		236.520	8%
1264	B-56150	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMERS 16X460MM	SDS-PLUS MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM 16X460MM	SDSPL		298.890	8%
1265	B-56465	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 17X210MM	SDSPL		237.330	8%
1266	B-56471	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 17X350MM	SDSPL		298.890	8%
1267	B-67804	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 4X160MM	SDSPL		67.068	8%
1268	B-67810	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5X210MM	SDSPL		73.980	8%
1269	B-67826	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 5.5X210MM	SDSPL		73.980	8%
1270	B-67832	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 6X260MM	SDSPL		84.240	8%
1271	B-67848	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X310MM	SDSPL		105.030	8%
1272	B-67854	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X400MM	SDSPL		132.408	8%
1273	B-67860	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 9X210MM	SDSPL		91.260	8%
1274	B-67876	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 10X350MM	SDSPL		125.496	8%
1275	B-67882	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X160MM	SDSPL		96.390	8%
1276	B-67898	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X210MM	SDSPL		105.030	8%
1277	B-67907	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 11X260MM	SDSPL		132.408	8%
1278	B-67913	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 12X310MM	SDSPL		146.070	8%
1279	B-67929	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X210MM	SDSPL		146.070	8%
1280	B-67935	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 13X260MM	SDSPL		163.350	8%
1281	B-67941	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 14X310MM	SDSPL		202.770	8%
1282	B-67957	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X160MM	SDSPL		168.480	8%
1283	B-67963	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X260MM	SDSPL		199.260	8%
1284	B-67979	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 16X260MM	SDSPL		199.260	8%
1285	B-67985	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X310MM	SDSPL		278.640	8%
1286	B-67991	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X310MM	SDSPL		376.110	8%
1287	B-68002	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X260MM	SDSPL		417.420	8%

1288	B-68018	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X260MM	SDSPL	543.240	8%
1289	B-68024	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X260MM	SDSPL	543.240	8%
1290	B-68030	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 26X260MM	SDSPL	549.720	8%
1291	B-68046	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 8X460MM	SDSPL	182.250	8%
1292	B-68052	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 15X460MM	SDSPL	285.120	8%
1293	B-68068	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X460MM	SDSPL	376.110	8%
1294	B-68074	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X460MM	SDSPL	459.000	8%
1295	B-68080	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X460MM	SDSPL	591.030	8%
1296	B-68096	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X460MM	SDSPL	652.590	8%
1297	B-68105	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X460MM	SDSPL	659.880	8%
1298	B-68111	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 26X460MM	SDSPL	736.830	8%
1299	B-62125	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X210MM18X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X210MM	SDSPL	261.036	8%
1300	B-62131	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X350MM18X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 18X350MM	SDSPL	319.680	8%
1301	B-62147	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X210MM19X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 19X210MM	SDSPL	314.280	8%
1302	B-62153	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X350MM19X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 19X350MM	SDSPL	376.110	8%
1303	B-62169	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X210MM20X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 20X210MM	SDSPL	329.940	8%
1304	B-62181	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X210MM22X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X210MM	SDSPL	489.510	8%
1305	B-62197	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X350MM22X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 22X350MM	SDSPL	493.020	8%
1306	B-62206	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X210MM24X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X210MM	SDSPL	551.340	8%
1307	B-62212	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X350MM24X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 24X350MM	SDSPL	597.780	8%
1308	B-62228	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X210MM25X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X210MM	SDSPL	560.520	8%
1309	B-62234	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X350MM25X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 25X350MM	SDSPL	604.530	8%
1310	B-62240	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X210MM28X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 28X210MM	SDSPL	712.800	8%
1311	B-62262	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X210MM30X210MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 30X210MM	SDSPL	888.030	8%
1312	B-62278	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X350MM30X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 30X350MM	SDSPL	945.000	8%
1313	B-62284	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ32X350MM32X350MM	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM SDS-PLUS 32X350MM	SDSPL	1.138.590	8%
1314	B-68127	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 5X110MM	SDSPL	67.068	8%
1315	B-68133	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 5X160MM	SDSPL	67.068	8%
1316	B-68149	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 5X210MM	SDSPL	82.620	8%
1317	B-68155	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 5X260MM	SDSPL	82.620	8%
1318	B-68161	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X310MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6X310MM	SDSPL	103.140	8%
1319	B-68177	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X260	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 18X260MM	SDSPL	510.192	8%
1320	B-68183	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X260	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 20X260MM	SDSPL	628.560	8%
1321	B-68199	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X260	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 22X260MM	SDSPL	788.400	8%
1322	B-68208	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X260	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 25X260MM	SDSPL	979.020	8%
1323	B-68236	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X460	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 18X460MM	SDSPL	620.190	8%
1324	B-68242	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X460	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 20X460MM	SDSPL	750.600	8%
1325	B-68258	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X460	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 22X460MM	SDSPL	970.920	8%
1326	B-68264	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X460	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 25X460MM	SDSPL	1.051.920	8%
1327	B-62496	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 6	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6X110MM	SDSPL	73.980	8%
1328	B-62505	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 6	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6X160MM	SDSPL	73.980	8%
1329	B-62511	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X210MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6X210MM	SDSPL	82.620	8%
1330	B-62527	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X260MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6X260MM	SDSPL	96.390	8%
1331	B-62533	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X110MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6.5X110MM	SDSPL	82.620	8%
1332	B-62549	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X160MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6.5X160MM	SDSPL	82.620	8%
1333	B-62555	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X210MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6.5X210MM	SDSPL	89.370	8%
1334	B-62561	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X260MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 6.5X260MM	SDSPL	103.140	8%
1335	B-62577	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X110MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 7X110MM	SDSPL	89.370	8%
1336	B-62583	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X160MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 7X160MM	SDSPL	89.370	8%
1337	B-62599	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X210MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 7X210MM	SDSPL	96.390	8%
1338	B-62608	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X110MM	SDSPL	96.390	8%
1339	B-62614	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X160MM	SDSPL	96.390	8%
1340	B-62620	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 8	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X210MM	SDSPL	110.160	8%
1341	B-62636	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X260MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X260MM	SDSPL	110.160	8%
1342	B-62642	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X310MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X310MM	SDSPL	118.800	8%
1343	B-62658	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X460MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 8X460MM	SDSPL	199.260	8%
1344	B-62664	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X110MM	SDSPL	125.496	8%
1345	B-62670	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X160MM	SDSPL	118.800	8%
1346	B-62686	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X210MM	SDSPL	139.320	8%
1347	B-62692	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X260MM	SDSPL	161.730	8%
1348	B-62701	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X310MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X310MM	SDSPL	154.710	8%
1349	B-62717	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X350MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X350MM	SDSPL	161.730	8%
1350	B-62723	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X460MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 10X460MM	SDSPL	235.440	8%
1351	B-62739	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X160MM	SDSPL	177.120	8%
1352	B-62745	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X210MM	SDSPL	183.870	8%
1353	B-62751	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X260MM	SDSPL	199.260	8%
1354	B-62767	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X310MM	SDSPL	194.400	8%
1355	B-62773	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X350MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X350MM	SDSPL	213.030	8%
1356	B-62789	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X460MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 12X460MM	SDSPL	285.120	8%
1357	B-62795	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X160MM	SDSPL	255.960	8%
1358	B-62804	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X210MM	SDSPL	264.600	8%
1359	B-62810	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X260MM	SDSPL	285.120	8%
1360	B-62826	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X310MM	SDSPL	268.920	8%
1361	B-62832	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X350MM	SDSPL	292.140	8%
1362	B-62848	4CUTTER FOR SDS-PLUS 14X460MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 14X460MM	SDSPL	328.050	8%
1363	B-62854	4CUTTER FOR SDS-PLUS 16X160MM	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X160MM	SDSPL	292.140	8%
1364	B-62860	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X210MM	SDSPL	321.300	8%
1365	B-62876	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X260MM	SDSPL	336.690	8%
1366	B-62882	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X310MM	SDSPL	338.580	8%
1367	B-62898	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X350MM	SDSPL	345.060	8%
1368	B-62907	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS HAMMERS 1	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-PLUS 16X460MM	SDSPL	417.420	8%
1369	B-57897	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5X110MM	SDSPL	191.160	8%
1370	B-57906	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5X160MM	SDSPL	170.100	8%
1371	B-57912	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5X215MM	SDSPL	237.330	8%
1372	B-57928	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5X265MM	SDSPL	257.688	8%
1373	B-57934	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5X315MM	SDSPL	424.440	8%
1374	B-57940	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5.5X115MM	SDSPL	178.740	8%

1375	B-57956	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 5.5X165MM	SDSPL	159.840	8%
1376	B-57962	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6X115MM	SDSPL	153.090	8%
1377	B-57978	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6X165MM	SDSPL	159.840	8%
1378	B-57984	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X215	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6X215MM	SDSPL	210.600	8%
1379	B-57990	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X265	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6X265MM	SDSPL	244.080	8%
1380	B-58001	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6X315MM	SDSPL	374.220	8%
1381	B-58023	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6.5X165MM	SDSPL	171.720	8%
1382	B-58045	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6.5X265MM	SDSPL	294.840	8%
1383	B-58051	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X315	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 6.5X315MM	SDSPL	374.220	8%
1384	B-58067	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 7X115MM	SDSPL	189.000	8%
1385	B-58073	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 7X165MM	SDSPL	189.000	8%
1386	B-58089	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 7X215MM	SDSPL	244.080	8%
1387	B-58095	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X115MM	SDSPL	196.020	8%
1388	B-58104	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X165MM	SDSPL	189.000	8%
1389	B-58110	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X215MM	SDSPL	244.080	8%
1390	B-58126	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X265MM	SDSPL	294.840	8%
1391	B-58132	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X315MM	SDSPL	403.650	8%
1392	B-58154	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X465MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 8X465MM	SDSPL	584.010	8%
1393	B-58176	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 9X165MM	SDSPL	189.000	8%
1394	B-58182	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 9X265MM	SDSPL	319.680	8%
1395	B-58198	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X115MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X115MM	SDSPL	196.020	8%
1396	B-58207	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X165MM	SDSPL	202.770	8%
1397	B-58213	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X215MM	SDSPL	250.776	8%
1398	B-58229	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X265MM	SDSPL	326.430	8%
1399	B-58235	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X315MM	SDSPL	410.670	8%
1400	B-58257	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X455MM	SDSPL	543.240	8%
1401	B-58263	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 10X600MM	SDSPL	826.200	8%
1402	B-58279	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER NEMESIS II 10	MŨI KHOAN TCT CHUỐI SDS PLUS NEMESIS II10X1000	SDSPL	1.917.000	8%
1403	B-58285	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 11X160MM	SDSPL	194.400	8%
1404	B-58338	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X210MM	SDSPL	233.280	8%
1405	B-58344	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X260MM	SDSPL	285.120	8%
1406	B-58350	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X310MM	SDSPL	362.880	8%
1407	B-58366	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X450MM	SDSPL	524.880	8%
1408	B-58394	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X160MM	SDSPL	246.240	8%
1409	B-58425	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X310MM	SDSPL	492.480	8%
1410	B-58431	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X160MM	SDSPL	272.160	8%
1411	B-58447	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X210MM	SDSPL	367.740	8%
1412	B-58475	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X450MM	SDSPL	544.320	8%
1413	B-58506	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 15X160MM	SDSPL	356.400	8%
1414	B-58578	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X310MM	SDSPL	550.800	8%
1415	B-58615	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 18X250MM	SDSPL	745.200	8%
1416	B-58637	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 20X250MM	SDSPL	810.000	8%
1417	B-58665	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 22X250MM	SDSPL	951.480	8%
1418	B-58687	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X450	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 22X450MM	SDSPL	1.236.600	8%
1419	B-58693	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 24X250MM	SDSPL	1.346.760	8%
1420	B-58702	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 24X450MM	SDSPL	1.276.560	8%
1421	B-58718	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 25X250MM	SDSPL	1.145.340	8%
1422	B-58724	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 25X450MM	SDSPL	1.466.100	8%
1423	B-58746	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 28X250MM	SDSPL	1.639.440	8%
1424	B-58752	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 28X450MM	SDSPL	1.832.760	8%
1425	B-58768	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X250MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 30X250MM	SDSPL	1.832.760	8%
1426	B-58774	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X450MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 30X450MM	SDSPL	1.807.920	8%
1427	B-58780	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 32X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 32X455MM	SDSPL	2.414.610	8%
1428	B-11748	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X310MM	SDSPL	362.880	8%
1429	B-11900	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 12X310MM	SDSPL	362.880	8%
1430	B-12158	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 28X450MM	MŨI KHOAN BÈ TÔNG SDS-PLUS NEMESIS 28X450MM	SDSPL	1.563.840	8%
1431	E-14495	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 11X165MM	SDSPL	250.776	8%
1432	E-14504	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 11X215MM	SDSPL	298.890	8%
1433	E-14510	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 11X265MM	SDSPL	346.950	8%
1434	E-14526	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 11X315MM	SDSPL	465.480	8%
1435	E-14532	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X165MM	SDSPL	264.600	8%
1436	E-14548	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X215MM	SDSPL	305.910	8%
1437	E-14554	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X265MM	SDSPL	362.610	8%
1438	E-14560	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X315MM	SDSPL	479.520	8%
1439	E-14576	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X455MM	SDSPL	666.360	8%
1440	E-14582	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 12X600MM	SDSPL	854.280	8%
1441	E-14598	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X165MM	SDSPL	319.680	8%
1442	E-14607	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X215MM	SDSPL	520.344	8%
1443	E-14613	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X265MM	SDSPL	591.030	8%
1444	E-14629	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 13X315MM	SDSPL	632.610	8%
1445	E-14635	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X165MM	SDSPL	340.200	8%
1446	E-14641	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X215MM	SDSPL	535.788	8%
1447	E-14657	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X265MM	SDSPL	604.530	8%
1448	E-14663	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X315MM	SDSPL	659.880	8%
1449	E-14679	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X455MM	SDSPL	693.900	8%
1450	E-14685	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 14X600MM	SDSPL	930.960	8%
1451	E-14691	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 15X165MM	SDSPL	520.344	8%
1452	E-14700	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 15X215MM	SDSPL	584.010	8%
1453	E-14716	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 15X265MM	SDSPL	639.090	8%
1454	E-14722	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 15X455MM	SDSPL	854.280	8%
1455	E-14738	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X165MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X165MM	SDSPL	543.240	8%
1456	E-14744	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X215MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X215MM	SDSPL	604.530	8%
1457	E-14750	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X265MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X265MM	SDSPL	673.380	8%
1458	E-14766	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X315MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X315MM	SDSPL	716.850	8%
1459	E-14772	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X455MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X455MM	SDSPL	876.150	8%
1460	E-14788	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X600MM	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS 16X600MM	SDSPL	1.145.880	8%
1461	E-19598	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER NEMESIS III 2	MŨI KHOAN TCT CHUỐI SDS PLUS NEMESIS III2X1000	SDSPL	2.054.160	8%

1462	E-19607	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER NEMESIS II 14	MŨI KHOAN TCT CHUỐI SDS PLUS NEMESIS II14X1000	SDSPL		2.111.400	8%
1463	E-19613	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER NEMESIS II 16	MŨI KHOAN TCT CHUỐI SDS PLUS NEMESIS II16X1000	SDSPL		2.414.610	8%
1464	E-24860	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS NEMESIS2 18	MŨI KHOAN BÉ TÔNG NEMESIS2 TCT CHUỐI SDS-PLU	SDSPL		1.044.576	8%
1465	E-24876	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS NEMESIS2 20	MŨI KHOAN BÉ TÔNG NEMESIS2 TCT CHUỐI SDS-PLU	SDSPL		1.182.060	8%
1466	E-24882	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS NEMESIS2 24	MŨI KHOAN BÉ TÔNG NEMESIS2 TCT CHUỐI SDS-PLU	SDSPL		1.133.460	8%
1467	E-24898	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X450MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG NEMESIS2 TCT CHUỐI SDS-PLU	SDSPL		1.360.800	8%
1468	B-05848	DELTAGON TCT HAMMER BIT 5X216MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG DELTAGON 5X216MM	SDSPL		341.280	8%
1469	B-07456	DELTAGON TCT HAMMER BIT 15x166MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG DELTAGON 15x166MM	SDSPL		544.320	8%
1470	B-07593	DELTAGON TCTHAMMER BIT 6.5X316MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG DELTAGON 6.5X316MM	SDSPL		567.000	8%
1471	B-10126	DELTAGON TCT HAMMER BIT 13X166MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG DELTAGON 13X166MM	SDSPL		375.840	8%
1472	B-10148	DELTAGON TCTHAMMER BIT 13X316MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG DELTAGON 13X316MM	SDSPL		896.400	8%
1473	D-08040	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 9X110MM	SDSPL		53.352	8%
1474	D-08056	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X160MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 9X160MM	SDSPL		53.352	8%
1475	D-08062	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X310MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 22X310MM	SDSPL		235.440	8%
1476	D-08078	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X310MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 26X310MM	SDSPL		321.300	8%
1477	D-08517	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X310MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 25X310MM	SDSPL		285.120	8%
1478	D-09117	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X110MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 10X110MM	SDSPL		53.352	8%
1479	D-25644	SDS-PLUS DRILL 24X260MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 24X260MM	SDSPL		255.960	8%
1480	D-25666	SDS-PLUS DRILL 6X260MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS 6X260MM	SDSPL		67.068	8%
1481	D-65121	SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X210MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS	SDSPL		1.041.660	8%
1482	A-54617	SDS-PLUS BIT 21.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 21.5X165MM	SDSPL		1.058.400	8%
1483	B-64381	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 12X325	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD12X32	SDS		1.598.400	8%
1484	B-64397	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 14X360	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD14X36	SDS		1.684.800	8%
1485	B-64406	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 16X360	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD16X36	SDSPL		2.125.440	8%
1486	B-64412	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-PLUS 18X360	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD18X36	SDSPL		2.540.160	8%
1487	B-64440	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 20X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD20X60	SDSMX		4.665.600	8%
1488	B-64456	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 22X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD22X60	SDSMX		3.974.400	8%
1489	B-64478	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 25X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD25X60	SDSMX		4.950.720	8%
1490	B-64484	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 28X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD28X60	SDSMX		5.546.880	8%
1491	B-64509	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 30X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD30X60	SDSMX		5.728.320	8%
1492	B-64521	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-MAX 32X600	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỚNG HÚT BUL CHUỐI SD32X60	SDSMX		5.987.520	8%
1493	D-33875	SDS-MAX TCT DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 12X340MM	SDSMX		319.680	8%
1494	D-33881	SDS-MAX TCT DRILL 12X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 12X540MM	SDSMX		459.000	8%
1495	D-33897	SDS-MAX TCT DRILL 14X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 14X340MM	SDSMX		355.590	8%
1496	D-33906	SDS-MAX TCT DRILL 14X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 14X540MM	SDSMX		486.000	8%
1497	D-33912	SDS-MAX TCT DRILL 15X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 15X340MM	SDSMX		390.150	8%
1498	D-33928	SDS-MAX TCT DRILL 15X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 15X540MM	SDSMX		520.344	8%
1499	D-33934	SDS-MAX TCT DRILL 16X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 16X340MM	SDSMX		390.150	8%
1500	D-33940	SDS-MAX TCT DRILL 16X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 16X540MM	SDSMX		520.344	8%
1501	D-33956	SDS-MAX TCT DRILL 18X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 18X340MM	SDSMX		424.440	8%
1502	D-33962	SDS-MAX TCT DRILL 18X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 18X540MM	SDSMX		524.880	8%
1503	D-33978	SDS-MAX TCT DRILL 20X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 20X340MM	SDSMX		472.500	8%
1504	D-33984	SDS-MAX TCT DRILL 20X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 20X540MM	SDSMX		645.840	8%
1505	D-33990	SDS-MAX TCT DRILL 22X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 22X340MM	SDSMX		520.344	8%
1506	D-34001	SDS-MAX TCT DRILL 22X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 22X540MM	SDSMX		702.540	8%
1507	D-34017	SDS-MAX TCT DRILL 24X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 24X340MM	SDSMX		549.720	8%
1508	D-34023	SDS-MAX TCT DRILL 24X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 24X540MM	SDSMX		730.080	8%
1509	D-34039	SDS-MAX TCT DRILL 25X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 25X340MM	SDSMX		549.720	8%
1510	D-34045	SDS-MAX TCT DRILL 25X540MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 25X540MM	SDSMX		730.080	8%
1511	D-34051	SDS-MAX TCT DRILL 28X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 28X370MM	SDSMX		645.840	8%
1512	D-34067	SDS-MAX TCT DRILL 28X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 28X570MM	SDSMX		986.310	8%
1513	D-34073	SDS-MAX TCT DRILL 30X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 30X370MM	SDSMX		757.620	8%
1514	D-34089	SDS-MAX TCT DRILL 30X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 30X570MM	SDSMX		1.214.460	8%
1515	D-34095	SDS-MAX TCT DRILL 32X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 32X370MM	SDSMX		1.056.240	8%
1516	D-34104	SDS-MAX TCT DRILL 32X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 32X570MM	SDSMX		1.346.760	8%
1517	D-34110	SDS-MAX TCT DRILL 35X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 35X370MM	SDSMX		1.270.890	8%
1518	D-34126	SDS-MAX TCT DRILL 35X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 35X570MM	SDSMX		1.492.560	8%
1519	D-34132	SDS-MAX TCT DRILL 38X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 38X370MM	SDSMX		1.487.160	8%
1520	D-34148	SDS-MAX TCT DRILL 38X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 38X570MM	SDSMX		1.894.320	8%
1521	D-34154	SDS-MAX TCT DRILL 40X370MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 40X370MM	SDSMX		1.750.950	8%
1522	D-34160	SDS-MAX TCT DRILL 40X570MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 40X570MM	SDSMX		1.872.720	8%
1523	D-54994	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS 12.7X340M	MŨI KHOAN TUỔNG T.C.T CHUỐI SDS-MAX 12.7X340M	SDSMX		383.130	8%
1524	D-55011	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS 14.3X340M	MŨI KHOAN TUỔNG T.C.T CHUỐI SDS-MAX 14.3X340M	SDSMX		380.700	8%
1525	D-55033	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS 19X340MM	MŨI KHOAN TUỔNG T.C.T CHUỐI SDS-MAX 19X340MM	SDSMX		591.030	8%
1526	D-55055	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS 19X540MM	MŨI KHOAN TUỔNG T.C.T CHUỐI SDS-MAX 19X540MM	SDSMX		688.500	8%
1527	D-40587	SDS-MAX TCT DRILL 3PC ASSORTMENT (F16, F18, F20)	BỘ MŨI KHOAN SDS-MAX TCT (Φ16, Φ18, Φ20)	SDSMX		1.223.640	8%
1528	D-40674	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (10PC.)	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS (10PC.)(10pc.)	SDSPL		305.910	8%
1529	D-40680	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (25PC.)	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-PLUS (25PC.)(25pc.)	SDSPL		723.330	8%
1530	E-11324	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 12	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 12X340MM	SDSMX		340.200	8%
1531	E-11330	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 12	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 12X540MM	SDSMX		465.480	8%
1532	E-11346	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 14	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 14X340MM	SDSMX		417.420	8%
1533	E-11352	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 14	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 14X540MM	SDSMX		529.200	8%
1534	E-11368	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 16	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 16X340MM	SDSMX		499.824	8%
1535	E-11374	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 16	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 16X540MM	SDSMX		611.820	8%
1536	E-11380	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 18	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 18X340MM	SDSMX		673.380	8%
1537	E-11396	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 18	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 18X540MM	SDSMX		778.140	8%
1538	E-11405	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 20	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 20X340MM	SDSMX		791.910	8%
1539	E-11411	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 20	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 20X540MM	SDSMX		945.000	8%
1540	E-11427	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 22	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 22X340MM	SDSMX		917.730	8%
1541	E-11433	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 22	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 22X540MM	SDSMX		1.077.840	8%
1542	E-11449	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 24	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 24X340MM	SDSMX		1.034.208	8%
1543	E-11455	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 24	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 24X540MM	SDSMX		1.193.670	8%
1544	E-11461	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 25	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 25X340MM	SDSMX		1.077.840	8%
1545	E-11477	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 25	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 25X540MM	SDSMX		1.230.120	8%
1546	E-11483	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 28	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 28X370MM	SDSMX		1.333.800	8%
1547	E-11499	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 28	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 28X570MM	SDSMX		1.639.440	8%
1548	E-11508	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 30	MŨI KHOAN 4 CẢNH SDS-MAX 30X370MM	SDSMX		1.639.440	8%

1549	E-11514	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS/4CUTTER 30	MŨI KHOAN 4 CẠNH SDS-MAX 30X570MM	SDSMX		2.026.296	8%
1550	B-19897	SDS-MAX NEMESIS DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 12X340MM	SDSMX		951.480	8%
1551	B-19928	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 14X340MM	SDSMX		1.020.168	8%
1552	B-19934	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 14X540MM	SDSMX		1.112.940	8%
1553	B-19962	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 16X340MM	SDSMX		1.180.710	8%
1554	B-19978	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 16X540MM	SDSMX		1.418.040	8%
1555	B-19990	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X340MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 18X340MM	SDSMX		1.193.670	8%
1556	B-20002	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X540MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 18X540MM	SDSMX		1.499.580	8%
1557	B-20024	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 20X320MM	SDSMX		1.313.010	8%
1558	B-20030	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 20X520MM	SDSMX		1.639.440	8%
1559	B-20052	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 22X320MM	SDSMX		1.418.040	8%
1560	B-20068	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 22X520MM	SDSMX		1.693.440	8%
1561	B-20080	SDS-MAX NEMESIS DRILL 24X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 24X320MM	SDSMX		1.499.580	8%
1562	B-20096	DRILLS BIT FOR SDS MAX NEMESIS 24X520MM	MŨI KHOAN SDS MAX NEMESIS 24X520MM	DRBIT	OTDDBT	1.805.490	8%
1563	B-20105	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X320MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 25X320MM	SDSMX		1.583.820	8%
1564	B-20111	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X520MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 25X520MM	SDSMX		1.917.000	8%
1565	B-20149	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 28X370MM	SDSMX		1.750.950	8%
1566	B-20155	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 28X570MM	SDSMX		2.081.376	8%
1567	B-20183	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 30X370MM	SDSMX		2.026.296	8%
1568	B-20199	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 30X570MM	SDSMX		2.387.340	8%
1569	B-20208	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 32X370MM	SDSMX		2.277.180	8%
1570	B-20214	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 32X570MM	SDSMX		2.665.980	8%
1571	B-20236	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 35X370MM	SDSMX		2.665.980	8%
1572	B-20242	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 35X570MM	SDSMX		2.971.890	8%
1573	B-20270	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 38X370MM	SDSMX		3.026.160	8%
1574	B-20286	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X570MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 38X570MM	SDSMX		3.299.940	8%
1575	B-20292	SDS-MAX NEMESIS DRILL 40X370MM/HR4511C	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX NEMESIS 40X370MM	SDSMX		3.719.520	8%
1576	B-20301	SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	MŨI KHOAN SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	SDSMX		4.081.104	8%
1577	A-17457	SDS-MAX HAMMER BIT 14.3X305MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 14.3X305MM	SDSMX		1.015.200	8%
1578	A-17491	SDS-MAX HAMMER BIT 17.5X305MM	MŨI KHOAN BÉ TÔNG SDS-MAX 17.5X305MM	SDSMX		1.123.200	8%
1579	D-20177	17MM HEX SHANK DRILL 19X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM DRILL 19X505	DRBIT	STONE	438.210	8%
1580	D-20127	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 16X280	DRBIT	STONE	237.330	8%
1581	D-20133	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 16X505	DRBIT	STONE	333.450	8%
1582	D-20149	17MM HEX SHANK DRILL BIT 18X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 18X280	DRBIT	STONE	257.688	8%
1583	D-20155	TCT DRILL BIT 18X505MM	MŨI KHOAN HỢP KIM 18X505MM	DRBIT	STONE	376.110	8%
1584	D-20161	17MM HEX SHANK DRILL BIT 19X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 19X280	DRBIT	STONE	285.120	8%
1585	D-20183	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 20X280	DRBIT	STONE	292.140	8%
1586	D-20199	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 20X505	DRBIT	STONE	438.210	8%
1587	D-20208	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X 280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 22X280	DRBIT	STONE	326.430	8%
1588	D-20214	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 22X505	DRBIT	STONE	486.000	8%
1589	D-20236	17MM HEX SHANK DRILL BIT 25.5X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 25.5X505	DRBIT	STONE	499.824	8%
1590	D-20220	17MM HEX SHANK DRILL BIT 26X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 26X280	DRBIT	STONE	355.590	8%
1591	D-20242	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 28X280	DRBIT	STONE	410.670	8%
1592	D-20258	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 28X505	DRBIT	STONE	625.320	8%
1593	D-20264	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 32X280	DRBIT	STONE	645.840	8%
1594	D-20270	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 32X505	DRBIT	STONE	889.650	8%
1595	D-20286	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 35X280	DRBIT	STONE	791.910	8%
1596	D-20292	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÉ TÔNG 35X505	DRBIT	STONE	965.520	8%
1597	D-73891	CORE CUTTERΦ30MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ30MM	HOLSW		171.450	8%
1598	D-73900	CORE CUTTERΦ35MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ35MM	HOLSW		183.600	8%
1599	D-73916	CORE CUTTERΦ40MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ40MM	HOLSW		195.480	8%
1600	D-73922	CORE CUTTERΦ50MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ50MM	HOLSW		219.510	8%
1601	D-73938	CORE CUTTERΦ68MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ68MM	HOLSW		291.600	8%
1602	D-73944	CORE CUTTERΦ82MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ82MM	HOLSW		389.340	8%
1603	D-73950	CORE CUTTERΦ90MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ90MM	HOLSW		487.080	8%
1604	D-73966	CORE CUTTERΦ100MM	MŨI KHOẸT TUỔNGΦ100MM	HOLSW		529.200	8%
1605	D-74011	CORE CUTTER SETΦ68MM	BỘ MŨI KHOẸT TUỔNG 68MM	HOLSW		443.610	8%
1606	D-74027	CORE CUTTER SETΦ82MM	BỘ MŨI KHOẸT TUỔNG 82MM	HOLSW		547.020	8%
1607	D-73994	ADAPTER FOR CORE CUTTER 200MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẸT TUỔNG 220MM	HOLSW		139.860	8%
1608	D-74005	ADAPTER FOR CORE CUTTER 350MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẸT TUỔNG 350MM	HOLSW		189.540	8%
1609	D-73988	ADAPTER FOR CORE CUTTER 110MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẸT TUỔNG SDS-PLUS110M	HOLSW		98.010	8%
1610	D-73972	PILOT DRILL FOR CORE CUTTER 8X110MM	MŨI ĐỊNH TÂM CHO MŨI KHOẸT TUỔNG 8X110MM	HOLSW		43.740	8%
H	MŨI ĐỤC						
1611	E-13172	SELF SHARPENING BULL POINT SDS-MAX 400MM	MŨI ĐỤC TỰ MÀI CHUỐI SDS-MAX 400MM	BULLP		855.090	8%
1612	D-19152	BULL POINT 140	MŨI ĐỤC NHON 140	BULLP		54.648	8%
1613	D-08034	BULL POINT 160	MŨI ĐỤC NHON 160	BULLP		42.930	8%
1614	D-71249	BULL POINT FOR SDS-PLUS HAMMERS 230MM	MŨI ĐỤC NHON SDS-PLUS 230MM	BULLP		76.680	8%
1615	D-08713	BULL POINT 250	MŨI ĐỤC NHON 250	BULLP		90.180	8%
1616	D-19015	BULL POINT 400MM	MŨI ĐỤC NHON 400MM	BULLP		98.820	8%
1617	B-64238	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC NHON TỰ MÀI SDS-PLUS 250	BULLP		233.010	8%
1618	B-64250	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC DEP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	CHISL	SCAL	350.460	8%
1619	D-19168	COLD CHISEL 20*140	MŨI ĐỤC DEP 20*140	CHISL	COLD	54.648	8%
1620	D-71255	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X160MM	MŨI ĐỤC DEP SDS-PLUS 20X160MM	CHISL	COLD	42.930	8%
1621	D-71261	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X230MM	MŨI ĐỤC DEP SDS-PLUS 20X230MM	CHISL	COLD	81.270	8%
1622	D-08729	COLD CHISEL 20*250	MŨI ĐỤC DEP 20*250	CHISL	COLD	101.790	8%
1623	D-19021	COLD CHISEL 20x400MM	MŨI ĐỤC DEP 20X400MM	CHISL	COLD	107.730	8%
1624	B-64244	PREMIUM COLD CHISEL FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC DEP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	CHISL	COLD	233.010	8%
1625	D-71277	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 40X230MM	MŨI ĐỤC DEP SDS-PLUS 40X230MM	CHISL	SCAL	107.730	8%
1626	D-08735	SCALING CHISEL 40*250	MŨI ĐỤC DEP 40*250	CHISL	SCAL	140.076	8%
1627	D-25616	SCALING CHISEL 50*215	MŨI ĐỤC DEP 50*215	CHISL	SCAL	138.672	8%
1628	D-61020	SDS-PLUS SCALING CHISEL 40X250MM	MŨI ĐỤC DEP 80X250MM	SDSPL		424.440	8%
1629	D-61042	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 80X150MM	MŨI ĐỤC DEP CHUỐI SDS-PLUS 80X150MM	SDSPL		459.000	8%
1630	D-78324	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS TILE50*25	MŨI ĐỤC DEP CHUỐI SDS-PLUS CHỖ GẠCH 50X250MM	CHISL	SCAL	197.640	8%
1631	A-30075	GROOVING CHISEL 8-170	MŨI ĐỤC 8-170	CHISL	OTCHI	656.370	8%
1632	A-68161	SCRAPER ASSEMBLY FOR SDS-PLUS HAMMERS 100X1	MŨI LỐC SDS-PLUS 100X160MM	CHISL	OTCHI	2.358.450	8%
1633	343411-9	CUTTER	LƯỠI LỐC	OTHER		1.086.480	8%
1634	D-05181	CHISEL ASSORTMENT 20x250MM, 40x250MM 3PCS/SE	BỘ MŨI ĐỤC DEP 20x250MM, 40x250MM 3CÁI/BỘ	CHISL	OTCHI	658.800	8%

1635	D-34176	SDS-MAX BULL POINT 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHON 300MM	SDSMX		192.510	8%
1636	D-34182	SDS-MAX BULL POINT 400MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHON 400MM	SDSMX		210.600	8%
1637	D-34198	SDS-MAX BULL POINT 600MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHON 600MM	SDSMX		326.430	8%
1638	B-64266	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-MAX 400	MŨI ĐỤC NHON TỰ MÀI SDS-MAX 400	BULLP		411.750	8%
1639	D-34207	SDS-MAX COLD CHISEL 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 300MM	SDSMX	COLD	192.510	8%
1640	D-34213	SDS-MAX COLD CHISEL 400MM	MŨI ĐỤC ĐEP 400MM	SDSMX	COLD	223.560	8%
1641	D-34229	SDS-MAX COLD CHISEL 600MM/HM1812	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 600MM	SDSMX	COLD	326.430	8%
1642	B-64272	PREMIUM COLD CHISEL FORSDS-MAX 400	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-MAX 400	CHISL	COLD	411.750	8%
1643	D-34235	SDS-MAX SCALING CHISEL 50MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 50MM	SDSMX	SCAL	250.776	8%
1644	D-34241	SDS-MAX SCALING CHISEL 80MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 80MM	SDSMX	SCAL	410.670	8%
1645	B-64288	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-MAX 380	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-MAX 380	CHISL	SCAL	484.110	8%
1646	D-78330	SCALING CHISEL FOR SDS-MAX HAMMERS TILE50*40	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI SDS-MAX CHO GẠCH 50X400MM	CHISL	SCAL	311.040	8%
1647	A-19875	RAMMER FOR SDS-MAX 140MM	MŨI ĐÀM SDS-MAX 140MM	SDSMX		3.386.610	8%
1648	A-19881	BUSHING TOOL FOR SDS-MAX 60X60MM	MŨI ĐÀM SDS-MAX 60X60MM	SDSMX		1.832.760	8%
1649	A-19897	SDS-MAX SHANK(A-19881/A-19875)	THANH NỐI CHUỐI SDS-MAX(A-19881/A-19875)	SDSMX		1.257.120	8%
1650	A-47276	GROUND ROD ADAPTER	MŨI ĐÓNG CỌC	OTHER		411.750	8%
1651	E-13029	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS13.3M	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 13.3MM	SDSMX		1.270.080	8%
1652	E-13035	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS16.5M	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 16.5MM	SDSMX		1.296.000	8%
1653	E-13041	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAMMERS22.2M	MŨI ĐÓNG CỌC TIẾP ĐẤT SDS-MAX 22.2MM	SDSMX		1.547.640	8%
1654	D-16374	HEX SHANK BULL POINT 17X210	MŨI ĐỤC NHON CHUỐI LỤC GIÁC 17X210	BULLP		84.240	8%
1655	D-71283	BULL POINT FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 255MM	MŨI ĐỤC NHON 17MM 255MM	BULLP		83.430	8%
1656	D-08682	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHON 280	BULLP		106.380	8%
1657	D-26303	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHON 280	BULLP		107.730	8%
1658	D-29860	BULL POINT 350	MŨI ĐỤC NHON 350	BULLP		143.100	8%
1659	D-16863	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHON 450	BULLP		180.090	8%
1660	D-26587	COLD CHISEL 19*210	MŨI ĐỤC ĐEP 19*210	CHISL	COLD	87.210	8%
1661	D-08707	COLD CHISEL 19*280	MŨI ĐỤC ĐEP 19*280	CHISL	COLD	116.640	8%
1662	D-16879	COLD CHISEL 19*450	MŨI ĐỤC ĐEP 19*450	CHISL	COLD	180.090	8%
1663	D-71299	COLD CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 22X2	MŨI ĐỤC ĐEP 17MM 22X255MM	CHISL	COLD	96.120	8%
1664	D-71308	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS 4	MŨI ĐỤC ĐEP 17MM 40X255MM	CHISL	SCAL	132.840	8%
1665	D-20694	SCALING CHISEL 50*280	MŨI ĐỤC ĐEP 50*280	CHISL	SCAL	152.010	8%
1666	D-52548	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HAMMERS(5	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI CHUỐI LỤC GIÁC 17MM(50X45)	CHISL	SCAL	244.890	8%
1667	A-48555	GROOVING CHISEL 22-280	MŨI ĐỤC 22-280	CHISL	OTCHI	977.670	8%
1668	A-48561	GROOVING CHISEL FOR HEX SHANK HAMMERS 17MM	MŨI ĐỤC CHUỐI LỤC GIÁC 17MM(26-280MM)	CHISL	OTCHI	674.460	8%
1669	A-25214	CLAY SPADE 105-400	MŨI XÈNG 105-400	OTHER		2.359.800	8%
1670	A-21428	RAMMER 17-140	MŨI ĐÀM 17-140	OTHER		3.034.260	8%
1671	A-21484	BUSHING TOOL 17HEX	MŨI ĐÀM BỀ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 17MM	OTHER		3.146.850	8%
1672	D-16499	HEX SHANK BULL POINT 21X320	MŨI ĐỤC NHON CHUỐI LỤC GIÁC 21X320	BULLP		165.240	8%
1673	D-23824	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHON 450	BULLP		233.010	8%
1674	D-30994	BULL POINT FOR 21MM HEX SHANK HAMMERS 21MM	MŨI ĐỤC NHON CHUỐI LỤC GIÁC 21MMX600MM	CHISL	OTCHI	446.850	8%
1675	D-17588	21MM HEX SHANK COLD CHISEL 26*320	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI LỤC GIÁC 21MM 26*320	CHISL	COLD	156.330	8%
1676	D-17594	COLD CHISEL 26*450	MŨI ĐỤC ĐEP 26*450	CHISL	COLD	221.400	8%
1677	D-20672	SCALING CHISEL 70*320	MŨI ĐỤC ĐEP 70*320	CHISL	SCAL	286.200	8%
1678	A-47391	CLAY SPADE 130-460	MŨI XÈNG 130-460	OTHER		3.281.580	8%
1679	A-21434	RAMMER 21-140	MŨI ĐÀM 21-140	OTHER		3.124.710	8%
1680	A-21490	BUSHING TOOL 21 HEX	MŨI ĐÀM BỀ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 21MM	OTHER		3.213.540	8%
1681	D-65034	HEX SHANK 350MM BULL POINT 28.6MM/HM1812	MŨI ĐỤC NHON 350MM CHUỐI LỤC GIÁC 28.6MM/HM	BULLP		454.140	8%
1682	D-17631	BULL POINT 410/HM1812	MŨI ĐỤC NHON 410/HM1812	BULLP		525.960	8%
1683	D-17675	BULL POINT 520/HM1812	MŨI ĐỤC NHON 520/HM1812	BULLP		584.010	8%
1684	798383-7	COLD CHISEL 28-410/HM1812	MŨI ĐỤC ĐEP 28-410/HM1812	CHISL	COLD	1.404.000	8%
1685	D-17647	COLD CHISEL 28*410/HM1812	MŨI ĐỤC ĐEP 28*410/HM1812	CHISL	COLD	525.960	8%
1686	D-17681	COLD CHISEL 28*520/HM1812	MŨI ĐỤC ĐEP 28*520/HM1812	CHISL	COLD	584.010	8%
1687	D-29228	SCALING CHISEL 75*410/HM1812	MŨI ĐỤC ĐEP 75*410/HM1812	CHISL	SCAL	615.330	8%
1688	D-20725	SCALING CHISEL 75*520/HM1812	MŨI ĐỤC ĐEP 75*520/HM1812	CHISL	SCAL	674.190	8%
1689	A-44644	CLAY SPADE 140-546/HM1812	MŨI XÈNG 140-546/HM1812	OTHER		5.313.600	8%
1690	D-15285	BULL POINT 400	MŨI ĐỤC NHON 400	BULLP		555.120	8%
1691	D-15300	COLD CHISEL 30*400	MŨI ĐỤC ĐEP 30*400	CHISL	COLD	551.340	8%
1692	D-23868	SCALING CHISEL 75*310	MŨI ĐỤC ĐEP 75*310	CHISL	SCAL	584.010	8%
1693	B-10300	CLAY SPADE 120-500	MŨI XÈNG 120-500	OTHER		3.765.690	8%
1694	A-31485	RAMMER 30-200	MŨI ĐÀM 30-200	OTHER		4.456.080	8%
1695	B-06921	BULL POINT 12-220/HK1810	MŨI ĐỤC NHON 12-220/HK1810	BULLP		318.600	8%
I PHỤ KIỆN VẬN VÍT VÀ SIẾT BU LÔNG							
1696	E-03442	MAG BOOSTER IMPACT PREMIER	NAM CHÂM TĂNG LỰC HÚT IMPACT PREMIER	OTHER		117.990	8%
1697	E-03274	TORSION SCREW BIT(E-FORM)	MŨI VÍT TORSION PH2	SCBIT		137.160	8%
1698	E-08763	IMPACT BLACK PH2-50MM,2PCS	MŨI VÍT PH2-50MM IMPACT BLACK (2 CÁI/ BỘ)	SCBIT		63.504	8%
1699	E-08779	IMPACT BLACK PH3-50MM,2PCS	MŨI VÍT PH3-50MM IMPACT BLACK (2 CÁI/ BỘ)	SCBIT		63.504	8%
1700	E-15827	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-65MM 10PCS/SET	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-65MM 10 CÁI/	SCBIT		292.140	8%
1701	E-15833	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-110MM 10PCS/SET	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-110MM10 CÁI	SCBIT		446.850	8%
1702	D-31653	DOUBLE HEAD SCREW BIT WITH MAGNET (NZ) 100PC	MŨI VÍT 2 ĐẦU CỎ NAM CHÂM (NZ) 100CÁI XPH2-65	SCBIT		1.441.800	8%
1703	D-33679	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 65MM(10PCS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI)	SCBIT		230.400	8%
1704	D-34827	DOUBLE HEAD SCREW BIT (NZ) 10 X PH2-45 BIT HOLD	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU (NZ) 10 X PH2-45 BIT HOLDER	SCBIT		197.640	8%
1705	D-34833	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 110MM(10PCS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(10 CÁI)	SCBIT		353.970	8%
1706	B-90009	SLIM PHILLIPS BIT 45MM(10PCS/SETS)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 45MM(10 CÁI/HỘP)	SCBIT		125.388	8%
1707	B-90015	SLIM PHILLIPS BIT 65MM(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI/HỘP)	SCBIT		159.300	8%
1708	B-90059	SLIM PHILLIPS BIT 82MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 82MM(6 CÁI/HỘP)	SCBIT		132.840	8%
1709	B-90065	SLIM PHILLIPS BIT 110MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(6 CÁI/HỘP)	SCBIT		196.290	8%
1710	B-90071	SLIM PHILLIPS BIT 150MM(6PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 150MM(6 CÁI/HỘP)	SCBIT		233.010	8%
1711	E-08791	IMPACT BLACK SLEEVE CHUCK BITHOLDER,1PC	ĐẦU GIỮ MŨI VÍT CÓ KHÓA IMPACT BLACK (1CÁI)	OTHER		113.670	8%
1712	E-08785	IMPACT BLACK MAGNETIC BITHOLDER,1PC	ĐẦU GIỮ MŨI VÍT CÓ NAM CHÂM IMPACT BLACK (1	OTHER		90.180	8%
1713	E-08800	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 6MM	ĐẦU TỤYP VẶN ỐC IMPACT BLACK 6MM	OTHER		57.564	8%
1714	E-08816	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 8MM	ĐẦU TỤYP VẶN ỐC IMPACT BLACK 8MM	OTHER		57.564	8%
1715	E-08822	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 10MM	ĐẦU TỤYP VẶN ỐC IMPACT BLACK 10MM	OTHER		63.504	8%
1716	E-08838	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 13MM	ĐẦU TỤYP VẶN ỐC IMPACT BLACK 13MM	OTHER		63.504	8%
1717	E-08850	IMPACT BLACK 1/2"SOCKET ADAPTER,1PC	ĐẦU CHUYỂN VẶN VÍT SANG BU LÔNG IMPACTBLAC	SKET		78.300	8%
1718	E-08844	IMPACT BLACK 3/8"SOCKET ADAPTER,1PC	ĐẦU CHUYỂN VẶN VÍT SANG BU LÔNG IMPACTBLAC	SKET		57.024	8%
1719	B-23662	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 1.5-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 1.5-25MM	SCBIT		34.776	8%
1720	B-23678	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.0-25MM	BỘ MŨI VẶN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.0-25MM	SCBIT		34.776	8%

1721	B-23684	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.5-25MM	SCBIT	34.776	8%
1722	B-23690	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 3.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 3.0-25MM	SCBIT	33.372	8%
1723	B-23709	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 4.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 4.0-25MM	SCBIT	34.776	8%
1724	B-23715	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 5.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 5.0-25MM	SCBIT	34.776	8%
1725	B-23721	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 6.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 6.0-25MM	SCBIT	34.776	8%
1726	B-23737	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 8.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 8.0-25MM	SCBIT	45.900	8%
1727	B-24119	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	SCBIT	36.990	8%
1728	B-24125	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	SCBIT	36.990	8%
1729	B-24131	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	SCBIT	36.990	8%
1730	B-23450	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	SCBIT	36.990	8%
1731	B-23466	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	SCBIT	36.990	8%
1732	B-23472	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	SCBIT	36.990	8%
1733	B-23488	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 1-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 1-25MM	SCBIT	36.990	8%
1734	B-23494	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	SCBIT	36.990	8%
1735	B-23503	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 3-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 3-25MM	SCBIT	36.990	8%
1736	B-23519	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.5X4.0-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.5X4.0-25MM	SCBIT	36.990	8%
1737	B-23525	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.6X4.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.6X4.5-25MM	SCBIT	36.990	8%
1738	B-23531	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.8X5.5-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.8X5.5-25MM	SCBIT	36.990	8%
1739	B-23581	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 8-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 8-25MM	SCBIT	36.990	8%
1740	B-23597	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 10-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3 CÁI/BỘ),T 10-25MM	SCBIT	34.776	8%
1741	B-23606	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 15-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 15-25MM	SCBIT	34.776	8%
1742	B-23612	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 20-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 20-25MM	SCBIT	34.776	8%
1743	B-23628	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 25-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 25-25MM	SCBIT	34.776	8%
1744	B-23634	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 27-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 27-25MM	SCBIT	34.776	8%
1745	B-23640	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 30-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 30-25MM	SCBIT	36.990	8%
1746	B-23656	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 40-25MM	BỘ MŨI VẠN VÍT (3CÁI/BỘ),T 40-25MM	SCBIT	36.990	8%
1747	D-74930	SCREW BIT 50MM H3 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-50MM (3 CÁI/BỘ)	SCBIT	51.624	8%
1748	D-74946	SCREW BIT 50MM H4 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-50MM (3 CÁI/BỘ)	SCBIT	51.624	8%
1749	D-74952	SCREW BIT 50MM H5 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-50MM (3 CÁI/BỘ)	SCBIT	51.624	8%
1750	D-74968	SCREW BIT 50MM H6 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-50MM (3 CÁI/BỘ)	SCBIT	51.624	8%
1751	D-74974	SCREW BIT 90MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-90MM (1 CÁI)	SCBIT	39.852	8%
1752	D-74980	SCREW BIT 90MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-90MM (1 CÁI)	SCBIT	39.852	8%
1753	D-74996	SCREW BIT 90MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-90MM (1 CÁI)	SCBIT	39.852	8%
1754	D-75007	SCREW BIT 90MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-90MM (1 CÁI)	SCBIT	39.852	8%
1755	D-75013	SCREW BIT 150MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-150MM (1 CÁI)	SCBIT	57.564	8%
1756	D-75029	SCREW BIT 150MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-150MM (1 CÁI)	SCBIT	57.564	8%
1757	D-75035	SCREW BIT 150MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-150MM (1 CÁI)	SCBIT	57.564	8%
1758	D-75041	SCREW BIT 150MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-150MM (1 CÁI)	SCBIT	57.564	8%
1759	798301-5	SLOTTED BIT (SL 0.6X5.0)X45MM	VÍT (SL 0.6X5.0)X45MM	SCBIT	322.920	8%
1760	798299-6	SLOTTED BIT (SL1.0X6.35)X45MM	VÍT (SL1.0X6.35)X45MM	SCBIT	297.550	10%
1761	798303-1	SLOTTED BIT (SL1.2X10.0)X52MM	VÍT (SL1.2X10.0)X52MM	SCBIT	407.000	10%
1762	798300-7	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X45MM	VÍT (SL1.2X8.0)X45MM	SCBIT	308.000	10%
1763	798302-3	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X70MM	VÍT (SL1.2X8.0)X70MM	SCBIT	376.110	8%
1764	798337-4	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM	VÍT (PH 2)X110MM	SCBIT	399.600	8%
1765	798338-2	PHILLIPS BIT (PH 2)X150MM	VÍT (PH 2)X150MM	SCBIT	471.690	8%
1766	798308-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM	VÍT (PH 2)X45MM	SCBIT	101.790	8%
1767	798309-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM	VÍT (PH 2)X65MM	SCBIT	137.160	8%
1768	798339-0	PHILLIPS BIT (PH 3)X110MM	VÍT (PH 3)X110MM	SCBIT	548.640	8%
1769	798310-4	PHILLIPS BIT (PH 3)X45MM	VÍT (PH 3)X45MM	SCBIT	267.300	10%
1770	798311-2	PHILLIPS BIT (PH 3)X65MM	VÍT (PH 3)X65MM	SCBIT	244.890	8%
1771	784203-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	SCBIT	42.930	8%
1772	784206-5	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X110MM (1 CÁI)	SCBIT	90.180	8%
1773	784221-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X250MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X250MM (1 CÁI)	SCBIT	262.548	8%
1774	784229-3	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X45MM (1 CÁI)	SCBIT	60.588	8%
1775	784230-8	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	SCBIT	66.420	8%
1776	D-67620	SCREW BIT SET(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT(10 CÁI/BỘ)	SCBIT	164.160	8%
1777	A-59617	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW BIT (PH2 SLIM)	ĐẦU VÍT TORSION XOÁN KÉP (PH2 SLIM)X120MM	SCBIT	305.910	8%
1778	A-59623	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW BIT (PH2 SLIM)	ĐẦU VÍT TORSION XOÁN KÉP (PH2 SLIM)X150MM	SCBIT	361.530	8%
1779	B-28210	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	SCBIT	133.920	8%
1780	B-28226	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	SCBIT	133.920	8%
1781	A-52897	TORSION SCREW BIT (PH 1)X110MM 3PC	VÍT TORSION (PH 1)X110MM 3PC	SCBIT	266.976	8%
1782	B-28391	TORSION INSERT BIT T10-25 2PC	VÍT TORSION T10-25 2PC	SCBIT	60.480	8%
1783	B-28254	TORSION SCREW BIT T25-50 2PC	VÍT TORSION T25-50 2PC	SCBIT	133.920	8%
1784	B-57548	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER WITH SDS-PLUS SHANK	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VẠN VÍT CHUỐI SDS-PLUS	OTHER	125.388	8%
1785	784811-8	MAGNETIC CONNECT BIT 6.35-60/6821	CHUỐI GÀI KẾT NỐI 6.35-60/6821	OTHER	90.180	8%
1786	784801-1	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-76	GIỮ MŨI BĂNG TỬ TÍNH 6.35-76	OTHER	149.040	8%
1787	B-29072	FLEXIBLE BIT HOLDER 200MM	ĐẦU VÍT ĐÉO 200MM	OTHER	143.100	8%
1788	B-29094	FLEXIBLE BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT ĐÉO 300MM	OTHER	174.150	8%
1789	B-51851	FLEXIBLE TOUGH BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT ĐÉO 300MM	OTHER	798.930	8%
1790	784802-9	MAGNETIC SOCKET BIT 3/8-65/6802BV	ĐẦU CHUYỂN 3/802BV	OTHER	491.400	8%
1791	784406-7	SOCKET BIT 10-70	MŨI TUỖP LỤC GIÁC 10-70	OTHER	244.890	8%
1792	784402-5	SOCKET BIT 7-55	MŨI TUỖP LỤC GIÁC 7-55	OTHER	232.200	8%
1793	784403-3	SOCKET BIT 8-55	MŨI TUỖP LỤC GIÁC 8-55	OTHER	244.890	8%
1794	B-38912	MAGNET NUTSETTER 1PC 6X50MM	ĐẦU TUỖP DÀI VẠN ỐC 1PC 6X50MM	OTHER	48.708	8%
1795	B-38928	MAGNET NUTSETTER 1PC 7X50MM	ĐẦU TUỖP DÀI VẠN ỐC 1PC 7X50MM	OTHER	48.708	8%
1796	B-38940	MAGNET NUTSETTER 1PC 10X50MM	ĐẦU TUỖP DÀI VẠN ỐC 1PC 10X50MM	OTHER	48.708	8%
1797	B-38956	MAGNET NUTSETTER 1PC 12X50MM	ĐẦU TUỖP DÀI VẠN ỐC 1PC 12X50MM	OTHER	54.270	8%
1798	B-68345	MAGNET NUTSETTER IN CANDY JAR, 50PCS, 8MM	ĐẦU TUỖP VẠN ỐC 50 CÁI 8MM	OTHER	1.334.880	8%
1799	B-57554	MAGNET NUTSETTER 4PCS(8,10,12,13)X48MM SDS-PLUS	ĐẦU TUỖP VẠN ỐC 4CÁI(8,10,12,13)X48MM/CHUỐI SDS-	OTHER	123.768	8%
1800	B-38716	MAGNET NUTSETTER 1PC 8X50MM	ĐẦU TUỖP VẠN VÍT CỎ NAM CHẤM 8X50MM	OTHER	51.624	8%
1801	D-78617	NUTSETTER E-FORM(NZ) 8X50MM	ĐẦU TUỖP VẠN VÍT CỎ NAM CHẤM 8X50MM	OTHER	51.624	8%
1802	D-78623	NUTSETTER E-FORM(NZ) 10X50MM	ĐẦU TUỖP VẠN VÍT CỎ NAM CHẤM 10X50MM	OTHER	51.624	8%
1803	D-78639	NUTSETTER E-FORM(NZ) 12X50MM	ĐẦU TUỖP VẠN VÍT CỎ NAM CHẤM 12X50MM	OTHER	57.564	8%
1804	D-78645	NUTSETTER E-FORM(NZ) 13X50MM	ĐẦU TUỖP VẠN VÍT CỎ NAM CHẤM 13X50MM	OTHER	57.564	8%
1805	B-40185	SOCKET 21-52/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 21-52/12.7MM(1/2")	SKCKET	89.100	8%
1806	134746-7	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD 12.7MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 12.7MM (1/2")	SKCKET	387.720	8%
1807	134745-9	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD 9.5MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 9.5MM (3/8")	SKCKET	471.690	8%

1808	134743-3	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE:17X 31	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 17X31	SKET		387.720	8%
1809	134744-1	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE:19X 33	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 19X33	SKET		393.930	8%
1810	B-54695	1/2" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ)	CHUYÊN ĐỔI TỪ CHUỐI VẠN VÍT (NZ 1/2")	SKET		66.420	8%
1811	B-54689	3/8" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ)	ĐẦU CHUYỂN VẠN VÍT SANG BU LÔNG 3/8")	SKET		45.900	8%
1812	A-58936	SEMI LONG SOCKET BIT 12MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 12MM	SKET		222.480	8%
1813	A-58958	SEMI LONG SOCKET BIT 14MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 14MM	SKET		228.150	8%
1814	A-58964	SEMI LONG SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 17MM	SKET		250.344	8%
1815	A-58970	SEMI LONG SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 19MM	SKET		250.344	8%
1816	A-58986	SEMI LONG SOCKET 21MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 21MM	SKET		250.344	8%
1817	A-58992	SEMI LONG SOCKET BIT 24MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 24MM	SKET		367.200	8%
1818	A-68937	LONG JOINT 200MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 200MM	OTHER		511.704	8%
1819	A-68943	LONG JOINT 300MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 300MM	OTHER		823.230	8%
1820	A-68959	LONG JOINT 600MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 600MM	OTHER		845.640	8%
1821	B-52629	HOLLOW SOCKET 17MMX75MM (MZ)	ĐẦU TUÝP VẠN ỐC SÁT REN 17MMX75MM (MZ)	SKET		562.680	8%
1822	B-42983	THREADED ROD SOCKET BIT (M10)	ĐẦU VẠN VÍT REN(M10)	OTHER		380.160	8%
1823	135200-4	ANGLE HEAD(C-FORM)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (C-FORM)	OTHER		3.026.970	8%
1824	135125-2	ANGLE HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/MZ)	OTHER		3.088.800	8%
1825	135183-8	ANGLE HEAD(E-FORM/NZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/NZ)	OTHER		3.192.750	8%
1826	192486-3	STRAIGHT HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẠN VÍT THẲNG(E-FORM/MZ)	OTHER		1.739.340	8%
1827	D-73237	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 2.4MM	DRBIT	OTDHT	77.490	8%
1828	D-73243	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 2.8MM	DRBIT	OTDHT	77.490	8%
1829	D-73259	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI 3.2MM	DRBIT	OTDHT	84.240	8%
1830	D-73209	DRILL & DRIVE BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 2.4MM	DRBIT	OTDHT	271.404	8%
1831	D-73215	DRILL & DRIVE BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 2.8MM	DRBIT	OTDHT	271.404	8%
1832	D-73221	DRILL & DRIVE BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MÔI VÀ MŨI VẠN VÍT 3.2MM	DRBIT	OTDHT	271.404	8%
1833	E-19794	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T30X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1834	E-19803	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T35X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1835	E-19819	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T40X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1836	E-19825	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T45X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1837	E-19831	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T50X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1838	E-19847	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T55X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1839	E-19853	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"SQ T60X78M	MŨI BÀN VÍT CHUỐI ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNGIMPACT	SCBIT		253.692	8%
1840	E-16237	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 32MM	SKET		352.350	8%
1841	E-16047	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 8MM	SKET		125.388	8%
1842	E-16069	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 10MM	SKET		125.388	8%
1843	E-16075	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 11MM	SKET		125.388	8%
1844	E-16081	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 12MM	SKET		125.388	8%
1845	E-16097	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 13MM	SKET		125.388	8%
1846	E-16106	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 14MM	SKET		125.388	8%
1847	E-16112	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 15MM	SKET		125.388	8%
1848	E-16128	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 16MM	SKET		137.160	8%
1849	E-16134	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 17MM	SKET		137.160	8%
1850	E-16140	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 18MM	SKET		143.100	8%
1851	E-16156	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 19MM	SKET		143.100	8%
1852	E-16162	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 20MM	SKET		149.040	8%
1853	E-16178	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 21MM	SKET		149.040	8%
1854	E-16184	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 22MM	SKET		174.150	8%
1855	E-16190	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 23MM	SKET		209.520	8%
1856	E-16209	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 24MM	SKET		215.460	8%
1857	E-16215	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 27MM	SKET		227.070	8%
1858	E-16221	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 30MM	SKET		256.608	8%
1859	E-16053	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9MM	SKET		125.388	8%
1860	E-15877	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 6MM	SKET		107.730	8%
1861	E-15883	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 7MM	SKET		107.730	8%
1862	E-15899	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 8MM	SKET		107.730	8%
1863	E-15908	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 9MM	SKET		107.730	8%
1864	E-15914	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 10MM	SKET		107.730	8%
1865	E-15920	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 11MM	SKET		107.730	8%
1866	E-15936	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 12MM	SKET		110.700	8%
1867	E-15942	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 13MM	SKET		125.388	8%
1868	E-15958	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 14MM	SKET		125.388	8%
1869	E-15964	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 15MM	SKET		125.388	8%
1870	E-15970	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 16MM	SKET		125.388	8%
1871	E-15986	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 17MM	SKET		131.328	8%
1872	E-15992	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 18MM	SKET		143.100	8%
1873	E-16003	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 19MM	SKET		143.100	8%
1874	E-16019	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 20MM	SKET		149.040	8%
1875	E-16025	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 21MM	SKET		149.040	8%
1876	E-16031	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BLACK	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 22MM	SKET		162.270	8%
1877	E-02989	SOCKET IN ROLL UP POUCH 8PCS/SET/1/2"78-21MM	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 8CÁI/BỘ 1/2"78-21MM	SKET		801.090	8%
1878	E-16601	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUCH 8PCS	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT BLACK 1/2" 8PC	SKET		1.199.340	8%
1879	E-16570	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE 9PCS WITH O-RING	BỘ ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS/SET K'EM VỎ	SKET		1.191.510	8%
1880	D-41517	IMPACT SOCKET SET 9PCS/1/2"78-24MM	BỘ ĐẦU TUÝP 9 CÁI/1/2"78-24MM	SKET		1.045.656	8%
1881	E-16564	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE 9PCS WITH O-RING	BỘ ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS/SET K'EM VỎ	SKET		1.299.510	8%
1882	E-16617	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUCH 9PCS	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT BLACK 1/2" 9PC	SKET		1.418.310	8%
1883	B-55778	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 3/8" ADAPTER SET 9PCS	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/8" CÓ ĐẦU CHUYỂN/NZ	SKET		500.580	8%
1884	B-55762	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 1/2" ADAPTER SET 9PCS	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" CÓ ĐẦU CHUYỂN/NZ	SKET		584.010	8%
1885	E-16623	IMPACT SOCKET 1/2" WITH SOCKET ADAPTER ASSORTED	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG IMPACT BLACK 1/2" VỚI	SKET		901.260	8%
1886	E-24511	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 27MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	SKET		626.670	8%
1887	E-24527	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 30MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	SKET		626.670	8%
1888	E-24533	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 32MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	SKET		626.670	8%
1889	E-24549	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 33MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	SKET		626.670	8%
1890	E-24555	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 34MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	SKET		626.670	8%
1891	E-24561	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 36MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	SKET		673.350	8%
1892	E-24599	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 41MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 41MM	SKET		816.750	8%
1893	E-24620	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 46MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	SKET		912.600	8%
1894	E-24636	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 50MM	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	SKET		965.790	8%

1895	E-24642	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 55MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	SKCKET		1.102.680	8%
1896	E-24664	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 65MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	SKCKET		1.459.620	8%
1897	E-24670	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 70MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 1" 70MM	SKCKET		2.127.600	8%
1898	E-22224	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE17X51MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 17X51MM	SKCKET		454.140	8%
1899	E-22230	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE19X51MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X51MM	SKCKET		454.140	8%
1900	E-22246	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE21X51MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X51MM	SKCKET		454.140	8%
1901	E-22252	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE22X51MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 22X51MM	SKCKET		454.140	8%
1902	E-22268	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE24X51MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X51MM	SKCKET		454.140	8%
1903	E-22274	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE26X53MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 26X53MM	SKCKET		466.290	8%
1904	E-22280	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE27X53MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X53MM	SKCKET		466.290	8%
1905	E-22296	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE30X53MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X53MM	SKCKET		483.570	8%
1906	E-22305	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE32X57MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X57MM	SKCKET		483.570	8%
1907	E-22311	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE35X57MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 35X57MM	SKCKET		548.640	8%
1908	E-22327	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE36X57MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X57MM	SKCKET		548.640	8%
1909	E-14336	IMPACT SOCKET 1/4" 8PCS WITH SOCKET ADAPTER/NZ	BỘ ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 1/4" CÓ ĐẦU CHUYỂN/NZ	SKCKET		328.860	8%
1910	E-16405	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 8MM	SKCKET		149.040	8%
1911	E-16411	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 10MM	SKCKET		149.040	8%
1912	E-16427	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 11MM	SKCKET		149.040	8%
1913	E-16433	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 12MM	SKCKET		149.040	8%
1914	E-16449	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 13MM	SKCKET		149.040	8%
1915	E-16455	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 14MM	SKCKET		168.210	8%
1916	E-16461	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 16MM	SKCKET		168.210	8%
1917	E-16477	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 17MM	SKCKET		186.630	8%
1918	E-16483	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 18MM	SKCKET		197.640	8%
1919	E-16499	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 19MM	SKCKET		203.580	8%
1920	E-16508	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 21MM	SKCKET		233.010	8%
1921	E-16514	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 22MM	SKCKET		256.608	8%
1922	E-16520	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 24MM	SKCKET		280.152	8%
1923	E-16536	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 27MM	SKCKET		305.370	8%
1924	E-16542	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 30MM	SKCKET		335.070	8%
1925	E-16558	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 1/2" 32MM	SKCKET		370.170	8%
1926	E-16243	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 7MM	SKCKET		131.328	8%
1927	E-16259	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 8MM	SKCKET		131.328	8%
1928	E-16265	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 9MM	SKCKET		131.328	8%
1929	E-16271	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 10MM	SKCKET		131.328	8%
1930	E-16287	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 11MM	SKCKET		131.328	8%
1931	E-16293	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 12MM	SKCKET		131.328	8%
1932	E-16302	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 13MM	SKCKET		131.328	8%
1933	E-16318	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 14MM	SKCKET		131.328	8%
1934	E-16324	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 15MM	SKCKET		162.270	8%
1935	E-16330	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 16MM	SKCKET		162.270	8%
1936	E-16346	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 17MM	SKCKET		168.210	8%
1937	E-16352	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 18MM	SKCKET		186.630	8%
1938	E-16368	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 19MM	SKCKET		186.630	8%
1939	E-16374	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 20MM	SKCKET		191.700	8%
1940	E-16380	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 21MM	SKCKET		209.520	8%
1941	E-16396	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMPACT BI	ĐẦU TUỖY DÀI IMPACT BLACK 3/8" 22MM	SKCKET		227.070	8%
1942	E-16586	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE 14PCS	BỘ ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG IMPACT BLACK 1/2" 14PCS	SKCKET		3.038.040	8%
1943	E-22333	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE19X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X90MM	SKCKET		656.370	8%
1944	E-22349	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE21X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X90MM	SKCKET		656.370	8%
1945	E-22355	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE24X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X90MM	SKCKET		656.370	8%
1946	E-22361	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE27X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X90MM	SKCKET		691.470	8%
1947	E-22377	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE30X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X90MM	SKCKET		752.220	8%
1948	E-22383	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE32X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X90MM	SKCKET		757.890	8%
1949	E-22399	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE36X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X90MM	SKCKET		846.720	8%
1950	E-24686	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 27MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	SKCKET		924.480	8%
1951	E-24692	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 30MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	SKCKET		924.480	8%
1952	E-24701	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 32MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	SKCKET		924.480	8%
1953	E-24717	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 33MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	SKCKET		924.480	8%
1954	E-24723	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 34MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	SKCKET		924.480	8%
1955	E-24739	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 36MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	SKCKET		1.317.330	8%
1956	E-22420	IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE DRIVE41X90MM	ĐẦU TUỖY SIẾT BU LÔNG 1" 41X90MM	SKCKET		1.334.880	8%
1957	E-24773	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 46MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	SKCKET		1.549.800	8%
1958	E-24789	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 50MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	SKCKET		1.638.630	8%
1959	E-24795	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 55MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	SKCKET		1.722.060	8%
1960	E-24810	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 65MM	ĐẦU TUỖY DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	SKCKET		2.103.840	8%
1961	E-12354	IMPACT DEEP SOCKET FOR WHEEL NUT 3PCS SET(17X	BỘ ĐẦU TUỖY 3 CÁI(17X86,19X86,21X86)	SKCKET		696.870	8%
1962	B-55728	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 75MM (WITH	ĐẦU NÔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 75MM (KÈM CH	SKCKET		119.610	8%
1963	B-55712	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 150MM(WIT	ĐẦU NÔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 150MM(KÈM CH	SKCKET		162.270	8%
1964	B-55706	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION 250MM(WIT	ĐẦU NÔI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 250MM(KÈM CH	SKCKET		215.460	8%
1965	B-54586	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 8MM-	CHỐT GIỮ ĐẦU TUỖY 8MM ĐẾN 16MM 3 CÁI/BỘ	SKCKET		25.630	10%
1966	B-54592	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 17MM	CHỐT GIỮ ĐẦU TUỖY 17MM 3 CÁI/BỘ	SKCKET		25.630	10%
1967	B-54601	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 18MM	CHỐT GIỮ ĐẦU TUỖY 18MM ĐẾN 19MM 3 CÁI/BỘ	SKCKET		31.680	10%
1968	B-54617	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET FOR 20MM	CHỐT GIỮ ĐẦU TUỖY 20MM ĐẾN 32MM 3 CÁI/BỘ	SKCKET		31.680	10%
1969	E-22408	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	VÒNG ĐÈM CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖY 3/4"	SKCKET		25.164	8%
1970	E-22414	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	CHỐT GÁI DỪNG CHO ĐẦU TUỖY 3/4"	SKCKET		19.690	10%
1971	E-22436	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE DRIVE	VÒNG ĐÈM CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUỖY 1"	SKCKET		31.104	8%
1972	E-22442	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE DRIVE	CHỐT GÁI DỪNG CHO ĐẦU TUỖY 1"	SKCKET		25.630	10%
1973	B-68476	BIT ADAPTER FOR 1/2"SQ TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG	OTHER		381.780	8%
1974	B-68482	BIT ADAPTER FOR 3/8"SP TO 1/4"HEX	BỘ CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG SANG CHUỐI LỤC GIÁ	OTHER		376.110	8%
1975	B-39883	IMPACT SOCKET 3/8" 6X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 6X28MM	SKCKET		61.290	8%
1976	B-39899	IMPACT SOCKET 3/8" 7X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 7X28MM	SKCKET		61.290	8%
1977	B-39908	IMPACT SOCKET 3/8" 8X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 8X28MM	SKCKET		61.290	8%
1978	B-39914	IMPACT SOCKET 3/8" 9X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 9X28MM	SKCKET		61.290	8%
1979	B-39920	IMPACT SOCKET 3/8" 10X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 10X28MM	SKCKET		61.290	8%
1980	B-39936	IMPACT SOCKET 3/8" 11X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 11X28MM	SKCKET		61.290	8%
1981	B-39942	IMPACT SOCKET 3/8" 12X28MM	ĐẦU TUỖY 3/8" 12X28MM	SKCKET		66.744	8%

1982	B-39958	IMPACT SOCKET 3/8" 13X28MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 13X28MM	SKET		72.360	8%
1983	B-39964	IMPACT SOCKET 3/8" 14X28MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 14X28MM	SKET		72.360	8%
1984	B-39970	IMPACT SOCKET 3/8" 15X28MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 15X28MM	SKET		78.030	8%
1985	B-39986	IMPACT SOCKET 3/8" 16X28MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 16X28MM	SKET		78.030	8%
1986	B-39992	IMPACT SOCKET 3/8" 17X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 17X30MM	SKET		78.030	8%
1987	B-40004	IMPACT SOCKET 3/8" 18X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 18X30MM	SKET		89.100	8%
1988	B-40010	IMPACT SOCKET 3/8" 19X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 19X30MM	SKET		89.100	8%
1989	B-40026	IMPACT SOCKET 3/8" 20X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 20X30MM	SKET		89.100	8%
1990	B-40032	IMPACT SOCKET 3/8" 21X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 21X30MM	SKET		89.100	8%
1991	B-40048	IMPACT SOCKET 3/8" 22X30MM	ĐẦU TUỖP 3/8" 22X30MM	SKET		100.170	8%
1992	B-40054	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")8X38MM	SKET		66.744	8%
1993	B-40060	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 9X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")9X38MM	SKET		66.744	8%
1994	B-40082	IMPACT SOCKET 38MM(1/2")	ĐẦU TUỖP 38MM(1/2")	SKET		72.360	8%
1995	B-40098	SOCKET 1/2" 12X38 ASSEMBLY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 1/2" 12X38MM	SKET		72.360	8%
1996	B-40113	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2")14X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")14X38MM	SKET		72.360	8%
1997	B-40129	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 15X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")15X38MM	SKET		72.360	8%
1998	B-40135	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")16X38MM	SKET		83.430	8%
1999	B-40157	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")18X38MM	SKET		89.100	8%
2000	B-40179	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 20X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")20X38MM	SKET		89.100	8%
2001	B-40191	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")22X38MM	SKET		100.170	8%
2002	B-40200	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 23X38MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")23X38MM	SKET		127.980	8%
2003	B-40222	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X42MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2") 27X42MM	SKET		139.104	8%
2004	B-40238	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X44MM	ĐẦU TUỖP 12,7MM (1/2")30X44MM	SKET		155.790	8%
2005	B-40244	SOCKET 32-50/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 32-50/12.7MM(1/2")	SKET		222.480	8%
2006	134825-1	SOCKET 13-38 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 13-38	SKET		116.910	8%
2007	A-85531	SOCKET 21-52	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-52	SKET		266.976	8%
2008	A-85553	SOCKET 22-52	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-52	SKET		243.000	8%
2009	A-85569	SOCKET 22-95	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-95	SKET		517.320	8%
2010	134853-6	SOCKET 26-52 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 26-52	SKET		253.800	8%
2011	134855-2	SOCKET 27-52 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 27-52	SKET		261.468	8%
2012	134857-8	SOCKET 30-52 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 30-52	SKET		261.468	8%
2013	134860-9	SOCKET 35-56 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 35-56	SKET		307.800	8%
2014	134862-5	SOCKET 36-56 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 36-56	SKET		328.320	8%
2015	134864-1	SOCKET 35-80 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 35-80	SKET		561.600	8%
2016	134865-9	SOCKET 36-80 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 36-80	SKET		561.600	8%
2017	134872-2	SOCKET 41-80 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 41-80	SKET		623.160	8%
2018	B-55398	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 7MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 7MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2019	B-55407	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 8MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 8MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2020	B-55413	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 9MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 9MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2021	B-55429	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 10MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 10MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2022	B-55435	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 11MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 11MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2023	B-55441	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 12MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 12MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2024	B-55457	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 13MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 13MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2025	B-55463	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 14MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 14MM CỐT 3/8"	SKET		78.030	8%
2026	B-55479	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 15MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 15MM CỐT 3/8"	SKET		94.770	8%
2027	B-55485	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 16MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 16MM CỐT 3/8"	SKET		94.770	8%
2028	B-55491	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 17MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 17MM CỐT 3/8"	SKET		100.170	8%
2029	B-55500	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 18MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 18MM CỐT 3/8"	SKET		111.240	8%
2030	B-55516	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 19MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 19MM CỐT 3/8"	SKET		111.240	8%
2031	B-55522	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 20MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 20MM CỐT 3/8"	SKET		116.910	8%
2032	B-55538	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 21MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 21MM CỐT 3/8"	SKET		133.488	8%
2033	B-55544	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 22MM 3/8"	ĐẦU TUỖP DÀI 22MM CỐT 3/8"	SKET		139.104	8%
2034	B-52146	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 8X81,5MM	SKET		89.100	8%
2035	B-52168	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 11X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 11X81,5MM	SKET		89.100	8%
2036	B-52174	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 12X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 12X81,5MM	SKET		89.100	8%
2037	B-52205	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 16X81,5MM	SKET		94.770	8%
2038	B-52227	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 18X81,5MM	SKET		116.910	8%
2039	B-52249	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 21X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 21X81,5MM	SKET		144.720	8%
2040	B-52255	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 22X81,5MM	SKET		155.790	8%
2041	B-52261	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 24X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 24X81,5MM	SKET		172.530	8%
2042	B-52277	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 27X81,5MM	SKET		189.270	8%
2043	B-52283	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 30X81,5MM	SKET		211.410	8%
2044	B-52299	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 32X81,5MM	ĐẦU TUỖP DÀI 12,7MM(1/2") 32X81,5MM	SKET		233.820	8%
2045	A-85503	SOCKET 17-95	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-95	SKET		556.200	8%
2046	A-85525	SOCKET 19-95	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-95	SKET		511.704	8%
2047	134854-4	SOCKET 26-95 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 26-95	SKET		529.200	8%
2048	134856-0	SOCKET 27-95 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 27-95	SKET		529.200	8%
2049	134859-4	SOCKET 32-95 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 32-95	SKET		529.200	8%
2050	134861-7	SOCKET 35-95 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 35-95	SKET		556.200	8%
2051	134863-3	SOCKET 36-95 ASSY	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 36-95	SKET		589.680	8%
2052	E-06638	IMPACT BLACK 35PCS SET	BỘ MŨI VÍT IMPACT BLACK (35 CÁI/ BỘ)	SCBIT		792.720	8%
2053	E-07082	BIT SET WITH CLEAR CASE(18PCS)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT(18 CÁI)	OTHER		629.910	8%
2054	E-15110	DRILL&SCREW BIT 75PCS/SET(NZ)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT 75 CÁI/BỘ(NZ)	DRBIT	OTDDBT	1.023.840	8%
2055	E-07107	BIT SET WITH CLEAR CASE(28PCS)	BỘ MŨI VÍT(28 CÁI)	SCBIT		534.600	8%
2056	E-07129	BIT SET WITH CLEAR CASE(30PCS)	BỘ MŨI VÍT(30 CÁI)	SCBIT		702.270	8%
2057	E-07135	BIT SET WITH CLEAR CASE(32PCS)	BỘ MŨI VÍT(32 CÁI)	SCBIT		534.600	8%
2058	B-54081	RACHET SCREW BIT SET MINI RACHET WRENCH 21P	BỘ MŨI VẠN VÍT CỎ CÁN SIẾT 21PCS	HADTL	OTHER	752.220	8%
2059	B-55697	COLOR SCREW BIT SET 43PCS	BỘ MŨI VÍT MÀU 43CÁI	SCBIT		942.300	8%
2060	B-69901	SCREW BIT 31 PCS SET IN BATTERY TYPE CASE	BỘ MŨI VÍT 31 CÁI KIỆU VỎ PIN	SCBIT		433.890	8%
2061	D-53702	COMBINATION SET (NZ) 30 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 30 CÁI (NZ)	OTHER		484.110	8%
2062	D-53687	COMBINATION SET (NZ) 50 PCS	HỘP MŨI TỔNG HỢP 50 CÁI (NZ)	OTHER		1.006.776	8%
2063	D-31011-12	SCREW BIT IN COUNTER DISPLAY 12 SET	HỘP MŨI VẠN VÍT 12 BỘ	SCBIT		1.827.360	8%
2064	4JGS-2030	SOCKET 17	ĐẦU TUỖP SIẾT BU LÔNG 17MM	SKET		4.966.920	8%
J	LƯỖI CỬA TCT						
2065	B-14607	T.C.T. SAW BLADE 85X15X20T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 85X15X20T	TPBLD	TP85	305.910	8%
2066	E-11097	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 110MMX34MMX24T	LƯỖI CÁT KIM LOẠI EFFICUT 110MMX34MMX24T/DS	TPBLD	TP110	1.693.440	8%
2067	B-16950	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 110X20X30T	TPBLD	TP110	324.000	8%

2068	D-15562	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX12T FOR WOOD	LƯỠI CỬA HỘP KIM 110MMX20MMX12T CHO GỖ	TPBLD	TP110	151.200	8%
2069	D-15578	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 110MMX20MMX24T	TPBLD	TP110	185.490	8%
2070	D-19825	TCT SAW BLADE FOR WOOD 235MMX25MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ 235MMX25MM	TPBLD	TP110	709.560	8%
2071	A-81365	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 110X20X30T	TPBLD	TP110	602.640	8%
2072	B-48832	GROOVING TCT SAW BLADE 118MM (90 DEGREES)118	LƯỠI CỬA RÀNH TCT 118MM (90°)118X20MMX6T	TPBLD	TP118	5.219.100	8%
2073	B-48860	GROOVING TCT SAW BLADE 118X20MMX6T 135°	LƯỠI CỬA RÀNH TCT 118X20MMX6T 135°	TPBLD	TP118	5.883.300	8%
2074	D-66999	T.C.T.SAW BLADE 125X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 125X40T	TPBLD	TP125	178.200	8%
2075	D-70926	T.C.T.SAW BLADE 125X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 125X24T	TPBLD	TP125	173.610	8%
2076	A-94524	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX50T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX50T	TPBLD	TP125	1.445.040	8%
2077	A-94904	T.C.T.SAW BLADE 136MMX15.88MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX16T	TPBLD	TP125	591.030	8%
2078	A-95037	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX30T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX30T	TPBLD	TP125	812.700	8%
2079	B-69434	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 136X20X45T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 136X20X45T	TPBLD	TP136	1.317.600	8%
2080	A-95794	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX15.88MMX56T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO SUS 136MMX15.88MMX56T	TPBLD	TP136	1.583.820	8%
2081	E-06937	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 150MM X 20MM X 25T/DC	LƯỠI CỬA GỖ EFFICUT 150MMX20MMX25T/DCS551	TPBLD	TP150	819.450	8%
2082	B-69440	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X20X33T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X33T	TPBLD	TP150	1.418.040	8%
2083	B-69456	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X20X48T	LƯỠI CẮT SẮT EFFICUT 150X20X48T	TPBLD	TP150	1.721.250	8%
2084	B-46296	T.C.T SAW BLADE FOR METAL 150X20X32T	LƯỠI CỬA T.C.T CHO KIM LOẠI 150X20X32T	TPBLD	TP150	1.172.880	8%
2085	B-47008	T.C.T SAW BLADE FOR THIN SHEET METAL 150X20X5	LƯỠI CỬA CHO TẤM KIM LOẠI MONGI 150X20X52T150	TPBLD	TP150	1.418.040	8%
2086	B-47014	T.C.T SAW BLADE FOR STAINLESS / METAL 150X20X5	LƯỠI CỬA CHO INOX/KIM LOẠI 150X20X52T	TPBLD	TP150	1.611.090	8%
2087	B-47020	T.C.T SAW BLADE FOR ALUMINUM 150X20X60T	LƯỠI CỬA CHO NHÔM 150X20X52T	TPBLD	TP150	1.418.040	8%
2088	B-68301	TCT SAW BLADE 150MM FOR THICK METAL 150X20X	LƯỠI CỬA TCT CHO KIM LOẠI 150X20X32T3-12MM/D	TPBLD	TP150	1.214.460	8%
2089	A-67402	TCT SAW BLADE 150MM FOR DRYWALL 150X20X48T	LƯỠI CỬA TCT CHO THẠCH CAO 150X20X48T/DCS551	TPBLD	TP150	2.154.600	8%
2090	A-67424	TCT SAW BLADE FOR THICK METAL 150*20*32T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 150*20*32T	TPBLD	TP150	1.198.800	8%
2091	B-63018	TCT SAW BLADE EFFICUT SPECIALIZED FOR DC CIRCU	LƯỠI CỬA HỘP KIM EFFICUT CHO MÁY PIN 165MMX2	TPBLD	TP165	876.150	8%
2092	B-57364	TCT BLADE 165X20X56T WOOD/MDF	LƯỠI CẮT GỖ/MDF TCT 165X20X56T	TPBLD	TP165	1.346.760	8%
2093	B-69892	TCT SAW BLADE EFFICUT 165X20X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM EFFICUT 165X20X60T	TPBLD	TP165	1.445.040	8%
2094	B-53279	TCT SAW BLADE 165MMX20MM X44T FOR MDF & WO	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MDF VÀ GỖ 165X20X44T	TPBLD	TP165	1.166.400	8%
2095	B-07353	TCT SAW BLADE 165X20X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165X20X48T	TPBLD	TP165	1.666.710	8%
2096	B-07434	TCT SAW BLADE 165X20X28T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165X20X28T	TPBLD	TP165	1.418.040	8%
2097	B-07440	TCT SAW BLADE 165X20X56T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165X20X56T	TPBLD	TP165	2.360.070	8%
2098	B-10344	T.C.T.SAW BLADE 165X20X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165X20X48T	TPBLD	TP165	2.305.800	8%
2099	B-56487	TCT SAW BLADE 165X20X64T WOOD/DL5600	LƯỠI CỬA GỖ T.C.T 165X20X64T/DL5600	TPBLD	TP165	1.214.460	8%
2100	B-56655	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX56T FOR ALUMINIUM	T.C.T LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO NHÔM 165MMX20MMX	TPBLD	TP165	1.944.000	8%
2101	B-56661	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FOR MDF (HI-A	T.C.T LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MDF 165MMX20MMX60T	TPBLD	TP165	1.666.710	8%
2102	B-56677	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FOR MDF (TCG	T.C.T LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MDF 165MMX20MMX60T	TPBLD	TP165	1.666.710	8%
2103	B-56683	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX48T FOR ARTIFICIA	T.C.T LƯỠI CỬA HỘP KIM ĐÁ NHÂN TẠO 165MM20MM	TPBLD	TP165	1.917.000	8%
2104	D-03327	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX10T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX10T	TPBLD	TP165	237.330	8%
2105	D-03333	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX24T	TPBLD	TP165	298.890	8%
2106	D-03349	TCT SAW BLADE FOR WOOD 165MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ 165MMX20MMX40T	TPBLD	TP165	438.210	8%
2107	D-09628	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX16T	TPBLD	TP165	264.600	8%
2108	D-50485	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX16T	TPBLD	TP165	163.620	8%
2109	D-50491	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX24T	TPBLD	TP165	191.160	8%
2110	D-63616	TCT SAW BLADE 165MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐÀ GỖ 165MMX30MMX60T	TPBLD	TP165	506.736	8%
2111	D-72104	P.C.D. SAW BLADE 165X20X4T	LƯỠI CỬA XI MĂNG SỢI 165X20X4T	TPBLD	TP165	951.480	8%
2112	A-85092	T.C.T.SAW BLADE 165X15.88X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165X15.88X24T	TPBLD	TP165	736.830	8%
2113	A-90314	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX15.88MMX40T	TPBLD	TP165	945.000	8%
2114	B-63161	T.C.T SAW BALDE 165MM*20MM*42T	LƯỠI CẮT HỘP KIM 165MM*20MM*42T	TPBLD	TP165	1.317.600	8%
2115	B-56530	TIP SAW 165X20X60T. FOR ALUMINIUM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO NHÔM 165X20X60T	TPBLD	TP165	1.319.490	8%
2116	B-17061	T.C.T. SAW BLADE 180X20X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 180X20X40T	TPBLD	TP180	349.920	8%
2117	D-81228	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX16T	TPBLD	TP185	244.080	8%
2118	D-81262	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỠI CỬA ĐĨA 185MMX25.4MMX24T	TPBLD	TP185	249.480	8%
2119	D-81284	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP185	312.660	8%
2120	D-81505	TCT SAW BLADE FOR ALUMINIUM 185X20X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 185X20X40	TPBLD	TP185	329.940	8%
2121	B-62022	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 24T	LƯỠI CẮT HỘP KIM EFFICUT 185MM x 20 x 24T	TPBLD	TP185	570.240	8%
2122	B-68616	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 45T	LƯỠI CẮT HỘP KIM EFFICUT 185MM x 20 x 45T	TPBLD	TP185	1.091.880	8%
2123	E-12918	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MMX20MMX45T	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X45T	TPBLD	TP185	2.360.070	8%
2124	E-12924	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MMX20MMX60T	LƯỠI CẮT KIM LOẠI EFFICUT 185X20X60T	TPBLD	TP185	2.941.920	8%
2125	E-11972	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DECKING 185M	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA/185MMX20MMX	TPBLD	TP185	1.131.840	8%
2126	B-17083	T.C.T. SAW BLADE 185X20TX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185X20TX40T	TPBLD	TP185	370.980	8%
2127	B-23357	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20MMX48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX20MMX48	TPBLD	TP185	2.305.800	8%
2128	B-23391	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20MMX56T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185MMX20MMX56	TPBLD	TP185	2.610.360	8%
2129	D-03355	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX24T	TPBLD	TP185	359.100	8%
2130	D-03361	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	TPBLD	TP185	417.420	8%
2131	D-03903	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX30MMX16T	TPBLD	TP185	307.530	8%
2132	D-03919	SAW BLADE 185MMX30MMX40T FOR MGF	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX30MMX40T CHO MGF	TPBLD	TP185	417.420	8%
2133	D-03931	SAW BLADE 235MMX30MMX48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235MMX30MMX48T	TPBLD	TP185	771.120	8%
2134	D-09634	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX30MMX20T	TPBLD	TP185	359.100	8%
2135	D-17902	TCT SAW BLADE FOR MDF 185MMX30MM60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MDF 185MMX30MM60T	TPBLD	TP185	829.440	8%
2136	D-19037	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX24T	TPBLD	TP185	329.940	8%
2137	D-19043	SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX20MMX24/40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX20MMX24/40T	TPBLD	TP185	665.010	8%
2138	D-20052	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX30MMX16/20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX30MMX16/20T	TPBLD	TP185	541.080	8%
2139	D-21397	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 185MMX20MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 185MMX20MM	TPBLD	TP185	622.080	8%
2140	D-34279	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 185MMX20MMX24/24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ 185MMX20MMX24/24T	TPBLD	TP185	611.820	8%
2141	D-34285	TCT SAW BLADE (3PC/SET) 185MMX20MMX16/24/40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (3 CÁI/BỘ) 185MMX20MMX16/24/	TPBLD	TP185	956.610	8%
2142	D-50522	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX24T	TPBLD	TP185	249.480	8%
2143	D-50538	TCT SAW BLADE 185mmx25.4mmx40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185mmx25.4mmx40T	TPBLD	TP185	294.840	8%
2144	D-61466	TCT SAW BLADE 185MM X 20MM X 60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MM X 20MM X 60T	TPBLD	TP185	446.580	8%
2145	D-62119	TCT SAW BLADE FOR ALUMINIUM 185X20X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 185X20X40T	TPBLD	TP185	311.040	8%
2146	D-63622	CURCULAR SAW 185MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐĨA 185MMX30MMX60T	TPBLD	TP185	524.880	8%
2147	P-67957	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	TPBLD	TP185	390.150	8%
2148	P-67963	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	TPBLD	TP185	402.030	8%
2149	P-83901	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	TPBLD	TP185	438.210	8%
2150	P-83917	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	TPBLD	TP185	439.830	8%
2151	A-85438	T.C.T. SAW BLADE 185X20X38T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185X20X38T	TPBLD	TP185	1.859.760	8%
2152	A-95875	TCT SAW BLADE 185X15.88X64T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185X15.88X64T	TPBLD	TP185	2.554.470	8%
2153	E-14320	TCT SAW BLADE 185MMFOR THICK METAL	LƯỠI CẮT TCT CHO KIM LOẠI 185MM	TPBLD	TP185	2.081.376	8%
2154	B-04628	CERMET SAW BLADE 185X20X36T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185X20X36T	TPBLD	TP185	2.221.560	8%

2155	B-68644	TCT SAW BLADE EFFICUT 190MM x 20 x 45T	LƯỠI CÁT HỘP KIM EFFICUT 190MM x 20 x 45T	TPBLD	TP190	826.200	8%
2156	B-64200	TCT SAW BLADE IDEAL FOR DC CIRCULAR SAW 190M	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MÁY PIN 190MMX20MMX24	TPBLD	TP190	805.140	8%
2157	E-11265	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX	LƯỠI CÁT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX25T	TPBLD	TP190	868.320	8%
2158	E-11271	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX	LƯỠI CÁT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX45T	TPBLD	TP190	1.308.960	8%
2159	E-11287	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190MMX20MMX	LƯỠI CÁT GỖ EFFICUT 190MMX20MMX60T	TPBLD	TP190	1.477.440	8%
2160	B-02939	T.C.T. SAW BLADE 190MMX30MMX12T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 190MMX30MMX12T	TPBLD	TP190	664.200	8%
2161	792392-8	CHISEL T. COMBI. SAW BLADE 210/	LƯỠI CỬA 210			954.450	8%
2162	E-07010	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 45T	LƯỠI CỬA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X45T	TPBLD	TP216	1.583.820	8%
2163	E-08969	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 60T	LƯỠI CỬA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X60T	TPBLD	TP216	1.888.380	8%
2164	E-08975	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM X 80T	LƯỠI CỬA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM X80T	TPBLD	TP216	2.221.560	8%
2165	B-39497	TCT SAW BLADE 216X25.4X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 216X25.4X48T	TPBLD	TP216	1.104.840	8%
2166	D-77350	T.C.T SAW BLADE FOR WOOD 216MMX25.4X40T	LƯỠI CỬA GỖ TCT 216MMX25.4X40T	TPBLD	TP216	462.240	8%
2167	A-86153	T.C.T. SAW BLADE 216X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 216X25.4X40T	TPBLD	TP216	1.944.000	8%
2168	D-81496	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP230	476.010	8%
2169	D-50544	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX20T	TPBLD	TP230	424.440	8%
2170	D-50550	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP230	448.740	8%
2171	P-67979	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 230MMX25.4MMX60T	TPBLD	TP230	723.330	8%
2172	P-71071	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 230MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP230	584.010	8%
2173	D-81533	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX60T	LƯỠI CỬA ĐĨA 235MMX25.4MMX60T	TPBLD	TP235	557.280	8%
2174	E-01959	TCT SAW BLADE EFFICUT 235X25X24T	LƯỠI CỬA EFFICUT 235X25X24T	TPBLD	TP235	918.000	8%
2175	B-17164	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X25.4X24T	TPBLD	TP235	543.240	8%
2176	B-17192	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X25.4X40T	TPBLD	TP235	570.240	8%
2177	D-03377	SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP235	757.620	8%
2178	D-03925	TCT SAW BLADE 235X30X20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X30X20T	TPBLD	TP235	584.010	8%
2179	D-09640	TCT SAW BLADE 235X30X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X30X60T	TPBLD	TP235	812.700	8%
2180	D-15811	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MMX20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MBR 235MMX25MMX20T	TPBLD	TP235	611.820	8%
2181	D-16570	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MBR 235MMX25MMX40T	TPBLD	TP235	757.620	8%
2182	D-17918	TCT SAW BLADE FOR MDF 235MMX30X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MDF 235MMX30X80T	TPBLD	TP235	1.388.340	8%
2183	D-20068	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 235MMX30MMX20/48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 235MMX30MMX20/48T	TPBLD	TP235	1.207.440	8%
2184	D-21319	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 235MMX25MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 235MMX25MM	TPBLD	TP235	1.244.160	8%
2185	D-34316	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 235MMX25MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 235MMX25MM	TPBLD	TP235	1.063.800	8%
2186	D-63557	CURCULAR SAW 235MMX30MMX60T	LƯỠI CỬA ĐĨA 235MMX30MMX60T	TPBLD	TP235	628.560	8%
2187	D-73069	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 235X25X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÓM 235X25X80T	TPBLD	TP235	779.220	8%
2188	A-81795	T.C.T.SAW BLADE 235X30X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X30X48T	TPBLD	TP235	1.533.600	8%
2189	A-89947	TCT SAW BLADE 235X25X20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X25X20T	TPBLD	TP235	910.440	8%
2190	792077-6	MITER SAW BLADE 255	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 255	OTHER		4.669.920	8%
2191	792078-4	MITER SAW BLADE 255	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 255	OTHER		5.765.580	8%
2192	B-17734	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	TPBLD	TP255	1.013.472	8%
2193	B-17267	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	TPBLD	TP255	817.830	8%
2194	B-17289	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X60T	TPBLD	TP255	930.960	8%
2195	B-17295	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	TPBLD	TP255	1.072.440	8%
2196	B-17304	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T FOR ALUMINUM	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X100T CHO NHÓM	TPBLD	TP255	1.666.710	8%
2197	B-05000	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	TPBLD	TP255	920.160	8%
2198	D-72279	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAMINATE(MELAN	LƯỠI CỬA GỖ VÁN ÉP 255X25.4X100T	TPBLD	TP255	1.098.360	8%
2199	P-67885	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX40T	TPBLD	TP255	584.010	8%
2200	P-67991	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX60T	TPBLD	TP255	693.900	8%
2201	P-68002	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255MMX25.4MMX100T	TPBLD	TP255	1.084.320	8%
2202	P-84355	TCT SAW BLADE 255X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X120T(NHÓM)	TPBLD	TP255	1.167.750	8%
2203	A-81505	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X60T	TPBLD	TP255	1.969.920	8%
2204	A-81511	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	TPBLD	TP255	2.255.040	8%
2205	A-82301	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X120T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X120T	TPBLD	TP255	2.721.600	8%
2206	A-82529	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	TPBLD	TP255	1.399.680	8%
2207	A-82535	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	TPBLD	TP255	2.919.240	8%
2208	A-82725	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	TPBLD	TP255	1.736.640	8%
2209	A-94910	T.C.T.SAW BLADE 10"X5/8"X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 10"X5/8"X24T	TPBLD	TP255	1.077.840	8%
2210	D-81804	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX100T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX100T	TPBLD	TP260	1.009.800	8%
2211	E-07733	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MMX25MMX24T	LƯỠI CỬA EFFICUT 260MMX25MMX24T	TPBLD	TP260	1.583.820	8%
2212	B-64668	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MM X 25.4MM*45T	LƯỠI CỬA HỘP KIM EFFICUT 260MMX25.4MMX45	TPBLD	TP260	1.555.200	8%
2213	B-67430	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X25.4X60T	TPBLD	TP260	1.778.220	8%
2214	B-67446	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X25.4X80T	TPBLD	TP260	2.081.376	8%
2215	B-67474	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X100T	TPBLD	TP260	3.032.640	8%
2216	E-06345	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 260MMX 25.4	LƯỠI CÁT NHÓM EFFICUT 260MMX 25.4MMX 81T	TPBLD	TP260	2.471.580	8%
2217	E-11988	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DECKING 260M	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ NHỰA 260MMX25.4MM	TPBLD	TP260	2.111.400	8%
2218	B-05072	T.C.T. SAW BLADE 260X30X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X30X40T	TPBLD	TP260	1.198.800	8%
2219	B-10584	T.C.T. SAW BLADE 260X25.4X24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X25.4X24T	TPBLD	TP260	1.230.120	8%
2220	D-03408	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX70T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260MMX25.4MMX70T	TPBLD	TP260	1.218.240	8%
2221	D-34394	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260MMX25.4MMX100T	TPBLD	TP260	1.571.400	8%
2222	D-59162	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÓM 260X25.4X100T	TPBLD	TP260	917.730	8%
2223	D-61058	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X25.4X120T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÓM 260X25.4X120T	TPBLD	TP260	979.020	8%
2224	D-62240	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX120T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX120T	TPBLD	TP260	1.015.740	8%
2225	D-63563	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX80T	LƯỠI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX80T	TPBLD	TP260	868.320	8%
2226	D-65414	TCT SAW BLADE FOR WOOD 260X25.4X40T	LƯỠI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ 260X25.4X40T	TPBLD	TP260	465.480	8%
2227	D-77338	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 260MMX25.4X40T	LƯỠI CỬA GỖ TCT 260MMX25.4X40T	TPBLD	TP260	544.536	8%
2228	E-12974	TCT SAW BLADE EFFICUT 270MMX25.4MMX24T	LƯỠI CỬA GỖ EFFICUT 270X25.4X24T	TPBLD	TP270	1.583.820	8%
2229	B-12843	TCT SAW BLADE 270X25.4X18T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 270X25.4X18T	TPBLD	TP270	1.418.040	8%
2230	A-81816	T.C.T.SAW BLADE 270X30X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 270X30X40T	TPBLD	TP270	2.566.080	8%
2231	D-81848	TCT SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	TPBLD	TP305	1.010.880	8%
2232	D-81963	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X30X100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X30X100T	TPBLD	TP305	1.375.380	8%
2233	D-81979	T.C.T. SAW BLADE 305MMX30MMX100T FOR MULTI-P	LƯỠI CỬA ĐA NĂNG TCT 305MMX30MMX100T	TPBLD	TP305	1.431.000	8%
2234	B-67452	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	TPBLD	TP305	2.221.560	8%
2235	B-67468	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	TPBLD	TP305	2.475.360	8%
2236	E-12083	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 305MMX25.4MMX63	LƯỠI CÁT KIM LOẠI EFFICUT 305X25.4X63T/LC1230	TPBLD	TP305	5.256.900	8%
2237	E-19788	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 305MMX25.4MMX9	LƯỠI CỬA EFFICUT 305MMX25.4MMX96T/LC1230	TPBLD	TP305	10.130.940	8%
2238	B-23151	TCT SAW BLADE FOR SUS 305MMX25.4MMX100T/LC1	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX100T/LC1230	TPBLD	TP305	7.757.910	8%
2239	A-86723	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC1230	TPBLD	TP305	6.910.380	8%
2240	A-87127	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X78T/LC1230	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X78T/LC1230	TPBLD	TP305	5.482.080	8%
2241	A-87242	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC1230	TPBLD	TP305	3.587.490	8%

2242	E-13281	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 305X25.4X81T	LƯỠI CÁT NHÔM EFFICUT 305X25.4X81T	TPBLD	TP305	3.414.960	8%
2243	E-13340	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 305X25.4X96T	LƯỠI CÁT NHÔM EFFICUT 305X25.4X96T	TPBLD	TP305	3.824.550	8%
2244	B-17332	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X30T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X30T	TPBLD	TP305	952.560	8%
2245	B-17354	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X40T	TPBLD	TP305	1.262.520	8%
2246	B-17360	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X48T	TPBLD	TP305	1.095.120	8%
2247	B-17376	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	TPBLD	TP305	1.333.800	8%
2248	B-17382	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	TPBLD	TP305	1.445.400	8%
2249	B-17326	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X120T CHO NHÔM	TPBLD	TP305	2.221.560	8%
2250	B-02808	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX60T	TPBLD	TP305	4.579.200	8%
2251	B-02814	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX96T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX96T	TPBLD	TP305	4.860.000	8%
2252	B-02820	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX100T	TPBLD	TP305	5.987.520	8%
2253	B-03822	T.C.T.SAW BLADE 305X30X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X30X60T	TPBLD	TP305	2.592.000	8%
2254	D-63579	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX80T	LƯỠI CỬA ĐÀ GÓC 305MMX30MMX80T	TPBLD	TP305	1.166.400	8%
2255	D-63585	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX100T	LƯỠI CỬA ĐÀ GÓC 305MMX30MMX100T	TPBLD	TP305	1.349.460	8%
2256	D-63591	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX120T	LƯỠI CỬA ĐÀ GÓC 305MMX30MMX120T	TPBLD	TP305	1.604.610	8%
2257	D-71364	T.C.T. SAW BLADE FOR METAL. 305*25.4*60T/LC1230	LƯỠI CỬA T.C.T DỪNG CHO KIM LOẠI 305*25.4*60T/L	TPBLD	TP305	2.395.170	8%
2258	D-72366	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X60T	TPBLD	TP305	962.280	8%
2259	D-72372	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X80T	TPBLD	TP305	1.067.580	8%
2260	D-72388	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X100T	TPBLD	TP305	1.192.320	8%
2261	D-73081	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DỪNG CHO NHÔM 305X25.4X80T	TPBLD	TP305	1.185.840	8%
2262	A-81860	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC1230	TPBLD	TP305	4.171.176	8%
2263	A-82541	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	TPBLD	TP305	3.547.800	8%
2264	B-12603	TCT SAW BLADE 335X25X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 335X25X60T	TPBLD	TP335	2.387.340	8%
2265	B-17413	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X30T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X30T	TPBLD	TP355	1.321.920	8%
2266	B-17429	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X36T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X36T	TPBLD	TP355	1.477.440	8%
2267	B-17435	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X40T	TPBLD	TP355	1.555.200	8%
2268	B-17441	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X48T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X48T	TPBLD	TP355	1.529.280	8%
2269	B-17457	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X60T	TPBLD	TP355	1.721.250	8%
2270	B-17407	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T FOR ALUMINUM	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X120T CHO NHÔM	TPBLD	TP355	2.720.520	8%
2271	A-82149	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X60T	TPBLD	TP355	3.499.200	8%
2272	A-82345	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 355X25.4X80T	TPBLD	TP355	2.833.920	8%
2273	B-17491	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X40T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 405X25.4X40T	TPBLD	TP405	2.604.960	8%
2274	A-81577	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	TPBLD	TP405	4.924.800	8%
2275	A-82600	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 405X25.4X100T	TPBLD	TP405	5.464.800	8%
2276	A-82616	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	TPBLD	TP405	6.920.640	8%
2277	E-24832	TCT SAW BLADE FOR CIRCULAR SAW EFFICUT 415MM	LƯỠI CÁT EFFICUT TCT CHO MÁY CỬA Đĩa 415MMX3	TPBLD		3.833.730	8%
2278	A-81583	T.C.T SAW BLADE 510X25.4X52T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 510X25.4X52T	TPBLD	TP510	5.702.400	8%
2279	D-81935	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA GỖ 305X25.4X100T	TPBLD	TP305	1.458.000	8%
2280	D-81898	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X30X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM DỪNG CHO NHÔM 305X30X80T	TPBLD	TP305	1.270.080	8%
K		LƯỠI CỬA LÔNG, CỬA KIỂM, CỬA VÒNG					
2281	D-72718	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE FOR WOOD 5PCS/SET	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG LOẠI KINH TẾ CHO GỖ SCAI/BỘ	JSBLD		101.520	8%
2282	D-34883	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/FAST(5PCS/SET)	LƯỠI CỬA LÔNG GỖ/NHANH(5 CÁI/BỘ)	JSBLD		63.504	8%
2283	D-34899	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/FAST/CURRENT	LƯỠI CỬA LÔNG GỖ/NHANH/CÁT CONG(5 CÁI/BỘ)	JSBLD		63.504	8%
2284	D-34908	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE METAL/BASIC(5PCS/SET)	LƯỠI CỬA LÔNG KIM LOẠI/CỔ BÀN(5CÁI/BỘ)	JSBLD		84.240	8%
2285	792691-8	JIG SAW BLADE NO.B-10S	LƯỠI CỬA LÔNG HỘP KIM NO.B-10S	JSBLD		268.380	8%
2286	792518-2	JIG SAW BLADE B-17	LƯỠI CỬA LÔNG B-17	JSBLD		162.270	8%
2287	B-06460	JIGSAW BLADE B-50	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG B-50	JSBLD		250.668	8%
2288	B-06476	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG B-51	JSBLD		280.152	8%
2289	B-06482	JIGSAW BLADE B-52	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG B-52	JSBLD		292.140	8%
2290	B-01286	JIG SAW BLADE NO.B-13	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B-13	JSBLD		66.744	8%
2291	B-10431	JIGSAW BLADE B-32	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG B-32	JSBLD		250.668	8%
2292	A-85656	JIGSAW BLADE NO.B13	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B13	JSBLD		119.610	8%
2293	A-85662	JIGSAW BLADE NO.B14	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B14	JSBLD		125.388	8%
2294	A-85678	JIGSAW BLADE NO.B15	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B15	JSBLD		125.388	8%
2295	A-85709	JIGSAW BLADE NO.B18	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B18	JSBLD		131.328	8%
2296	D-34877	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/BASIC(5PCS/SET)	LƯỠI CỬA LÔNG GỖ/CỔ BÀN(5 CÁI/BỘ)	JSBLD		42.930	8%
2297	A-85684	JIGSAW BLADE NO.B16	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B16	JSBLD		156.330	8%
2298	A-85690	JIGSAW BLADE NO.B17	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B17	JSBLD		162.270	8%
2299	A-86290	JIG SAW BLADE L1	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG L1	JSBLD		322.920	8%
2300	A-86309	JIG SAW BLADE L2	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG L2	JSBLD		238.950	8%
2301	A-86315	JIG SAW BLADE L-10 (B-TYPE)	LƯỠI CỬA LÔNG HỘP KIM L-10	JSBLD		286.200	8%
2302	A-86561	JIG SAW BLADE NO.51	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.51	JSBLD		180.090	8%
2303	A-86577	JIG SAW BLADE NO.58	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.58	JSBLD		174.150	8%
2304	A-86583	JIG SAW BLADE NO.59	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.59	JSBLD		221.400	8%
2305	A-86898	JIG SAW BLADE ASSORTMENT	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG (5 LOẠI)	JSBLD		162.270	8%
2306	A-85715	JIGSAW BLADE NO.B19	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B19	JSBLD		174.150	8%
2307	A-85721	JIGSAW BLADE NO.B21	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B21	JSBLD		286.200	8%
2308	A-85737	JIGSAW BLADE NO.B22	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B22	JSBLD		162.270	8%
2309	A-85743	JIGSAW BLADE NO.B23	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B23	JSBLD		162.270	8%
2310	A-85759	JIGSAW BLADE NO.B24	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B24	JSBLD		162.270	8%
2311	A-85765	JIGSAW BLADE NO.B25	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B25	JSBLD		180.090	8%
2312	A-85771	JIGSAW BLADE NO.B26	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B26	JSBLD		215.460	8%
2313	A-85787	JIGSAW BLADE NO.B27	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B27	JSBLD		174.150	8%
2314	A-85793	JIGSAW BLADE NO.BR13	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.BR13	JSBLD		137.160	8%
2315	A-85802	JIGSAW BLADE NO.1	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.1	JSBLD		180.090	8%
2316	A-85818	JIGSAW BLADE NO.10	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.10	JSBLD		191.700	8%
2317	A-85824	JIGSAW BLADE NO.10S	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.10S	JSBLD		215.460	8%
2318	A-85830	JIGSAW BLADE NO.16	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.16	JSBLD		156.330	8%
2319	A-85846	JIGSAW BLADE NO.17	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.17	JSBLD		180.090	8%
2320	A-85852	JIGSAW BLADE NO.2	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.2	JSBLD		169.830	8%
2321	A-85868	JIGSAW BLADE NO.3	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.3	JSBLD		131.328	8%
2322	A-85874	JIGSAW BLADE NO.4	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.4	JSBLD		180.090	8%
2323	A-85896	JIGSAW BLADE NO.42	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.42	JSBLD		292.140	8%
2324	A-85905	JIGSAW BLADE NO.5	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.5	JSBLD		168.210	8%
2325	A-85911	JIGSAW BLADE NO.8	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.8	JSBLD		156.330	8%
2326	A-85927	JIGSAW BLADE NO.9	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.9	JSBLD		209.520	8%
2327	A-85232	JIGSAW BLADE NO.B-8	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG NO.B-8	JSBLD		186.030	8%

2328	A-85628	JIGSAW BLADE NO.B10	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B10	JSBLD		171.180	8%
2329	A-85634	JIGSAW BLADE NO.B11	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B11	JSBLD		180.090	8%
2330	A-85640	JIGSAW BLADE NO.B12	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B12	JSBLD		186.030	8%
2331	A-80391	JIG SAW BLADE NO.B-28	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-28	JSBLD		322.920	8%
2332	A-80400	JIG SAW BLADE NO.B-29	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-29	JSBLD		292.140	8%
2333	A-80416	JIG SAW BLADE NO.B-K	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-K	JSBLD		555.120	8%
2334	B-01270	JIG SAW BLADE NO.B-11	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-11	JSBLD		105.840	8%
2335	B-06890	HM JIGSAW BLADE B60	HM BỘ LƯỖI CỬA LONG B60	JSBLD		869.940	8%
2336	B-06909	HM JIGSAW BLADE B61	HM BỘ LƯỖI CỬA LONG B61	JSBLD		1.263.870	8%
2337	723050-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 6	RSBLD		203.580	8%
2338	723065-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 14	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 14	RSBLD		262.548	8%
2339	723067-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 24	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 24	RSBLD		262.548	8%
2340	723068-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 10	RSBLD		262.548	8%
2341	723069-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 18	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 18	RSBLD		381.780	8%
2342	723070-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 10	RSBLD		381.780	8%
2343	723071-A5	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 300MM TPI 10	RSBLD		477.630	8%
2344	723074-A3	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 300MM TPI 6	RSBLD		395.280	8%
2345	723075-A3	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 9	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 9	RSBLD		402.840	8%
2346	723076-A3	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 9	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 9	RSBLD		340.740	8%
2347	723078-A5	RECIPRO SAW BLADE 200MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 200MM TPI 6	RSBLD		364.230	8%
2348	792148-9	RECIPRO SAW BLADE 165MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 165MM	RSBLD		378.270	8%
2349	792149-7	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.24	RSBLD		823.230	8%
2350	792707-9	RECIPRO SAW BLADE 23B	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 23B	RSBLD		376.110	8%
2351	A-02303	RECIPRO SAW BLADE 150-4T	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 150-4T	RSBLD		305.370	8%
2352	A-02319	RECIPRO SAW BLADE 150-10T	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 150-10T	RSBLD		305.370	8%
2353	B-00767	RECIPRO SAW BLADE NO.3023	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.3023	RSBLD		620.730	8%
2354	B-00804	RECIPRO SAW BLADE NO.21	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.21	RSBLD		262.548	8%
2355	B-00810	RECIPRO SAW BLADE NO.22	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.22	RSBLD		238.950	8%
2356	B-00826	RECIPRO SAW BLADE NO.23	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.23	RSBLD		162.270	8%
2357	B-00832	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.24	RSBLD		335.070	8%
2358	B-10637	305MM LONG RECIPROSAW BLADE	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM DÀI 305MM	RSBLD		720.900	8%
2359	B-03030	RECIPRO SAW BLADE NO.3030	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.3030	RSBLD		644.220	8%
2360	B-05038	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	RSBLD		525.960	8%
2361	B-05044	RECIPRO SAW BLADE FOR PLYWO 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO VÁN 152MM	RSBLD		603.180	8%
2362	B-05153	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD 203MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 203MM	RSBLD		548.640	8%
2363	B-05169	RECIPROSAWBLADE GOT METAL 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	RSBLD		454.140	8%
2364	B-05175	RECIPROSAWBLADE FOR WOOD 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 152MM	RSBLD		513.000	8%
2365	B-07250	RECIPROSAW BLADE FOR STAINL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO INOX 152MM	RSBLD		1.263.870	8%
2366	B-16776	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 225MM(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 14T 225MM (5CÁI/BỘ)	RSBLD		563.760	8%
2367	B-16776-25	RECIPROSAW BLADE 228MM 25PCS	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 228MM 25 PCS	RSBLD		2.954.610	8%
2368	B-20395	RECIPRO SAW BLADE 100MM/24TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/24TPI	RSBLD		387.720	8%
2369	B-20404	RECIPRO SAW BLADE 100MM/18TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/18TPI	RSBLD		364.230	8%
2370	B-20410	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/14TPI	RSBLD		364.230	8%
2371	B-20426	RECIPRO SAW BLADE 100MM/10TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/10TPI	RSBLD		343.710	8%
2372	B-20432	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	RSBLD		417.150	8%
2373	B-20448	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	RSBLD		393.660	8%
2374	B-20454	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14-18TPI	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 100MM/14-18TPI	RSBLD		417.150	8%
2375	B-23248	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T305M	RSBLD		595.620	8%
2376	B-23254	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 10T305M	RSBLD		595.620	8%
2377	B-43147	RECIPRO SAW FOR BI-METAL 152X25X1.1MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 152X25X1.1MM(5CÁI/BỘ)	RSBLD		531.360	8%
2378	B-43212	RECIPRO SAW BLADE 305X25X1.1MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 305X25X1.1MM(5CÁI/BỘ)	RSBLD		775.440	8%
2379	B-43228	RECIPRO SAW BLADE METAL 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM KIM LOẠI 305MM	RSBLD		793.260	8%
2380	B-43256	RECIPRO SAW BLADE 225X22X1.6MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 225X22X1.6MM(5CÁI/BỘ)	RSBLD		884.520	8%
2381	B-43278	RECIPRO SAW BLADE 305X22X1.6MM(5PCS/SET)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 305X22X1.6MM(5CÁI/BỘ)	RSBLD		1.027.944	8%
2382	B-49834	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 152MM X 1.25MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 152MM X 1.25MM	RSBLD		489.510	8%
2383	B-49840	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 228MM X 1.25MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 228MM X 1.25MM	RSBLD		691.470	8%
2384	B-49856	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 305MM X 1.25MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 305MM X 1.25MM	RSBLD		864.000	8%
2385	B-52043	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T152M	RSBLD		513.000	8%
2386	B-50564	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 228MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 6T228M	RSBLD		548.640	8%
2387	B-30570	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 228MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 10T228M	RSBLD		548.640	8%
2388	B-10609	RECIPRO SAW BLADE ICE 3T 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM 3T305M	RSBLD		292.140	8%
2389	B-10394	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 305M	LƯỖI CỬA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHE MAKITA 305MM	RSBLD		1.263.870	8%
2390	B-10403	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 455M	LƯỖI CỬA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHE MAKITA 455	RSBLD		1.727.730	8%
2391	B-56580	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 190X0.6X8.5MM	LƯỖI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 190X0.6X8.5MM	RSBLD		215.460	8%
2392	B-56596	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 190MM X 0.6MM X 15TPI	LƯỖI CỬA KIỂM CHO TRE, GỖ 190MM X 0.6MM X 15TPI	RSBLD		227.070	8%
2393	B-57386	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD 225X0.9X8.5MM	LƯỖI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 225X0.9X8.5MM	RSBLD		335.070	8%
2394	B-57392	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD, PVC 225M	LƯỖI CỬA KIỂM CHO TRE, GỖ 225MMX0.9MMX15TPI	RSBLD		370.170	8%
2395	B-63585	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 305M	LƯỖI CỬA KIỂM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ 305MM X	RSBLD		875.610	8%
2396	B-63591	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CONCRETE 400M	LƯỖI CỬA KIỂM TC CHO BÊ TÔNG KHÍ 400MM X	RSBLD		1.155.870	8%
2397	D-80298	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 150MMX0.9X19	RSBLD		112.050	8%
2398	D-80307	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 225MMX0.9X19	RSBLD		156.330	8%
2399	D-80313	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 150MMX0.9X19	RSBLD		112.050	8%
2400	D-80329	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 225MMX0.9X19	RSBLD		153.360	8%
2401	D-80335	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 150MMX0.9X19	RSBLD		112.050	8%
2402	D-80341	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9MMX19MM	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 225MMX0.9X19	RSBLD		153.360	8%
2403	B-30128	BAND SAW BLADE 1140MM X 10TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 1140MM X 10TPI	BSBLD		572.130	8%
2404	B-40543	PORTABLE BAND SAW BLADE 14TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 14TPI	BSBLD		1.407.240	8%
2405	B-40559	PORTABLE BAND SAW BLADE 18TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 18TPI	BSBLD		1.430.730	8%
2406	B-40565	PORTABLE BAND SAW BLADE 24TPI	LƯỖI CỬA VÒNG 24TPI	BSBLD		1.407.240	8%
2407	B-10350	BAND SAW BLADE 18 BIMETAL	LƯỖI CỬA VÒNG 18 BIMETAL	BSBLD		495.450	8%
2408	B-16667	BAND SAW BLADE 2240-16MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-16MM/GỖ/LB1200F	BSBLD		1.693.170	8%
2409	B-16673	BAND SAW BLADE 2240-13MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-13MM/GỖ/LB1200F	BSBLD		1.407.240	8%
2410	B-16689	BAND SAW BLADE 2240-6MM/WOOD/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-6MM/GỖ/LB1200F	BSBLD		1.407.240	8%
2411	B-16695	BAND SAW BLADE 2240-16MM/NONFE/LB1200F	LƯỖI CỬA VÒNG 2240-16MM/KIM LOẠI(TRỪ SẮT)/LB1200F	BSBLD		1.858.950	8%
2412	E-04117	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(18T/1INCH)(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(18T/1INCH)(5CÁI/BỘ)	BSBLD		1.453.410	8%
2413	E-04123	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(24T/1INCH)(5PCS/SET)	LƯỖI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(24T/1INCH)(5CÁI/BỘ)	BSBLD		1.371.060	8%
2414	IM21080294	SAW BLADE 6/LB1200F	LƯỖI CỬA 6/LB1200F	OTHER		737.100	8%

2415	JM21080295	SAW BLADE 13/LB1200F	LƯỠI CỬA VÒNG 13/LB1200F	BSBLD	709.290	8%
2416	JM21080296	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CỬA VÒNG 16/LB1200F	BSBLD	709.290	8%
2417	JM21080297	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỠI CỬA 16/LB1200F	OTHER	737.100	8%
2418	792556-4	BAND SAW BLADE 18 (H.S.STEEL)	LƯỠI CỬA VÒNG 18 (H.S.STEEL)	BSBLD	906.660	8%
2419	792557-2	BAND SAW BLADE 14 (H.S. STEEL)	LƯỠI CỬA VÒNG 14 (H.S. STEEL)	BSBLD	906.660	8%
2420	792558-0	BAND SAW BLADE 24 (C.STEEL)	LƯỠI CỬA VÒNG 24 (C.STEEL)	BSBLD	1.112.400	8%
2421	792559-8	BAND SAW BLADE 18 (C.STEEL)	LƯỠI CỬA VÒNG 18 (C.STEEL)	BSBLD	1.144.800	8%
2422	792560-3	BAND SAW BLADE 14 (C.STEEL)	LƯỠI CỬA VÒNG 14 (C.STEEL)	BSBLD	1.179.360	8%
2423	792567-9	BAND SAW BLADE 6 (C.S.) F/WOOD	LƯỠI CỬA VÒNG 6 CHO GỖ	BSBLD	1.179.360	8%
2424	194691-8	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỠI CỬA VÒNG13-1140	BSBLD	650.160	8%
2425	194692-6	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỠI CỬA VÒNG 13-1140	BSBLD	662.040	8%
2426	A-31099	SCROLL SAW BLADE 0.46MM(5PCS/SET)/SJ401	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG BÀN 0.46MM(5 CÁI/BỘ)/SJ401	OTHER	209.520	8%
2427	A-31108	SCROLL SAW BLADE 0.25MM(5PCS/SET)/SJ401	BỘ LƯỠI CỬA LÔNG BÀN 0.25MM(5 CÁI/BỘ)/SJ401	OTHER	191.700	8%
L CHỖI ĐÁNH						
2428	D-73835	WIRE END BRUSH (KNOTTED)12MM(1/2")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 12MM(1/2")	BRUSH	54.648	8%
2429	D-73841	WIRE END BRUSH (KNOTTED)19MM(3/4")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 19MM(3/4")	BRUSH	68.148	8%
2430	D-73857	WIRE END BRUSH (KNOTTED)24MM(1")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 24MM(1")	BRUSH	79.380	8%
2431	D-73863	WIRE END BRUSH (KNOTTED)28MM(1-1/8")	CHỖI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 28MM(1-1/8")	BRUSH	101.790	8%
2432	D-29284	CUP BRUSH CRIMPED WIRE 100MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 100MMXM14	BRUSH	162.270	8%
2433	794372-0	WIRE CUP BRUSH 110 M14X2	CHỖI KIM LOẠI 110 M14X2	OTHER	1.749.600	8%
2434	794325-9	WIRE CUP BRUSH 110 M16X2	CHỖI KIM LOẠI 110 M16X2	OTHER	1.766.880	8%
2435	D-45761	WIRE WHEEL BRUSH 150MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 150MMXM14	BRUSH	227.070	8%
2436	D-45777	WIRE WHEEL BRUSH 175MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 175MMXM14	BRUSH	315.900	8%
2437	D-24066	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM10	CHỖI KIM LOẠI 60MMXM10	BRUSH	84.240	8%
2438	D-24072	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 60MMXM14	BRUSH	84.240	8%
2439	D-24088	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM10	CHỖI KIM LOẠI 75MMXM10	BRUSH	119.610	8%
2440	D-24094	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 75MMXM14	BRUSH	119.610	8%
2441	794324-1	WIRE CUP BRUSH 90 M16X2	CHỖI KIM LOẠI 90 M16X2	OTHER	1.352.160	8%
2442	D-77512	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM X M14-2	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 115MM X M14-2	BRUSH	268.380	8%
2443	D-77534	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM X M14-2	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 115MM X M14-2	BRUSH	322.920	8%
2444	D-77584	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM X M14-2	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 115MM X M14-2	BRUSH	322.920	8%
2445	D-77540	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 125MM X M14-2	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 125MM X M14-2	BRUSH	381.780	8%
2446	D-24103	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM10	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 60MMXM10	BRUSH	132.840	8%
2447	D-24147	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM10	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 60MMXM10	BRUSH	180.090	8%
2448	D-24119	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MMXM14	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 60MMXM14	BRUSH	132.840	8%
2449	D-24153	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM14	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 60MMXM14	BRUSH	174.150	8%
2450	D-73346	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 75MM (I-NOX)/ X-LOCK	BRUSH	283.230	8%
2451	D-73433	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (BRASS COATED)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 75MM (MÀ ĐỒNG THAU)	BRUSH	194.670	8%
2452	D-73396	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STEEL)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 75MM (THÉP)/ X-LOCK	BRUSH	186.030	8%
2453	D-24125	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM10	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 75MMXM10	BRUSH	146.070	8%
2454	D-24131	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MMXM14	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 75MMXM14	BRUSH	186.030	8%
2455	D-73330	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 80MM (I-NOX)/ X-LOCK	BRUSH	387.720	8%
2456	D-73380	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAINLESS)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 80MM (I-NOX)/ X-LOCK	BRUSH	197.640	8%
2457	D-73374	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STEEL)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOẢN 80MM (THÉP)/ X-LOCK	BRUSH	197.640	8%
2458	D-67608	WIRE BRUSH FOR DRILL FOR WOOD 80MMX(6MM SH)	CHỖI KIM LOẠI ĐÁNH CHO GỖ 80MMX(CHUỖI 6MM)	BRUSH	158.760	8%
2459	D-73449	WIRE BEVEL BRUSHES (CRIMPED) 100 (STELL)/ X-LOCK	CHỖI KIM LOẠI HÌNH NÓN 100MM (THÉP)/ X-LOCK	BRUSH	180.090	8%
2460	D-29290	CUP BRUSH TWISTED WIRE 100MMXM14	CHỖI KIM LOẠI XOẢN TRÒN 100MMXM14	BRUSH	241.920	8%
2461	D-73829	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)100MM(4")	CHỖI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 100MM(4")	BRUSH	113.670	8%
2462	D-73813	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHỖI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 75MM(3")	BRUSH	107.730	8%
2463	D-73798	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)63MM(2-1/2")	CHỖI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 63MM(2-1/2")	BRUSH	113.670	8%
2464	D-73807	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHỖI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 75MM(3")	BRUSH	112.860	8%
2465	D-77425	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M10-1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X M10-10.5	BRUSH	168.210	8%
2466	D-77469	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M10-1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X M10-10.5	BRUSH	268.380	8%
2467	D-77431	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M14-2	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X M14-2	BRUSH	168.210	8%
2468	D-77475	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M14-2	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X M14-2	BRUSH	268.380	8%
2469	D-77447	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M10-1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X M10-10.5	BRUSH	209.520	8%
2470	D-77481	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M10-1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X M10-10.5	BRUSH	297.810	8%
2471	D-77453	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M14-2	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X M14-2	BRUSH	209.520	8%
2472	D-77497	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M14-2	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X M14-2	BRUSH	297.810	8%
2473	D-78570	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM14X2.0	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MÉP/ĐÂY THẮT XOẢN)	BRUSH	482.220	8%
2474	D-78564	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM10X2.0	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MÉP/ĐÂY XOẢN)100	BRUSH	280.152	8%
2475	D-77528	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM10X1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VÁT MÉP/ĐÂY THẮT XOẢN)	BRUSH	244.890	8%
2476	D-77506	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM14X2.0	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VÁT MÉP/ĐÂY XOẢN)100M	BRUSH	197.640	8%
2477	D-77578	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM10X1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/ĐÂY THẮT XOẢN)100	BRUSH	230.040	8%
2478	D-77556	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM10X1.5	CHỖI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/ĐÂY XOẢN)100MMXM	BRUSH	191.700	8%
2479	D-73352	WIRE WHEEL BRUSHES (FULL KNOTTED) 115 (STAINL)	CHỖI XOẢN TRÒN (SỢI DÂY) 115MM (I-NOX)/X-LOCK	BRUSH	421.470	8%
2480	D-73405	WIRE WHEEL BRUSHES(FULL KNOTTED) 115 (STEEL)	CHỖI XOẢN TRÒN (SỢI DÂY) 115MM (THÉP)/X-LOCK	BRUSH	214.380	8%
2481	D-73368	WIRE WHEEL BRUSHES(STRINGER KNOTTED) 115 (STAINL)	CHỖI XOẢN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (I-NOX)/X-LOCK	BRUSH	495.180	8%
2482	D-73411	WIRE WHEEL BRUSHES (STRINGER KNOTTED) 115 (STEEL)	CHỖI XOẢN TRÒN (SỢI NHỎ) 115MM (THÉP)/X-LOCK	BRUSH	321.300	8%
2483	D-29555	WHEEL BRUSH TWISTED 100MMXM14	CHỖI XOẢN TRÒN 100MMXM14	BRUSH	149.040	8%
2484	D-73427	WIRE WHEEL BRUSHES(CRIMPED) 115 (STEEL)/ X-LOCK	CHỖI XOẢN TRÒN 115MM (THÉP)/ X-LOCK	BRUSH	250.668	8%
2485	D-29561	WHEEL BRUSH TWISTED 115MMXM14	CHỖI XOẢN TRÒN 115MMXM14	BRUSH	149.040	8%
2486	D-29577	WHEEL BRUSH TWISTED 125MMXM14	CHỖI XOẢN TRÒN 125MMXM14	BRUSH	209.520	8%
2487	D-73586	NYLON WHEEL BRUSH 100X120MM(NYLON #60)/9741	BÀNH XE CHÀ NHẢM 100X120(ĐÂY NYLON #60)/9741	BRUSH	899.910	8%
2488	D-73592	NYLON WHEEL BRUSH100X120MM (NYLON #80)/9741	BÀNH XE CHÀ NHẢM 100X120(ĐÂY NYLON #80)/9741	BRUSH	899.910	8%
2489	D-73570	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(BRASS COATED WIRE)	BÀNH XE ĐÁNH GỖ 100X120(ĐÂY ĐỒNG THAU)/9741	BRUSH	696.870	8%
2490	794380-1	SLIT PAPER WHEEL 120-40 (FOR RUST AND PAINT REMOVAL)	Đĩa nhám (Đánh gi và sơn)	OTHER	6.112.800	8%
2491	794381-9	COTTON BUFF WHEEL 120 (FOR POLISHING)	Đĩa đánh bóng 120	OTHER	5.955.660	8%
2492	794382-7	WIRE BRUSH WHEEL120 (FOR RUST REMOVAL)	Đĩa đánh gi 120	OTHER	4.584.600	8%
2493	794379-6	NYLON BRUSH WHEEL 120-100	CHỖI NYLON 120-100	OTHER	5.663.520	8%
2494	794383-5	NYLON BRUSH WHEEL 120-240	CHỖI NYLON 120-240	OTHER	5.528.790	8%
2495	794384-3	NYLON BRUSH WHEEL 120-80	CHỖI NYLON 120-80	OTHER	6.112.800	8%
2496	D-45755	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #240)	CHỖI NYLON ĐỀ VÀNH (100MM, #240)	BRUSH	180.900	8%
2497	D-45749	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #80)	CHỖI NYLON ĐỀ VÀNH (100MM, #80)	BRUSH	180.900	8%
2498	D-77562	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM X M14-2	CHỖI ĐÁNH GỖ DẠNG VÁT MÉP 115MM X M14-2	BRUSH	244.890	8%
2499	D-39805	CUP BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỖI ĐÁNH GỖ (DẠNG CỐC) 100MM X M14	BRUSH	188.730	8%
2500	D-39746	CUP BRUSH CRIMPED 60MM X M14	CHỖI ĐÁNH GỖ (DẠNG CỐC) 60MM X M14	BRUSH	84.240	8%

2501	D-39768	CUP BRUSH CRIMPED 75MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG CỐC) 75MM X M14	BRUSH		96.120	8%
2502	D-39780	CUP BRUSH CRIMPED 90MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG CỐC) 90MM X M14	BRUSH		119.610	8%
2503	D-39992	WHEEL BRUSH SHANK 100MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRÒN) 100MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		60.588	8%
2504	D-39958	WHEEL BRUSH SHANK 38MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRÒN) 38MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		48.816	8%
2505	D-39964	WHEEL BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRÒN) 50MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		48.816	8%
2506	D-39970	WHEEL BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRÒN) 63MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		48.816	8%
2507	D-39986	WHEEL BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRÒN) 75MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		54.648	8%
2508	D-40004	END BRUSH SHANK 12MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 12MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		36.990	8%
2509	D-40010	END BRUSH SHANK 19MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 19MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		48.816	8%
2510	D-40026	END BRUSH SHANK 25MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 25MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		57.564	8%
2511	D-40032	END BRUSH SHANK 30MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 30MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		60.588	8%
2512	D-39908	CUP BRUSH SHANK 38MM X(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 38MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		48.816	8%
2513	D-39914	CUP BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 50MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		51.570	8%
2514	D-39920	CUP BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 63MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		54.648	8%
2515	D-39936	CUP BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 75MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		60.588	8%
2516	D-39942	CUP BRUSH SHANK 80MMX(6MM SHANK)	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG TRU) 80MMX(CHUỐI 6MM)	BRUSH		71.010	8%
2517	D-39827	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG VÁT MÉP) 100MM X M14	BRUSH		107.730	8%
2518	D-39861	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG VÁT MÉP) 100MM X M14	BRUSH		119.610	8%
2519	D-39849	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG VÁT MÉP) 115MM X M14	BRUSH		119.610	8%
2520	D-39883	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỔI ĐÁNH GÌ (DANG VÁT MÉP) 115MM X M14	BRUSH		131.328	8%
2521	D-45652	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (100MM, #240)	BRUSH		140.508	8%
2522	D-45602	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (100MM, #80)	BRUSH		149.040	8%
2523	D-45618	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (38MM, #240)	BRUSH		72.360	8%
2524	D-45565	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (38MM, #80)	BRUSH		72.360	8%
2525	D-45624	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (50MM, #240)	BRUSH		90.180	8%
2526	D-45571	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (50MM, #80)	BRUSH		90.180	8%
2527	D-45630	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (63MM, #240)	BRUSH		96.120	8%
2528	D-45587	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (63MM, #80)	BRUSH		101.790	8%
2529	D-45646	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (75MM, #240)	BRUSH		123.768	8%
2530	D-45593	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DANG BÁNH XE (75MM, #80)	BRUSH		123.768	8%
2531	D-45537	NYLON CUP BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #240)	BRUSH		96.120	8%
2532	D-45509	NYLON CUP BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #80)	BRUSH		90.450	8%
2533	D-45543	NYLON CUP BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #240)	BRUSH		123.768	8%
2534	D-45515	NYLON CUP BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #80)	BRUSH		131.328	8%
2535	D-45559	NYLON CUP BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #240)	BRUSH		149.040	8%
2536	D-45521	NYLON CUP BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #80)	BRUSH		140.508	8%
2537	D-45705	NYLON END BRUSH (12MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (12MM, #240)	BRUSH		57.024	8%
2538	D-45668	NYLON END BRUSH (12MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (12MM, #80)	BRUSH		57.024	8%
2539	D-45711	NYLON END BRUSH (19MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (19MM, #240)	BRUSH		72.360	8%
2540	D-45674	NYLON END BRUSH (19MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (19MM, #80)	BRUSH		72.360	8%
2541	D-45727	NYLON END BRUSH (25MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (25MM, #240)	BRUSH		79.380	8%
2542	D-45680	NYLON END BRUSH (25MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (25MM, #80)	BRUSH		84.240	8%
2543	D-45733	NYLON END BRUSH (30MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (30MM, #240)	BRUSH		119.610	8%
2544	D-45696	NYLON END BRUSH (30MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUỐI (30MM, #80)	BRUSH		112.860	8%
2545	D-65729	SHANK WIRE BRUSH 4PCS. 6MM(1/4INCH) SET FOR DR	CHỔI ĐÁNH SƠI KIM LOẠI CHUỐI 6MM CHO MÁY KHO	BRUSH		217.080	8%
2546	D-62511	POLISHING SPONGE ORANGE (FLAT TYPE) HARD	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU CAM (LOẠI PHẪNG)	OTHER		162.270	8%
2547	D-62608	POLISHING SPONGE ORANGE (WAVE TYPE) HARD	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU CAM (LOẠI SÓNG)	OTHER		162.270	8%
2548	D-62577	POLISHING SPONGE BLACK (FLAT TYPE) SOFT	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU ĐEN (LOẠI PHẪNG)	OTHER		162.270	8%
2549	D-62664	POLISHING SPONGE BLACK (WAVE TYPE) SOFT	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU ĐEN (LOẠI SÓNG)	OTHER		153.090	8%
2550	D-62549	POLISHING SPONGE BLUE (FLAT TYPE) MIDDLE	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU XANH (LOẠI PHẪNG)	OTHER		162.270	8%
2551	794176-0	WOOL BONNET 180	MŨ ĐÁNH BÔNG 180	WOOL		775.440	8%
2552	D-57146	WOOL BONNET DOUBLE SIDE YELLOW 230MM	TĂM ĐỆM ĐÁNH BÔNG HAI MẶT 230MM	WOOL		589.680	8%
2553	D-74653	SPONGE PAD 125MM(YELLOW)	TĂM ĐỆM BƠI BIẾN 125MM(MÀU VÀNG)	WOOL		250.668	8%
2554	D-70801	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLACK)	TĂM ĐỆM BƠI BIẾN 190MM(NGĂN/ MÀU ĐEN)	WOOL		322.920	8%
2555	D-74572	SPONGE PAD 190MM(SOFT/ORANGE)	TĂM ĐỆM BƠI BIẾN 190MM(NGĂN/MÀU CAM)	WOOL		322.920	8%
2556	D-74588	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLUE)	TĂM ĐỆM BƠI BIẾN 190MM(NGĂN/MÀU XANH)	WOOL		322.920	8%
2557	D-74631	FELT 125MM	ĐỆ NỈ 125MM	WOOL		174.150	8%
2558	D-74625	FELT 180MM	ĐỆ NỈ 180MM	WOOL		286.200	8%
2559	D-65735	WOOL BONNET 150MM	ĐỆM LÔNG CỬU 150MM	WOOL		247.590	8%
2560	D-70873	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU TRẮNG)	WOOL		513.000	8%
2561	D-70889	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU VÀNG)	WOOL		513.000	8%
2562	D-70867	WOOL BONNET 125MM	ĐỆM LÔNG CỬU 125MM	OTHER		238.950	8%
2563	D-74594	WOOL BONNET 180MM	ĐỆM LÔNG CỬU DẠNG CHỤP 180MM	WOOL		358.290	8%
2564	D-73564	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(STEEL WIRE)9741	BÀNH XE ĐÁNH GÌ 100X120(DÂY THÉP)9741	BRUSH		696.870	8%
M ĐÁ MÀI, ĐÁ CÁT, NHẪM XẾP							
2565	741015-5	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 24P	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 24P	GRWHL	GR125	506.196	8%
2566	741016-3	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 36P	ĐÁ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 36P	GRWHL	GR125	536.760	8%
2567	A-69048	GRINDING WHEEL 200X25X75MM	ĐÁ MÀI 200X25X75MM	GRWHL	GR200	2.659.770	8%
2568	B-51932	GRINDING WHEEL (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	ĐÁ MÀI (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	GRWHL	GR150	531.360	8%
2569	B-51976	GRINDING WHEEL (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	ĐÁ MÀI (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	GRWHL	GR205	943.380	8%
2570	B-51910	GRINDING WHEEL (BENCH,150)	ĐÁ MÀI (MÁY MÀI HAI ĐÁ, 150)	GRWHL	GR150	353.970	8%
2571	794180-9	GRINDING WHEEL 100-46	ĐÁ MÀI 100-46	GRWHL	GR100	839.700	8%
2572	A-80852	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	GRWHL	GR100	39.852	8%
2573	A-80933	GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	GRWHL	GR125	47.250	8%
2574	A-80656	DC GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	GRWHL	GR125	64.908	8%
2575	B-51904	GRINDING WHEEL 150MM FOR BENCH GRINDER(A36)	ĐÁ MÀI 150MM (A36)	GRWHL	GR150	376.110	8%
2576	A-84981	DC GRINDING WHEEL 150X6X22.23	ĐÁ MÀI 150X6X22.23	GRWHL	GR150	58.968	8%
2577	A-80880	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	GRWHL	GR180	119.610	8%
2578	A-80949	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	GRWHL	GR180	70.848	8%
2579	B-51649	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC GRINDER 100X	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 CHO MÁY MÀI DC 100X2.2X16	GRWHL	GR100	39.852	8%
2580	A-24620	GRINDING WHEEL 200-60/9820	ĐÁ MÀI 200-60/9820	GRWHL	GR200	1.101.600	8%
2581	B-51948	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI 205MM	GRWHL	GR205	555.120	8%
2582	B-51655	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC GRINDER 125X	ĐÁ MÀI 2IN1 125MMX2.2MMX22.23MM	GRWHL	GR125	69.336	8%
2583	B-18225	4" (100X2X16 MM) AC120, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC120, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	25.164	8%
2584	B-18219	4" (100X2X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X2X16 MM) AC80, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	25.164	8%
2585	B-18231	4" (100X3X16 MM) AC36, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC36, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	31.104	8%
2586	B-18269	4" (100X3X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4" (100X3X16 MM) AC80, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	31.104	8%

2587	B-18203	GRINDING WHEEL 4"(100X216 MM) AC46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X216 MM) AC46, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	31.104	8%
2588	B-18247	GRINDING WHEEL 4"(100X316 MM) AC46, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X316 MM) AC46, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	48.816	8%
2589	B-18253	4"(100X316 MM) AC60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X316 MM) AC60, 1G ĐEN	GRWHL	GR100	31.104	8%
2590	B-18328	5"(125X322 MM) AC46, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5"(125X322 MM) AC46, 2G ĐEN	GRWHL	GR125	42.930	8%
2591	B-18340	5"(125X322 MM) AC80, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5"(125X322 MM) AC80, 2G ĐEN	GRWHL	GR125	42.930	8%
2592	D-18465	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (125 X 6 X 22.23)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (125 X 6 X 22.23MM)	GRWHL	GR125	38.988	8%
2593	D-26163	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (150 X 6 X 22.23)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X 22.23MM)	GRWHL	GR150	50.112	8%
2594	D-18471	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (180 X 6 X 22.23)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (180 X 6 X 22.23MM)	GRWHL	GR180	55.620	8%
2595	D-18487	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (230 X 6 X 22.23)	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (230 X 6 X 22.23MM)	GRWHL	GR230	94.500	8%
2596	B-56384	GRINDING WHEEL FOR HEAVY INDUSTRIES A24S 125	ĐÁ MÀI CHO CÔNG NGHIỆP NẶNG A24S 125X7.2X22.2	GRWHL	GR125	72.360	8%
2597	E-00402	GRINDING WHEEL(X-LOCK/125X6X22.23/WA36N)	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK 125X6X22.23/WA36N)	GRWHL	GR125	90.180	8%
2598	E-00496	GRINDING WHEEL FOR STAINLESS(X-LOCK/100X6X22	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK/100X6X22.23/WA36N)	GRWHL	GR100	48.816	8%
2599	E-00393	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK/125X6X22.23/	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK 125X6X22.23/A36P)	GRWHL	GR125	72.360	8%
2600	E-00480	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK/100X6X22.23/	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK/100X6X22.23/A36P)	GRWHL	GR100	36.990	8%
2601	B-51960	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI CHO MÁY MÀI 2 ĐÁ 205MM	GRWHL	GR205	625.320	8%
2602	D-72241	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM A24P	ĐÁ MÀI KIM LOẠI 100X6.0X16MM	GRWHL	GR100	20.736	8%
2603	D-74491	GRINDING WHEEL/METAL/A24P125X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 125X6.0X22.23	GRWHL	GR125	36.990	8%
2604	D-74516	GRINDING WHEEL/METAL/A24P180X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 180X6.0X22.23	GRWHL	GR180	51.624	8%
2605	A-80846	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESSED/150X6.0X2	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG /150X6.0X22.23MM/WA	GRWHL	GR150	87.210	8%
2606	A-80955	GRINDING WHEEL/METAL/DEPRESSED/230X6.0X22.23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG /230X6.0X22.23MM/A3	GRWHL	GR230	143.100	8%
2607	A-80896	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESSED/230X6.0X2	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG/230X6.0X22.23MM/WA	GRWHL	GR230	197.640	8%
2608	794229-5	FLEX. GRINDING WHEEL 100-60	ĐÁ MÀI MỀM 100-60	GRWHL	GR100	545.400	8%
2609	A-85139	FLEXIBLE WHEEL 100X2X16	ĐÁ MÀI MỀM 100X2X16	GRWHL	GR100	31.104	8%
2610	A-88490	FLEXIBLE WHEEL 180X3X22	ĐÁ MÀI MỀM 180X3X22	GRWHL	GR180	90.180	8%
2611	A-80911	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM/A36P	ĐÁ MÀI SẮT 100X6.0X16MM/A36P	GRWHL	GR100	29.484	8%
2612	724104-1	ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	ĐÁ CẮT 100MM	CTWHL	CT100	158.760	8%
2613	A-85123	CUT OFF WHEEL 100X2X16	ĐÁ CẮT 100X2X16	CTWHL	CT100	25.164	8%
2614	D-20937	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MASONRY 100X3X	ĐÁ CẮT 100X3X160X3X16	CTWHL	CT100	25.164	8%
2615	D-21048	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 115X	ĐÁ CẮT 115X3X22.2115X3X22.2	CTWHL	CT115	31.104	8%
2616	A-85313	CUT OFF WHEEL 125X2.5X22	ĐÁ CẮT 125X2.5X22	CTWHL	CT125	48.816	8%
2617	D-20959	CUTTING WHEEL (FLAT) C09S FOR MASONRY 125X3X	ĐÁ CẮT 125X3X22.25X3X22.2	CTWHL	CT125	31.104	8%
2618	D-62088-5	CUT-OFF WHEEL 14 INCH 355X3X25.4 (5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 14 INCH 355X3X25.4 (5PCS/SET)	CTWHL	CT180	501.228	8%
2619	A-85329	CUT OFF WHEEL 180X2.5X22	ĐÁ CẮT 180X2.5X22	CTWHL	CT180	56.160	8%
2620	D-21060	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MASONRY 180X	ĐÁ CẮT 180X3X22.2180X3X22.2	CTWHL	CT180	48.816	8%
2621	A-89735	CUT-OFF WHEEL 305X3.5X25.4MM	ĐÁ CẮT 305X3.5X25.4	CTWHL	CT305	6.090.390	8%
2622	E-16966-5	CUT-OFF WHEEL 355 FOR MASONRY	ĐÁ CẮT 355 DÀNH CHO XÂY DỰNG	CTWHL	CT355	2.645.460	8%
2623	B-10730-5	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4(5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4(5CÁI/BỘ)	CTWHL	CT355	589.680	8%
2624	A-01351	CUT-OFF WHEEL 355X3X25.4MM	ĐÁ CẮT 355X3X25.4MM	CTWHL	CT355	1.201.500	8%
2625	A-05050	CUT-OFF WHEEL 405X3X25.4MM	ĐÁ CẮT 405X3X25.4MM	CTWHL	CT405	8.099.460	8%
2626	D-18683	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 180X2.5X22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X2.5X22.23MM	CTWHL	CT180	36.990	8%
2627	D-18655	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 100X2.5X16MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X2.5X16MM	CTWHL	CT100	19.332	8%
2628	D-18552	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 100X3X1	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X3X16	CTWHL	CT100	23.652	8%
2629	D-18677	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 125X2.5X22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X2.5X22.23MM	CTWHL	CT125	25.164	8%
2630	D-18574	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 125X3X2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X3X22.2X3X22.2	CTWHL	CT125	25.056	8%
2631	D-29402	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150X2.5X22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 150X2.5X22.23MM	CTWHL	CT150	31.104	8%
2632	D-18580	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 180X3X2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X3X22.2X3X22.2	CTWHL	CT180	37.584	8%
2633	D-18699	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 230X2.5X22.23MM	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X2.5X22.23MM	CTWHL	CT230	54.648	8%
2634	D-18596	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR METAL 230X3X2	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X3X22.2X3X22.2	CTWHL	CT230	48.708	8%
2635	D-74815-5	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THICKNESS 76X1.0	ĐÁ CẮT INOX 76X1.0X10MM WA60T(5 CÁI/BỘ)/DMC30	CTWHL	CT76	96.120	8%
2636	D-65947	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 100X1.0X16/WA46R	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16/WA46R	CTWHL	CT100	13.392	8%
2637	D-65947-10	THIN CUTTING/FLAT/100X1.0X16MM/WA46R(10PCS/SE	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 100X1.0X16/WA46R(10 CÁI/BỘ)	CTWHL	CT100	110.700	8%
2638	D-65969-10	THIN CUTTING/FLAT/125X1.0X22.23MM/WA46R(10PCS	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.23/WA46R(10 CÁI/BỘ)	CTWHL	CT125	197.640	8%
2639	D-65969	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 125X1.0X22.23	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 125X1.0X22.2345076	CTWHL	CT125	25.164	8%
2640	D-65975	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 180X2.0X22.23	ĐÁ CẮT INOX MỎNG 180X2.0X22.23	CTWHL	CT180	39.852	8%
2641	E-03006	CUTTING WHEEL (230X2.0X22.23MM)	ĐÁ CẮT KIM LOẠI (230X2.0X22.23MM)	CTWHL	CT230	72.360	8%
2642	E-12790-5	CUT-OFF WHEEL METAL FOR DC POWER CUTTER 355	ĐÁ CẮT KIM LOẠI PHỤ HỘP CHO MÁY DC 355X4.3X25	CTWHL	CT355	1.716.660	8%
2643	D-18786	THIN CUTTING WA36R FOR STA 180X2X22.23MM	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX WA36R FOR 180X2X22.23MM	CTWHL	CT180	48.816	8%
2644	E-22931	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT Z60V	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX Z60V 100X0.8X16MM	CTWHL	CT100	54.648	8%
2645	E-22953	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT Z60V	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX Z60V 125X0.8X22.23MM	CTWHL	CT125	60.588	8%
2646	E-13742	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT/150X1.6X22	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/150X1.6X22.23MM A60U	CTWHL	CT150	51.624	8%
2647	E-22458	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/150X1.3X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/150X1.6X22.23MM A60U	CTWHL	CT150	63.504	8%
2648	E-13758	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT/180X1.6X22	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/180X1.6X22.23MM A60U	CTWHL	CT180	63.504	8%
2649	E-22464	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/180X1.6X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/180X1.6X22.23MM A60U	CTWHL	CT180	63.504	8%
2650	E-13764	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT/230X1.9X22	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/230X1.9X22.23MM A60U	CTWHL	CT230	96.120	8%
2651	E-22470	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/230X1.9X22.2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/230X1.9X22.23MM A60U	CTWHL	CT230	110.700	8%
2652	D-18758-100	CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/THIN THICKNESS 100X1	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP 100X1.0X16MM(100 C	CTWHL	CT100	1.416.960	8%
2653	D-18839	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR STAINLESS/STEEL	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R 180X2X22.2MM	CTWHL	CT180	48.816	8%
2654	D-29424	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINLESS/STEEL 1	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36REEL 150X2X22	CTWHL	CT150	42.930	8%
2655	D-18792	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINLESS/STEEL 2	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36REEL 230X2X22	CTWHL	CT230	78.300	8%
2656	D-18823	THIN CUTTING OFF SET WA46S FOR STAINLESS/STEEL	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA46S 125X1.6X22.2M	CTWHL	CT125	31.104	8%
2657	D-18758	THIN CUTTING WA60T FOR STA 100X1.0X16MM	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T 100X1.0X16MM	CTWHL	CT100	25.164	8%
2658	D-18801	THIN CUTTING OFF SET WA60T FOR STAINLESS/STEEL	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA60T 100X1.2X16MM	CTWHL	CT100	25.164	8%
2659	D-18845	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR STAINLESS/STEEL	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉP WA36R 230X2X22.2M	CTWHL	CT230	78.300	8%
2660	D-18770	THIN CUTTING FLAT WA60T FOR STAINLESS/STEEL 1	ĐÁ CẮT MỎNG CHO INOX/THÉPWA60TEEL 125X1.2X2	CTWHL	CT125	31.104	8%
2661	A-85335	CUT-OFF WHEEL/METAL/FLAT/230X2.5X22.23MM/A30	ĐÁ CẮT MỎNG CHO KIM LOẠI 230MMX2.5MMX22.23M	CTWHL	CT230	96.120	8%
2662	B-45733	THIN CUT-OFF WHEEL METAL/STAINLESS 125X0.8X22	ĐÁ CẮT MỎNG CHO KIM LOẠI/INOX 125MMX0.8MMX	CTWHL	CT125	61.290	8%
2663	E-10702	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN THICKNESS	ĐÁ CẮT MỎNG ĐA NĂNG 100X1.2X16MM	CTWHL	CT100	42.930	8%
2664	E-10724	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN THICKNESS	ĐÁ CẮT MỎNG ĐA NĂNG 125X1.2X22.23MM	CTWHL	CT125	48.816	8%
2665	E-10855	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INOX/100X0.8X16	ĐÁ CẮT MỎNG INOX 100X0.8X16MM Z60U16MM	CTWHL	CT100	38.988	8%
2666	B-12267	THIN CUT OFF WHEEL 180X1.6X22	ĐÁ CẮT MỎNG 180X1.6X22	CTWHL	CT180	50.112	8%
2667	E-00505	CUTTING WHEEL(X-LOCK/100X1.2X22.23/A60T)	ĐÁ CẮT(X-LOCK 100X1.2X22.23/A60T)	CTWHL	CT100	53.190	8%
2668	E-00418	CUTTING WHEEL(X-LOCK/125X1.2X22.23/A60T)	ĐÁ CẮT(X-LOCK 125X1.2X22.23/A60T)	CTWHL	CT125	72.360	8%
2669	D-76037	FLAP DISC Z120 125MM/X-LOCK	Đĩa Nhám Xếp 125MM Z120/X-LOCK	GRWHL	GR125	131.328	8%
2670	D-75998	FLAP DISC Z36 125MM/X-LOCK	Đĩa Nhám Xếp 125MM Z36/X-LOCK	GRWHL	GR125	149.400	8%
2671	D-76009	FLAP DISC Z40 125MM/X-LOCK	Đĩa Nhám Xếp 125MM Z40/X-LOCK	GRWHL	GR125	137.160	8%
2672	D-76015	FLAP DISC Z60 125MM/X-LOCK	Đĩa Nhám Xếp 125MM Z60/X-LOCK	GRWHL	GR125	131.328	8%
2673	D-76021	FLAP DISC Z80 125MM/X-LOCK	Đĩa Nhám Xếp 125MM Z80/X-LOCK	GRWHL	GR125	131.328	8%

2674	D-63426	FLAP DISC A120 100MMX16MM	ĐĨA NHẢM XẾP A120 100MMX16MM	GRWHL	GR100	31.104	8%
2675	D-63395	FLAP DISC A40 100MMX16MM	ĐĨA NHẢM XẾP A40 100MMX16MM	GRWHL	GR100	31.104	8%
2676	D-63404	FLAP DISC A60 100MMX16MM	ĐĨA NHẢM XẾP A60 100MMX16MM	GRWHL	GR100	31.104	8%
2677	D-63410	FLAP DISC A80 100MMX16MM	ĐĨA NHẢM XẾP A80 100MMX16MM	GRWHL	GR100	31.104	8%
2678	D-63476	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẢM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	GRWHL	GR125	48.816	8%
2679	D-63482	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẢM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	GRWHL	GR125	48.816	8%
2680	D-63498	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẢM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	GRWHL	GR125	48.816	8%
2681	D-63507	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X22.23MM	ĐĨA NHẢM XẾP SỢI THỦY TINH 125X22.23MM	GRWHL	GR125	48.816	8%
2682	D-63731	FLAP DISC 100MM Z120	NHẢM XẾP 100MM Z120	GRWHL	GR100	36.990	8%
2683	D-63703	FLAP DISC 100MM Z40	NHẢM XẾP 100MM Z40	GRWHL	GR100	36.990	8%
2684	D-63719	FLAP DISC 100MM Z60	NHẢM XẾP 100MM Z60	GRWHL	GR100	36.990	8%
2685	D-63725	FLAP DISC 100MM Z80	NHẢM XẾP 100MM Z80	GRWHL	GR100	36.990	8%
2686	D-63812	FLAP DISC 125MM Z120	NHẢM XẾP 125MM Z120	GRWHL	GR125	54.648	8%
2687	D-63781	FLAP DISC 125MM Z40	NHẢM XẾP 125MM Z40	GRWHL	GR125	54.648	8%
2688	D-63797	FLAP DISC 125MM Z60	NHẢM XẾP 125MM Z60	GRWHL	GR125	51.570	8%
2689	D-63806	FLAP DISC 125MM Z80	NHẢM XẾP 125MM Z80	GRWHL	GR125	48.600	8%
2690	D-63541	FLAP DISC 180MM A120	NHẢM XẾP 180MM A120	GRWHL	GR180	72.360	8%
2691	D-63513	FLAP DISC 180MM A40	NHẢM XẾP 180MM A40	GRWHL	GR180	68.148	8%
2692	D-63529	FLAP DISC 180MM A60	NHẢM XẾP 180MM A60	GRWHL	GR180	72.360	8%
2693	D-63535	FLAP DISC 180MM A80	NHẢM XẾP 180MM A80	GRWHL	GR180	68.148	8%
2694	D-63856	FLAP DISC 180MM Z120	NHẢM XẾP 180MM Z120	GRWHL	GR180	101.520	8%
2695	D-63828	FLAP DISC 180MM Z40	NHẢM XẾP 180MM Z40	GRWHL	GR180	101.520	8%
2696	D-63834	FLAP DISC 180MM Z60	NHẢM XẾP 180MM Z60	GRWHL	GR180	101.520	8%
2697	D-63840	FLAP DISC 180MM Z80	NHẢM XẾP 180MM Z80	GRWHL	GR180	101.520	8%
2698	B-36762	FLAP WHEEL 25.4X25.4X6MM	NHẢM XẾP CUỘN 25.4X25.4X6MM	BRUSH		72.360	8%
2699	B-37150	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 120	CUỘN NHẢM XẾP /ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM,HAT:120	BRUSH		529.200	8%
2700	B-37007	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 120	CUỘN NHẢM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM,HAT:120	BRUSH		194.400	8%
2701	B-37138	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 80	CUỘN NHẢM XẾP/ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM,HAT:80	BRUSH		529.200	8%
2702	B-37100	FLAP WHEEL 76.0X25.4X6MM	NHẢM XẾP CUỘN 76.0X25.4X6MM	BRUSH		286.200	8%
2703	794050-2	WHEEL POINT 1- 5-60	MŨI MÀI THẮNG 1- 5-60	OTHER		632.610	8%
2704	794051-0	WHEEL POINT 1- 6-60	MŨI MÀI THẮNG 1- 6-60	OTHER		410.400	8%
2705	794052-8	WHEEL POINT 1- 8-60	MŨI MÀI THẮNG 1- 8-60	OTHER		534.600	8%
2706	794053-6	WHEEL POINT 1-10-60	MŨI MÀI THẮNG 1-10-60	OTHER		577.800	8%
2707	794054-4	WHEEL POINT 2- 5-60	MŨI MÀI THẮNG 2- 5-60	OTHER		846.720	8%
2708	794055-2	WHEEL POINT 2- 6-60	MŨI MÀI THẮNG 2- 6-60	OTHER		846.720	8%
2709	794057-8	WHEEL POINT 2-10-60	MŨI MÀI THẮNG 2-10-60	OTHER		763.560	8%
2710	794059-4	WHEEL POINT 3-10-60	MŨI MÀI THẮNG 3-10-60	OTHER		807.840	8%
2711	B-52716	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2712	B-52722	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2713	B-52738	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2714	B-52744	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2715	B-52750	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2716	B-52766	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2717	B-52772	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2718	B-52788	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2719	B-52794	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SF10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2720	B-52803	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	OTHER		411.750	8%
2721	B-52819	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	OTHER		411.750	8%
2722	B-52825	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	OTHER		411.750	8%
2723	B-52831	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2724	B-52847	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2725	B-52853	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI DOA KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	OTHER		411.750	8%
2726	D-80385	FLAP DISC FLAT 100MM/DA80	ĐĨA NHẢM XẾP 100MM DA80	GRWHL	GR100	18.000	8%
2727	D-80400	FLAP DISC FLAT 125MM/DA40	ĐĨA NHẢM XẾP 125MM DA40	GRWHL	GR125	29.268	8%
N GIẤY NHẢM							
2728	A-24309	ABRASIVE BELT 100X610MM(5PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẢM BĂNG 100X610MM(5 CÁI/BỘ)	PAPER		750.870	8%
2729	A-34590	ABRASIVE BELT 13X533-A100(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 13X533-A100(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		501.228	8%
2730	A-34609	ABRASIVE BELT 13X533-A120(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 13X533-A120(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		501.228	8%
2731	A-34562	ABRASIVE BELT 13X533-A40(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 13X533-A40(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		566.460	8%
2732	A-34578	ABRASIVE BELT 13X533-A60(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 13X533-A60(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		543.240	8%
2733	A-34584	ABRASIVE BELT 13X533-A80(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 13X533-A80(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		525.960	8%
2734	A-34877	ABRASIVE BELT 13X533-AA240(10PCS/SET)9032	GIẤY CHÀ NHẢM VÒNG 13X533-AA240 (10CÁI/BỘ)9032	PAPER		400.680	8%
2735	A-34540	ABRASIVE BELT 6X533-A100(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 6X533-A100(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		428.490	8%
2736	A-34556	ABRASIVE BELT 6X533-A120(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 6X533-A120(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		454.140	8%
2737	A-34512	ABRASIVE BELT 6X533-A40(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 6X533-A40(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		489.510	8%
2738	A-34534	ABRASIVE BELT 6X533-A80(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 6X533-A80(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		444.960	8%
2739	A-34827	ABRASIVE BELT 6X533-AA150(10PCS/SET)9032	GIẤY CHÀ NHẢM VÒNG 6X533-AA150 (10CÁI/BỘ)9032	PAPER		361.530	8%
2740	A-34833	ABRASIVE BELT 6X533-AA240(10PCS/SET)9032	GIẤY CHÀ NHẢM VÒNG 6X533-AA240 (10CÁI/BỘ)9032	PAPER		361.530	8%
2741	A-34528	ABRASIVE BELT 6X533-AA60(10 PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 6X533-AA60(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		477.630	8%
2742	A-34475	ABRASIVE BELT 9X533-A100(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 9X533-A100(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		442.800	8%
2743	A-34481	ABRASIVE BELT 9X533-A120(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 9X533-A120(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		461.700	8%
2744	A-34447	ABRASIVE BELT 9X533-A40(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 9X533-A40(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		543.240	8%
2745	A-34453	ABRASIVE BELT 9X533-A60(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 9X533-A60(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		513.000	8%
2746	A-34469	ABRASIVE BELT 9X533-A80(10PCS/SET)9032	GIẤY NHẢM VÒNG 9X533-A80(10 CÁI/BỘ)9032	PAPER		501.228	8%
2747	A-34849	ABRASIVE BELT 9X533-AA150(10PCS/SET)9032	GIẤY CHÀ NHẢM VÒNG 9X533-AA150 (10CÁI/BỘ)9032	PAPER		389.340	8%
2748	A-34855	ABRASIVE BELT 9X533-AA240(10PCS/SET)9032	GIẤY CHÀ NHẢM VÒNG 9X533-AA240 (10CÁI/BỘ)9032	PAPER		389.340	8%
2749	D-58609	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #100/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #100/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2750	D-58615	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #120/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #120/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2751	D-58621	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #150/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #150/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2752	D-58637	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #180/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #180/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2753	D-58643	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #240/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #240/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2754	D-58659	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #320/94MM (10 P	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #320/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2755	D-58578	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #40/94MM (10 PC	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #40/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2756	D-58584	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #60/94MM (10 PC	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #60/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2757	D-58590	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #80/94MM (10 PC	GIẤY CHÀ NHẢM TAM GIÁC CHO GỖ #80/94MM(10 C	PAPER		54.648	8%
2758	794227-9	ABRASIVE DISC 100 #100	ĐĨA NHẢM 100 #100	PAPER		432.000	8%
2759	794069-1	ABRASIVE DISC 100 #120	ĐĨA NHẢM 100 #120	PAPER		432.000	8%

2760	794065-9	ABRASIVE DISC 100 #24	ĐĨA NHẮM 100 #24	PAPER		513.000	8%
2761	794066-7	ABRASIVE DISC 100 #30	ĐĨA NHẮM 100 #30	PAPER		464.400	8%
2762	794067-5	ABRASIVE DISC 100 #50	ĐĨA NHẮM 100 #50	PAPER		480.600	8%
2763	794068-3	ABRASIVE DISC 100 #80	ĐĨA NHẮM 100 #80	PAPER		459.000	8%
2764	794108-7	ABRASIVE DISC 115 #120	ĐĨA NHẮM 115 #120	PAPER		426.600	8%
2765	794104-5	ABRASIVE DISC 115 #24	ĐĨA NHẮM 115 #24	PAPER		507.600	8%
2766	794105-3	ABRASIVE DISC 115 #30	ĐĨA NHẮM 115 #30	PAPER		518.400	8%
2767	794106-1	ABRASIVE DISC 115 #50	ĐĨA NHẮM 115 #50	PAPER		432.000	8%
2768	794107-9	ABRASIVE DISC 115 #80	ĐĨA NHẮM 115 #80	PAPER		421.200	8%
2769	794100-3	ABRASIVE DISC 125 #120	ĐĨA NHẮM 125 #120	PAPER		572.400	8%
2770	794545-5	ABRASIVE DISC 125 #180	ĐĨA NHẮM 125 #180	PAPER		411.750	8%
2771	794096-8	ABRASIVE DISC 125 #24	ĐĨA NHẮM 125 #24	PAPER		653.400	8%
2772	794546-3	ABRASIVE DISC 125 #240	ĐĨA NHẮM 125 #240	PAPER		381.780	8%
2773	794097-6	ABRASIVE DISC 125 #30	ĐĨA NHẮM 125 #30	PAPER		583.200	8%
2774	794098-4	ABRASIVE DISC 125 #50	ĐĨA NHẮM 125 #50	PAPER		599.400	8%
2775	794099-2	ABRASIVE DISC 125 #80	ĐĨA NHẮM 125 #80	PAPER		556.200	8%
2776	D-54570	ABRASIVE DISC 125-320(10PCS/SET)	GIẤY CHẢ NHẮM DÀN 125-320(10CÁI/BỘ)	PAPER		96.120	8%
2777	794219-8	ABRASIVE DISC 150 #100	ĐĨA NHẮM 150 #100	PAPER		702.000	8%
2778	794074-8	ABRASIVE DISC 150 #120	ĐĨA NHẮM 150 #120	PAPER		675.000	8%
2779	794277-4	ABRASIVE DISC 150 #150	ĐĨA NHẮM 150 #150	PAPER		237.600	8%
2780	794070-6	ABRASIVE DISC 150 #24	ĐĨA NHẮM 150 #24	PAPER		793.800	8%
2781	794071-4	ABRASIVE DISC 150 #30	ĐĨA NHẮM 150 #30	PAPER		793.800	8%
2782	794072-2	ABRASIVE DISC 150 #50	ĐĨA NHẮM 150 #50	PAPER		761.400	8%
2783	794274-0	ABRASIVE DISC 150 #60	ĐĨA NHẮM 150 #60	PAPER		280.800	8%
2784	794073-0	ABRASIVE DISC 150 #80	ĐĨA NHẮM 150 #80	PAPER		696.600	8%
2785	D-54667	ABRASIVE DISC 150-320(10PCS/SET)	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO GỖ 150MM-A320-15 LỖ (10 CÁI)	PAPER		143.100	8%
2786	B-51493	ABRASIVE DISC 150MM A400	GIẤY NHẮM TRÒN 150MM A400	PAPER		167.400	8%
2787	794221-1	ABRASIVE DISC 180 #120	ĐĨA NHẮM 180 #120	PAPER		723.600	8%
2788	794091-8	ABRASIVE DISC 180 #16	ĐĨA NHẮM 180 #16	PAPER		955.800	8%
2789	794093-4	ABRASIVE DISC 180 #24	ĐĨA NHẮM 180 #24	PAPER		842.400	8%
2790	794218-0	ABRASIVE DISC 180 #30	ĐĨA NHẮM 180 #30	PAPER		891.000	8%
2791	794094-2	ABRASIVE DISC 180 #50	ĐĨA NHẮM 180 #50	PAPER		826.200	8%
2792	794095-0	ABRASIVE DISC 180 #80	ĐĨA NHẮM 180 #80	PAPER		745.200	8%
2793	794544-7	ABRASIVE DISC WA120 125X120	GIẤY CHẢ NHẮM WA120 125X120	PAPER		305.370	8%
2794	794214-8	ABRASIVE PAPER 114X140 #150	GIẤY CHẢ NHẮM 114X140 #150	PAPER		64.800	8%
2795	A-14087	ABRASIVE PAPER 115-100/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-100/STD	PAPER		175.230	8%
2796	A-14093	ABRASIVE PAPER 115-120/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-120/STD	PAPER		175.230	8%
2797	A-14102	ABRASIVE PAPER 115-150/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-150/STD	PAPER		169.830	8%
2798	A-14174	ABRASIVE PAPER 115-150/VELCRO	GIẤY CHẢ NHẮM 115-150 (KHÓA DÁN)	PAPER		328.860	8%
2799	A-14118	ABRASIVE PAPER 115-180/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-180/STD	PAPER		169.830	8%
2800	A-14124	ABRASIVE PAPER 115-240/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-240/STD	PAPER		169.830	8%
2801	A-14065	ABRASIVE PAPER 115-60/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-60/STD	PAPER		180.900	8%
2802	A-14071	ABRASIVE PAPER 115-80/STD	GIẤY CHẢ NHẮM 115-80/STD	PAPER		186.630	8%
2803	D-51714	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 100)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	PAPER		221.400	8%
2804	D-51720	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 120)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	PAPER		228.150	8%
2805	D-51736	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 150)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	PAPER		189.000	8%
2806	D-51742	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 180)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	PAPER		189.000	8%
2807	D-51758	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 240)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 240)	PAPER		194.670	8%
2808	D-51699	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 60)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	PAPER		232.200	8%
2809	D-51708	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 80)	GIẤY CHẢ NHẮM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80)	PAPER		221.400	8%
2810	794562-5	ABRASIVE PAPER 93X228 # 80	GIẤY CHẢ NHẮM BĂNG 93X228 # 80	PAPER		140.400	8%
2811	794157-4	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #100	PAPER		69.120	8%
2812	D-65268	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 100)	PAPER		54.648	8%
2813	A-31267	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #120	PAPER		118.260	8%
2814	D-65274	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 120)	PAPER		54.648	8%
2815	A-31273	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #180	PAPER		112.860	8%
2816	D-65280	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 180)	PAPER		54.648	8%
2817	A-31289	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #240	PAPER		112.860	8%
2818	D-65296	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 240)	PAPER		54.648	8%
2819	D-65305	ABRASIVE PAPER 93X228 #320	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 320)	PAPER		54.648	8%
2820	794156-6	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #60	PAPER		73.440	8%
2821	D-65252	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 (CỖ HẠT 60)	PAPER		54.648	8%
2822	794471-8	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHẢ NHẮM 93X228 #80	PAPER		77.760	8%
2823	D-77229	ABRASIVE PAPER ASSORTMENT SET 125MM-8 HOLES (BỘ ĐĨA NHẮM TRÒN ĐA NĂNG 125MM-8 LỖ(10 CÁI/HỘ	PAPER		166.860	8%
2824	B-68404	ABRASIVE PAPER DISC 120x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 120x225MM(25PCS)/DSL800	PAPER		949.860	8%
2825	E-02375	ABRASIVE PAPER DISC 150X225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 150X225MM(25CÁI)/DSL800	PAPER		1.029.024	8%
2826	B-68410	ABRASIVE PAPER DISC 180x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 180x225MM(25PCS)/DSL800	PAPER		1.006.776	8%
2827	E-02381	ABRASIVE PAPER DISC 220X225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 220X225MM(25CÁI)/DSL800	PAPER		1.029.024	8%
2828	B-68426	ABRASIVE PAPER DISC 320x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 320x225MM(25PCS)/DSL800	PAPER		949.860	8%
2829	B-68389	ABRASIVE PAPER DISC 40x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 40x225MM(25PCS)/DSL800	PAPER		1.228.230	8%
2830	B-68395	ABRASIVE PAPER DISC 80x225MM(25PCS)/DSL800	ĐĨA NHẮM 80x225MM(25PCS)/DSL800	PAPER		1.162.620	8%
2831	D-65844	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 100/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A100-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2832	D-65850	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 120/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A120-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2833	D-65866	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 150/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A150-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2834	D-65872	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 180/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A180-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2835	D-65888	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 240/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A240-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2836	D-65894	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 320/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A320-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2837	D-65903	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 400/125	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A400-8 LỖ (10 CÁI)	PAPER		72.360	8%
2838	D-65822	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 60/125M	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A60-8 LỖ (10 CÁI /	PAPER		72.360	8%
2839	D-65838	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GRAIN 80/125M	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A80-8 LỖ (10 CÁI /	PAPER		72.360	8%
2840	D-65816	ABRASIVE PAPER DISC(10PCS, WITH 8 HOLES 125X40	ĐĨA NHẮM TRÒN CHO SƠN 125MM-A40-8 LỖ (10 CÁI /	PAPER		90.180	8%
2841	D-56720	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 120)	GIẤY CHẢ NHẮM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 12	PAPER		382.590	8%
2842	D-56742	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 180)	GIẤY CHẢ NHẮM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ(CỖ HẠT 18	PAPER		382.590	8%
2843	D-56758	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 240)	GIẤY CHẢ NHẮM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ(CỖ HẠT 24	PAPER		382.590	8%
2844	D-56683	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 40)	GIẤY CHẢ NHẮM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 40	PAPER		464.400	8%
2845	D-56708	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET(GRAIN 80)	GIẤY CHẢ NHẮM CHO KIM LOẠI 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80	PAPER		367.200	8%
2846	D-56873	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM GRIT 320	GIẤY NHẮM GỖ 230X280 CỖ HẠT 320	PAPER		189.000	8%

2847	D-56889	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM GRIT 400	GIẤY NHÃM GỖ 230X280 CỎ HAT 400	PAPER		189.000	8%
2848	192352-4	ABRASIVE PAPER SET	GIẤY CHÀ NHÃM	PAPER		60.588	8%
2849	192655-6	ABRASIVE PAPER SET	BỘ GIẤY CHÀ NHÃM	PAPER		60.588	8%
2850	D-66276	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2851	D-59053	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		467.370	8%
2852	D-66189	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #120	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		126.900	8%
2853	D-58964	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #120	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		502.200	8%
2854	D-66298	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #150P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2855	D-59069	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #150P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		453.600	8%
2856	D-66204	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #180	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		123.768	8%
2857	D-58986	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #180	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		511.704	8%
2858	D-66307	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #200P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2859	D-59075	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #200P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		453.600	8%
2860	D-66210	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #220	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2861	D-58992	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #220	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		453.600	8%
2862	D-66226	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #280	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		123.768	8%
2863	D-59003	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #280	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		511.704	8%
2864	D-66232	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #320	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		123.768	8%
2865	D-59019	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #320	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		511.704	8%
2866	D-66248	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #400	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2867	D-59025	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #400	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		467.370	8%
2868	D-66254	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #600	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		111.240	8%
2869	D-59031	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #600	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		467.370	8%
2870	D-66260	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #800	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		108.000	8%
2871	D-59047	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM #800	GIẤY CHÀ NHÃM CHO OTO 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		453.600	8%
2872	D-66525	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #100 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		96.120	8%
2873	D-56714	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #100 50P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÃI/B	PAPER		382.590	8%
2874	D-66531	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #120 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		96.120	8%
2875	D-66547	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #150 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		90.450	8%
2876	D-56736	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #150 50P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÃI/B	PAPER		382.590	8%
2877	D-66553	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #180 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		90.450	8%
2878	D-66569	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #240 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		90.450	8%
2879	D-66488	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #36 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		108.000	8%
2880	D-56677	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #36 50P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÃI/B	PAPER		464.400	8%
2881	D-66494	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #40 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		108.000	8%
2882	D-66503	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #60 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		86.400	8%
2883	D-56699	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #60 50P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 50CÃI/B	PAPER		367.200	8%
2884	D-66519	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM #80 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO KIM LOẠI 230X280MM 10CÃI/B	PAPER		97.200	8%
2885	D-66438	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #100 1	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		50.112	8%
2886	D-56552	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #100 5	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		189.000	8%
2887	D-66444	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #120 1	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		48.600	8%
2888	D-56568	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #120 5	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		189.000	8%
2889	D-66450	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #150 1	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		54.270	8%
2890	D-56574	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #150 5	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		197.640	8%
2891	D-66466	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #180 1	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		48.600	8%
2892	D-56580	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #180 5	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		189.000	8%
2893	D-66472	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #240 1	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		48.600	8%
2894	D-56596	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #240 5	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		189.000	8%
2895	D-66416	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #60 10	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		54.000	8%
2896	D-56530	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #60 50	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		205.200	8%
2897	D-66422	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #80 10	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		48.600	8%
2898	D-56546	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM #80 50	GIẤY CHÀ NHÃM CHO VỮA 230X280MM 50 CÃI/BỘ (CỎ)	PAPER		189.000	8%
2899	D-60707	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #100 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.193.400	8%
2900	D-66092	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #100 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		129.600	8%
2901	D-60713	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #120 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.241.730	8%
2902	D-66101	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #120 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		135.000	8%
2903	D-60729	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #150 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.193.400	8%
2904	D-66117	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #150 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		133.488	8%
2905	D-60735	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #180 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.096.200	8%
2906	D-66123	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #180 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		125.172	8%
2907	D-60741	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #220 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		972.000	8%
2908	D-66139	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #220 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		132.840	8%
2909	D-60757	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #240 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.096.200	8%
2910	D-66145	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #240 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 10 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		129.384	8%
2911	D-60791	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #400 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.053.000	8%
2912	D-60800	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #500 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		972.000	8%
2913	D-60816	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #600 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.001.160	8%
2914	D-60698	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #80 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.193.400	8%
2915	D-60822	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM #800 100P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO SƠN 230X280MM 100 CÃI/HỘP (CỎ)	PAPER		1.112.400	8%
2916	D-66341	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #100 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		48.600	8%
2917	D-66357	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #120 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		50.112	8%
2918	D-66363	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #150 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		43.200	8%
2919	D-66379	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #180 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		43.200	8%
2920	D-66391	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #320 10P	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		43.200	8%
2921	D-66313	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #40 10PC	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		59.400	8%
2922	D-66329	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #60 10PC	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		59.400	8%
2923	D-66335	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM #80 10PC	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 230X280MM 10 CÃI/BỘ (CỎ H)	PAPER		50.112	8%
2924	D-65327	ABRASIVE PAPER114 X140#100	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT100)	PAPER		45.900	8%
2925	D-65333	ABRASIVE PAPER114 X140#120	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT120)	PAPER		45.900	8%
2926	D-65349	ABRASIVE PAPER114 X140#180	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT180)	PAPER		45.900	8%
2927	D-65355	ABRASIVE PAPER114 X140#240	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT 240)	PAPER		45.900	8%
2928	D-65361	ABRASIVE PAPER114 X140#320	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT 320)	PAPER		45.900	8%
2929	D-65311	ABRASIVE PAPER114 X140#80	GIẤY CHÀ NHÃM 114X140 (CỎ HAT 80)	PAPER		45.900	8%
2930	D-58693	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỎ HAT 100)	PAPER		60.588	8%
2931	D-58702	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỎ HAT 120)	PAPER		60.588	8%
2932	D-58718	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỎ HAT 150)	PAPER		60.588	8%
2933	D-58724	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỎ HAT 180)	PAPER		60.588	8%

2934	D-58730	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 240)	PAPER		60.588	8%
2935	D-58746	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 320)	PAPER		60.588	8%
2936	D-58665	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 40)	PAPER		60.588	8%
2937	D-58671	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 60)	PAPER		60.588	8%
2938	D-58687	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP TYPE)114X102	GIẤY CHÀ NHÃM CHO GỖ 114X102MM(CỖ HẠT 80)	PAPER		60.588	8%
2939	B-21749	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK 120	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 120 (ĐEN)	PAPER		107.730	8%
2940	B-21783	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK 1200	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 1200 (ĐEN)	PAPER		107.730	8%
2941	B-21755	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK 240	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 240 (ĐEN)	PAPER		107.730	8%
2942	B-21761	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK 400	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 400 (ĐEN)	PAPER		107.730	8%
2943	B-21777	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK 600	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 600 (ĐEN)	PAPER		107.730	8%
2944	B-21733	ABRASIVE PAPER DELTA BLACK SET (120,240,400,600)	BỘ GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC (ĐEN) (120,240,400,600)	PAPER		101.520	8%
2945	B-22947	ABRASIVE PAPER DELTA RED 100	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	PAPER		96.120	8%
2946	B-21646	ABRASIVE PAPER DELTA RED 120	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	PAPER		96.120	8%
2947	B-22953	ABRASIVE PAPER DELTA RED 150	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 150 (MÀU ĐỎ)	PAPER		96.120	8%
2948	B-21652	ABRASIVE PAPER DELTA RED 180	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	PAPER		96.120	8%
2949	B-21668	ABRASIVE PAPER DELTA RED 240	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	PAPER		96.120	8%
2950	B-21624	ABRASIVE PAPER DELTA RED 60	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	PAPER		91.800	8%
2951	B-21630	ABRASIVE PAPER DELTA RED 80	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	PAPER		101.790	8%
2952	B-21618	ABRASIVE PAPER DELTA RED SET (60,80,120,180,240)	BỘ GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ) (60,80,120,180,240)	PAPER		91.800	8%
2953	B-21705	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 100	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 100 (TRẮNG)	PAPER		113.670	8%
2954	B-22969	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 120	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 120 (MÀU TRẮNG)	PAPER		107.730	8%
2955	B-21711	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 240	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 240 (TRẮNG)	PAPER		107.730	8%
2956	B-21727	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 320	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 320 (TRẮNG)	PAPER		107.730	8%
2957	B-21680	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 60	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 60 (TRẮNG)	PAPER		107.730	8%
2958	B-21696	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE 80	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 80 (TRẮNG)	PAPER		107.730	8%
2959	B-21674	ABRASIVE PAPER DELTA WHITE SET 60,80,100,240,320	BỘ GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC (TRẮNG) 60,80,100,240,320	PAPER		101.520	8%
2960	B-21559	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG 60,80,100,120,180	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ) 60,80,100,120,180	PAPER		100.170	8%
2961	B-21587	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG100	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2962	B-21593	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG120	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2963	B-21602	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG180	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2964	B-22931	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG240	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2965	B-21565	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG60	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2966	B-21571	ABRASIVE PAPER DELTARED LONG80	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	PAPER		107.730	8%
2967	P-32954	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #100 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHÃM 93X228 NON FOR #100 X10 AUTO MA	PAPER		64.800	8%
2968	P-32960	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #150 X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHÃM 93X228 NON FOR #150 X10 AUTO MA	PAPER		64.800	8%
2969	P-35988	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #150X50	GIẤY CHÀ NHÃM 93X185MM 8F #150X50	PAPER		406.080	8%
2970	P-35994	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #180X50	GIẤY CHÀ NHÃM 93X185MM 8F #180X50	PAPER		406.080	8%
2971	P-36005	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #240X50	GIẤY CHÀ NHÃM 93X185MM 8F #240X50	PAPER		410.400	8%
2972	P-36239	CRD S/N VELL MM 93X230 #150X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHÃM 93X230 #150X50	PAPER		211.410	8%
2973	P-36245	CRD S/N VELL MM 93X230 #180X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHÃM 93X230 #180X50	PAPER		203.040	8%
2974	P-42846	D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240X50	GIẤY CHÀ NHÃM D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240	PAPER		275.400	8%
2975	P-36544	D24 S/N MM 114X140 #100X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #100X10	PAPER		101.790	8%
2976	P-36625	D24 S/N MM 114X140 #100X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #100X50	PAPER		335.070	8%
2977	P-36550	D24 S/N MM 114X140 #120X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #120X10	PAPER		101.790	8%
2978	P-36631	D24 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #120X50	PAPER		335.070	8%
2979	P-36566	D24 S/N MM 114X140 #150X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #150X10	PAPER		101.790	8%
2980	P-36647	D24 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #150X50	PAPER		335.070	8%
2981	P-36572	D24 S/N MM 114X140 #180X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #180X10	PAPER		101.790	8%
2982	P-36653	D24 S/N MM 114X140 #180X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #180X50	PAPER		335.070	8%
2983	P-36588	D24 S/N MM 114X140 #240X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #240X10	PAPER		101.790	8%
2984	P-36669	D24 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #240X50	PAPER		335.070	8%
2985	P-36516	D24 S/N MM 114X140 #40X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #40X10	PAPER		107.730	8%
2986	P-36594	D24 S/N MM 114X140 #40X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #40X50	PAPER		466.290	8%
2987	P-36522	D24 S/N MM 114X140 #60X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #60X10	PAPER		101.790	8%
2988	P-36603	D24 S/N MM 114X140 #60X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #60X50	PAPER		417.150	8%
2989	P-36538	D24 S/N MM 114X140 #80X10	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #80X10	PAPER		101.790	8%
2990	P-36619	D24 S/N MM 114X140 #80X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #80X50	PAPER		346.410	8%
2991	P-33320	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #240X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC C.94 VEL/FOR #240X10	PAPER		86.400	8%
2992	P-33277	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #80X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHÃM TAM GIÁC C.94 VEL/FOR #80X10	PAPER		86.400	8%
2993	A-00418	FIBER SANDING DISC 100MM #14	Đĩa nhám 100MM #14	PAPER		453.600	8%
2994	A-00424	FIBER SANDING DISC 100MM #14	Đĩa nhám 100MM #14	PAPER		583.200	8%
2995	A-00387	FIBER SANDING DISC 100MM #16	Đĩa nhám 100MM #16	PAPER		426.600	8%
2996	A-00393	FIBER SANDING DISC 100MM #20	Đĩa nhám 100MM #20	PAPER		399.600	8%
2997	E-07434	FIBER SANDING DISC 50MM (A120)	Đĩa chà nhám 50MM (A120)	PAPER		1.155.870	8%
2998	E-07412	FIBER SANDING DISC 50MM (A60)	Đĩa chà nhám 50MM (A60)	PAPER		1.204.740	8%
2999	E-07428	FIBER SANDING DISC 50MM (A80)	Đĩa chà nhám 50MM (A80)	PAPER		1.204.740	8%
3000	E-07440	FIBER SANDING DISC 50MM (Z60)	Đĩa chà nhám 50MM (Z60)	PAPER		1.155.870	8%
3001	E-07456	FIBER SANDING DISC 50MM (Z80)	Đĩa chà nhám 50MM (Z80)	PAPER		1.155.870	8%
3002	P-36980	IMX S/N MM 100X610 #100 X25	GIẤY CHÀ NHÃM 100X610 #100 X25	PAPER		1.263.870	8%
3003	P-36996	IMX S/N MM 100X610 #120 X25	GIẤY CHÀ NHÃM 100X610 #120 X25	PAPER		1.263.870	8%
3004	P-36968	IMX S/N MM 100X610 #60 X25	GIẤY CHÀ NHÃM 100X610 #60 X25	PAPER		1.287.090	8%
3005	P-36974	IMX S/N MM 100X610 #80 X25	GIẤY CHÀ NHÃM 100X610 #80 X25	PAPER		1.263.870	8%
3006	P-42488	KE S/N MM 102X114 VEL 6 FORI GR.240X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 102X114 VEL 6 FORI GR.240	PAPER		371.520	8%
3007	P-33146	KE S/N MM 114X102 VEL 6F #180X10 SCAT AUTO	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X102 VEL 6F #180X10 AUTO MA	PAPER		97.200	8%
3008	P-36479	KE S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #120X50	PAPER		224.640	8%
3009	P-36485	KE S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #150X50	PAPER		224.640	8%
3010	P-36500	KE S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHÃM MM 114X140 #240X50	PAPER		224.640	8%
3011	B-21820	POLISHING FELT DELTA 94MM	GIẤY NHÃM TAM GIÁC 94MM	MULTI		66.420	8%
3012	191Y23-0	RECTANGULAR PAD(HOOK&LOOP)/DBO480	TẤM ĐỆ CHỮ NHẬT (GAI VÀ XŨY)/DBO480	PAPER		197.640	8%
3013	D-59346	SANDING BELT 100X610 A40 3PCS/SET	GIẤY NHÃM BĂNG CỖ HẠT 100X610 A40 3CÁI/BỘ	PAPER		137.160	8%
3014	A-24234	SANDING BELT 100X610 CC40 5PCS/SET	GIẤY NHÃM BĂNG CỖ HẠT 100X610 CC40 5CÁI/BỘ	PAPER		1.209.600	8%
3015	D-59221	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 120)	PAPER		60.588	8%
3016	D-59380	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 120)	PAPER		107.730	8%
3017	D-59405	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 180)	PAPER		101.790	8%
3018	D-59411	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 240)	PAPER		101.790	8%
3019	D-59190	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 60)	PAPER		54.000	8%
3020	D-59352	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHÃM BĂNG 3CÁI/SET(CỖ HẠT 60)	PAPER		101.790	8%

3021	D-59293	SANDING BELT 76X533MM A100 3PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG 76X533MM A100 3CÁI/BỘ	PAPER		94.500	8%
3022	D-59302	SANDING BELT 76X533MM A120 3PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG 76X533MM A120 3CÁI/BỘ	PAPER		94.500	8%
3023	D-59318	SANDING BELT 76X533MM A150 3PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG 76X533MM A150 3CÁI/BỘ	PAPER		94.500	8%
3024	D-59265	SANDING BELT 76X533MM A40 3PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG 76X533MM A40 3CÁI/BỘ	PAPER		94.500	8%
3025	D-59287	SANDING BELT 76X533MM A80 3PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG 76X533MM A80 3CÁI/BỘ	PAPER		94.500	8%
3026	794542-1	SANDING PAPER 60/DBO180	GIẤY CHẢ NHẪM 60/DBO180	PAPER		335.070	8%
3027	B-04977	SANDING PAPER 95X22 A60	GIẤY CHẢ NHẪM 95X22 A60	PAPER		103.680	8%
3028	191Y25-6	SQUARE PAD(CLAMP)/DBO481	TÂM ĐÈ VUÔNG (KEP)/DBO481	PAPER		143.100	8%
3029	191Y24-8	SQUARE PAD(HOOK&LOOP)/DBO480	TÂM ĐÈ VUÔNG (GAI VÀ XÚ)/DBO480	PAPER		162.270	8%
3030	E-07462	SURFACE CONDITIONING DISC COARSE/HARD 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (THỔ/CỨNG) 50MM	PAPER		2.169.180	8%
3031	E-07484	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/HARD 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (MIN/CỨNG) 50MM	PAPER		2.169.180	8%
3032	E-07509	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/SOFT 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (MIN/MỀM) 50MM	PAPER		1.883.520	8%
3033	E-07490	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/ SOFT 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (VỮA/MỀM) 50MM	PAPER		1.883.520	8%
3034	E-07478	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/HARD 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (VỮA/CỨNG) 50MM	PAPER		2.169.180	8%
3035	E-07515	SURFACE CONDITIONING DISC VERY FINE/SOFT 50MM	ĐĨA CƯỚC ĐÁNH GỈ (RẤT MIN/MỀM) 50MM	PAPER		1.883.520	8%
3036	191Y22-2	TRIANGULAR PAD(HOOK&LOOP)/DBO480	TÂM ĐÈ TAM GIÁC (GAI VÀ XÚ)/DBO480	PAPER		221.400	8%
3037	D-54617	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A100-15 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A100-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3038	D-54623	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A120 -15 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A120-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3039	D-54639	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A150-15 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A150-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3040	D-54645	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A180-15 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A180-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3041	D-54651	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A240 -15 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A240-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3042	D-54592	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A60-15 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A60-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3043	D-54601	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A80 -15 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-A80-15 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		143.100	8%
3044	D-54162	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A100 -8 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A100-8 LỖ(10 CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3045	D-54178	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A120 -8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A120-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3046	D-54184	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A150 -8 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A150-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3047	D-54190	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A180 -8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A180-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3048	D-54209	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A240 -8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A240-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3049	D-54215	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A320 -8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A320-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3050	D-54134	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A40 -8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A40-8 LỖ(10 CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3051	D-54140	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A60 -8 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A60-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3052	D-54156	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A80 -8 HOLES (10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ 125MM-A80-8 LỖ(10CÁI/H)	PAPER		90.180	8%
3053	D-54586	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-140-15 HOLES(10PCS)	GIẤY CHẢ NHẪM TRÒN CHO GỖ 150MM-140-15 LỖ (10)	PAPER		143.100	8%
3054	794543-9	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 125MM-A80-8 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 125MM-A80-8 LỖ	PAPER		335.070	8%
3055	794610-0	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A120-9HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A120- 9 L	PAPER		477.630	8%
3056	794611-8	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A180-9HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A180- 9 L	PAPER		477.630	8%
3057	794612-6	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A240-9 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A240- 9 L	PAPER		477.630	8%
3058	794613-4	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A400-9 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A400- 9 L	PAPER		477.630	8%
3059	794608-7	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A60-9 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A60-9 LỖ	PAPER		513.000	8%
3060	794609-5	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A80-9 HOLES(10PCS)	ĐĨA NHẪM TRÒN CHO GỖ/KIM LOẠI 150MM-A80-9 LỖ	PAPER		477.630	8%
3061	D-80961	POLISHING FELT BELT 40X760MM/BS002G	ĐAI NI ĐÁNH BÔNG/BS002G	PAPER		609.660	8%
3062	D-80977	NON-WOVEN BELT CRS 40X760MM/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM THỔ/BS002G	PAPER		1.775.520	8%
3063	D-80983	NON-WOVEN BELT MED 40X760MM/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM TINH/BS002G	PAPER		1.775.520	8%
3064	D-80999	NON-WOVEN BELT VFN 40X760MM/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM MIN/BS002G	PAPER		1.775.520	8%
3065	D-80927	ABRASIVE BELT P40 5PC/SET/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM P40 (5PC/SET)/BS002G	PAPER		305.910	8%
3066	D-80933	ABRASIVE BELT P60 5PC/SET/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM P60 (5PC/SET)/BS002G	PAPER		305.910	8%
3067	D-80949	ABRASIVE BELT P80 5PC/SET/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM P80 (5PC/SET)/BS002G	PAPER		305.910	8%
3068	D-80955	ABRASIVE BELT P120 5PC/SET/BS002G	ĐAI CHẢ NHẪM P120 (5PC/SET)/BS002G	PAPER		305.910	8%
O PHỤ KIỆN ĐÀ NẴNG							
3069	B-64886	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA054	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẴNG 32/TMA054	MULTI		311.040	8%
3070	B-66329	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X60MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 32X60MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK	MULTI		417.150	8%
3071	B-66341	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X60MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 32X60MM/GỖ/STARLOCK PLUS/MAM00	MULTI		322.920	8%
3072	B-66400	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X80MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 32X80MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK	MULTI		434.970	8%
3073	B-66438	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32X80MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 32X80MM/GỖ/STARLOCK MAX/MAM4	MULTI		322.920	8%
3074	B-66416	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 52X70MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 52X70MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK	MULTI		466.290	8%
3075	B-66335	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 65X50MM/WOC	LƯỠI CẮT SẴU 65X50MM/GỖ VÀ KIM LOẠI/STARLOCK	MULTI		518.832	8%
3076	B-66379	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/MULTI	LƯỠI CẮT SẴU ĐÀ NẴNG 32X50MM/STARLOCK PLUS	MULTI		775.440	8%
3077	B-66450	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/MULTI	LƯỠI CẮT SẴU ĐÀ NẴNG 32X70MM/STARLOCK MAX/MAM0	MULTI		790.290	8%
3078	B-66385	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 52X50MM/MULTI	LƯỠI CẮT SẴU ĐÀ NẴNG 52X50MM/STARLOCK PLUS	MULTI		804.870	8%
3079	B-65034	DIAMOND SEG SAWBLADE 85/TMA070	LƯỠI CỬA KIM CƯƠNG 85/TMA070	MULTI		1.453.410	8%
3080	B-66525	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/SOFT TIL	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 68X10MM/STARL	MULTI		1.276.020	8%
3081	B-66519	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/SOFT TIL	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 68X30MM/STARL	MULTI		1.276.020	8%
3082	B-21808	FLEECE DELTA COARSE 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC (THỔ) 94MM	MULTI		62.640	8%
3083	B-21799	FLEECE DELTA MEDIUM 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC (MIN) 94MM	MULTI		62.640	8%
3084	B-21814	FLEECE DELTA WITHOUT GRIT 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC 94MM	MULTI		62.640	8%
3085	B-65006	GENERAL JOINT CUTTER/TMA067	LƯỠI CẮT ĐÀ NẴNG CHO MÁY ĐÀ NẴNG/TMA067	MULTI		461.700	8%
3086	B-64945	HM BAR PLUNGE BLADE 20/TMA060	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẴNG 20/TMA060	MULTI		620.730	8%
3087	B-64951	HM BAR PLUNGE BLADE 32/TMA061	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẴNG 32/TMA061	MULTI		781.380	8%
3088	B-65084	HM PLUNGE BLADE 32/TMA075	LƯỠI CẮT CHO MÁY ĐÀ NẴNG 32/TMA075	MULTI		709.290	8%
3089	B-65062	HM SANDING PLATE 78/TMA073	HM SANDING PLATE 78/TMA073	MULTI		752.220	8%
3090	B-65040	HM SEG SAW BLADE 65/TMA071	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 65/TMA071	MULTI		709.290	8%
3091	B-65028	HM SEG SAW BLADE 85/TMA069	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 85/TMA069	MULTI		887.760	8%
3092	B-65056	HM SEG SAW BLADE 85/TMA072	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN HM 85/TMA072	MULTI		650.160	8%
3093	B-66472	JOINT CUTTER BLADE 60MM/SEALING COMPOUND/ST	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 60MM/STARLOCK MAX/MAM08	MULTI		215.460	8%
3094	B-66466	JOINT CUTTER BLADE 70MM/SEALING COMPOUND/ST	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 70MM/STARLOCK MAX/MAM07	MULTI		432.000	8%
3095	B-67511	MULTI TOOL SET/CARPENTRY SET	BỘ LƯỠI ĐÁNH CHỌI NGÀNH MỘC	MULTI		1.906.740	8%
3096	B-67505	MULTI TOOL SET/FLOOR SET 2	BỘ CẮT GỖ 2 CHO MÁY ĐÀ NẴNG	MULTI		1.579.770	8%
3097	B-67480	MULTI TOOL SET/PLUNGE CUT SET	BỘ CẮT XUYỀN TÂM CHO MÁY ĐÀ NẴNG	MULTI		1.620.810	8%
3098	B-67496	MULTI TOOL SET/TILE SET2	BỘ CẮT GẠCH 2 CHO MÁY ĐÀ NẴNG	MULTI		1.954.530	8%
3099	199542-0	MULTI TOOL STARLOCK BLADES SET WITH TOOL BO	BỘ LƯỠI ĐÀ NẴNG STARLOCK (KÈM HỘP MÁY)	MULTI		2.039.904	8%
3100	B-64917	PLUNGE CUT SAW BLADE 10/TMA057	LƯỠI CỬA 10/TMA057	MULTI		262.548	8%
3101	B-64842	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA050	LƯỠI CỬA 20/TMA050	MULTI		286.200	8%
3102	B-64923	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA058	LƯỠI CỬA 20/TMA058	MULTI		268.380	8%
3103	B-64814	PLUNGE CUT SAW BLADE 28/TMA047	LƯỠI CỬA 28/TMA047	MULTI		393.930	8%
3104	B-64858	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA051	LƯỠI CỬA 32/TMA051	MULTI		317.250	8%
3105	B-64870	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA053	LƯỠI CỬA 32/TMA053	MULTI		454.140	8%
3106	B-64939	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA059	LƯỠI CỬA 32/TMA059	MULTI		454.140	8%

3107	B-64820	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA048	LƯỠI CỬA 65/TMA048	MULTI		518.832	8%
3108	B-64864	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA052	LƯỠI CỬA 65/TMA052	MULTI		358.290	8%
3109	B-64892	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA055	LƯỠI CỬA 65/TMA055	MULTI		518.832	8%
3110	B-64901	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA056	LƯỠI CỬA 65/TMA056	MULTI		405.540	8%
3111	B-65115	SANDING PAD FOR MULTI TOOL/TMA078	ĐỀ CHÀ NHÃM CHO MÁY ĐÀ NẴNG/TMA078	MULTI		395.280	8%
3112	B-64995	SCRAPER 52 FLEXIBLE/TMA066	LƯỠI LỐC 52X45 CHO MÁY ĐÀ NẴNG/TMA066	MULTI		250.668	8%
3113	B-64989	SCRAPER 52 RIGID/TMA065	LƯỠI LỐC 52X26 CHO MÁY ĐÀ NẴNG/TMA065	MULTI		268.380	8%
3114	B-64967	SEGMENT KNIFE BLADE/TMA063	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẴNG/TMA063	MULTI		798.930	8%
3115	B-64808	SEGMENT SAW BLADE 100/TMA046	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 100/TMA046	MULTI		781.380	8%
3116	B-66422	SEGMENT SAW BLADE 100X45MM WOOD AND METAL	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 100X45MM/GỖ VÀ KIM LOẠI	MULTI		775.440	8%
3117	B-64799	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA045	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 85/TMA045	MULTI		620.730	8%
3118	B-64836	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA049	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 85/TMA049	MULTI		460.080	8%
3119	B-64973	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA064	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 85/TMA064	MULTI		759.240	8%
3120	B-66357	TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/METAL/STARLOCK	LƯỠI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐÀ NẴNG 32X50MM/KIM	MULTI		709.290	8%
3121	B-66444	TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/METAL/STARLOCK	LƯỠI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐÀ NẴNG 32X70MM/KIM	MULTI		763.560	8%
3122	B-66363	TC BAR PLUNGE BLADE 45X50MM/METAL/STARLOCK	LƯỠI CỬA DỪNG CHO MÁY ĐÀ NẴNG 45X50MM/KIM	MULTI		775.440	8%
3123	B-65078	TC REMOVER/TMA074	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA074	MULTI		1.263.870	8%
3124	B-65090	TC REMOVER/TMA076	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA076	MULTI		635.310	8%
3125	B-65109	TC REMOVER/TMA077	LƯỠI LOẠI BỎ TMTMA077	MULTI		607.770	8%
3126	B-66553	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR TILE ADHESIVE	TẤM NHÃM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM015	MULTI		720.900	8%
3127	B-66569	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR TILE ADHESIVE	TẤM NHÃM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM016	MULTI		720.900	8%
3128	B-66575	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHESIVE/STARLOCK	TẤM NHÃM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM017	MULTI		720.900	8%
3129	B-66581	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHESIVE/STARLOCK	TẤM NHÃM TC 116MM/STARLOCK MAX/MAM018	MULTI		720.900	8%
3130	B-66547	TC SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/ROUTING JOINT	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 100X45MM/CẮT CÁC ĐƯỜNG CH	MULTI		884.520	8%
3131	B-66391	TC SEGMENT SAW BLADE 53X40MM/FRP AND AERATED CONCRETE	LƯỠI CẮT SÂU 53X40MM/STARLOCK PLUS/MAP008	MULTI		563.760	8%
3132	B-66494	TC SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/ROUTING JOINTS	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 68X10MM/CẮT CÁC ĐƯỜNG CH	MULTI		947.970	8%
3133	B-66531	TC SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/ROUTING JOINTS	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 68X30MM/CẮT CÁC ĐƯỜNG CH	MULTI		733.320	8%
3134	B-66503	TC SEGMENT SAW BLADE 69X30MM/ROUTING JOINTS	LƯỠI CỬA PHẦN ĐOẠN 69X30MM/CẮT CÁC ĐƯỜNG CH	MULTI		947.970	8%
3135	B-65012	UNIVERSAL PURPOSE KNIFE/TMA068	LƯỠI CẮT ĐÀ NẴNG/TMA068	MULTI		563.760	8%
P		LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG					
3136	D-42531	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	DIWHL	DI105	96.120	8%
3137	D-42553	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	DIWHL	DI105	113.670	8%
3138	D-42581	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	DIWHL	DI105	107.730	8%
3139	D-44351	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	DIWHL	DI105	96.120	8%
3140	D-44367	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	DIWHL	DI110	85.050	8%
3141	B-00795	DIAMOND WHEEL 110	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110	DIWHL	DI110	3.078.810	8%
3142	D-42606	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	DIWHL	DI110	107.730	8%
3143	D-42628	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	DIWHL	DI110	119.610	8%
3144	D-44258	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	DIWHL	DI110	111.240	8%
3145	A-02842	DIAMOND WHEEL 110MM US	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 110MM US	DIWHL	DI110	1.706.400	8%
3146	A-02705	DIAMOND BLADE 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	DIWHL	DI125	7.063.200	8%
3147	A-02761	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	DIWHL	DI125	4.406.400	8%
3148	A-02808	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	DIWHL	DI125	2.008.800	8%
3149	A-07381	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	DIWHL	DI125	4.540.320	8%
3150	A-80690	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	DIWHL	DI125	2.743.200	8%
3151	A-80438	D.WHEEL 125X22.23	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23	DIWHL	DI125	1.645.380	8%
3152	D-71021	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 125X22.23X9	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23X9	DIWHL	DI125	94.770	8%
3153	B-02060	DIAMOND WHEEL 180	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180	DIWHL	DI180	4.190.400	8%
3154	A-80117	DIAMOND WHEEL 180 (WET)	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180 (ƯỚT)	DIWHL	DI180	3.283.200	8%
3155	A-02777	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	DIWHL	DI180	7.270.560	8%
3156	A-80709	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	DIWHL	DI180	4.104.000	8%
3157	D-44286	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	DIWHL	DI180	263.952	8%
3158	D-44317	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	DIWHL	DI180	335.070	8%
3159	A-84084	230MM WAVE/GRANITE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	DIWHL	DI230	878.850	8%
3160	D-44292	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	DIWHL	DI230	412.830	8%
3161	D-44323	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	DIWHL	DI230	517.320	8%
3162	E-02967	DIAMOND WHEEL 230X13X22.23MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 230X13X22.23MM	DIWHL	DI230	3.353.940	8%
3163	792731-2	DIAMOND WHEEL 80-325N/9803	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 80-325N/9803	DIWHL	DI80	3.214.080	8%
3164	B-21082	DIAMOND WHEEL 85MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG 85MM	DIWHL	DI85	703.350	8%
3165	D-45004	ELECTROPLATED DIAMOND WHEEL FOR MARBLE 110MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG CẮT ĐÁ CÀM THẠCH 110MM	DIWHL	DI110	381.780	8%
3166	D-79566	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 105X20MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG CHO BÊ TÔNG 105MMX20MM	DIWHL	DI105	87.210	8%
3167	D-77198	DIAMOND WHEEL FOR CERAMIC TILE 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG CHO SỨ 105MM	DIWHL	DI105	113.670	8%
3168	D-78374	TUNGSTEN CARBIDE GRIT BLADE 76X10MM/DMC300	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG ĐÀ NẴNG 76X10MM/DMC300	DIWHL	DI76	162.270	8%
3169	D-05212	DIA.WHL.CONTINUOUSRIM 110X20	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG MÉP LIÊN TỤC 110X20	DIWHL	DI110	113.670	8%
3170	A-84187	105MM SEG/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG105	DIWHL	DI105	200.340	8%
3171	A-84193	105MM WAVE/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG105	DIWHL	DI105	222.480	8%
3172	A-84159	125MM WAVE/CONCRETE	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÓNG CHO BÊ TÔNG125	DIWHL	DI125	333.720	8%
3173	D-77263	DIAMOND WHEEL FOR TILE 76x10MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG DỪNG ĐỂ CẮT GẠCH/NGÓI	DIWHL	DI76	143.100	8%
3174	D-52803	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE CORRUGATED	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO ĐÁ CÀM THẠCH	DIWHL	DI125	215.460	8%
3175	D-52819	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE CORRUGATED	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO ĐÁ CÀM THẠCH	DIWHL	DI180	415.800	8%
3176	D-52825	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE CORRUGATED	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO ĐÁ CÀM THẠCH	DIWHL	DI230	540.000	8%
3177	D-56982	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 300MMX25.4	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 300MMX25.4	DIWHL	DI300	1.841.130	8%
3178	D-56998	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 350MMX25.4	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 350MMX25.4	DIWHL	DI350	2.049.084	8%
3179	D-57009	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 400MMX25.4	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 400MMX25.4	DIWHL	DI400	2.247.480	8%
3180	B-39198	DIAMOND WHEEL SEGMENTED FOR CONCRETE 105MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG KIỂU PHẦN ĐOẠN DỪNG CẮT	DIWHL	DI105	155.520	8%
3181	D-78271	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIM 105MMX20	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 105MMX20MM	DIWHL	DI105	113.670	8%
3182	A-90473	DIAMOND WHEEL 180MM(CORRUGATE)	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 180MM	DIWHL	DI180	2.072.412	8%
3183	D-78293	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIM 180MMX25	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 180MMX25.4M	DIWHL	DI180	233.010	8%
3184	D-78302	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIM 230MMX22	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG MÉP LIÊN TỤC 230MMX22.23M	DIWHL	DI230	305.370	8%
3185	B-66933	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 100	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 100 X 2.7X 16MM	DIWHL	DI100	1.036.260	8%
3186	D-05206	DIA.WHL.CORRUGATED 105X20	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 105X20	DIWHL	DI105	188.730	8%
3187	D-37568	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 125MM	DIWHL	DI125	238.950	8%
3188	D-37605	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 125MM	DIWHL	DI125	238.950	8%
3189	D-37611	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 180MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 180MM	DIWHL	DI180	387.720	8%
3190	D-37580	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 230MM	DIWHL	DI230	506.196	8%
3191	D-37627	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 230MM	DIWHL	DI230	511.704	8%
3192	B-66955	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 405	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN 405 X 3.6X 25.4M	DIWHL	DI405	6.312.870	8%

3193	D-63688	DIAMOND WHEEL GRANITE MARBLE SEGMENTED 10	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ CẨM THẠ	DIWHL	DI105	88.560	8%
3194	D-52766	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE SEGMENTED 4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ CẨM THẠ	DIWHL	DI125	197.640	8%
3195	D-52772	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE SEGMENTED 4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ CẨM THẠ	DIWHL	DI180	389.340	8%
3196	D-52788	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE SEGMENTED 4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ CẨM THẠ	DIWHL	DI230	449.820	8%
3197	D-44339	DIAMOND WHEEL CONCRETE GRANITE SEGMENTED 4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ HOACUC	DIWHL	DI180	349.650	8%
3198	D-44345	DIAMOND WHEEL CONCRETE GRANITE SEGMENTED 4	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ HOACUC	DIWHL	DI230	536.760	8%
3199	B-53671	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 100MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN ĐA NĂNG 100MM	DIWHL	DI100	1.012.284	8%
3200	B-53693	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN ĐA NĂNG 125MM	DIWHL	DI125	1.144.800	8%
3201	B-53702	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN ĐA NĂNG 180MM	DIWHL	DI180	1.806.570	8%
3202	B-53718	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN ĐA NĂNG 230MM	DIWHL	DI230	2.977.560	8%
3203	B-66949	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 180	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG PHẦN ĐOẠN180 X 3.1 X22.23M	DIWHL	DI180	2.224.800	8%
3204	E-02054	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER 100MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG X-LOCK 100MM	DIWHL	DI100	826.200	8%
3205	E-02076	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG X-LOCK 125MM	DIWHL	DI125	1.006.776	8%
3206	D-58899	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(180MM)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG(180MM)	DIWHL	DI180	702.270	8%
3207	D-58908	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(230MM)	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG(230MM)	DIWHL	DI230	834.300	8%
3208	A-07331	DIAMOND WHEEL 5" US 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG5" US 125MM	DIWHL	DI125	2.613.600	8%
3209	D-62284	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYPE(100MMX22.2	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG CỤC THỎ(100MMX22.23MM)	DIWHL	DI100	375.300	8%
3210	B-12295	OFFSET DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG KIM CƯỜNG 125MM	DIWHL	DI125	3.982.392	8%
3211	D-80640	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(125MMX22.2	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG MÍN(125MMX22.23MM)	DIWHL	DI125	731.160	8%
3212	D-66715	OFFSET DIAMOND WHEEL (125MMX22.23MM)	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG THỎ (125MMX22.23MM)	DIWHL	DI125	700.920	8%
3213	D-62309	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(100MMX22.2	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG THỎ(100MMX22.23MM)	DIWHL	DI100	506.196	8%
3214	D-62321	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(180MMX22.2	LƯỖI BẢO BỆ TỔNG THỎ(180MMX22.23MM)	DIWHL	DI180	1.090.800	8%
3215	D-80628	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(100MMX22.2	LƯỖI BẢO KIM CƯỜNG TURBO 100MMX22.23MM	DIWHL	DI100	531.360	8%
3216	B-53160	PCD OFFSET DIAMOND 125 X 22.23MM	LƯỖI BẢO SƠN 125X22.23MM	DIWHL	DI125	3.681.180	8%
3217	D-16427	CRACK CHASER 105MM	LƯỖI CẮT CỎ RÀNH 105MM	DIWHL	DI00	1.447.200	8%
3218	D-16477	CRACK CHASER 125MM	LƯỖI CẮT CỎ RÀNH 125MM	DIWHL	DI125	1.965.600	8%
3219	B-13275	DIAMOND WHEEL 350. ASPHALT / COMET	ĐĨA CẮT KIM CƯỜNG COMET PHẦN ĐOẠN 350MM	DIWHL	DI350	6.789.150	8%
3220	B-13297	DIAMOND WHEEL 350. SEG. DIAMAK PL	ĐĨA CẮT KIM CƯỜNG DIAMAK PHẦN ĐOẠN 350MM	DIWHL	DI350	2.573.640	8%
3221	D-74120	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 230X12X22.23	LƯỖI KIM CƯỜNG 230X12X22.23	DIWHL	DI230	529.200	8%
3222	D-74083	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 105X12X20(16)	LƯỖI KIM CƯỜNG 105X12X20(16)	DIWHL	DI105	153.090	8%
3223	D-74108	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 125X12X22.23(20)	LƯỖI KIM CƯỜNG 125X12X22.23(20)	DIWHL	DI125	191.970	8%
3224	D-74114	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 180X12X25.4(22.2	LƯỖI KIM CƯỜNG 180X12X25.4(22.23)	DIWHL	DI180	404.730	8%
3225	A-94998	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 125	DIWHL	DI125	7.599.960	8%
3226	A-95009	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯỜNG BẢO BỆ TỔNG 125	DIWHL	DI125	3.788.910	8%
3227	B-55326	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 230	LƯỖI KIM CƯỜNG CỬU HỘ 230X3.1X22.23MM	DIWHL	DI230	3.146.040	8%
3228	B-55310	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 125	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỬU HỘ 125MM	DIWHL	DI125	1.317.330	8%
3229	B-55332	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 300	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỬU HỘ 300MM	DIWHL	DI300	3.966.840	8%
3230	B-55348	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR RESCUE 350	LƯỖI KIM CƯỜNG DỪNG CHO CỬU HỘ 350MM	DIWHL	DI350	4.968.000	8%
3231	D-75063	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 5MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 5MMX	HOLSW		192.780	8%
3232	D-75085	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 8MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 8MMX	HOLSW		198.450	8%
3233	D-75091	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 10MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 10MM	HOLSW		198.450	8%
3234	D-75100	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 12MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 12MM	HOLSW		204.120	8%
3235	D-79865	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 32MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 32MM	HOLSW		493.020	8%
3236	D-79871	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 37MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 37MM	HOLSW		565.920	8%
3237	D-79887	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 40MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 40MM	HOLSW		613.710	8%
3238	D-75203	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 50MM X M10	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG DỪNG CHO MÁY MÀI 50MM	HOLSW		612.360	8%
3239	D-77372	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL BIT 6MM	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG HỨT BỤI 6MM	DRBIT		230.310	8%
3240	D-77388	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL BIT 8MM	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG HỨT BỤI 8MM	DRBIT		244.800	8%
3241	D-77394	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL BIT 10MM	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG HỨT BỤI 10MM	DRBIT		257.688	8%
3242	D-77403	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL BIT 12MM	MŨI KHOẸT KIM CƯỜNG HỨT BỤI 12MM	DRBIT		264.600	8%
3243	A-45456	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 19X280MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 19X280MM	DRBIT	STONE	1.166.400	8%
3244	A-45587	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 16X505MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 16X505MM	DRBIT	STONE	1.473.120	8%
3245	B-51823	DIAMOND PIN DRILL 6MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 6MM	DRBIT	OTDBT	1.159.920	8%
3246	B-51839	DIAMOND PIN DRILL 8MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 8MM	DRBIT	OTDBT	1.257.120	8%
3247	B-51845	DIAMOND PIN DRILL 10MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 10MM	DRBIT	OTDBT	1.257.120	8%
3248	A-87535	DIAMOND CORE BIT 38X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖ KIM CƯỜNG 38X175 (KHỎ)	DIBIT		6.392.250	8%
3249	A-87541	DIAMOND CORE BIT 54X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖ KIM CƯỜNG 54X175 (KHỎ)	DIBIT		6.741.900	8%
3250	A-87557	DIAMOND CORE BIT 65X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖ KIM CƯỜNG 65X175 (KHỎ)	DIBIT		7.287.300	8%
3251	D-35003	ELECTROPLATED CORE DRILL 35MM	MŨI KHOAN LỖ MẠ ĐIỆN 35MM	DIBIT		688.500	8%
3252	D-35019	ELECTROPLATED CORE DRILL 30MM	MŨI KHOAN LỖ MẠ ĐIỆN 30MM	DIBIT		633.150	8%
3253	D-35025	ELECTROPLATED CORE DRILL 25MM	MŨI KHOAN LỖ MẠ ĐIỆN 25MM	DIBIT		545.400	8%
3254	D-61064	DIAMOND CORE BIT/DDF484	MŨI KHOAN KIM CƯỜNG/DDF484	DIBIT		307.800	8%
Q LƯỖI BẢO, MŨI PHAY							
3255	793009-6	T.C.T. PLANER BLADE 110	BỘ LƯỖI BẢO 110 (2 LƯỖI/ 1 BỐ)	PLBLD		5.219.640	8%
3256	793018-5	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 306 (2 LƯỖI/ 1 BỐ)	PLBLD		2.448.090	8%
3257	199911-5	PLANER BLADE 306/2012NB	BỘ LƯỖI BẢO 306 (2 LƯỖI/ 1 BỐ)/2012NB	PLBLD		2.607.120	8%
3258	793346-8	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 360 (2 LƯỖI/ 1 BỐ)	PLBLD		1.517.940	8%
3259	793019-3	PLANER BLADE 400	BỘ LƯỖI BẢO 410 (2 LƯỖI/ 1 BỐ)	PLBLD		3.369.600	8%
3260	D-16346	82MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỖI BẢO 82MM HSS (2CÁI/GÓI)MT10	PLBLD		191.160	8%
3261	D-07967	PLANER BLADE TC 82MM(2PCS/SET)	BỘ LƯỖI BẢO 82MM TC(2CÁI/HỘP)	PLBLD		419.850	8%
3262	A-82921	T.C.T. MINI PLANER BLADE 82MM	BỘ LƯỖI BẢO MINI HỘP KIM 82MM	PLBLD		367.200	8%
3263	D-08822	110MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỖI BẢO 110MM HSS (2CÁI/GÓI)MT11	PLBLD		645.300	8%
3264	D-71211	HSS PLANER BLADE 110MM/1911B	LƯỖI BẢO 110MM/1911B	PLBLD		386.910	8%
3265	D-71227	HSS PLANER BLADE 136MM/1804N	LƯỖI BẢO 136MM/1804N	PLBLD		475.740	8%
3266	D-70910	PLANER BLADE 155MM/1805N	LƯỖI BẢO 155MM/1805N	PLBLD		478.980	8%
3267	D-72207	TC PLANER BLADE 82MM	LƯỖI BẢO 82MM	PLBLD		319.410	8%
3268	D-70823	MINI PLANER BLADE TC 82MM	LƯỖI BẢO MINI 82MM	PLBLD		247.050	8%
3269	191Y82-4	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẮNG 6E	RUBIT		335.070	8%
3270	733238-9	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẮNG 6E	RUBIT		274.320	8%
3271	793126-2	STRAIGHT BIT 8	MŨI PHAY THẮNG 8	RUBIT		483.570	8%
3272	A-88054	ROUTER BIT SET 8MMSHANK (12PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỐI 8MM (12CÁI)	RUBIT		3.218.400	8%
3273	A-91051	ROUTER BIT SET 1/4" SHANK (12 PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỐI 1/4" 12 PC	RUBIT		3.711.150	8%
3274	D-09173	STRAIGHT BITS 1/4"X6MM	MŨI PHAY THẮNG 1/4"X6MM	RUBIT		222.480	8%
3275	D-49264	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 RÀNH 3/8"	RUBIT		209.520	8%
3276	D-49317	TCT ROUTER BIT 1/4"	MŨI PHAY 1/4"	RUBIT		172.530	8%
3277	D-49426	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	RUBIT		322.650	8%
3278	D-49507	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	RUBIT		275.400	8%

3279	D-49535	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY 3/8"	RUBIT		186.570	8%
3280	D-49638	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	RUBIT		332.370	8%
3281	D-49666	TCT ROUTER BIT 1-15/64"	MŨI PHAY 1-15/64"	RUBIT		402.030	8%
3282	D-49694	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	RUBIT		360.450	8%
3283	D-49797	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	RUBIT		393.930	8%
3284	D-49909	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	RUBIT		338.850	8%
3285	D-50033	TCT ROUTER BIT 1-5/8"	MŨI PHAY 1-5/8"	RUBIT		603.180	8%
3286	D-50061	TCT ROUTER BIT 1-1/4"	MŨI PHAY 1-1/4"	RUBIT		396.360	8%
3287	D-50099	TCT ROUTER BIT 1-1/2"	MŨI PHAY 1-1/2"	RUBIT		504.900	8%
3288	D-68862	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/8"X2"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/8"X2"	RUBIT		135.000	8%
3289	D-68878	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/32"X2"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/32"X2"	RUBIT		133.650	8%
3290	D-68884	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/16"X1-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/16"X1-7/8"	RUBIT		129.384	8%
3291	D-68890	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4X2"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4X2"	RUBIT		129.384	8%
3292	D-68909	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	RUBIT		143.100	8%
3293	D-68915	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/2"	MŨI PHAY THẮNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/2"	RUBIT		167.400	8%
3294	D-68921	STRAIGHT BIT 2 FLUTE 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/4"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/4"	RUBIT		137.700	8%
3295	D-68937	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"X2-1/4"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/16"X2-1/4"	RUBIT		162.270	8%
3296	D-68943	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/4"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/4"	RUBIT		147.420	8%
3297	D-68959	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/2"	RUBIT		203.040	8%
3298	D-68965	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X1-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-7/8"	RUBIT		135.000	8%
3299	D-68971	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2"	RUBIT		146.070	8%
3300	D-68987	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/16"X2"	RUBIT		158.760	8%
3301	D-68993	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2"	RUBIT		153.900	8%
3302	D-69004	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	RUBIT		148.500	8%
3303	D-69010	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 9/16"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 9/16"X2"	RUBIT		178.200	8%
3304	D-69026	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 5/8"X2"	RUBIT		209.520	8%
3305	D-69032	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 23/32"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 23/32"X2"	RUBIT		230.850	8%
3306	D-69048	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X2"	RUBIT		244.890	8%
3307	D-69054	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/4"X2-1/2"	RUBIT		164.160	8%
3308	D-69060	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/16"X2-3/4"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 5/16"X2-3/4"	RUBIT		172.530	8%
3309	D-69076	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-7/8"	RUBIT		182.790	8%
3310	D-69082	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X2-5/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-5/8"	RUBIT		214.380	8%
3311	D-69098	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-7/8"	RUBIT		227.070	8%
3312	D-69107	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	RUBIT		299.160	8%
3313	D-69113	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 9/16"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 9/16"X2-7/8"	RUBIT		230.850	8%
3314	D-69129	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/8"-2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 5/8"-2-7/8"	RUBIT		247.590	8%
3315	D-69135	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	RUBIT		315.900	8%
3316	D-69141	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-7/8"	RUBIT		295.650	8%
3317	D-69157	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	RUBIT		461.700	8%
3318	D-69163	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"X2-5/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-5/8"	RUBIT		393.660	8%
3319	D-69179	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-7/8"	RUBIT		352.350	8%
3320	D-69185	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1"X2-7/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-7/8"	RUBIT		381.780	8%
3321	D-69191	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/2"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/2"	RUBIT		522.828	8%
3322	D-69200	STRAIGHT BIT-SUPERI1/2" (12.7MM) 1/2"X4"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4"	RUBIT		440.910	8%
3323	D-69216	STRAIGHT BIT - PATTERN1/2" (12.7MM) 3/4"X2-13/16"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-13/16"	RUBIT		495.180	8%
3324	D-69222	HINGE MORTISING1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/64"	MŨI PHAY BĂNG LÊ 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1/64"	RUBIT		188.730	8%
3325	D-69238	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-5/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-5/8"	RUBIT		177.120	8%
3326	D-69244	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-3/16"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-3/16"	RUBIT		172.800	8%
3327	D-69250	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	RUBIT		186.570	8%
3328	D-69266	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/8"	RUBIT		182.790	8%
3329	D-69272	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM) 3/8"X2-1/8"	RUBIT		180.900	8%
3330	D-69288	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3"	RUBIT		237.600	8%
3331	D-69294	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	RUBIT		311.850	8%
3332	D-69303	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/64"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X4-1/64"	RUBIT		484.110	8%
3333	D-69319	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3"	RUBIT		326.970	8%
3334	D-69325	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"X3-5/16"	MŨI PHAY THẮNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM) 3/4"X3-5/16"	RUBIT		428.490	8%
3335	D-69331	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	MŨI PHAY THẮNG 3 CẠNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-11/16"	RUBIT		261.900	8%
3336	D-69347	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	MŨI PHAY THẮNG 3 CẠNH 1/2" (12.7MM) 1/2"X3-19/32"	RUBIT		338.040	8%
3337	D-69353	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY RÀNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	RUBIT		299.160	8%
3338	D-69369	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2"X2-5/8"	MŨI PHAY RÀNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"X2-5/8"	RUBIT		365.850	8%
3339	D-69375	PANEL PILOT BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16"	MŨI PHAY BÀN 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16"	RUBIT		133.650	8%
3340	D-69381	PANEL PILOT BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	MŨI PHAY BÀN 1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	RUBIT		186.570	8%
3341	D-69397	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	RUBIT		230.850	8%
3342	D-69406	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3/4"	RUBIT		135.000	8%
3343	D-69412	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3/4"	RUBIT		153.090	8%
3344	D-69428	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/4"	RUBIT		166.860	8%
3345	D-69434	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3/8"	RUBIT		258.660	8%
3346	D-69440	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8"	RUBIT		489.510	8%
3347	D-69456	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	RUBIT		162.000	8%
3348	D-69462	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	RUBIT		197.640	8%
3349	D-69478	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	RUBIT		158.760	8%
3350	D-69484	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	RUBIT		167.400	8%
3351	D-69490	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	RUBIT		159.300	8%
3352	D-69509	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	RUBIT		178.200	8%
3353	D-69515	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	RUBIT		321.300	8%
3354	D-69521	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	RUBIT		304.560	8%
3355	D-69537	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8"	RUBIT		421.200	8%
3356	D-69543	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	RUBIT		137.160	8%
3357	D-69559	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/16"X1-37/64"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/16"X1-37/64"	RUBIT		146.070	8%
3358	D-69565	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	RUBIT		156.330	8%
3359	D-69571	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	RUBIT		162.270	8%
3360	D-69587	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	RUBIT		209.520	8%
3361	D-69593	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	RUBIT		253.692	8%
3362	D-69602	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	RUBIT		393.930	8%
3363	D-69618	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8"	RUBIT		632.610	8%
3364	D-69624	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/2"	RUBIT		156.330	8%
3365	D-69630	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-9/16"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-9/16"	RUBIT		162.270	8%

3366	D-69646	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/4"(6.35MM) 1/2"X1-3/4"	RUBIT		168.210	8%
3367	D-69652	DOVETAIL BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÉN 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	RUBIT		168.210	8%
3368	D-69668	BALL GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	RUBIT		178.200	8%
3369	D-69674	PLUNGE CUT ROUND OVER BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3/4"	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3/4"	RUBIT		244.890	8%
3370	D-69680	PLUNGE CUT ROUND OVER BIT1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8"	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8"	RUBIT		299.160	8%
3371	D-69696	OGEE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	MŨI PHAY RÀNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	RUBIT		240.300	8%
3372	D-69705	CLASSIC PANEL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-21/32"	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-21/32"	RUBIT		166.860	8%
3373	D-69711	CLASSIC PANEL BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8"	MŨI PHAY RÀNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8"	RUBIT		332.370	8%
3374	D-69727	CLASSICAL PLUNGE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11/16"	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11/16"	RUBIT		247.590	8%
3375	D-69733	OVOLO BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	RUBIT		166.860	8%
3376	D-69749	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 3/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 3/4"X2-1/8"	RUBIT		219.780	8%
3377	D-69755	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 7/8"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-5/32"	RUBIT		275.400	8%
3378	D-69761	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1"X2-1/4"	RUBIT		304.560	8%
3379	D-69777	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2-1/4"	RUBIT		326.970	8%
3380	D-69783	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-5/16"	RUBIT		387.990	8%
3381	D-69799	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-7/16"	RUBIT		495.450	8%
3382	D-69808	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/2" (12.7MM) 1-1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/2" (12.7MM) 1-1/2"X2-11/16"	RUBIT		495.180	8%
3383	D-69814	"ROUND OVER BIT - WITH BEARING -1/2" (12.7MM) 2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/2" (12.7MM) 2"X2-15/16"	RUBIT		781.380	8%
3384	D-69820	"BEADING BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 3/4"X2-1/32"	RUBIT		213.300	8%
3385	D-69836	"BEADING BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 7/8"X2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-1/8"	RUBIT		292.140	8%
3386	D-69842	"BEADING BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1"X2-5/8"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1"X2-5/32"	RUBIT		322.920	8%
3387	D-69858	"BEADING BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-9/32"	RUBIT		411.750	8%
3388	D-69864	"BEADING BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-3/8"	RUBIT		495.450	8%
3389	D-69870	"DOUBLE ROUND OVER BIT1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2"	MŨI PHAY TRÒN 2 GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2"	RUBIT		312.930	8%
3390	D-69886	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 5/8"X1-15/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-15/16"	RUBIT		292.140	8%
3391	D-69892	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 3/4"X1-13/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-13/16"	RUBIT		239.220	8%
3392	D-69901	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 7/8"X2-3/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-3/16"	RUBIT		271.512	8%
3393	D-69917	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/18"X2"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1/18"X2-3/16"	RUBIT		322.650	8%
3394	D-69923	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/14"X2"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1/14"X2-13/64"	RUBIT		404.730	8%
3395	D-69939	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/12"X2"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1/12"X2-5/16"	RUBIT		475.200	8%
3396	D-69945	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1"X2"	MŨI PHAY VÁT CẠNH 1/4" (6.35MM) 1"X2"	RUBIT		317.250	8%
3397	D-69951	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 7/8"X2"	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35MM) 7/8"X2-	RUBIT		262.548	8%
3398	D-69967	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-3/16"	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-3/16"	RUBIT		370.170	8%
3399	D-69973	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-1/4"	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X	RUBIT		393.930	8%
3400	D-69989	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4" (6.35MM) 1-5/8"	MŨI PHAY VÁT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-5/8"X	RUBIT		584.010	8%
3401	D-70013	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/2"	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35MM) 1-1/8"X2-	RUBIT		290.250	8%
3402	D-70029	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/2"	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-	RUBIT		469.800	8%
3403	D-70035	OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-5/16"	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35MM) 1-1/2"X2-	RUBIT		496.800	8%
3404	D-70041	MULTI EDGE BEADING BIT1/2" (12.7MM) 2-1/4"X4"	MŨI PHAY CẠNH CHỮ S 1/2" (12.7MM) 2-1/4"X4"	RUBIT		1.225.260	8%
3405	D-70057	REVERSIBLE RAIL & STILE BIT1/2" (12.7MM) 1-5/8"X3-	MŨI PHAY GHEP MÔNG 1/2" (12.7MM) 1-5/8"X3-3/32"	RUBIT		993.600	8%
3406	D-70063	KEYHOLE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖ KHÓA 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	RUBIT		135.000	8%
3407	D-70079	"REVERSIBLE GLUE JOINT BIT - STRAIGHT PROFILE -1"	MŨI PHAY GHEP MÔNG 1/2" (12.7MM) 1-5/8"X5/16"	RUBIT		726.030	8%
3408	D-70085	TONGUE & GROOVE ASSEMBLY1/2" (12.7MM) 1-3/9/64"	MŨI PHAY GHEP MÔNG 1/2" (12.7MM) 1-3/9/64"X11/32"	RUBIT		846.720	8%
3409	D-70091	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X5/16"	RUBIT		393.660	8%
3410	D-70100	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X3/16"	RUBIT		382.050	8%
3411	D-70116	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X1/16"	RUBIT		382.050	8%
3412	D-70122	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X5/16"	RUBIT		371.250	8%
3413	D-70138	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X3/16"	RUBIT		371.250	8%
3414	D-70144	"SLOTTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTTER -1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35MM) 1-7/8"X7/16"	RUBIT		392.850	8%
3415	D-70150	CLASSICAL BIT1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/16"	MŨI PHAY CẠNH 1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/16"	RUBIT		483.570	8%
3416	D-09472	FLUSH TRIM BITS 10MM	MŨI CÁT MỀP THANG Ồ BI 10MM	RUBIT		333.720	8%
3417	D-70007	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/2" (12.7MM) 1-1/4"	MŨI GHEP Ồ BI 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/16"	RUBIT		371.520	8%
3418	D-69995	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM) 1-1/4"	MŨI GHEP Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-1/8"	RUBIT		365.850	8%
R	ĐỒ NGHỀ VÀ TỬ ĐỒ NGHỀ						
3419	D-58833	RATCHET SCREWDRIVER	MŨI VẠN VÍT ĐA NĂNG	HADTL	OTHER	144.720	8%
3420	B-65654	PASS THRU SOCKET 11MM	ĐẦU TỤYP XUYỀN TÂM 11MM	HADTL	OTHER	48.600	8%
3421	B-65698	PASS THRU SOCKET 15MM	ĐẦU TỤYP XUYỀN TÂM 15MM	HADTL	OTHER	59.400	8%
3422	B-65707	PASS THRU SOCKET 16MM	ĐẦU TỤYP XUYỀN TÂM 16MM	HADTL	OTHER	59.400	8%
3423	B-65729	PASS THRU SOCKET 18MM	ĐẦU TỤYP XUYỀN TÂM 18MM	HADTL	OTHER	64.800	8%
3424	199826-6	RATCHET CLAMP COMPLETE(QUICK TYPE)	BỘ KẸP TỰ ĐỘNG(LOẠI NHANH)	HADTL	OTHER	2.741.040	8%
3425	B-65894	HEX KEY WRENCH 9 PCS/SET	BỘ LƯC GIÁC ĐẦU BI 9 CÁI/BỘ	HADTL	OTHER	256.608	8%
3426	E-11570	DRIVE RATCHET HANDLE 1/2"	CẢN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/2"	HADTL		689.850	8%
3427	E-11558	DRIVE RATCHET HANDLE 1/4"	CẢN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 1/4"	HADTL		422.820	8%
3428	E-11564	DRIVE RATCHET HANDLE 3/8"	CẢN SIẾT TỰ ĐỘNG TAY 3/8"	HADTL		534.600	8%
3429	E-11601	COMBINATION WRENCH 12MM	CỖ LỀ VÒNG 12MM	HADTL		96.120	8%
3430	E-11617	COMBINATION WRENCH 13MM	CỖ LỀ VÒNG 13MM	HADTL		101.520	8%
3431	E-11651	COMBINATION WRENCH 17MM	CỖ LỀ VÒNG 17MM	HADTL		147.420	8%
3432	E-11667	COMBINATION WRENCH 18MM	CỖ LỀ VÒNG 18MM	HADTL		147.420	8%
3433	E-11673	COMBINATION WRENCH 19MM	CỖ LỀ VÒNG 19MM	HADTL		158.760	8%
3434	D-72914	GROUT RAKES FOR TILE	ĐẠO CẠO RON GẠCH	HADTL		144.720	8%
3435	D-65713	SNAP-OFF KNIFE (BLUE)	ĐẠO ROC (XANH)	HADTL	OTHER	174.150	8%
3436	B-65844	SOCKET ADAPTER 1/4"	ĐẦU CHUYỂN ĐỐI CỘT 1/4"	HADTL	OTHER	118.800	8%
3437	B-65850	SOCKET ADAPTER 3/8"	ĐẦU CHUYỂN ĐỐI CỘT 3/8"	HADTL	OTHER	118.800	8%
3438	D-58752	LED PEN LIGHT	ĐÈN PIN MINI	HADTL	OTHER	177.120	8%
3439	B-65486	WATER PUMP PLIER 250MM	KIỆM MỎ QUẢ 250MM	HADTL	OTHER	623.160	8%
3440	B-65492	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỆM MỎ QUẢ 300MM	HADTL	OTHER	767.610	8%
3441	D-74734	SNAP OFF KNIFE BLADWS 100X18X0.5MM 10PCS	LƯỚI ĐẠO ROC GIẤY 100X18X5MM 10 CÁI	HADTL		60.588	8%
3442	E-04933	GO THROUGH SCREW DRIVER SL5.5X75	TUA VÍT 2 CẠNH SL 5.5X75	HADTL		125.388	8%
3443	E-04949	GO THROUGH SCREW DRIVER SL6.5X150	TUA VÍT 2 CẠNH SL 6.5X150	HADTL		165.240	8%
3444	E-04955	GO THROUGH SCREW DRIVER SL8X200	TUA VÍT 2 CẠNH SL 8X200	HADTL		235.980	8%
3445	B-42444	SHOCK DRIVER PH3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PH3X150	HADTL		656.370	8%
3446	B-42450	SHOCK DRIVER PZ2 X125	TUA VÍT 4 CẠNH PZ2X125	HADTL		540.000	8%
3447	B-42466	SHOCK DRIVER PZ3 X150	TUA VÍT 4 CẠNH PZ3X150	HADTL		611.820	8%
3448	783019-1	DRIVER/PM7650H	TUA VÍT/PM7650H	OTHER		38.988	8%
3449	B-65953	SCREW DRIVER PZ2x100MM	TUA-VÍT PZ2x100MM	HADTL	OTHER	139.104	8%
3450	B-66064	GO THROUGH SCREWDRIVER PH1x75	TUA-VÍT ĐÓNG PH1x75	HADTL	OTHER	149.040	8%
3451	B-66070	GO THROUGH SCREWDRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT ĐÓNG PH2x100MM	HADTL	OTHER	203.580	8%

3452	B-66086	GO THROUGH SCREWDRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT ĐÓNG PH3x150MM	HADTL	OTHER	274.320	8%
3453	B-66092	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ1x75MM	TUA-VÍT ĐÓNG PZ1x75MM	HADTL	OTHER	139.104	8%
3454	B-65903	SCREW DRIVER PH1x100MM	TUA-VÍT PH1x100MM	HADTL	OTHER	156.330	8%
3455	B-65919	SCREW DRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT PH2x100MM	HADTL	OTHER	168.210	8%
3456	B-65931	SCREW DRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT PH3x150MM	HADTL	OTHER	221.400	8%
3457	B-66020	SCREW DRIVER SL4x100MM	TUA-VÍT SL4x100MM	HADTL	OTHER	107.730	8%
3458	B-66036	SCREW DRIVER SL5.5x100MM	TUA-VÍT SL5.5x100MM	HADTL	OTHER	137.160	8%
3459	B-66042	SCREW DRIVER SL6.5x125MM	TUA-VÍT SL6.5x125MM	HADTL	OTHER	168.210	8%
3460	B-66058	SCREW DRIVER SL8x150MM	TUA-VÍT SL8x150MM	HADTL	OTHER	238.950	8%
3461	B-57168	TAPE MEASURE 10M	THƯỚC KÉO 10M	HADTL	MSURE	816.750	8%
3462	B-57130	TAPE MEASURE 3.5M	THƯỚC KÉO 3.5M	HADTL	MSURE	262.548	8%
3463	B-57146	TAPE MEASURE 5.5M	THƯỚC KÉO 5.5M	HADTL	MSURE	572.130	8%
3464	B-57152	TAPE MEASURE 7.5M	THƯỚC KÉO 7.5M	HADTL	MSURE	697.680	8%
3465	B-57174	TAPE MEASURE WITH HOLDER & SAFETY CORD	THƯỚC KÉO 7.5M (CÓ MÓC TREO)	HADTL	MSURE	1.217.160	8%
3466	B-42438	SHOCK DRIVER PH2 X125	VÍT ĐÓNG PH2 X125	HADTL	OTHER	595.620	8%
3467	B-65551	DOUBLE BOX WRENCH 5 PCS/SET	BỘ CỖ LÊ HAI ĐẦU VÒNG 5 CÁI/BỘ	HADTL	OTHER	834.300	8%
3468	194385-5	CLAMP SET(STANDARD TYPE)	KEP(LOẠI TIÊU CHUẨN)	HADTL	OTHER	1.086.910	10%
3469	E-05321	ULTIMATE PADDED BELT WITH BELT LOOP 880x1000	ĐAI LUNG THẢO NHANH CÓ ĐEM VÀ ĐĨA DÂY 880x1000	BAG		1.166.400	8%
3470	E-05337	QUICK RELEASE BELT & BELT LOOP 1550X50MM	ĐAI LUNG THẢO NHANH CÓ ĐĨA DÂY 1550x50MM	BAG		446.472	8%
3471	E-05290	QUICK RELEASE BELT & SHOULDER STRAP 1300X38MM	ĐAI LUNG, QUAI ĐEO VAI CÓ CHỖT THẢO NHANH 1300x38MM	BAG		302.400	8%
3472	E-05315	BELT LOOP - 6 PACK	ĐĨA DÂY (6 CÁI/BỘ)	BAG		279.450	8%
3473	E-05608	THERMAL MUG & HOLDER 125X100X170MM	LY GIỮ NHIỆT 125x100x170MM	BAG		475.200	8%
3474	E-05636	WORK VEST - ADJUSTABLE POCKETS 510X640MM	ÁO GILE CÔNG TRÌNH 510x640MM	BAG		1.171.200	8%
3475	E-05599	THERMAL FLASK & HOLDER 90X85X200MM	BÌNH GIỮ NHIỆT 90x85x200MM	BAG		912.600	8%
3476	1915D1-8	ACCESSORY BAG/PS001G	TÚI ĐỰNG PHỤ KIẾN/PS001G	BAG		772.740	8%
3477	E-05278	TAPE MEASURE HOLDER 110X80X165MM	TÚI ĐỰNG THƯỚC KÉO 110x80x165MM	BAG		318.600	8%
3478	E-05468	ULTIMATE WIDE MOUTH TOOL BAG 440X240X250MM	TÚI XÁCH CỖ KHUNG 440x240x250MM	BAG		1.641.600	8%
3479	E-05365	LEATHER BELT BLACK L 1330x38MM	THẤT LUNG MÀU ĐEN L 1330x38MM	BAG		758.700	8%
3480	E-05359	LEATHER BELT BLACK M 1130x38MM	THẤT LUNG MÀU ĐEN M 1130x38MM	BAG		804.600	8%
3481	E-05387	LEATHER BELT BROWN L 1330x38MM	THẤT LUNG MÀU NÀU L 1330x38MM	BAG		804.600	8%
3482	E-05371	LEATHER BELT BROWN M 1130x38MM	THẤT LUNG MÀU NÀU M 1130x38MM	BAG		804.600	8%
3483	E-05424	REINFORCED ADJUSTABLE TOOL CASE 505x295x265MM	TÚI ĐỰNG MÂY, PIN SẠC VÀ DỤNG CỤ 505x295x265MM	BAG		2.851.200	8%
3484	E-05664	1.4M / 1.5M GUIDE RAIL PROTECTIVE HOLDER 1565x45	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HUỚNG 1.4M / 1.5M(1565x45)	BAG		1.411.020	8%
3485	E-05670	1M GUIDE RAIL BAG 1070X45X220MM	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HUỚNG 1M(1070x45x220)	BAG		1.272.240	8%
3486	E-05147	ULTIMATE 3 POCKET FIXING POUCH 320X145X270MM	TÚI ĐỰNG ĐA NĂNG 3 NGĂN 320x145x270MM	BAG		1.274.400	8%
3487	E-05583	ULTIMATE SMARTPHONE HOLDER 90X40X165MM	TÚI ĐỰNG ĐIỆN THOẠI 90x40x165MM	BAG		496.800	8%
3488	831269-3	TOOL BAG	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ	BAG		1.750.950	8%
3489	E-05197	FIXING POUCH & HAMMER HOLDER 180X105X185MM	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ VÀ GIỮ Búa 180x105x185MM	BAG		642.600	8%
3490	831253-8	TOOL BAG(350*220*270)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(350*220*270)	BAG		831.600	8%
3491	832599-5	TOOL BAG(500*230*250)	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ(500*230*250)	BAG		864.000	8%
3492	195638-5	TOOL BAG SET/D5L801	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ/D5L801	BAG		1.782.000	8%
3493	E-05094	DRILL HOLSTER UNIVERSAL L/R HANDED 170x85x290	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN ĐA NĂNG 170x85x290MM	BAG		729.000	8%
3494	E-05119	IMPACT DRIVER HOLSTER UNIVERSAL L/R HANDED 1	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ MŨI VÍT 155x75x235MM	BAG		502.200	8%
3495	E-05125	UNIVERSAL POUCH & DRILL L HOLSTER L/R HANDED 2	TÚI ĐỰNG MÁY KHOAN VÀ PHỤ KIẾN ĐA NĂNG 260x	BAG		1.382.400	8%
3496	E-05446	ULTIMATE COVERED TOOL TOTE 510x295x280MM	TÚI ĐỰNG MÂY VÀ DỤNG CỤ CÓ NÁP ĐẦY 510x295x2	BAG		2.786.400	8%
3497	832393-5	TOOL BAG/BTC04	TÚI ĐỰNG MÂY/BTC04	BAG		376.380	8%
S MŨI KHOAN TỬ							
3498	12L	CUTTER HSS(LONG)12X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)12X55MM	DRBIT	OTDBT	808.920	8%
3499	12S	CUTTER HSS(SHORT)12X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)12X35MM	DRBIT	OTDBT	548.640	8%
3500	13L	CUTTER HSS(LONG)13X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)13X55MM	DRBIT	OTDBT	836.460	8%
3501	13S	CUTTER HSS(SHORT)13X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)13X35MM	DRBIT	OTDBT	555.120	8%
3502	14L	CUTTER HSS(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)14X55MM	DRBIT	OTDBT	864.000	8%
3503	14S	CUTTER HSS(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)14X35MM	DRBIT	OTDBT	576.990	8%
3504	15L	CUTTER HSS(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)15X55MM	DRBIT	OTDBT	886.680	8%
3505	15S	CUTTER HSS(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)15X35MM	DRBIT	OTDBT	568.620	8%
3506	16L	CUTTER HSS(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)16X55MM	DRBIT	OTDBT	915.570	8%
3507	16S	CUTTER HSS(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)16X35MM	DRBIT	OTDBT	596.160	8%
3508	17L	CUTTER HSS(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)17X55MM	DRBIT	OTDBT	942.840	8%
3509	17S	CUTTER HSS(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)17X35MM	DRBIT	OTDBT	632.610	8%
3510	18L	CUTTER HSS(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)18X55MM	DRBIT	OTDBT	992.736	8%
3511	18S	CUTTER HSS(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)18X35MM	DRBIT	OTDBT	673.380	8%
3512	19L	CUTTER HSS(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)19X55MM	DRBIT	OTDBT	1.049.760	8%
3513	19S	CUTTER HSS(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)19X35MM	DRBIT	OTDBT	659.880	8%
3514	20L	CUTTER HSS(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)20X55MM	DRBIT	OTDBT	1.107.000	8%
3515	20S	CUTTER HSS(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)20X35MM	DRBIT	OTDBT	770.040	8%
3516	21L	CUTTER HSS(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)21X55MM	DRBIT	OTDBT	1.140.480	8%
3517	21S	CUTTER HSS(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)21X35MM	DRBIT	OTDBT	765.990	8%
3518	22L	CUTTER HSS(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)22X55MM	DRBIT	OTDBT	1.191.240	8%
3519	22S	CUTTER HSS(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)22X35MM	DRBIT	OTDBT	793.530	8%
3520	23L	CUTTER HSS(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)23X55MM	DRBIT	OTDBT	1.233.900	8%
3521	23S	CUTTER HSS(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)23X35MM	DRBIT	OTDBT	815.940	8%
3522	24L	CUTTER HSS(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)24X55MM	DRBIT	OTDBT	1.289.790	8%
3523	24S	CUTTER HSS(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)24X35MM	DRBIT	OTDBT	843.750	8%
3524	25L	CUTTER HSS(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)25X55MM	DRBIT	OTDBT	1.446.390	8%
3525	25S	CUTTER HSS(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)25X35MM	DRBIT	OTDBT	950.130	8%
3526	26L	CUTTER HSS(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)26X55MM	DRBIT	OTDBT	1.502.280	8%
3527	26S	CUTTER HSS(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)26X35MM	DRBIT	OTDBT	979.020	8%
3528	27L	CUTTER HSS(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)27X55MM	DRBIT	OTDBT	1.557.900	8%
3529	27S	CUTTER HSS(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)27X35MM	DRBIT	OTDBT	1.006.344	8%
3530	28L	CUTTER HSS(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)28X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3531	28S	CUTTER HSS(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)28X35MM	DRBIT	OTDBT	1.119.960	8%
3532	29L	CUTTER HSS(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)29X55MM	DRBIT	OTDBT	1.727.730	8%
3533	29S	CUTTER HSS(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)29X35MM	DRBIT	OTDBT	1.156.140	8%
3534	30L	CUTTER HSS(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)30X55MM	DRBIT	OTDBT	1.814.400	8%
3535	30S	CUTTER HSS(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)30X35MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3536	31L	CUTTER HSS(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(ĐÀI)31X55MM	DRBIT	OTDBT	1.898.640	8%
3537	31S	CUTTER HSS(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)31X35MM	DRBIT	OTDBT	1.219.590	8%

3538	32L	CUTTER HSS(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)32X55MM	DRBIT	OTDBT	1.956.960	8%
3539	32S	CUTTER HSS(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)32X35MM	DRBIT	OTDBT	1.256.040	8%
3540	33L	CUTTER HSS(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)33X55MM	DRBIT	OTDBT	2.041.200	8%
3541	33S	CUTTER HSS(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)33X35MM	DRBIT	OTDBT	1.373.760	8%
3542	34L	CUTTER HSS(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)34X55MM	DRBIT	OTDBT	2.154.600	8%
3543	34S	CUTTER HSS(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)34X35MM	DRBIT	OTDBT	1.418.040	8%
3544	35L	CUTTER HSS(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)35X55MM	DRBIT	OTDBT	2.237.760	8%
3545	35S	CUTTER HSS(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)35X35MM	DRBIT	OTDBT	1.446.390	8%
3546	PILOTL	PILOT L FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 11MM/HB350	HOLSW		219.510	8%
3547	PILOTS	PILOT S FOR HSS BLADE 11MM/HB350	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM ĐƯỜNG KÍNH 11MM/HB350	HOLSW		183.600	8%
3548	PILOTU1A	S/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA FOR TCT BL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN ĐẾN17MM(90	HOLSW		146.070	8%
3549	PILOTU1B	S/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA FOR TCT BL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM S/R TCT KHOAN TRÊN17MM(9	HOLSW		189.540	8%
3550	PILOTU2A	L/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA FOR TCT BL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN ĐẾN17MM(10	HOLSW		146.070	8%
3551	PILOTU2B	L/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA FOR TCT BL	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM L/R TCT KHOAN TRÊN17MM(1	HOLSW		189.540	8%
3552	UD00UPC14L	CUTTER TCT(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)14X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3553	UD00UPC14S	CUTTER TCT(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)14X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3554	UD00UPC15L	CUTTER TCT(LONG)15X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)15X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3555	UD00UPC15S	CUTTER TCT(SHORT)15X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)15X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3556	UD00UPC16L	CUTTER TCT(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)16X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3557	UD00UPC16S	CUTTER TCT(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)16X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3558	UD00UPC17L	CUTTER TCT(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)17X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3559	UD00UPC17S	CUTTER TCT(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)17X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3560	UD00UPC18L	CUTTER TCT(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)18X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3561	UD00UPC18S	CUTTER TCT(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)18X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3562	UD00UPC19L	CUTTER TCT(LONG)19X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)19X55MM	DRBIT	OTDBT	1.183.410	8%
3563	UD00UPC19S	CUTTER TCT(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)19X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3564	UD00UPC20L	CUTTER TCT(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)20X55MM	DRBIT	OTDBT	1.210.950	8%
3565	UD00UPC20S	CUTTER TCT(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)20X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3566	UD00UPC21L	CUTTER TCT(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)21X55MM	DRBIT	OTDBT	1.210.950	8%
3567	UD00UPC21S	CUTTER TCT(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)21X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3568	UD00UPC22L	CUTTER TCT(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)22X55MM	DRBIT	OTDBT	1.210.950	8%
3569	UD00UPC22S	CUTTER TCT(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)22X35MM	DRBIT	OTDBT	1.113.480	8%
3570	UD00UPC23L	CUTTER TCT(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)23X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3571	UD00UPC23S	CUTTER TCT(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)23X35MM	DRBIT	OTDBT	1.147.230	8%
3572	UD00UPC24L	CUTTER TCT(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)24X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3573	UD00UPC24S	CUTTER TCT(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)24X35MM	DRBIT	OTDBT	1.147.230	8%
3574	UD00UPC25L	CUTTER TCT(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)25X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3575	UD00UPC25S	CUTTER TCT(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)25X35MM	DRBIT	OTDBT	1.147.230	8%
3576	UD00UPC26L	CUTTER TCT(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)26X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3577	UD00UPC26S	CUTTER TCT(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)26X35MM	DRBIT	OTDBT	1.262.520	8%
3578	UD00UPC27L	CUTTER TCT(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)27X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3579	UD00UPC27S	CUTTER TCT(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)27X35MM	DRBIT	OTDBT	1.262.520	8%
3580	UD00UPC28L	CUTTER TCT(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)28X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3581	UD00UPC28S	CUTTER TCT(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)28X35MM	DRBIT	OTDBT	1.262.520	8%
3582	UD00UPC29L	CUTTER TCT(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)29X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3583	UD00UPC29S	CUTTER TCT(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)29X35MM	DRBIT	OTDBT	1.262.520	8%
3584	UD00UPC30L	CUTTER TCT(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)30X55MM	DRBIT	OTDBT	1.360.800	8%
3585	UD00UPC30S	CUTTER TCT(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)30X35MM	DRBIT	OTDBT	1.262.520	8%
3586	UD00UPC31L	CUTTER TCT(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)31X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3587	UD00UPC31S	CUTTER TCT(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)31X35MM	DRBIT	OTDBT	1.473.660	8%
3588	UD00UPC32L	CUTTER TCT(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)32X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3589	UD00UPC32S	CUTTER TCT(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)32X35MM	DRBIT	OTDBT	1.473.660	8%
3590	UD00UPC33L	CUTTER TCT(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)33X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3591	UD00UPC33S	CUTTER TCT(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)33X35MM	DRBIT	OTDBT	1.473.660	8%
3592	UD00UPC34L	CUTTER TCT(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)34X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3593	UD00UPC34S	CUTTER TCT(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)34X35MM	DRBIT	OTDBT	1.473.660	8%
3594	UD00UPC35L	CUTTER TCT(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(DÀI)35X55MM	DRBIT	OTDBT	1.644.840	8%
3595	UD00UPC35S	CUTTER TCT(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỬ TCT(NGẮN)35X35MM	DRBIT	OTDBT	1.473.660	8%
T	MŨI ĐÓT, KHUÔN ĐÓT						
3596	792265-5	PUNCH	MŨI ĐÓT	OTHER		851.040	8%
3597	792728-1	PUNCH	MŨI ĐÓT	OTHER		1.061.640	8%
3598	A-83951	PUNCH	MŨI ĐÓT JN1601	OTHER		1.001.160	8%
3599	SC05340040	PUNCH 6MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 6MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3600	SC05340050	PUNCH 6.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 6.5MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3601	SC05340060	PUNCH 8(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3602	SC05340070	PUNCH 8.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 8.5MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3603	SC05340080	PUNCH 10(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3604	SC05340090	PUNCH 11MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 11MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3605	SC05340100	PUNCH 12(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.562.840	8%
3606	SC05340110	PUNCH 13MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 13MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3607	SC05340120	PUNCH 14(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3608	SC05340130	PUNCH 15MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 15MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3609	SC05340140	PUNCH 16MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 16MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3610	SC05340150	PUNCH 18MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 18MM/DPP200	OTHER		2.931.390	8%
3611	SC05340160	PUNCH 20(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3612	SC05340170	PUNCH 19(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 19(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.741.040	8%
3613	SC05340200	OBLONG PUNCH 6.5X10/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 6.5X10/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3614	SC05340210	OBLONG PUNCH 6.5X13/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 6.5X13/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3615	SC05340220	OBLONG PUNCH 8.5X13(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		3.693.330	8%
3616	SC05340230	OBLONG PUNCH 8.5X17/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 8.5X17/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3617	SC05340240	OBLONG PUNCH 9X13.5/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 9X13.5/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3618	SC05340250	OBLONG PUNCH 9X18/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 9X18/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3619	SC05340260	OBLONG PUNCH 10X15(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		3.693.330	8%
3620	SC05340270	OBLONG PUNCH 10X20/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 10X20/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3621	SC05340280	OBLONG PUNCH 11X16.5/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 11X16.5/DPP200	OTHER		4.002.480	8%
3622	SC05340290	OBLONG PUNCH 12X18(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		3.693.330	8%
3623	SC05340300	OBLONG PUNCH 13X19.5/DPP200	MŨI ĐÓT BÀU DỤC 13X19.5/DPP200	OTHER		4.002.480	8%

3624	SC05340310	OBLONG PUNCH 14X21(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		3.693.330	8%
3625	SC00000264	OBLONG DIE B13X19.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B13X19.5/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3626	SC00000244	OBLONG DIE B6.5X10/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B6.5X10/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3627	SC00000246	OBLONG DIE B6.5X13/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B6.5X13/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3628	SC00000250	OBLONG DIE B8.5X17/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B8.5X17/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3629	SC00000252	OBLONG DIE B9X13.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B9X13.5/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3630	SC00000254	OBLONG DIE B9X18/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B9X18/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3631	SC00000202	DIE SA6(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA6/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3632	SC00000204	DIE SA6.5(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA6,5/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3633	SC00000206	DIE SA8(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA8/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3634	SC00000208	DIE SA8.5(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA8.5/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3635	SC00000210	DIE SA10(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA10/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3636	SC00000212	DIE SA11(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA11/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3637	SC00000214	DIE SA12(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA12/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3638	SC00000216	DIE SA13(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA13/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3639	SC00000218	DIE SA14(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA14/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3640	SC00000220	DIE SA15(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA15/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3641	SC00000222	DIE SA18(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA18/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3642	SC00000243	OBLONG DIE A6.5X10/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A6.5X10/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3643	SC00000245	OBLONG DIE A6.5X13/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A6.5X13/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3644	SC00000247	OBLONG DIE A8.5X13/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A8.5X13/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3645	SC00000249	OBLONG DIE A8.5X17/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A8.5X17/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3646	SC00000251	OBLONG DIE A9X13.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A9X13.5/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3647	SC00000253	OBLONG DIE A9X18/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A9X18/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3648	SC00000255	OBLONG DIE A10X15/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A10X15/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3649	SC00000257	OBLONG PUNCH A10X20/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A10X20/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3650	SC00000259	OBLONG DIE A11X16.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A11X16.5/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3651	SC00000261	OBLONG DIE A12X18/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A12X18/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3652	SC00000263	OBLONG DIE A13X19.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A13X19.5/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3653	SC00000265	OBLONG DIE A14X21/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A14X21/PP001G	OTHER		3.078.270	8%
3654	SC05340400	PUNCH 12MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 12MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3655	SC05340410	PUNCH 13MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 13MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3656	SC05340420	PUNCH 14MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 14MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3657	SC05340430	PUNCH 15MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 15MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3658	SC05340440	PUNCH 16MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 16MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3659	SC05340450	PUNCH 18MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 18MM/PP001G	OTHER		3.001.320	8%
3660	SC05340460	PUNCH 19MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 19MM/PP001G	OTHER		2.983.500	8%
3661	SC05340510	OBLONG DIE B20X12/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC B20X12/PP001G	OTHER		3.065.850	8%
3662	SC05340530	OBLONG DIE B20X14/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC B20X14/PP001G	OTHER		3.065.850	8%
3663	SC05340550	OBLONG DIE B15X21/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC B15X21/PP001G	OTHER		3.237.300	8%
3664	SC05352500	DIE SA20(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SA20/PP001G	OTHER		2.813.400	8%
3665	SC00000211	DIE SB-10(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3666	SC00000256	OBLONG DIE B10X15(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		2.562.840	8%
3667	SC00000215	DIE SB-12(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.562.840	8%
3668	SC00000262	OBLONG DIE B12X18(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		2.562.840	8%
3669	SC00000219	DIE SB-14(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3670	SC00000266	OBLONG DIE B14X21(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		2.562.840	8%
3671	SC05332740	DIE SB-19(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.741.040	8%
3672	SC05352510	DIE SB-20(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3673	SC00000207	DIE SB-8(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3674	SC00000248	OBLONG DIE B8.5X13(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	OTHER		2.716.740	8%
3675	SC00000258	OBLONG DIE B10X20/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B10X20/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3676	SC00000260	OBLONG DIE B11X16.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B11X16.5/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3677	ZM00000219	DIN K DIE K12/DTC302	KHUÔN ĐÓT K12/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3678	ZM00000220	DIN K DIE K14/DTC302	KHUÔN ĐÓT K14/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3679	ZM00000221	DIN K DIE K16/DTC302	KHUÔN ĐÓT K16/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3680	ZM00000222	DIN K DIE K18/DTC302	KHUÔN ĐÓT K18/DTC302	OTHER		7.726.860	8%
3681	ZM00000223	DIN K DIE K20/DTC302	KHUÔN ĐÓT K20/DTC302	OTHER		7.726.860	8%
3682	ZM00000224	DIN K DIE K22/DTC302	KHUÔN ĐÓT K22/DTC302	OTHER		7.726.860	8%
3683	ZM00000225	DIN K DIE K25/DTC302	KHUÔN ĐÓT K25/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3684	ZM00000226	DIN K DIE K28/DTC302	KHUÔN ĐÓT K28/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3685	ZM00000227	DIN K DIE K32/DTC302	KHUÔN ĐÓT K32/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3686	ZM00000228	DIN K DIE K34/DTC302	KHUÔN ĐÓT K34/DTC302	OTHER		8.713.440	8%
3687	SC00000213	DIE SB-11(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-11/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3688	SC00000217	DIE SB-13(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-13/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3689	SC00000221	DIE SB-15(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-15/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3690	SC05332710	DIE SB16(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB16/PP001G	OTHER		2.954.610	8%
3691	SC00000223	DIE SB-18(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-18/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3692	SC00000205	DIE SB-6.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-6.5/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3693	SC00000203	DIE SB-6(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-6/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
3694	SC00000209	DIE SB-8.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB-8.5/DPP200	OTHER		2.954.610	8%
U ĐINH - GHIM DẬP							
3695	F-31841	PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH 30MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		570.900	10%
3696	F-31854	PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH 35MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		650.375	10%
3697	F-31867	BRAD NAIL 15MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 15MM 5000CÁI/HỘP	OTHER		300.300	10%
3698	F-31883	BRAD NAIL 25MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 25MM 5000CÁI/HỘP	OTHER		436.425	10%
3699	F-31957	BRAD NAIL 50MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 50MM 5000CÁI/HỘP	OTHER		804.650	10%
3700	B-04307	BRAD NAIL 15(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 15MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		229.625	10%
3701	F-31902	18 GA BRAD NAIL 32MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 32MM(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		543.840	10%
3702	F-31931	18 GA BRAD NAIL 40MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 40MM(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		657.250	10%
3703	F-31825	PIN NAIL 18MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18MM(MM) (ĐINH/HỘP)	OTHER		407.000	10%
3704	B-04313	BRAD NAIL 20(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 20MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		280.500	10%
3705	B-04329	BRAD NAIL 25(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		352.825	10%
3706	F-31838	PIN NAIL 25MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM(10.000 ĐINH/HỘP)	OTHER		510.510	10%
3707	B-04335	BRAD NAIL 30(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 30MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		400.950	10%
3708	B-04357	BRAD NAIL 35(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 35MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		436.975	10%
3709	B-04379	BRAD NAIL 40(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 40MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		486.475	10%

3710	B-04385	BRAD NAIL 45(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		504.350	10%
3711	F-01729	BRAD NAIL 50(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (2021 ĐINH/HỘP)	OTHER		1.127.390	10%
3712	B-04391	BRAD NAIL 50(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (5000 ĐINH/HỘP)	OTHER		588.500	10%
3713	F-32142	STAINLESS PIN NAIL 18MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GI 18MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		941.325	10%
3714	F-32155	STAINLESS PIN NAIL 25MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GI 25MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		1.238.600	10%
3715	F-32168	STAINLESS PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GI 30MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		1.384.350	10%
3716	F-32171	STAINLESS PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GI 35MM 10000CÁI/HỘP	OTHER		1.601.875	10%
3717	F-33218	YELLOW ZINC 4.2X50 SQ2 (800PCS/SET)	ĐINH MÀ KẼM VÀNG 4.2X50 SQ2 (800CÁI/HỘP)	OTHER		648.725	10%
3718	B-04466	STAPLE 10X10 5000PCS	ĐINH U 10X10 5000PCS	OTHER		261.360	10%
3719	B-04472	STAPLE 10X13 5000PCS	ĐINH U 10X13 5000PCS	OTHER		311.025	10%
3720	B-04488	STAPLE 10X16 5000PCS	ĐINH U 10X16 5000PCS	OTHER		341.000	10%
3721	B-04494	STAPLE 10X19 5000PCS	ĐINH U 10X19 5000PCS	OTHER		377.025	10%
3722	B-04503	STAPLE 10X22 5000PCS	ĐINH U 10X22 5000PCS	OTHER		400.950	10%
3723	B-04519	STAPLE 10X25 5000PCS	ĐINH U 10X25 5000PCS	OTHER		436.975	10%
3724	B-04450	STAPLE 4X25 5000PCS	ĐINH U 4X25 5000PCS	OTHER		413.050	10%
3725	B-04400	STAPLE 10(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 10(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		225.500	10%
3726	B-04416	STAPLE 13(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 13(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		261.360	10%
3727	B-04422	STAPLE 16(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 16(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		297.550	10%
3728	B-04438	STAPLE 19(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 19(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		341.000	10%
3729	B-04444	STAPLE 22(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 22(5000 GHIM/HỘP)	OTHER		370.975	10%
V	ĐẦU KHOAN, MẶT BÍCH						
3730	192887-5	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	OTHER		371.520	8%
3731	192970-8	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	OTHER		346.410	8%
3732	194041-7	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	OTHER		328.860	8%
3733	194079-2	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	BL18		1.906.740	8%
3734	766016-2	DRILL CHUCK S13/DUT131	ĐẦU KHOAN 13/DUT131	OTHER		199.800	8%
3735	763077-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	OTHER		161.460	8%
3736	192173-4	DRILL CHUCK & KEY SET 44/NZ	ĐẦU KHOAN CỎ KHÓA 44/NZ	OTHER		1.018.980	8%
3737	193067-6	DRILL CHUCK & KEY SET/DP4010	ĐẦU KHOAN CỎ KHÓA/DP4010	OTHER		781.380	8%
3738	122574-2	DRILL CHUCK ASSY	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	OTHER		1.503.090	8%
3739	763181-8	KEYLESS DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	OTHER		221.400	8%
3740	194254-0	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	OTHER		1.118.880	8%
3741	196564-1	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	OTHER		429.030	8%
3742	763242-4	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	OTHER		215.460	8%
3743	763243-2	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	OTHER		222.480	8%
3744	763238-5	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF332D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10/DF332D	OTHER		188.730	8%
3745	763182-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	OTHER		346.410	8%
3746	763260-2	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	OTHER		376.110	8%
3747	763262-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	OTHER		429.030	8%
3748	763261-0	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP489	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DHP489	CHUCK		572.400	8%
3749	763267-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DP4021	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DP4021	OTHER		399.600	8%
3750	766019-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/M8103B	OTHER		454.140	8%
3751	192121-3	KEYLESS DRILL CHUCK 44/NZ	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 44/NZ	OTHER		971.460	8%
3752	196308-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DA331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA331D	OTHER		335.070	8%
3753	191A86-2	KEYLESS DRILL CHUCK/DA333D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA333D	OTHER		209.520	8%
3754	196309-7	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF343	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF343	OTHER		328.860	8%
3755	196306-3	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF453	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF453	OTHER		376.110	8%
3756	763241-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DDF483	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF483	OTHER		432.000	8%
3757	766012-0	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF0300	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF0300	OTHER		225.450	8%
3758	763252-1	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP481	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP481	OTHER		620.730	8%
3759	199154-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DHP485	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP485	OTHER		414.450	8%
3760	191A87-0	KEYLESS DRILL CHUCK/HP331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HP331D	OTHER		238.950	8%
3761	196193-0	KEYLESS DRILL CHUCK/M8101B	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/M8101B	OTHER		460.080	8%
3762	763174-5	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	OTHER		1.204.740	8%
3763	763244-0	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	OTHER		101.790	8%
3764	766014-6	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	OTHER		90.180	8%
3765	763245-8	DRILL CHUCK S10/DA332D	ĐẦU KHOAN S10/DA332D	OTHER		726.840	8%
3766	766026-9	KEYLESS DRILL CHUCK 10/MT607	ĐẦU KHOAN S10/MT607	OTHER		125.388	8%
3767	766022-7	DRILL CHUCK S10/MT80A	ĐẦU KHOAN S10/MT80A	OTHER		96.120	8%
3768	198051-6	DRILL CHUCK 13 SET	ĐẦU KHOAN S13	OTHER		119.610	8%
3769	192877-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	OTHER		1.168.020	8%
3770	763114-3	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	OTHER		364.230	8%
3771	763142-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	OTHER		466.290	8%
3772	763232-7	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	OTHER		107.730	8%
3773	763115-1	DRILL CHUCK S13/6307	ĐẦU KHOAN S13/6307	OTHER		305.370	8%
3774	763250-5	DRILL CHUCK S-13/DDA460	ĐẦU KHOAN S-13/DDA460	OTHER		846.720	8%
3775	763266-0	DRILL CHUCK S13/DP4020/DP4021	ĐẦU KHOAN S13/DP4020/DP4021	OTHER		107.730	8%
3776	193822-6	DRILL CHUCK S13/HP2070	ĐẦU KHOAN S13/HP2070	OTHER		787.590	8%
3777	763066-8	DRILL CHUCK S16/DSS5000	ĐẦU KHOAN S16/DSS5000	OTHER		1.246.050	8%
3778	766021-9	DRILL CHUCK S6.5	ĐẦU KHOAN S6.5	OTHER		107.730	8%
3779	196008-1	DRILL CHUCK/DUT131	ĐẦU KHOAN/DUT131	OTHER		417.150	8%
3780	195430-9	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	OTHER		317.250	8%
3781	224610-1	LOCK NUT 10-29/M0910B	MẶT BÍCH 10-29/M0910B	FLAN		25.630	10%
3782	224406-0	INNER FLANGE 35/CA5000X	MẶT BÍCH 35/CA5000X	FLAN		140.800	10%
3783	JM23100124	BLADE FLANGE/LS1018L	MẶT BÍCH LƯỚI CÁT/LS1018L	FLAN		103.675	10%
3784	224515-5	SANDING LOCK NUT M14-48	MẶT BÍCH NGOÀI M14-48	FLAN		133.760	10%
3785	224208-4	OUTER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH NGOÀI 140/2416S	FLAN		522.500	10%
3786	224584-6	LOCK NUT 14-45/M0920B	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45/M0920B	FLAN		49.720	10%
3787	224177-9	OUTER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH NGOÀI 28/CC300D	FLAN		18.425	10%
3788	224479-3	OUTER FLANGE 35/CA5000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/CA5000	FLAN		510.510	10%
3789	224405-2	OUTER FLANGE 35/SP6000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/SP6000	FLAN		137.500	10%
3790	224600-4	OUTER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH NGOÀI 38/DHS900	FLAN		35.420	10%
3791	224444-2	INNER FLANGE 40	MẶT BÍCH NGOÀI 40	FLAN		63.800	10%
3792	224366-6	OUTER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH NGOÀI 40/4131	FLAN		67.650	10%
3793	224275-9	OUTER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH NGOÀI 40/LS002G	FLAN		55.660	10%
3794	224604-6	OUTER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH NGOÀI 46/DCE090	FLAN		80.850	10%
3795	224019-7	OUTER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI 50/GS5000	FLAN		255.310	10%

3796	224286-4	OUTER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH NGOÀI 55/4107R	FLAN		121.825	10%
3797	224053-7	OUTER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH NGOÀI 65/5103N	FLAN		153.175	10%
3798	224526-0	LOCK NUT 12-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	FLAN		97.900	10%
3799	224501-6	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	FLAN		66.660	10%
3800	224502-4	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	FLAN		67.650	10%
3801	224347-0	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	FLAN		44.000	10%
3802	224482-4	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	FLAN		55.660	10%
3803	224081-2	OUTER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NB	FLAN		25.630	10%
3804	224423-0	INNER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NH2	FLAN		46.750	10%
3805	224329-2	OUTER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH NGOÀI/5806B	FLAN		43.725	10%
3806	224554-5	LOCK NUT 14-45/9015B	MẶT BÍCH NGOÀI/9015B	FLAN		67.650	10%
3807	224543-0	LOCK NUT 14-45/9067	MẶT BÍCH NGOÀI/9067	FLAN		97.900	10%
3808	224523-6	SANDING LOCK NUT 16-48/9207SPB	MẶT BÍCH NGOÀI/9207SPB	FLAN		151.800	10%
3809	224578-1	LOCK NUT 10-30/9500N	MẶT BÍCH NGOÀI/9500N	FLAN		79.750	10%
3810	224404-4	OUTER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH NGOÀI/DCS550	FLAN		76.725	10%
3811	224409-4	OUTER FLANGE 35/DHS680	MẶT BÍCH NGOÀI/DHS680	FLAN		31.680	10%
3812	224445-0	OUTER FLANGE 40/DLM431	MẶT BÍCH NGOÀI/DLM431	FLAN		79.750	10%
3813	122864-3	TOOLLESS LOCK NUT ASSEMBLY M14/GA037G	MẶT BÍCH NGOÀI/GA037G	FLAN		1.254.000	10%
3814	AL00000004	OUTER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH NGOÀI/GB602	FLAN		25.630	10%
3815	AL000000062	OUTER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH NGOÀI/GB801	FLAN		41.140	10%
3816	224457-3	INNER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI/GS5000	FLAN		407.000	10%
3817	224325-0	OUTER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH NGOÀI/HS0600	FLAN		171.325	10%
3818	224379-7	OUTER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH NGOÀI/LC1230	FLAN		341.000	10%
3819	JM23500038	BLADE FLANGE/LS0815FL	MẶT BÍCH NGOÀI/LS0815FL	FLAN		115.775	10%
3820	224428-0	INNER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍCH NGOÀI/LS1016	FLAN		67.650	10%
3821	JM27000179	OUTER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH NGOÀI/MLT100	FLAN		43.725	10%
3822	224387-8	OUTER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH NGOÀI/MT583	FLAN		49.720	10%
3823	224301-4	OUTER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH NGOÀI/N5900B	FLAN		55.660	10%
3824	224505-8	LOCK NUT 10-40/PJ7000	MẶT BÍCH NGOÀI/PJ7000	FLAN		61.710	10%
3825	224577-3	LOCK NUT 14-45/SG1251	MẶT BÍCH NGOÀI/SG1251	FLAN		183.425	10%
3826	224455-7	OUTER FLANGE 22/TM30D	MẶT BÍCH NGOÀI/TM30D	FLAN		31.680	10%
3827	224184-2	INNER FLANGE 100/4112HS	MẶT BÍCH TRONG 100/4112HS	FLAN		310.200	10%
3828	224209-2	INNER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH TRONG 140/2416S	FLAN		540.540	10%
3829	224490-5	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 14-45	FLAN		43.725	10%
3830	224435-3	INNER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH TRONG 28/CC300D	FLAN		37.675	10%
3831	224492-1	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	FLAN		31.680	10%
3832	224270-9	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	FLAN		70.620	10%
3833	224491-3	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	FLAN		43.725	10%
3834	224609-6	INNER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH TRONG 38/DHS900	FLAN		103.400	10%
3835	224370-5	INNER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH TRONG 40/4131	FLAN		49.720	10%
3836	224614-3	INNER FLANGE 40/LS002G	MẶT BÍCH TRONG 40/LS002G	FLAN		49.720	10%
3837	224415-9	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 42	FLAN		54.175	10%
3838	224447-6	INNER FLANGE 42	MẶT BÍCH TRONG 42	FLAN		92.125	10%
3839	224605-4	INNER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH TRONG 46/DCE090	FLAN		75.075	10%
3840	224401-0	INNER FLANGE 53	MẶT BÍCH TRONG 53	FLAN		85.800	10%
3841	224200-0	INNER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH TRONG 55/4107R	FLAN		195.250	10%
3842	224181-8	INNER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH TRONG 65/5103N	FLAN		158.675	10%
3843	224257-1	INNER FLANGE 78	MẶT BÍCH TRONG/	FLAN		186.030	8%
3844	224080-4	INNER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH TRONG/4100NB	FLAN		25.630	10%
3845	224424-8	OUTER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH TRONG/4100NH2	FLAN		46.750	10%
3846	224180-0	INNER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH TRONG/5806B	FLAN		61.710	10%
3847	224391-7	INNER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH TRONG/DCS550	FLAN		31.680	10%
3848	224593-5	INNER FLANGE 35/DHS660	MẶT BÍCH TRONG/DHS660	FLAN		43.725	10%
3849	224443-4	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	FLAN		153.175	10%
3850	224478-5	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	FLAN		328.625	10%
3851	AL00000005	INNER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH TRONG/GB602	FLAN		19.690	10%
3852	AL000000063	INNER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH TRONG/GB801	FLAN		41.140	10%
3853	224494-7	INNER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH TRONG/HS0600	FLAN		55.660	10%
3854	224308-0	INNER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH TRONG/LC1230	FLAN		383.075	10%
3855	224333-1	FLANGE 53/LH1040	MẶT BÍCH TRONG/LH1040	FLAN		70.620	10%
3856	224429-8	OUTER FLANGE 46/LS1016	MẶT BÍCH TRONG/LS1016	FLAN		82.775	10%
3857	JM27000171	INNER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH TRONG/MLT100	FLAN		43.725	10%
3858	224299-5	FLANGE 90/MT243	MẶT BÍCH TRONG/MT243	FLAN		67.650	10%
3859	224386-0	INNER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH TRONG/MT583	FLAN		37.675	10%
3860	224303-0	INNER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH TRONG/N5900B	FLAN		73.700	10%
3861	224280-6	INNER FLANGE 40/PJ7000	MẶT BÍCH TRONG/PJ7000	FLAN		88.000	10%
3862	319371-7	PRESSURE DISC 20.0/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	FLAN		187.000	10%
3863	319372-5	PRESSURE DISC 25.4/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	FLAN		232.375	10%
3864	JM23000065	FLANGE/MT230	MẶT BÍCH/MT230	FLAN		73.700	10%
3865	224431-1	INNER FLANGE 53/LS1216	ÓP LỬỚI SAU/LS1216	FLAN		73.700	10%
3866	224432-9	OUTER FLANGE 53/LS1216	ÓP LỬỚI TRƯỚC/LS1216	FLAN		67.650	10%
W	PHỤ KIỆN DÀNH CHO MÁY HÚT BỤI						
3867	P-70421	ADAPTER 35-38/VC2000L	KHỚP NỐI 35-38/VC2000L	CLEAN		567.540	8%
3868	191X62-4	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE 32MM	ỐNG NỐI HÚT BỤI NHÔM 32MM	CLEAN		965.525	10%
3869	199844-4	ALUMINIUM JOINT PIPE (L=465MM)	ỐNG NỐI HÚT BỤI BẰNG NHÔM (L=465MM)	CLEAN		219.450	10%
3870	199843-6	ALUMINIUM STRAIGHT PIPE 32	ỐNG HÚT BỤI 32 BẰNG NHÔM	CLEAN		243.775	10%
3871	199633-7	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE 28MM	ỐNG NHÔM THẰNG 28MM	CLEAN		720.775	10%
3872	140G19-0	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY/DVC261	ỐNG NỐI HÚT BỤI(NHÔM)/DVC261	CLEAN		558.470	10%
3873	141873-3	BELT HOOK COMPLETE/VC3211M	ĐÁY ĐEO CỎ MỐC GIỮ/VC3211M	CLEAN		48.816	8%
3874	192562-3	BENDING PIPE	ỐNG UỖN CONG	CLEAN		443.025	10%
3875	127093-3	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOCK 28MM	ỐNG NỐI HÚT BỤI CONG CỎ KHÓA 28MM	CLEAN		315.900	8%
3876	191B15-1	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOCK SET	ỐNG NỐI HÚT BỤI CỎ KHÓA	CLEAN		843.975	10%
3877	458184-2	BENDING PIPE ASSEMBLY WITHOUT SLEEVE 38/32MM	KHỚP NỐI HÚT BỤI CONG 38/32MM	CLEAN		153.090	8%
3878	126756-8	BENT PIPE ASSEMBLY/DVC260	ỐNG HÚT BỤI/DVC260	CLEAN		215.460	8%
3879	140G26-3	BENT PIPE COMPLETE WITH PIPE LOCK	ỐNG CONG LOẠI CỎ KHÓA	CLEAN		274.320	8%
3880	140J64-3	BLOWER NOZZLE COMPLETE	ĐẦU THỔI KHE MỀM XANH	CLEAN		238.950	8%
3881	SH00000064	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐÁY TRỤC LÀN	CLEAN		799.200	8%

3882	SH00000314	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐÁY TRỤC LÀN	CLEAN		1.001.160	8%
3883	1915P6-2	BRUSH COMPLETE SET/CL004G	CHỔI QUÉT BỤI/CL004G	CLEAN		1.356.210	8%
3884	1910T8-6	BRUSH COMPLETE/DVCS60	CHỔI QUÉT CHO MÁY HÚT BỤI/DVCS60	CLEAN		1.526.310	8%
3885	191D69-0	BRUSH COMPLETE/DVCS60	BÀN CHẢI/DVCS60	CLEAN		1.080.000	8%
3886	191M30-1	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DANG CHỔI	CLEAN		328.860	8%
3887	A-71205	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DANG CHỔI	CLEAN		313.200	8%
3888	422A02-6	CAP/VC011G	NÁP ĐÁY/VC011G	CLEAN		78.300	8%
3889	195439-1	CLEANING SET	BỘ LÀM SẠCH	CLEAN		2.764.530	8%
3890	140248-3	CLOTH FILTER COMPLETE	TÚI ĐUNG PHAO	CLEAN		315.900	8%
3891	191V71-1	CLOTH FILTER SET FOR VC005G	BỘ LỌC VẢI DÙNG CHO VC005G	CLEAN		615.330	8%
3892	191G88-4	CLOTH FILTER SET/DVCI56	TÚI LỌC BỤI/DVCI56	CLEAN		415.800	8%
3893	410306-2	CORNER NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	CLEAN		66.420	8%
3894	198989-5	CORNER NOZZLE 300-28(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU XANH)	CLEAN		94.770	8%
3895	198918-8	CORNER NOZZLE 300-28(WHITE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	CLEAN		94.770	8%
3896	198992-6	CORNER NOZZLE 330(BLACK)	ĐẦU HÚT KHE 300 (MÀU ĐEN)	CLEAN		101.520	8%
3897	198990-0	CORNER NOZZLE 330(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 330 (MÀU XANH)	CLEAN		97.200	8%
3898	W000029541	CREVICE NOZZLE/VC2000L	ĐẦU HÚT KHE HEP/VC2000L	CLEAN		101.790	8%
3899	SH00000027	CUP FILTER ASSY/DCL500	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL500	CLEAN		816.480	8%
3900	SH00000286	CUP FILTER ASSY/DCL501	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL501	CLEAN		989.280	8%
3901	191D75-5	CYCLONE ATTACHMENT SET(BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU ĐEN	CLEAN		858.060	8%
3902	199491-1	CYCLONE ATTACHMENT SET(WHITE)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU TRẮNG	CLEAN		858.060	8%
3903	191D73-9	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KHÓA/MÀU ĐEN)	CLEAN		858.060	8%
3904	191D71-3	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/WHITE)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CÓ KHÓA/MÀU TRẮNG)	CLEAN		858.060	8%
3905	1910D5-0	CYCLONE UNIT SET BLACK/DCL180/280/281 · CL001/003	BỘ PHẦN LY TÂM (MÀU ĐEN)/DCL180/280/281 · CL001/003	CLEAN		1.430.730	8%
3906	1910D4-2	CYCLONE UNIT SET BLUE/DCL180/280/281 · CL001/003	BỘ PHẦN LY TÂM (MÀU XANH)/DCL180/280/281 · CL001/003	CLEAN		1.334.880	8%
3907	1910D3-4	CYCLONE UNIT SET WHITE/DCL180/280/281 · CL001/003	BỘ PHẦN LY TÂM (MÀU TRẮNG)/DCL180/280/281 · CL001/003	CLEAN		1.430.730	8%
3908	195552-5	DAMPER SET	BỘ GIẢM SỐC	CLEAN		236.520	8%
3909	191V68-0	DAMPER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ GIẢM RUNG DÙNG CHO VC002G/VC004G	CLEAN		233.010	8%
3910	1911B4-4	DAMPER SET/VC006G	BỘ GIẢM RUNG/VC006G	CLEAN		101.790	8%
3911	196254-6	DAMPER SET/VC3211M	BỘ GIẢM RUNG/VC3211M	CLEAN		125.388	8%
3912	422449-8	DAMPER/DVC750L	GIẢM SỐC/DVC750L	CLEAN		78.300	8%
3913	P-70297	DISPOSAL BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỨA BỤI NHỰA(5CÁI)/VC2000L	CLEAN		1.017.900	8%
3914	SH00000059	DRIVE PIPE ASSY/DCL500	ỐNG HÚT BỤI/DCL500	CLEAN		420.390	8%
3915	199895-7	DUST ATTACHMENT SET/MT980	PHỤ KIỆN HÚT BỤI/MT980	CLEAN		715.500	8%
3916	198747-9	DUST BAG	TÚI BỤI VẢI	CLEAN		96.120	8%
3917	191C21-2	DUST BAG ASSEMBLY SET/DKP181	TÚI CHỨA BỤI/DKP181	CLEAN		726.840	8%
3918	197899-3	DUST BAG ASSEMBLY/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI VẢI/DVC261/265	CLEAN		566.460	8%
3919	191C30-1	DUST BAG ASSEMBLY/DVC660/DVC665	TÚI CHỨA BỤI VẢI/DVC660,DVC665	CLEAN		340.740	8%
3920	IM23010003	DUST BAG ASSEMBLY/M2300B	TÚI CHỨA BỤI/M2300B	CLEAN		78.300	8%
3921	126688-9	DUST BAG ASSEMBLY/M4001B	TÚI CHỨA BỤI BĂNG VẢI/M4001B	CLEAN		137.160	8%
3922	123328-0	DUST BAG ASSY/M9400B	TÚI CHỨA BỤI/M9400B	CLEAN		125.388	8%
3923	143627-4	DUST BAG COMPLETE/M9203B	TÚI CHỨA BỤI/M9203B	CLEAN		72.360	8%
3924	191Y86-6	DUST BAG SET/DVCS60	TÚI BỤI VẢI/DVCS60	CLEAN		274.320	8%
3925	126599-8	DUST BAG/DSP600	TÚI CHỨA BỤI/DSP600	CLEAN		262.548	8%
3926	191Y84-0	DUST BAG/VC012G	TÚI BỤI/VC012G	CLEAN		434.970	8%
3927	136258-6	DUST CASE ASSY/HR2651/HR2650	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651/HR2650	CLEAN		2.193.480	8%
3928	136257-8	DUST CASE ASSY/HR2651T	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651T	CLEAN		2.317.140	8%
3929	191F49-8	DUST CASE SET/DX10	BỘ THỤ BỤI/DX10	CLEAN		1.407.240	8%
3930	192202-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	CLEAN		57.024	8%
3931	199294-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 100MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 100MM	CLEAN		1.477.440	8%
3932	196846-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 125MM	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM	CLEAN		2.240.460	8%
3933	198414-6	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100CD SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI			370.975	10%
3934	198415-4	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125C SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI			1.668.600	8%
3935	198416-2	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125CD SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI			1.668.600	8%
3936	193449-2	DUST COLLECTION COVER/DCO181	NÁP TÚI BỤI/DCO181	CLEAN		271.512	8%
3937	A-62066	DUST COLLECTION PAD 38	MIẾNG ĐEM THỤ BỤI 38	CLEAN		1.857.600	8%
3938	1914X3-8	DUST COLLECTION PADS FOR ROTARY HAMMER	PHỤ KIỆN HÚT BỤI CHO MÁY KHOAN BÊ TÔNG	CLEAN		1.314.900	8%
3939	IM21080293	DUST COLLECTOR PORT A/LB1200F	ỐNG HÚT BỤI A/LB1200F	CLEAN		25.164	8%
3940	191T15-9	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI	CLEAN		238.950	8%
3941	191N60-8	DUST COVER COMPLETE/DBS180	BỘ NÁP CHẮN BỤI/DBS180	CLEAN		738.720	8%
3942	191N83-6	DUST COVER SET/DCC500	BỘ HÚT BỤI/DCC500	CLEAN		560.520	8%
3943	195179-1	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	CLEAN		233.010	8%
3944	198362-9	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	CLEAN		297.810	8%
3945	192176-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	CLEAN		1.382.940	8%
3946	193472-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	CLEAN		1.240.380	8%
3947	196568-3	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	CLEAN		426.060	8%
3948	199016-1	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DHR400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI DET/DHR400	CLEAN		395.280	8%
3949	199018-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DHR400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI TRÒN/DHR400	CLEAN		1.173.690	8%
3950	199013-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DRH400	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI KHOAN/DRH400	CLEAN		2.240.460	8%
3951	194733-8	DUST NOZZLE	ỐNG NỔI HÚT BỤI	CLEAN		84.240	8%
3952	195559-1	DUST NOZZLE	ỐNG HÚT BỤI	CLEAN		78.300	8%
3953	126331-0	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV181, DJV182	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV181, DJV182	CLEAN		68.148	8%
3954	122652-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI	CLEAN		60.588	8%
3955	126751-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG HÚT BỤI	CLEAN		551.340	8%
3956	196961-1	DUST NOZZLE SET/DHS680	BỘ KHỚP NỔI/DHS680	CLEAN		36.990	8%
3957	192035-6	DUST NOZZLE/3612BR	VÒNG HÚT BỤI/3612BR	CLEAN		433.890	8%
3958	459234-6	DUST NOZZLE/DLS800	ỐNG THỤ BỤI/DLS800	CLEAN		123.768	8%
3959	A-49541	DUST PAPER FILTER 7L	TÚI GIẤY LỌC BỤI 7L	CLEAN		382.590	8%
3960	IM27000090	DUST POINT/MLT100	ĐẦU NỔI HÚT BỤI/MLT100	CLEAN		31.104	8%
3961	191F95-1	DX10 DUST CORRECTION SYSTEM /HR3011FCWJ	DX10 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR3011FCWJ	CLEAN		3.289.410	8%
3962	191X39-9	DX15 DUST COLLECTION SYSTEM /HR007G	DX15 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR007G	HOLSW		2.842.020	8%
3963	198749-5	EASY SHAKE OFF DUST BAG	TÚI BỤI VẢI CAO CẤP	CLEAN		174.150	8%
3964	191C20-4	ELBOW SET/DKP181	ỐNG NỔI HÚT BỤI/DKP181	CLEAN		158.760	8%
3965	199431-9	F/C SWITCHING T-NOZZLE 28 BLU	ĐẦU HÚT T 28 CHUYÊN ĐỔI SẮN/THAMMÀU XANH	CLEAN		712.800	8%
3966	1912F9-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 32	ĐẦU HÚT T CÓ KHÓA 32	CLEAN		1.037.880	8%
3967	198533-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 38MM	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THÂM CÓ CÔNG TÁC38MM	CLEAN		772.200	8%
3968	195557-5	FILTER	LOC BỤI	CLEAN		495.180	8%

3969	195558-3	FILTER	LOC BUI	CLEAN		615.330	8%
3970	443060-3	FILTER	LOC GIÓ	CLEAN		25.164	8%
3971	198915-4	FILTER 10PCS PKG	BỘ LỌC (10 CÁI/BỘ)	CLEAN		197.640	8%
3972	191D63-2	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI LỌC BUI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	CLEAN		405.000	8%
3973	191T96-3	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI BUI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	CLEAN		477.630	8%
3974	191C26-2	FILTER BAG SET 10 PCS/DVC665	TÚI LỌC BUI GIẤY 10 CÁI/DVC665	CLEAN		454.140	8%
3975	1912R3-4	FILTER BAG SET 10L/VC001GL	TÚI LỌC BUI/VC001GL	CLEAN		376.110	8%
3976	1910Y4-9	FILTER BAG SET 35L/VC006GM	TÚI LỌC BUI BĂNG VẢI ĐÉT 35L/VC006GM/VC007GL	CLEAN		757.890	8%
3977	197903-8	FILTER BAG SET/DVC261/265	TÚI CHỨA BUI GIẤY/DVC261/265	CLEAN		423.090	8%
3978	1915T3-6	FILTER BAG SET/VC013G	TÚI LỌC BUI VẢI/VC013G	CLEAN		595.620	8%
3979	P-72899	FILTER BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỨA BUI GIẤY(SCÁI)/VC2000L	CLEAN		753.840	8%
3980	162518-0	FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC BUI/DVC750L	CLEAN		405.540	8%
3981	P-70219	FILTER ELEMENT/VC2000L	BỘ LỌC VC2000L	CLEAN		860.760	8%
3982	195555-9	FILTER FOR WATER SET	BỘ LỌC BUI LƯỚI	CLEAN		916.380	8%
3983	195556-7	FILTER FOR WATER SET/VC2510L	BỘ LỌC BUI LƯỚI/VC2510L	CLEAN		1.018.980	8%
3984	195611-5	FILTER FOR WATER SET/VC3210L	BỘ LỌC BUI LƯỚI/VC3210L	CLEAN		949.860	8%
3985	1910C9-5	FILTER H SET/CL003G	BỘ LỌC H/CL003G	CLEAN		405.540	8%
3986	195134-3	FILTER SET 5PCS	BỘ LỌC 5PCS	CLEAN		274.320	8%
3987	SH00000213	FILTER UNIT'S ASSY/DRC200	LOC BUI/DRC200	CLEAN		1.858.950	8%
3988	191496-7	FLEXIBLE HOSE	ỐNG HÚT BUI ĐEOC 104D	CLEAN		250.344	8%
3989	191M34-3	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	CLEAN		381.780	8%
3990	A-71227	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	CLEAN		302.400	8%
3991	191E30-3	FLEXIBLE HOSE WITH PIPE LOCK	ỐNG MỀM CÓ KHÓA	CLEAN		381.780	8%
3992	198547-7	FLEXIBLE HOSE(BLACK)	ỐNG MỀM (MÀU ĐEN)	CLEAN		268.380	8%
3993	198545-1	FLEXIBLE HOSE(BLUE)	ỐNG MỀM (MÀU XANH)	CLEAN		250.344	8%
3994	198544-3	FLEXIBLE HOSE(IVORY)	ỐNG MỀM (MÀU NGÀ)	CLEAN		221.400	8%
3995	198868-7	FLEXIBLE HOSE(WHITE)	ỐNG MỀM (MÀU TRẮNG)	CLEAN		268.380	8%
3996	W107402706	FLOOR NOZZLE 36X260MM/VC2000L	ĐẦU HÚT BUI CHO SÀN 36X260MM/VC2000L	CLEAN		364.230	8%
3997	SH00000058	FLOOR NOZZLE ASSY/DCL501	ĐẦU HÚT BUI/DCL501	CLEAN		738.720	8%
3998	198529-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLACK)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THÂM (MÀU ĐEN)	CLEAN		404.730	8%
3999	198527-3	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLUE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THÂM (MÀU XANH)	CLEAN		400.680	8%
4000	198149-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(IVORY)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THÂM (MÀU NGÀ)	CLEAN		388.800	8%
4001	198528-1	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(WHITE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THÂM (MÀU TRẮNG)	CLEAN		404.730	8%
4002	195547-8	FRONT CUFF 22 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 22	CLEAN		54.648	8%
4003	195546-0	FRONT CUFF 24 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 24	CLEAN		78.300	8%
4004	195545-2	FRONT CUFF 38 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 38	CLEAN		156.330	8%
4005	1912B1-6	GRIP ASSEMBLY SET/DVC560	TAY CÀM CHO MÁY HÚT BUI/DVC560	CLEAN		2.055.780	8%
4006	W107413340	HAND TUBE WITH REGULATION/VC2000L	ỐNG MỀM CÀM TAY/VC2000L	CLEAN		501.228	8%
4007	123636-9	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	CLEAN		168.480	8%
4008	127725-2	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	CLEAN		174.150	8%
4009	162635-6	HEPA FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC HEPA/DVC750L	CLEAN		250.668	8%
4010	199989-8	HEPA FILTER SET/DCL280F	MÀNG LỌC BUI HEPA/DCL280F	CLEAN		158.760	8%
4011	191P31-7	HEPA FILTER/DRC300	BỘ LỌC HEPA/DRC300	CLEAN		280.152	8%
4012	196252-0	HEPA POWDER FILTER SET/VC3211M	BỘ LỌC BUI HEPA/VC3211M	CLEAN		434.970	8%
4013	1913F7-8	HIGH CAPACITY DUST BAG/VS001G	TÚI BUI VẢI DUNG LƯỢNG LỚN/VS001G	CLEAN		4.425.840	8%
4014	1910C7-9	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/CL003G	BỘ LỌC HIỆU SUẤT CAO/CL003G	CLEAN		322.920	8%
4015	1915P0-4	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/CL004G	BỘ LỌC CAO CẤP/CL004G	CLEAN		324.270	8%
4016	1910M4-5	HIGH PERFORMANCE DUST BAG SET/CL002G	TÚI CHỨA BUI HIỆU SUẤT CAO/CL002G	CLEAN		197.640	8%
4017	198752-6	HIGH PERFORMANCE FILTER	BỘ LỌC CAO CẤP	CLEAN		167.400	8%
4018	199966-0	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/DCL280F	TÚI LỌC BUI CAO CẤP/DCL280F	CLEAN		174.150	8%
4019	195544-4	HOLDER 10-33 SET	BỘ BÈ ĐỖ 10-33	CLEAN		25.164	8%
4020	195637-7	HOLDER CUFF SETFRONT CUFF 22 FRONT CUFF 24,HO	BỘ ĐẦU GIỮ KHỚP NỔI, VÒNG BÍT TRƯỚC 22,VÒNG B	CLEAN		143.100	8%
4021	458101-2	HOLDER JOINT	PHỤ KIỆN KẾT NỐI ỐNG HÚT BUI	CLEAN		72.360	8%
4022	199971-7	HOLDER SET/DCL280F	GIÁ ĐỖ/DCL280F	CLEAN		156.330	8%
4023	152992-0	HOSE 28-1.5	ỐNG MỀM 28-1.5	CLEAN		875.610	8%
4024	144408-9	HOSE 28-1.5 WITHOUT CUFFS	ỐNG MỀM 28-1.5 KHÔNG KHÓA	CLEAN		720.900	8%
4025	143787-2	HOSE 28-1M	ỐNG MỀM 28-1M	CLEAN		752.220	8%
4026	195437-5	HOSE 28-2.5	ỐNG MỀM 28-2.5	CLEAN		1.359.450	8%
4027	195436-7	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/24/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC 22/24/38	CLEAN		2.002.320	8%
4028	A-34229	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC 22/38	CLEAN		1.858.950	8%
4029	192278-0	HOSE 28MM 1.5M/DBS180	ỐNG NHỰA 28MM 1.5M/DBS180	CLEAN		1.058.400	8%
4030	192279-8	HOSE 28MM 3.0M/DBS180	ỐNG NHỰA MỀM 28MM 3.0M/DBS180	CLEAN		1.598.400	8%
4031	199453-9	HOSE 32MM WITH FRONT SLEEVE 1.0M	ỐNG HÚT BUI 32MM 1.0M	CLEAN		507.276	8%
4032	199388-4	HOSE 38MM WITH FRONT SLEEVE 1.5M	ỐNG MỀM 38MM VỚI KHỚP NỔI TRƯỚC 1.5M	CLEAN		1.739.340	8%
4033	195435-9	HOSE 38MM-5M	ỐNG MỀM 38MM-5M	CLEAN		2.719.980	8%
4034	A-34235	HOSE COMP 28-1.5	VỎI HÚT BUI	CLEAN		989.280	8%
4035	195434-1	HOSE COMPLETE	ỐNG HÚT BUI	CLEAN		1.657.530	8%
4036	140G04-3	HOSE COMPLETE 28-2.0M WITH FRONT CUFFS 38/DVC	ỐNG MỀM HÚT BUI 28MM-2.0M VỚI VÒNG BÍT TRƯỚC	CLEAN		233.010	8%
4037	195433-3	HOSE COMPLETE 28-3.5 SET	ỐNG MỀM 28-3.5	CLEAN		1.693.170	8%
4038	199493-7	HOSE COMPLETE 32-1.7M	ỐNG NỔI HÚT BUI 32-1.7M	CLEAN		560.520	8%
4039	198757-6	HOSE COMPLETE 38-1.5M SET	ỐNG HÚT BUI 38MM X 1.5M	CLEAN		1.620.810	8%
4040	197323-6	HOSE STAND	GIÁ ĐỖ ỐNG HÚT BUI	CLEAN		4.865.670	8%
4041	196520-1	JOINT (DUST NOZZLE)	ỐNG KẾT NỐI MÁY HÚT BUI	CLEAN		112.860	8%
4042	195548-6	JOINT 22-38 SET	ĐẦU NỔI 22-38	CLEAN		322.920	8%
4043	192349-3	JOINT 25-50	KHỚP NỔI 25-50	CLEAN		191.700	8%
4044	418500-0	JOINT 38-28MM/38	KHỚP NỔI 38-28MM/38	CLEAN		96.120	8%
4045	424009-2	JOINT 38-28MM/H	KHỚP NỔI 38-28MM/H	CLEAN		36.990	8%
4046	192799-2	JOINT 38-56MM/55 ASSEMBLY	KHỚP NỔI 38-56MM/55	CLEAN		143.100	8%
4047	191852-1	JOINT 38-75MM/45	KHỚP NỔI HÚT BUI 38-75MM/45	CLEAN		215.460	8%
4048	191M77-5	JOINT A 32 SET	ỐNG NỔI BỘ A 32	CLEAN		346.410	8%
4049	191M78-3	JOINT B 35 SET	ỐNG NỔI BỘ B 35	CLEAN		305.370	8%
4050	191M79-1	JOINT C 38 SET	ỐNG NỔI BỘ C 38	CLEAN		305.370	8%
4051	198919-6	LONG SASH NOZZLE SET 300-28 WHI	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	CLEAN		107.730	8%
4052	191D65-8	LONG SASH NOZZLE/DVC560	ĐẦU HÚT KHE/DVC560	CLEAN		107.730	8%
4053	191P18-9	MAGNET TAPE SET/DRC300	BĂNG KEO CÀM ỨNG/DRC300	CLEAN		1.006.776	8%
4054	191P20-2	MAIN BRUSH COMPLETE SET/SOFT TYPE/DRC300	CHỔI LÀN QUÉT BUI/LOẠI MỀM/DRC300	CLEAN		1.334.880	8%
4055	191P22-8	MAIN BRUSH COMPLETE SET/STANDARD/DRC300	CHỔI LÀN QUÉT BUI/LOẠI TIÊU CHUẨN/DRC300	CLEAN		1.217.160	8%

4056	191P24-4	MAIN BRUSH COVER/DRC300	NÁP ĐẪY CHỔI QUÉT BỤI/DRC300	CLEAN		635.310	8%
4057	191E39-5	MAIN FILTER H (HEPA FILTER)/DVC560	LOC BỤI HEPA/DVC560	CLEAN		247.590	8%
4058	191D12-9	MAIN HEPA FILTER SET/DVC660	TẦM LỌC BỤI HEPA/DVC660	CLEAN		247.590	8%
4059	198730-6	MAKPAC ADAPTER SET(CONNECTING MAKPAC TO AC	PHỤ KIỆN LIÊN KẾT MÁY HÚT BỤI VÀ THÙNG MAKPAC	CLEAN		1.423.980	8%
4060	459056-4	MAT NOZZLE	ĐẦU HÚT T XANH(DON SÀN, THẨM)	CLEAN		72.360	8%
4061	191G76-1	MESH SLEEVE HOSE 28-5 SET	ỐNG HÚT BỤI CÓ LƯỚI BẢO VỆ 28MMX5M	CLEAN		2.484.000	8%
4062	1913F5-2	MULTIFUNCTIONAL ADAPTER/VS001G	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐA CHỨC NĂNG/VS001G	CLEAN		3.158.190	8%
4063	415021-3	NOSE JOINT 38 CUFFS 38	ĐẦU KHỚP NỐI 38MM	CLEAN		180.090	8%
4064	199454-7	NOZZLE ASSEMBLY FLAT TYPE 28MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẲP 28MM	CLEAN		814.860	8%
4065	127828-2	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET/BLACK/CL	ĐẦU HÚT BỤI DỪNG CHO SÀN VÀ THẨM/ MÀU ĐEN/CL	CLEAN		335.070	8%
4066	127825-8	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET/WHITE/CL	ĐẦU HÚT BỤI DỪNG CHO SÀN VÀ THẨM/ MÀU TRẮNG	CLEAN		335.070	8%
4067	195551-7	NOZZLE ASSEMBLY SET	VÔI HÚT BỤI	CLEAN		781.380	8%
4068	191G86-8	NOZZLE ASSEMBLY SET 28MM	ĐẦU HÚT BỤI 28MM	CLEAN		828.900	8%
4069	199455-5	NOZZLE ASSEMBLY SET 38MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẲP 38MM	CLEAN		814.860	8%
4070	191X06-4	NOZZLE ASSEMBLY SET FLAT TYPE WHITE	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẲP MÀU TRẮNG	CLEAN		1.453.410	8%
4071	1915P8-8	NOZZLE ASSEMBLY SET/CL004G	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẨM/CL004G	CLEAN		3.095.280	8%
4072	123485-4	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	CLEAN		233.820	8%
4073	123486-2	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	CLEAN		297.810	8%
4074	123488-8	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	CLEAN		278.100	8%
4075	195549-4	NOZZLE ASSY A SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI A (HÚT KHÔ)	CLEAN		448.200	8%
4076	195550-9	NOZZLE ASSY B SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI B (HÚT ƯỚT)	CLEAN		432.000	8%
4077	198150-4	NOZZLE ASSY SET (IVORY)	ĐẦU HÚT BỤI (MÀU NGÀ)	CLEAN		400.680	8%
4078	122291-4	NOZZLE ASSY/CL104D	ĐẦU HÚT BỤI DỪNG CHO THẨM	CLEAN		518.832	8%
4079	123539-7	NOZZLE BLACK 28	ĐẦU HÚT T MÀU ĐEN 28	CLEAN		297.810	8%
4080	132025-7	NOZZLE CLEANER 220MM ASSY/DUBI82	ĐẦU HÚT BỤI 220MM/DUBI82	CLEAN		149.040	8%
4081	122334-2	NOZZLE COMPACT TYPE A 38MM (DRY)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN A 38MM (KHÔ)	CLEAN		589.680	8%
4082	122335-0	NOZZLE COMPACT TYPE B 38MM (WET)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN B 38MM (ƯỚT)	CLEAN		555.120	8%
4083	191116-6	NOZZLE FOR CARPET	ĐẦU HÚT THẨM	CLEAN		399.330	8%
4084	191G87-6	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET 38MM (WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẨM 38MM (MÀU TRẮNG)	CLEAN		787.050	8%
4085	198532-0	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET(WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THẨM(MÀU TRẮNG)	CLEAN		674.460	8%
4086	191114-0	NOZZLE FOR HARD FLOOR	ĐẦU HÚT SÀN	CLEAN		793.260	8%
4087	191569-6	NOZZLE SET	VÔI HÚT BỤI	CLEAN		168.210	8%
4088	197900-4	NOZZLE SET	VÔI HÚT BỤI	CLEAN		122.580	8%
4089	197901-2	NOZZLE SET	VÔI HÚT BỤI	CLEAN		156.330	8%
4090	W000014295	NOZZLE UNIVERSAL/VC2000L	ĐẦU HÚT CHỮ T/VC2000L	CLEAN		79.380	8%
4091	SH00000034	P SUC-HOSE 1ST ASSY	TAY CÀM HÚT BỤI	CLEAN		1.954.530	8%
4092	194746-9	PAPER DUST BAG 5PCS	TÚI BỤI GIẤY 5PCS	CLEAN		131.328	8%
4093	1915W5-3	PAPER FILTER BAG SET/VC014G	TÚI LỌC BỤI GIẤY/VC014G	CLEAN		613.170	8%
4094	A-48430	PAPER FILTER SET FOR DRY DUST EXCEPT POWDER (5	TÚI BỤI GIẤY DÀNH CHO HÚT BỤI KHÔ (5 CÁI)	CLEAN		371.520	8%
4095	1915P4-6	PIPE ASSEMBLY SET/CL004G	ỐNG THẮNG CỎ KHÓA/CL004G	CLEAN		518.832	8%
4096	459353-8	PIPE/DCL281F	ỐNG HÚT BỤI/DCL281F	CLEAN		66.420	8%
4097	191D80-2	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLACK)	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 320MM(MÀU ĐEN)	CLEAN		112.860	8%
4098	458942-6	PLASTIC STRAIGHT PIPE 479MM(BLACK)	ỐNG HÚT BỤI THẲNG 479MM(MÀU ĐEN)	CLEAN		66.420	8%
4099	456587-4	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLACK 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU ĐEN 28	CLEAN		66.420	8%
4100	451244-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLUE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU XANH DƯƠNG 28	CLEAN		61.290	8%
4101	458940-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE FOR PIPE LOCK(IVORY)	ỐNG THẮNG BẰNG NHỰA CỎ KHÓA(MÀU NGÀ)	CLEAN		60.588	8%
4102	451424-7	PLASTIC STRAIGHT PIPE IVORY 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU NGÀ 28	CLEAN		61.290	8%
4103	451241-5	PLASTIC STRAIGHT WHITE 28	ỐNG NHỰA THẲNG MÀU TRẮNG 28	CLEAN		66.420	8%
4104	198560-5	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28	ỐNG NỐI BẰNG NHỰA 28	CLEAN		577.800	8%
4105	127605-2	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28MM/DVC155	ỐNG HÚT BỤI ĐIỀU CHỈNH ĐỘ DÀI 28MM/DVC15	CLEAN		977.400	8%
4106	195432-5	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	CLEAN		283.230	8%
4107	195440-6	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	CLEAN		215.460	8%
4108	1910R3-2	POLY VINYL BAG 10PCS SET/VC006G	TÚI BỤI NHỰA VINYL 10PCS/SET/VC006G	CLEAN		393.930	8%
4109	197166-6	Powder Filter H Set /VC860D	BỘ LỌC BỤI/VC860D	CLEAN		1.382.400	8%
4110	1911B7-8	POWDER FILTER H SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI H/VC006G	CLEAN		626.670	8%
4111	191V70-3	POWDER FILTER H(HEPA) SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC BỤI NHỎ (HEPA) DỪNG CHO VC002G/VC004G	CLEAN		620.730	8%
4112	191F82-0	POWDER FILTER HEPA SET/VC3210L/2510L	BỘ LỌC HEPA/VC3210L/2510L	CLEAN		1.029.024	8%
4113	1911B6-0	POWDER FILTER M SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI M/VC006G	CLEAN		595.620	8%
4114	195438-3	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	CLEAN		1.240.380	8%
4115	195441-4	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	CLEAN		1.393.470	8%
4116	195612-3	POWDER FILTER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI/VC3210L	CLEAN		685.530	8%
4117	SH00000319	POWER BRUSH (COMBINATION)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (KẾT HỢP)/DRC200	CLEAN		3.213.540	8%
4118	SH00000320	POWER BRUSH (SOFT)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (MỀM)/DRC200	CLEAN		2.854.710	8%
4119	SH00000313	POWER BRUSH(STANDARD)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI(TIÊU CHUẨN)/DRC200	CLEAN		2.430.810	8%
4120	199827-4	PRE FILTER AND DAMPER SET/DVC750L	BỘ LỌC TRƯỚC VÀ BỘ GIẢM SỐC/DVC750L	CLEAN		338.040	8%
4121	198744-5	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 10 PCS/SET	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN(10CÁI/ BỘ)	CLEAN		180.900	8%
4122	198745-3	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 5PCS/SET	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN (5 CÁI/ BỘ)	CLEAN		96.120	8%
4123	198750-0	PRE FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	CLEAN		94.770	8%
4124	191V69-8	PRE FILTER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC TRƯỚC DỪNG CHO VC002G/VC004G	CLEAN		893.430	8%
4125	195553-3	PRE-FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	CLEAN		517.320	8%
4126	1911B5-2	PRE-FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC TRƯỚC/VC006G	CLEAN		311.040	8%
4127	195554-1	PRE-FILTER SET/VC2510L	BỘ LỌC TRƯỚC/VC2510L	CLEAN		715.500	8%
4128	1914Y6-9	ROTARY BRUSH NOZZLE ϕ 28/VC008G	ĐẦU HÚT BỤI CHỮ T ϕ 28/VC008G	CLEAN		2.708.910	8%
4129	1914Y7-7	ROTARY BRUSH NOZZLE ϕ 32/VC008G	ĐẦU HÚT BỤI CHỮ T ϕ 32/VC008G	CLEAN		2.725.380	8%
4130	191657-9	ROUND BRUSH BLACK 38MM	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐEN 38MM	CLEAN		399.600	8%
4131	198548-5	ROUND BRUSH IVORY	BÀN CHẢI TRÒN MÀU NGÀ	CLEAN		150.390	8%
4132	198550-8	ROUND BRUSH RED/CL104D	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐỎ	CLEAN		150.390	8%
4133	198555-8	ROUND BRUSH(BLACK)	CHỔI TRÒN (MÀU ĐEN)	CLEAN		180.090	8%
4134	198553-2	ROUND BRUSH(BLUE)	CHỔI TRÒN (MÀU XANH)	CLEAN		166.860	8%
4135	198878-4	ROUND BRUSH(WHITE)	CHỔI TRÒN (MÀU TRẮNG)	CLEAN		180.090	8%
4136	191D67-4	ROUND BRUSH/DVC560	CHỔI TRÒN/DVC560	CLEAN		197.640	8%
4137	422437-5	RUBBER NOZZLE 330	ĐẦU HÚT KHE 330 XÁM	CLEAN		197.640	8%
4138	459036-0	SASH NOZZLE HOLDER 28 FOR PIPE LOCK(IVORY)	KẸP GIỮ ỐNG 28(MÀU NGÀ)	CLEAN		16.200	8%
4139	456585-8	SASH NOZZLE HOLDER 28(BLACK)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU ĐEN	CLEAN		25.164	8%
4140	451242-3	SASH NOZZLE HOLDER 28(WHITE)	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI 28 MÀU TRẮNG	CLEAN		23.652	8%
4141	459038-6	SASH NOZZLE HOLDER BLACK/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU ĐEN/DCL280F	CLEAN		19.332	8%
4142	459355-4	SASH NOZZLE HOLDER BLUE/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI MÀU XANH/DCL280F	CLEAN		16.200	8%

4143	459354-6	SASH NOZZLE HOLDER WHITE 28/DCL281F	ĐẦU GIỮ ỚNG HÚT BUI MÀU TRẮNG 28/DCL281F	CLEAN		18.090	8%
4144	413809-5	SASH NOZZLE/BLACK/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU ĐEN/CL001G	CLEAN		25.164	8%
4145	458919-1	SASH NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT KHE/DVC750L	CLEAN		42.930	8%
4146	413770-6	SASH NOZZLE/WHITE/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MÀU TRẮNG/CL001G	CLEAN		25.164	8%
4147	SH00000060	SCREW PIPE ASSY/DCL501	ỚNG HÚT BUI/DCL501	CLEAN		2.110.790	10%
4148	140H95-0	SEAT NOZZLE 120 COMPLETE	ĐẦU HÚT T 120 XANH(DON GHỀ XE HƠI)	CLEAN		143.100	8%
4149	199039-9	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(BLACK)	ĐẦU HÚT BUI CHO GHỀ NGỒI XE HƠI 28(MÀU ĐEN)	CLEAN		203.040	8%
4150	199038-1	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(WHITE)	ĐẦU HÚT BUI 28 CHO GHỀ NGỒI XE HƠI(MÀU TRẮNG)	CLEAN		215.460	8%
4151	199041-2	SEAT NOZZLE 28(BLUE)	ĐẦU HÚT BUI 28 CHO GHỀ NGỒI XE HƠI (MÀUXANH)	CLEAN		200.340	8%
4152	SH00000231	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CÂM ỨNG KHOANH VÙNG 15M/DRC200	CLEAN		1.596.510	8%
4153	SH00000240	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CÂM ỨNG KHOANH VÙNG 15M/DRC200	CLEAN		1.401.840	8%
4154	198535-4	SHELF BRUSH RED	ĐẦU HÚT BÀN CHÁI ĐẸP MÀU ĐỎ	CLEAN		156.600	8%
4155	198540-1	SHELF BRUSH(BLACK)	CHỐI ĐON KỀ (MÀU ĐEN)	CLEAN		174.150	8%
4156	198873-4	SHELF BRUSH(WHITE)	CHỐI ĐON KỀ (MÀU TRẮNG)	CLEAN		174.150	8%
4157	198537-0	SHELF BRUSH/IVORY	CHỐI HÚT BUI DÙNG CHO KỀ/MÀU NGÀ	CLEAN		156.600	8%
4158	SH00000065	SIDE BRUSH 2PCS(STANDARD)/DRC200	CHỐI QUÉT BUI 2CÁI(TIỂU CHUẨN)/DRC200	CLEAN		1.287.090	8%
4159	191P26-0	SIDE BRUSH(SOFT TYPE)/DRC300	CHỐI QUÉT BUI(LOẠI MỀM)/DRC300	CLEAN		352.350	8%
4160	191P28-6	SIDE BRUSH(STANDARD TYPE)/DRC300	CHỐI QUÉT BUI(LOẠI TIỂU CHUẨN)/DRC300	CLEAN		352.350	8%
4161	SH00000321	SIDE BRUSHES 2 PCS (SOFT)/DRC200	CHỐI QUÉT BUI 2 PCS (MỀM)/DRC200	CLEAN		1.820.340	8%
4162	140H94-2	SOFT BRUSH 360 COMPLETE	CHỐI TRÒN 360 XANH	CLEAN		119.610	8%
4163	191X35-7	SPONGE SHEET SET/DRC300	TĂM ĐỀ BƠT BIẾN/DRC300	CLEAN		387.720	8%
4164	1911L1-0	STAND FOR CLEANER	CHẨN ĐỨNG CHO MÁY HÚT BUI CÂM TAY	CLEAN		1.006.776	8%
4165	191D79-7	STRAIGHT PIEPE 321 SET/DCL181F	ỚNG HÚT BUI THĂNG/DCL181F	CLEAN		119.610	8%
4166	192563-1	STRAIGHT PIPE	ỚNG THĂNG	CLEAN		347.050	10%
4167	191D77-1	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/BLACK)	ỚNG THĂNG NHỰA 340(CÓ KHÓA/MÀU ĐEN)	CLEAN		203.040	8%
4168	191D76-3	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/WHITE)	ỚNG HÚT BUI THĂNG(CÓ KHÓA/MÀU TRẮNG)	CLEAN		203.040	8%
4169	P-81739	SUCTION HOSE D32X3500 W/TUBE/VC2000L	ỚNG MỀM 32X3500/VC2000L	CLEAN		949.860	8%
4170	P-72942	SUCTION TUBE 35X520MM 2PCS/VC2000L	ỚNG THĂNG 35X520MM 2CÁI/VC2000L	CLEAN		752.400	10%
4171	SH00000042	T CREVICE NOZZLE/DCL501	ĐẦU HÚT KHE/DCL501	CLEAN		305.370	8%
4172	191B56-7	TANK ASSEMBLY SET A/DVC150L	BỘ HỘP CHỨA BUI A/DVC150L	CLEAN		1.932.930	8%
4173	191B57-5	TANK ASSEMBLY SET B HEPA/DVC157L	BỘ HỘP CHỨA BUI B HEPA/DVC157L	CLEAN		1.978.830	8%
4174	1910Y3-1	TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY+NOZZLE HOLDER/CL117FD	ỚNG NỐI HÚT BUI + ĐẦU GIỮ ỚNG HÚT BUI/CL117FD	CLEAN		536.760	8%
4175	191G89-2	TELESCOPIC PIPE SET	BỘ ỚNG HÚT BUI	CLEAN		1.191.780	8%
4176	P-81745	TOOL ADAPTER 24/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN 24/VC2000L	CLEAN		577.800	8%
4177	W107418680	TOOL ADAPTER 38MM/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỚNG HÚT BUI 38MM/VC2000L	CLEAN		531.360	8%
4178	W107418661	TOOL ADAPTOR 22MM WITH REGULATION/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỚNG HÚT BUI 22MM/VC2000L	CLEAN		555.120	8%
4179	199901-8	TOOL BAG SET/FOR CLEANER(600*210*190)	TÚI ĐỰNG MÁY/MÁY HÚT BUI(600*210*190)	CLEAN		869.940	8%
4180	199900-0	TOOL BAG/CL121D/DCL184(490*210*230)	TÚI ĐỰNG MÁY/CL121D/DCL184(490*210*230)	CLEAN		840.240	8%
4181	127607-8	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC155Z	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ/DVC155Z	CLEAN		471.690	8%
4182	W107409979	TUBE HOLDER KIT/VC2000L	VÔNG GÁI/VC2000L	CLEAN		209.520	8%
4183	197168-2	VACUUM ATTACHMENT SET/HM1306	ĐẦU NỐI MÁY HÚT BUI/HM1306	CLEAN		1.310.580	8%
4184	191M20-4	VACUUM ATTACHMENT WITH VACUUM HOSE/HM1511	PHỤ KIỆN THU BUI VỚI ỚNG HÚT BUI/HM1511	CLEAN		1.693.170	8%
4185	199143-4	VACUUM ATTACHMENT WITHOUT VACUUM HOSE SET	PHỤ KIỆN THU BUI KHÔNG CỘ ỚNG HÚT/DHR400	CLEAN		501.228	8%
4186	199142-6	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	PHỤ KIỆN THU BUI/DHR400	CLEAN		2.136.240	8%
4187	191M21-2	VACUUM ATTACHMENT/HM1511	PHỤ KIỆN THU BUI/HM1511	CLEAN		638.550	8%
4188	191N81-0	VACUUM ATTACHMENT/HR006G	PHỤ KIỆN THU BUI/HR006G	CLEAN		2.430.810	8%
4189	196074-8	VACUUM ATTACHMENT/HR4511C	PHỤ KIỆN THU BUI/HR4511C	CLEAN		2.811.240	8%
4190	143677-9	VALVE STAY COMPLETE/CL182FD	MIỆNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT/CL182FD	CLEAN		48.816	8%
4191	140K23-3	VALVE STAY COMPLETE/DCL280F	MIỆNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT BUI/DCL280F	CLEAN		48.816	8%
4192	191V67-2	WATER FILTER SET FOR VC001G/VC003G	BỘ LỌC NƯỚC DÙNG CHO VC001G/VC003G	CLEAN		566.460	8%
4193	1910N0-0	WATER FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC NƯỚC/VC006G	CLEAN		513.000	8%
4194	191M39-3	WET FILTER SET/DVC750L	BỘ LỌC BUI ƯỚT/DVC750L	CLEAN		328.860	8%
4195	1915T4-4	WET FILTER SET/VC013G/VC014G	BỘ LỌC ƯỚT/VC013G/VC014G	CLEAN		436.320	8%
4196	458891-7	WIDE NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT T/DVC750L	CLEAN		90.180	8%
4197	A-47846	WIDE TYPE	ĐẦU HÚT BUI LOẠI RỘNG ĐẦU	CLEAN		977.670	8%
4198	191M32-7	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	CLEAN		322.920	8%
4199	A-71211	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	CLEAN		302.400	8%
4200	1915P2-0	FILTER H SET/CL004G	BỘ LỌC BUI H/CL004G	CLEAN		525.960	8%
X PHỤ KIỆN OPE							
4201	D-73324	8-TOOTH CUTTER BLADE 230MMX25.4MMX1.8MM	LƯỖI CẮT CỘ 8 RĂNG 230MMX25.4MMX1.8MM	BCBLD	OPE	444.960	8%
4202	199367-2	BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CẮT CỘ 460	BCBLD	OPE	328.860	8%
4203	191Y64-6	BLADE 480 SET FOR MULTING/DLM480	LƯỖI CẮT CỘ 480MM/DLM480	BCBLD	OPE	674.190	8%
4204	191Y65-4	BLADE 530 SET FOR MULTING/DLM538	LƯỖI CẮT CỘ 530MM/DLM538	BCBLD	OPE	709.290	8%
4205	B-49703-10	BOARD CUTTER BLADE FOR PLASTERBOARD(10PCS/SET)	LƯỖI CẮT THẠCH CAO(10CÁI/BỘ)/DSD180	BCBLD	OPE	2.270.700	8%
4206	B-49719	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD	LƯỖI CẮT GỖ TĂM (CHO MÁY CẮT THẠCH CAO)	BCBLD	OPE	674.190	8%
4207	B-49719-10	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD(10PCS/SET)/DSD180	LƯỖI CẮT GỖ(10CÁI/BỘ)/DSD180	BCBLD	OPE	2.921.670	8%
4208	D-66020	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X3T)	LƯỖI CẮT CỘ (230MMX25.4X3T)	BCBLD	OPE	262.548	8%
4209	D-66008	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X4T)	LƯỖI CẮT CỘ (230MMX25.4X4T)	BCBLD	OPE	221.400	8%
4210	D-66064	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X2T)	LƯỖI CẮT CỘ (255MMX25.4X2T)	BCBLD	OPE	191.700	8%
4211	D-66036	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X3T)	LƯỖI CẮT CỘ (255MMX25.4X3T)	BCBLD	OPE	268.380	8%
4212	D-66014	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X4T)	LƯỖI CẮT CỘ (255MMX25.4X4T)	BCBLD	OPE	227.070	8%
4213	D-66042	BRUSH CUTTER BLADE (305MMX25.4X3T)	LƯỖI CẮT CỘ (305MMX25.4X3T)	BCBLD	OPE	292.140	8%
4214	D-66058	BRUSH CUTTER BLADE 230X25.4X2T	LƯỖI CẮT CỘ (230MMX25.4X2T)	BCBLD	OPE	180.090	8%
4215	D-65981	BRUSH CUTTER BLADE TCT (230MMX25.4X36T)	LƯỖI CẮT CỘ TCT (230MMX25.4X36T)	BCBLD	OPE	304.560	8%
4216	D-65997	BRUSH CUTTER BLADE TCT (255MMX25.4X40T)	LƯỖI CẮT CỘ TCT (255MMX25.4X40T)	BCBLD	OPE	360.180	8%
4217	D-73879	BRUSH CUTTER BLADE 230X80TX25.4MM	LƯỖI CẮT CỘ 230X80TX25.4MM	BCBLD	OPE	317.250	8%
4218	D-73885	BRUSH CUTTER BLADE 255X80TX25.4MM	LƯỖI CẮT CỘ 255X80TX25.4MM	BCBLD	OPE	376.110	8%
4219	199872-9	CHISEL BLADE 255MM/UR012G	LƯỖI CẮT PHÁ ĐANG TRÒN 225MM/UR012G	BCBLD	OPE	650.160	8%
4220	346555-4	CORD CUTTER/UR100D	LƯỖI CẮT/UR100D	BCBLD	OPE	25.164	8%
4221	198853-0	CUTTER ASSEMBLY SET/UR100D	ĐẦU LƯỖI CẮT CỘ/UR100D	BCBLD	OPE	475.200	8%
4222	198266-5	CUTTER ASSY 110-M10L (2.4MMX6M)/5INCH	ĐẦU CẮT CỘ ĐANG CƯỖC (2.4MMX6M)/5INCH	BCBLD	OPE	828.900	8%
4223	191Y44-2	CUTTER BLADE 200-8 SET/DUR194	LƯỖI CẮT CỘ 200-8/DUR194	BCBLD	OPE	222.480	8%
4224	195624-6	CUTTER BLADE 305MM/UR012G	LƯỖI CẮT CỘ (2 RĂNG) 305MM/UR012G	BCBLD	OPE	370.170	8%
4225	A-67315	DC WHITE TIP SAW BLADE(230MMX32T)	LƯỖI CỬA TCT(230MMX32T)	BCBLD	OPE	595.620	8%
4226	A-67321	DC WHITE TIP SAW BLADE(255MMX36T)	LƯỖI CỬA TCT(255MMX36T)	BCBLD	OPE	674.460	8%
4227	E-01731	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX15M	ĐÂY CƯỖC CẮT CỘ(MÀU XANH ĐƯƠNG)1.65MMX15M	BCBLD	OPE	107.730	8%
4228	E-01747	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX30M	ĐÂY CƯỖC CẮT CỘ(MÀU XANH ĐƯƠNG)1.65MMX30M	BCBLD	OPE	203.580	8%

4229	E-01753	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX445M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU XANH ĐƯƠNG)1.65MMX445M	BCBLD	OPE	1.668.600	8%
4230	E-01769	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX15M	BCBLD	OPE	125.388	8%
4231	E-01775	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX30M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX30M	BCBLD	OPE	238.950	8%
4232	E-01781	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MMX310M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MMX310M	BCBLD	OPE	1.537.380	8%
4233	E-01797	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX15M	BCBLD	OPE	149.040	8%
4234	E-01812	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX225M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX225M	BCBLD	OPE	1.537.380	8%
4235	E-01806	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MMX30M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX30M	BCBLD	OPE	288.900	8%
4236	E-01828	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX15M	BCBLD	OPE	157.950	8%
4237	E-01840	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX180M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX180M	BCBLD	OPE	1.537.380	8%
4238	E-01834	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX30M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX30M	BCBLD	OPE	327.510	8%
4239	191W87-2	GRASS COLLECTING BLADE 530MM/LM003	LƯỚI CÁT CỎ 530MM/LM003	BCBLD	OPE	858.060	8%
4240	DA00000454	NYLON CORD SET/EM2500U	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC/EM2500U	BCBLD	OPE	406.080	8%
4241	1911Y2-9	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Ø2.7)UR013G	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TÀI NHANHØ2.7)	BCBLD	OPE	811.080	8%
4242	1911Y3-7	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Ø2.7)UR014G	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC AY (LOẠI TÀI NHANHØ2.7)	BCBLD	OPE	858.060	8%
4243	196324-1	NYLON HEAD SET (2.4MMX3.6M)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3.6M)	BCBLD	OPE	715.500	8%
4244	198848-3	PLASTIC BLADE 230MM SET/UR100D	LƯỚI CÁT CỎ NHỰA 230MM/UR100D	BCBLD	OPE	525.960	8%
4245	198850-6	PLASTIC BLADE 230MM SPARE SET/UR100D	LƯỚI CÁT CỎ NHỰA 230MM LOẠI RỜI/UR100D	BCBLD	OPE	151.200	8%
4246	198383-1	PLASTIC BLADE 255MM	LƯỚI CÁT CỎ NHỰA 255MM	BCBLD	OPE	638.550	8%
4247	199870-3	PLASTIC BLADE 305 BLADE SET	LƯỚI CÁT NHỰA 305	BCBLD	OPE	757.890	8%
4248	199868-0	PLASTIC BLADE 305 SET	LƯỚI CÁT NHỰA 305	BCBLD	OPE	1.001.160	8%
4249	126642-3	PLASTIC BLADE ASSEMBLY255-M10/DUR365U	LƯỚI CÁT CỎ NHỰA Y255-M10/DUR365U	BCBLD	OPE	339.390	8%
4250	1911Y0-3	PROTECTOR FOR CHISEL BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỚI CÁT CỎ/UR013G	BCBLD	OPE	1.031.292	8%
4251	1911Y1-1	PROTECTOR FOR SHLEDDER BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỚI CÁT CỎ/UR013G	BCBLD	OPE	686.400	10%
4252	198426-9	REPLACEMENT PLASTIC BLADE 255MM(12PCS)	LƯỚI CÁT CỎ NHỰA 255MM LOẠI RỜI(12 CÁI)	BCBLD	OPE	274.320	8%
4253	E-02727	ROUND TRIM NYLON CORD(WHITE)1.3-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU TRẮNG)1.3-15M	BCBLD	OPE	90.180	8%
4254	E-02733	ROUND TRIM NYLON CORD(BLUE)1.6-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU XANH)1.6-15M	BCBLD	OPE	90.180	8%
4255	E-02711	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-126M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0-126M	BCBLD	OPE	417.150	8%
4256	E-02705	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0-15M	BCBLD	OPE	96.120	8%
4257	E-02783	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-262M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-262M	BCBLD	OPE	1.115.640	8%
4258	E-02749	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-15M	BCBLD	OPE	131.328	8%
4259	E-02761	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-87M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4-87M	BCBLD	OPE	446.850	8%
4260	E-02836	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-15M	BCBLD	OPE	191.700	8%
4261	E-02858	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-168M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-168M	BCBLD	OPE	1.287.090	8%
4262	E-02842	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-56M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ TRÒN ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-56M	BCBLD	OPE	518.832	8%
4263	199874-5	SHREDDER BLADE 270MM/UR012G	LƯỚI CÁT PHẪ DẠNG NGHIÊN 270MM/UR012G	BCBLD	OPE	983.610	8%
4264	E-02808	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-15M	BCBLD	OPE	137.160	8%
4265	E-02820	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-206M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-206M	BCBLD	OPE	1.115.640	8%
4266	E-02814	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW)2.4-69M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2.4-69M	BCBLD	OPE	417.150	8%
4267	E-02892	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-132M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-132M	BCBLD	OPE	1.287.090	8%
4268	E-02870	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-15M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-15M	BCBLD	OPE	203.580	8%
4269	E-02886	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW/DOUBLE)3.0-44M	DÂY CƯỚC CÁT CỎ VUÔNG ĐÔI(MÀU VÀNG)3.0-44M	BCBLD	OPE	489.510	8%
4270	197297-1	STRING TRIMMER HEAD (2.0MMX3M)/DUR189	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX3M)/DUR189	BCBLD	OPE	567.540	8%
4271	198893-8	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	BCBLD	OPE	428.490	8%
4272	198385-7	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	BCBLD	OPE	444.960	8%
4273	191D93-3	TRIMMER HEAD 121-M10L SET (2.4MMX4M)/5INCH	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC 121-M10L (2.4MMX4M)/5INCH	BCBLD	OPE	679.860	8%
4274	191D89-4	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.0MMX4M)/4INCH	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)/4INCH	BCBLD	OPE	444.960	8%
4275	191D90-9	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.4MMX3M)/4INCH	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC (2.4MMX3M)/4INCH	BCBLD	OPE	444.960	8%
4276	191D92-5	TRIMMER HEAD 96-M8R SET (2.0MMX4M)/4INCH	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX4M)/4INCH	BCBLD	OPE	439.560	8%
4277	191488-6	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP & FEED(*J4)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(D2MMX3M)/V	BCBLD	OPE	755.460	8%
4278	191486-0	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP & FEED(*J4)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(D2,4MMX3M)	BCBLD	OPE	755.460	8%
4279	1915D7-6	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP & FEED4* (10	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM (D2,4MMX3M)	BCBLD	OPE	625.320	8%
4280	1915D8-4	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP & FEED4* (10	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM (D2MMX3M)	BCBLD	OPE	625.320	8%
4281	198854-8	STRING TRIMMER HEAD(1.65MM*8M)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC(1.65MM*8M)	BRUSH	OPE	607.770	8%
4282	198971-4	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CÁT CỎ DẠNG CƯỚC(2.0MM*3M)	BRUSH	OPE	472.770	8%
4283	191X03-0	80TXL GUIDE BAR (450MM)/UC012G	LAM 80TXL (450MM)/UC012G	CHAIN	OPE	667.980	8%
4284	191X04-8	80TXL SAW CHAIN (450MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (450MM)/UC012G	CHAIN	OPE	893.430	8%
4285	1910J6-0	ANGLE CHANGE ATTACHMENT FOR CORDLESS POLE	PHỤ KIỆN THAY ĐỔI GÓC/DUA300	CHAIN	OPE	1.747.625	10%
4286	D-75605	ANGLE PLATE	THƯỚC CANH GÓC	CHAIN	OPE	131.328	8%
4287	D-75611	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.0MM 1/4" HEX SHANK(MZ	THƯỚC CANH GÓC VÀ Dũa XÍCH 1/4"CHUÔI LỤC GIÁC	CHAIN	OPE	317.250	8%
4288	D-75627	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.5MM 1/4"HEX SHANK(MZ	THƯỚC CANH GÓC VÀ Dũa XÍCH 1/4"CHUÔI LỤC GIÁC	CHAIN	OPE	317.250	8%
4289	191D60-8	CHAIN BLADE M11 (250MM)/DC254ZNR/DUC254HZR	ĐÂY XÍCH M11 (250MM)/DC254ZNR/DUC254HZR	CHAIN	OPE	798.930	8%
4290	199063-2	DRIVE SPROCKET 3/8"LP	NHÔNG XÍCH 3/8"LP	CHAIN	OPE	78.300	8%
4291	198259-2	DRIVE SPROCKET TYPE 1/4"	NHÔNG XÍCH LOẠI 1/4"	CHAIN	OPE	96.120	8%
4292	164533-0	GUIDE BAR	LAM	CHAIN	OPE	1.085.400	8%
4293	341650-5	GUIDE BAR	LAM	CHAIN	OPE	2.049.084	8%
4294	191G24-0	GUIDE BAR 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	LAM 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	440.910	8%
4295	1915Y9-9	GUIDE BAR 20 SET	LAM 450MM 95TXL	CHAIN	OPE	2.447.280	8%
4296	191453-3	GUIDE BAR 200MM(80TXL)	LAM 200MM(80TXL)	CHAIN	OPE	507.276	8%
4297	168407-7	GUIDE BAR 25AP (250MM)/DUC254Z	LAM BÁNH XE 25AP (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	1.980.180	8%
4298	191G33-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	CHAIN	OPE	852.120	8%
4299	191G34-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	CHAIN	OPE	1.001.160	8%
4300	445050451	GUIDE BAR 73LPX (500MM)/EA5600F	LAM BÁNH XE 73LPX (500MM)/EA5600F	CHAIN	OPE	2.247.480	8%
4301	191G52-5	GUIDE BAR 73LPX (500MM)/EA5600F	LAM BÁNH XE 73LPX (500MM)/EA5600F	CHAIN	OPE	1.240.380	8%
4302	1910W0-3	GUIDE BAR 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	LAM 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	CHAIN	OPE	560.520	8%
4303	1912F1-4	GUIDE BAR 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	LAM 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	CHAIN	OPE	358.290	8%
4304	191T85-8	GUIDE BAR 80TXL (250MM)/DUC2542002	LAM 80TXL (250MM)/DUC2542002	CHAIN	OPE	429.030	8%
4305	191T86-6	GUIDE BAR 80TXL (300MM)/UC004G/UC012G	LAM 80TXL (300MM)/UC004G/UC012G	CHAIN	OPE	432.000	8%
4306	191T87-4	GUIDE BAR 80TXL (350MM)/UC004G/UC012G	LAM 80TXL (350MM)/UC004G/UC012G	CHAIN	OPE	489.510	8%
4307	191T88-2	GUIDE BAR 80TXL (400MM)/UC012G/UC016G/UC022G/UC026G	LAM 80TXL (400MM)/UC012G/UC016G/UC022G/UC026G	CHAIN	OPE	555.120	8%
4308	191G13-5	GUIDE BAR 90PX (200MM)/DUC254Z	LAM 90PX (200MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	372.870	8%
4309	191G14-3	GUIDE BAR 90PX (250MM)/DUC254Z	LAM 90PX (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	408.510	8%
4310	191G15-1	GUIDE BAR 90PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/UA0030	LAM 90PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/UA0030	CHAIN	OPE	448.470	8%
4311	191G16-9	GUIDE BAR 90PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	LAM 90PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	477.630	8%
4312	191G17-7	GUIDE BAR 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	LAM 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	CHAIN	OPE	531.360	8%
4313	191G11-9	GUIDE BAR 90VXL (250MM)/199925-4	LAM 90VXL (250MM)/199925-4	CHAIN	OPE	436.320	8%
4314	191G22-4	GUIDE BAR 91PX (250MM)/DUC254Z	LAM 91PX (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	446.850	8%
4315	191G23-2	GUIDE BAR 91PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/UA0030	LAM 91PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/UA0030	CHAIN	OPE	471.690	8%

4316	191G25-8	GUIDE BAR 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	LAM 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	CHAIN	OPE	531.360	8%
4317	191G26-6	GUIDE BAR 91PX (450MM)/UC012G/UC020G	LAM 91PX (450MM)/UC012G/UC020G	CHAIN	OPE	555.120	8%
4318	1911R0-4	HOLSTER/DUC101	TỦI ĐEO/DUC101	CHAIN	OPE	720.900	8%
4319	D-67393	ROUND FILE 4.8MM	ĐŨA TRÒN 4.8MM	CHAIN	OPE	143.100	8%
4320	D-67402	ROUND FILE 4.8MM 12PCS/SET	ĐŨA TRÒN 4.8MM 12PCS/SET	CHAIN	OPE	632.610	8%
4321	D-67418	ROUND FILE 5.2MM	ĐŨA TRÒN 5.2MM	CHAIN	OPE	143.100	8%
4322	D-67424	ROUND FILE 5.2MM 12PCS/SET	ĐŨA TRÒN 5.2MM 12PCS/SET	CHAIN	OPE	632.610	8%
4323	D-67430	ROUND FILE 5.5MM	ĐŨA TRÒN 5.5MM	CHAIN	OPE	143.100	8%
4324	D-67446	ROUND FILE 5.5MM 12PCS/SET	ĐŨA TRÒN 5.5MM 12PCS/SET	CHAIN	OPE	632.610	8%
4325	191H01-8	SAW CHAIN 90PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	DÂY XÍCH 90PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	CHAIN	OPE	501.228	8%
4326	191H08-4	SAW CHAIN 91PX (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 91PX (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	411.750	8%
4327	1916A3-9	SAW CHAIN 20 SET	DÂY XÍCH 500MM 95TXL	CHAIN	OPE	1.307.070	8%
4328	1914S1-7	SAW CHAIN 200MM(80TXL)	DÂY XÍCH 200MM(80TXL)	CHAIN	OPE	650.160	8%
4329	191G96-5	SAW CHAIN 25AP (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 25AP (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	738.720	8%
4330	194098-8	SAW CHAIN 25AP (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 25AP (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	689.850	8%
4331	191H09-2	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	CHAIN	OPE	632.610	8%
4332	191H51-3	SAW CHAIN 450MM/1.5MM/.058" 3/8" 73LPX	DÂY XÍCH 450mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	CHAIN	OPE	828.900	8%
4333	191H54-7	SAW CHAIN 600MM 1.5MM/.058" 3/8" 73LPX	DÂY XÍCH 600mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	CHAIN	OPE	1.001.160	8%
4334	191H44-0	SAW CHAIN 73DPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73DPX (500MM)/EA5600	CHAIN	OPE	834.300	8%
4335	52809672	SAW CHAIN 73LPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73LPX (500MM)/EA5600	CHAIN	OPE	817.830	8%
4336	191H52-1	SAW CHAIN 73LPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73LPX (500MM)/EA5600	CHAIN	OPE	875.610	8%
4337	1910V6-4	SAW CHAIN 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	DÂY XÍCH 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	CHAIN	OPE	358.290	8%
4338	1912E8-3	SAW CHAIN 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	DÂY XÍCH 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	CHAIN	OPE	395.280	8%
4339	191T89-0	SAW CHAIN 80TXL (250MM)/DUC254Z002	DÂY XÍCH 80TXL (250MM)/DUC254Z002	CHAIN	OPE	572.130	8%
4340	191T90-5	SAW CHAIN 80TXL (300MM)/UC004G/UC022G	DÂY XÍCH 80TXL (300MM)/UC004G/UC022G	CHAIN	OPE	656.370	8%
4341	191T91-3	SAW CHAIN 80TXL (350MM)/UC004G/UC012G	DÂY XÍCH 80TXL (350MM)/UC004G/UC012G	CHAIN	OPE	731.160	8%
4342	191T92-1	SAW CHAIN 80TXL (400MM)/DUC406Z002/UC012G/UC01	DÂY XÍCH 80TXL (400MM)/DUC406Z002/UC012G/UC01	CHAIN	OPE	849.150	8%
4343	191G99-9	SAW CHAIN 90PX (200MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 90PX (200MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	244.890	8%
4344	191H00-0	SAW CHAIN 90PX (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 90PX (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	305.370	8%
4345	191H02-6	SAW CHAIN 90PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	DÂY XÍCH 90PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	477.630	8%
4346	191H03-4	SAW CHAIN 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	DÂY XÍCH 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	CHAIN	OPE	501.228	8%
4347	196205-9	SAW CHAIN 91PX (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 91PX (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	361.530	8%
4348	191H10-7	SAW CHAIN 91PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	DÂY XÍCH 91PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	CHAIN	OPE	405.540	8%
4349	196207-5	SAW CHAIN 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	DÂY XÍCH 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	389.340	8%
4350	191H11-5	SAW CHAIN 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	DÂY XÍCH 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	417.150	8%
4351	191H12-3	SAW CHAIN 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020G/UC4041A	DÂY XÍCH 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020G/UC4041A	CHAIN	OPE	460.080	8%
4352	191H13-1	SAW CHAIN 91PX (450MM)/DUC406Z/UC020G/UC4551A	DÂY XÍCH 91PX (450MM)/DUC406Z/UC020G/UC4551A	CHAIN	OPE	595.620	8%
4353	191H20-4	SAW CHAIN 91VXL (250MM)/199925-4	DÂY XÍCH 91VXL (250MM)/199925-4	CHAIN	OPE	471.690	8%
4354	1914F1-6	SAW CHAIN M41 (250MM)/DUC254Z/UC007G	DÂY XÍCH M41 (250MM)/DUC254Z/UC007G	CHAIN	OPE	215.460	8%
4355	1914F2-4	SAW CHAIN M41 (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	DÂY XÍCH M41 (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	CHAIN	OPE	244.890	8%
4356	1914F3-2	SAW CHAIN M41 (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	DÂY XÍCH M41 (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	274.320	8%
4357	1914F4-0	SAW CHAIN M41 (400MM)/DUC406Z/UC020G	DÂY XÍCH M41 (400MM)/DUC406Z/UC020G	CHAIN	OPE	297.810	8%
4358	1914F5-8	SAW CHAIN M43 (250MM)/DUC254Z/UC007G	DÂY XÍCH M43 (250MM)/DUC254Z/UC007G	CHAIN	OPE	233.010	8%
4359	1914F6-6	SAW CHAIN M43 (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	DÂY XÍCH M43 (300MM)/191T41-8/DUA300/DUA301/U	CHAIN	OPE	268.380	8%
4360	1914F7-4	SAW CHAIN M43 (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	DÂY XÍCH M43 (350MM)/DUC353/DUC357/UC007G	CHAIN	OPE	297.810	8%
4361	1914F8-2	SAW CHAIN M43 (400MM)/DUC406Z/UC020G/UC4041A	DÂY XÍCH M43 (400MM)/DUC406Z/UC020G/UC4041A	CHAIN	OPE	322.920	8%
4362	196521-9	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"91PX	DÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"91PX	CHAIN	OPE	775.440	8%
4363	1911A1-3	SOLID CARVING BAR 25AP (250MM)/DUC254Z	LAM ĐIỀU KHẮC 25AP (250MM)/DUC254Z	CHAIN	OPE	2.193.480	8%
4364	191V90-7	SPROCKET 6/90PX/91PX	NHÔNG XÍCH 6/90PX/91PX	CHAIN	OPE	162.270	8%
4365	445045631	SPROCKET NOSE BAR 450MM	LAM 450MM	CHAIN	OPE	820.800	8%
4366	445050655	SPROCKET NOSE BAR 500MM	LAM 500MM	CHAIN	OPE	896.400	8%
4367	443053651	SPROCKET NOSE BAR 530MM	LAM 530MM	CHAIN	OPE	1.749.600	8%
4368	162547-3	SPROCKET NOSE BAR M11 (250MM)/DUC254ZNR	LAM BÁNH XE M11 (250MM)/DUC254ZNR	CHAIN	OPE	852.120	8%
4369	1914E7-7	SHEAR BLADE(ROUGH-CUT) AY 600MM/UN001G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 600MM/UN001G	HEDGE	OPE	2.928.800	8%
4370	413L91-8	BLADE COVER/DUH507	Miếng Bọc Lưỡi Cắt 500/DUH507	HEDGE	OPE	131.328	8%
4371	413L92-6	BLADE COVER/DUH606	Miếng Bọc Lưỡi Cắt 600/DUH606	HEDGE	OPE	137.160	8%
4372	412908-0	BLADE GUARD/DUH501/502/601/602/751/752	VỎ BỌC LƯỖI CẮT/DUH501/502/601/602/751/752	HEDGE	OPE	286.200	8%
4373	347962-4	BLADE GUARD/DUH604S/754S	VỎ BỌC LƯỖI CẮT/DUH604S/754S	HEDGE	OPE	584.010	8%
4374	413794-2	BLADE GUARD/UH006G/007G	VỎ BỌC LƯỖI CẮT/UH006G/007G	HEDGE	OPE	149.040	8%
4375	191W56-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUH501/DUH502	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUH501/DUH502	HEDGE	OPE	763.560	8%
4376	1910M5-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUN500W	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUN500W	HEDGE	OPE	1.080.000	8%
4377	1910M6-1	CHIP RECEIVER 600MM SET/DUN600L	KHAY CHỨA CỎ 600MM/DUN600L	HEDGE	OPE	1.006.776	8%
4378	191D33-1	CHIP RECEIVER 600MM/DUH604S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH604S	HEDGE	OPE	669.060	8%
4379	191D34-9	CHIP RECEIVER 750MM/DUH754S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH754S	HEDGE	OPE	888.570	8%
4380	1910T1-0	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 500MM/DUH507	HEDGE	OPE	1.036.260	8%
4381	1910T2-8	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 600MM/DUH607	HEDGE	OPE	1.042.416	8%
4382	458408-6	GUARD E/DUH501	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DUH501	HEDGE	OPE	259.200	8%
4383	191N24-2	HEDGE TRIMMER BLADE 200MM/UM110D	LƯỖI TIA/UM110D	HEDGE	OPE	548.640	8%
4384	198408-1	SHEAR BLADE 200MM/UH201D	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 200MM/UH201D	HEDGE	OPE	595.620	8%
4385	A-49915	SHEAR BLADE 350MM	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 350MM	HEDGE	OPE	1.147.230	8%
4386	A-70459	SHEAR BLADE 500MM/DUH504S	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	HEDGE	OPE	2.597.670	8%
4387	191C14-9	SHEAR BLADE 500MM/DUN500W	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 500MM/DUN500W	HEDGE	OPE	2.337.660	8%
4388	191R53-9	SHEAR BLADE 600 SET/UH004G	BỘ LƯỖI CẮT 600/UH004G	HEDGE	OPE	3.264.030	8%
4389	191R55-5	SHEAR BLADE 600 SET/UH006G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 600/UH006G	HEDGE	OPE	3.811.860	8%
4390	191R57-1	SHEAR BLADE 600 SET/UH008G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 600/UH008G	HEDGE	OPE	2.031.264	8%
4391	191C13-1	SHEAR BLADE 600MM/DUN600L	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 600MM/DUN600L	HEDGE	OPE	2.675.430	8%
4392	191R54-7	SHEAR BLADE 750 SET/UH005G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 750/UH005G	HEDGE	OPE	3.931.470	8%
4393	191R56-3	SHEAR BLADE 750 SET/UH007G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 750/UH007G	HEDGE	OPE	4.169.340	8%
4394	191R58-9	SHEAR BLADE 750 SET/UH009G	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 750/UH009G	HEDGE	OPE	2.185.920	8%
4395	725185-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỖI TIA CÀNH A/EH7500S	HEDGE	OPE	472.770	8%
4396	191N23-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY 110 SET/DUM111	LƯỖI CẮT/DUM111	HEDGE	OPE	787.590	8%
4397	191P00-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY 460/DUN461W	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 460/DUN461W	HEDGE	OPE	1.310.580	8%
4398	191T44-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500 SET/DUH501	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 500MM/DUH501	HEDGE	OPE	3.121.470	8%
4399	191T47-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500S SET/DUH502	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 500MM/DUH502	HEDGE	OPE	1.811.700	8%
4400	199600-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750S SET	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 750S	HEDGE	OPE	1.935.630	8%
4401	191J11-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	LƯỖI TIA HÀNG RÀO 500MM/DUH507	HEDGE	OPE	1.526.310	8%
4402	1914G4-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/UH020G	LƯỖI CẮT CÀNH 500MM/UH020G	HEDGE	OPE	1.841.130	8%

4403	1911J2-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH607	HEDGE	OPE	1.535.220	8%
4404	1914G5-5	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/UH021G	LƯỠI CẮT CÀNH 600MM/UH021G	HEDGE	OPE	1.935.630	8%
4405	126285-1	SHEAR BLADE ASSEMBLY/EH7500S	BỘ LƯỠI CẮT/EH7500S	HEDGE	OPE	1.646.460	8%
4406	191D38-1	SHEAR BLADE ASSY 600MM/DUH604S	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH604S	HEDGE	OPE	3.404.160	8%
4407	191D39-9	SHEAR BLADE ASSY 750MM/DUH754S	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750MM/DUH754S	HEDGE	OPE	3.826.710	8%
4408	195267-4	SHEAR BLADE ASSY SET 160MM	LƯỠI CẮT CỎ 160MM	HEDGE	OPE	1.739.340	8%
4409	725186-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI TỈA CÀNH B/EH7500S	HEDGE	OPE	472.770	8%
4410	196167-1	SHEAR BLADE COMPLETE SET	BỘ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO	HEDGE	OPE	1.334.880	8%
4411	195769-0	SHEAR BLADE COMPLETE SET 520MM	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 520MM	HEDGE	OPE	1.334.880	8%
4412	725184-0	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI TỈA CÀNH/EH6000W	HEDGE	OPE	511.704	8%
4413	1912R9-2	BLOWER ATTACHMENT/UB402MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB402MP	MEPHE	OPE	2.661.120	8%
4414	195726-8	COFFEE HARVESTER ATTACHMENT/E400MP	PHỤ KIỆN HÁI CÀ PHÊ/E400MP	MFPHE	OPE	8.786.880	8%
4415	195707-2	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR400MP	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 160MM/KR400MP	MFPHE	OPE	8.655.120	8%
4416	199185-8	CULTIVATOR ATTACHMENT 220MM/KR401MP	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 220MM/KR401MP	MFPHE	OPE	8.576.280	8%
4417	1913L7-0	CULTIVATOR BLADE 170MM/WA400MP	LƯỠI XỚI 170MM/WA400MP	MFPHE	OPE	1.031.292	8%
4418	196751-2	EDGER ATTACHMENT/EE400MP	PHỤ KIỆN TỈA MÉP/EE400MP	MFPHE	OPE	4.383.720	8%
4419	1912T2-0	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN422MP	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN422MP	MFPHE	OPE	5.169.420	8%
4420	1913D1-6	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN424MP	PHỤ KIỆN TỈA SẮT ĐẤT/EN424MP	MFPHE	OPE	5.954.850	8%
4421	198061-3	GROUNDTRIMMER ATTACHMENT/EN420MP	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN420MP	MFPHE	OPE	7.483.860	8%
4422	196303-9	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT SET/EN401MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN401MP	MFPHE	OPE	9.189.720	8%
4423	1912U0-1	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN402MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	MFPHE	OPE	5.527.710	8%
4424	197742-6	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN410MP	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN410MP	MFPHE	OPE	4.705.560	8%
4425	199925-4	POLE SAW ATTACHMENT SET/91VXL/EY401MP	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH TRÊN CAO/91VXL/EY401MP	MFPHE	OPE	7.608.870	8%
4426	199323-2	POWER BRUSH ATTACHMENT/BR400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT/BR400MP	MFPHE	OPE	13.781.340	8%
4427	PF400MP	PUMP ATTACHMENT/PF400MP	PHỤ KIỆN BƠM NƯỚC/PF400MP	MFPHE	OPE	8.030.275	10%
4428	197768-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET ME/EN410MP	LƯỠI CẮT/EN410MP	MFPHE	OPE	1.680.480	8%
4429	1912G3-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN402MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	MFPHE	OPE	1.739.340	8%
4430	1912G2-9	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN422MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN422MP	MFPHE	OPE	1.149.930	8%
4431	1912V6-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN424MP	LƯỠI TỈA SẮT ĐẤT/EN424MP	MFPHE	OPE	2.811.240	8%
4432	198195-2	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỠI CẮT/EN420MP	MFPHE	OPE	1.179.360	8%
4433	199344-4	SWEEPER ATTACHMENT/SW400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT NƯỚC/SW400MP	MFPHE	OPE	14.685.030	8%
4434	XNR0000549	SWEEPER COMPLETE/SW400MP	CHỔI/SW400MP	MFPHE	OPE	3.228.390	8%
4435	1913T9-2	WEEDING ATTACHMENT/WA400MP	PHỤ KIỆN LAM CỎ/WA400MP	MFPHE	OPE	11.886.210	8%
4436	1913L5-4	WEEDING BLADE 220MM(STANDARD BLADE)/WA400MP	LƯỠI CẮT 220MM(LƯỠI TIÊU CHUẨN)/WA400MP	MFPHE	OPE	983.610	8%
4437	1913L6-2	WEEDING BLADE 80MM(NARROW AREA)/WA400MP	LƯỠI CẮT 80MM(KHU VỰC NHỎ HEP)/WA400MP	MFPHE	OPE	924.480	8%
4438	191A53-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	OTHER	OPE	2.700.000	8%
4439	191A52-9	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	OTHER	OPE	3.952.800	8%
4440	CE00000001	20L COVER/CW001G	TÂM BẢO VỆ MÁY/CW001G	OTHER	OPE	2.002.320	8%
4441	CE00000004	29L COVER/CW004G	TÂM BẢO VỆ MÁY/CW004G	OTHER	OPE	2.478.600	8%
4442	CE00000002	50L COVER/CW002G	TÂM BẢO VỆ MÁY/CW002G	OTHER	OPE	2.597.670	8%
4443	CE00000003	7L COVER/CW003G	TÂM BẢO VỆ MÁY/CW003G	OTHER	OPE	1.573.020	8%
4444	327687-6	ADAPTER D/DDG460	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOAN/DDG460	OTHER	OPE	1.115.640	8%
4445	191J13-3	ADAPTER FOR GUTTER NOZZLE/DUB362/363	ĐẦU NỐI ỐNG THỔI GÓC TRÊN CAO/DUB362/363	OTHER	OPE	286.200	8%
4446	191J13-5	ADAPTER PIPE 80-72 SET/DUB184	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 80-72/DUB184	OTHER	OPE	156.330	8%
4447	191A01-6	AUXILIARY WHEEL ATTACHMENT SET/DCU180	BÁNH XE PHỤ/DCU180	OTHER	OPE	3.565.350	8%
4448	127759-5	BAND ASSEMBLY L/UX01G	DÂY ĐEO L/UX01G	OTHER	OPE	135.000	8%
4449	191K37-5	BAND ASSEMBLY SET/DUA300	DÂY ĐEO VAI/DUA300	OTHER	OPE	572.130	8%
4450	199378-7	BAND ASSEMBLY SET/DUR369A	BỘ DÂY ĐEO CHO MÁY CẮT CỎ/DUR369A	OTHER	OPE	1.436.400	8%
4451	197243-4	BAND ASSEMBLY SET/PDC01	DÂY ĐEO VAI/PDC01	OTHER	OPE	194.670	8%
4452	191J48-4	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO VAI/UB001C	OTHER	OPE	256.608	8%
4453	125516-5	BAND ASSEMBLY/PDC01	DÂY ĐEO/PDC01	OTHER	OPE	88.560	8%
4454	125520-4	BAND ASSEMBLY/RBC413U	DÂY ĐEO VAI/RBC413U	OTHER	OPE	133.488	8%
4455	122F94-2	BAND ASSEMBLY/UB003G	DÂY ĐEO VAI/UB003G	OTHER	OPE	358.290	8%
4456	413G21-9	BAR COVER	VỎ LAM	OTHER	OPE	101.790	8%
4457	413M40-1	BAR COVER/DUC10C/UC100D	VỎ LAM/DUC10C/UC100D	OTHER	OPE	54.648	8%
4458	413T67-3	BAR COVER/DUC150	VỎ LAM/DUC150	OTHER	OPE	60.588	8%
4459	458503-2	BAR COVER/DUC254	VỎ LAM/DUC254	OTHER	OPE	149.400	8%
4460	325896-1	BASE FRAME	KHUNG SƯỜN	OTHER	OPE	103.680	8%
4461	191Y46-8	BLADE 230 SET/DLM230	LƯỠI CẮT CỎ 230/DLM230	OTHER	OPE	286.200	8%
4462	GB00000042	BLADE 330/DLM330	LƯỠI CẮT CỎ 330/DLM330	OTHER	OPE	233.010	8%
4463	1913H4-8	BLADE 430 SET/LM004G	LƯỠI CẮT CỎ ĐẦY 430/LM004G	OTHER	OPE	608.850	8%
4464	191V97-3	BLADE 480 SET/DLM480	LƯỠI CẮT 480/DLM480	OTHER	OPE	733.320	8%
4465	191V96-5	BLADE 530 SET/LM001J	LƯỠI CẮT 530/LM001J	OTHER	OPE	781.380	8%
4466	452055-5	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỠI	OTHER	OPE	78.300	8%
4467	458342-0	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỠI	OTHER	OPE	101.790	8%
4468	412768-0	BLADE COVER 500MM/DUH504S	BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	OTHER	OPE	78.300	8%
4469	459120-1	BLADE COVER 500S/DUH502	VỎ BỌC LƯỠI 500/DUH502	OTHER	OPE	156.330	8%
4470	413B98-4	BLADE COVER 600/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/UH013G	OTHER	OPE	209.520	8%
4471	459121-9	BLADE COVER 600S/DUH602	VỎ BỌC LƯỠI 600/DUH602	OTHER	OPE	169.830	8%
4472	413B99-2	BLADE COVER 750/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 750MM/UH013G	OTHER	OPE	250.668	8%
4473	459122-7	BLADE COVER 750S/DUH752	VỎ BỌC LƯỠI 750/DUH752	OTHER	OPE	180.900	8%
4474	195274-7	BLADE COVER SET	BỘ BẢO VỆ LƯỠI	OTHER	OPE	156.330	8%
4475	452685-2	BLADE COVER/DUH523	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/DUH523	OTHER	OPE	119.610	8%
4476	412770-3	BLADE COVER/DUH754S	BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/DUH754S	OTHER	OPE	96.120	8%
4477	413720-1	BLADE COVER/DUN461W/DUN461W	BẢO VỆ LƯỠI/DUN461W	OTHER	OPE	101.790	8%
4478	454279-9	BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN410MP	OTHER	OPE	101.790	8%
4479	412911-1	BLADE COVER/UH004G/UH004G	BẢO VỆ LƯỠI/UH004G	OTHER	OPE	188.730	8%
4480	412912-9	BLADE COVER/UH005G/UH005G	BẢO VỆ LƯỠI/UH005G	OTHER	OPE	197.640	8%
4481	458359-3	BLADE COVER/UH353D	BỌC LƯỠI DAO/UH353D	OTHER	OPE	84.240	8%
4482	196745-7	BLADE SET 203MM/UE001G	LƯỠI CẮT 203MM/UE001G	OTHER	OPE	332.370	8%
4483	1913M9-3	BLADE SET 240MM/RM350D	LƯỠI CẮT 240MM/RM350D	OTHER	OPE	925.830	8%
4484	191P75-7	BLOWER ATTACHMENT SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	OTHER	OPE	5.997.510	8%
4485	191F68-4	BLOWER ATTACHMENT/UB400MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB400MP	OTHER	OPE	4.983.660	8%
4486	199311-9	BRANCH CATHER SET/DUP361	BỘ GIỮ CÀNH/DUP361	OTHER	OPE	6.051.510	8%
4487	191B69-8	BUCKET/DCU603/DCU602	THÙNG CHỨA/DCU603/DCU602	OTHER	OPE	17.638.060	10%
4488	B-05131	BUMP & FEED ZS M BRAND MHI	TĂNG GIẢM DÂY CƯỚC	OTHER	OPE	745.470	8%
4489	419242-9	CHAIN COVER	TÂM BẢO VỆ	OTHER	OPE	96.120	8%

4490	419288-5	CHAIN COVER	TÀM BẢO VỆ	OTHER	OPE	96.120	8%
4491	451880-1	CHID DECEIVER	CHID DECEIVER	OTHER	OPE	57.200	10%
4492	198401-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	OTHER	OPE	174.150	8%
4493	199151-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	OTHER	OPE	589.680	8%
4494	191143-4	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET/DUN461W	KHAY CHỨA CỎ/DUN461W	OTHER	OPE	454.140	8%
4495	195050-9	CHIP RECEIVER ASSEMBLY/DUH523	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH523	OTHER	OPE	840.240	8%
4496	452198-3	CLANK COVER/UH201D	VỎ BẢO VỆ LƯỖI/UH201D	OTHER	OPE	36.990	8%
4497	1913N8-2	COUPLER SET 5 PCS/RM350D	BỘ GÉP NỐI 5 CÁI/RM350D	OTHER	OPE	710.910	8%
4498	195716-1	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR400MP	PHỤ KIỆN XỚI ĐẤT 160MM/KR400MP	OTHER	OPE	8.655.120	8%
4499	198249-5	DEFLECTOR SET MG/PM001G	NÁP CHỤP ĐẦU PHUN/PM001G	OTHER	OPE	233.010	8%
4500	1913J7-6	DETHATCHING BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỖI XỚI/UV001G	OTHER	OPE	1.549.800	8%
4501	1912E4-1	DRESSER STONE SET/UP100D	ĐÁ MÀI LƯỖI CÁT CÀNH/UP100D	OTHER	OPE	125.388	8%
4502	191V92-3	DRIVE SPROCKET 25AP FOR 40V MAX MODEL	NHÔNG XÍCH 25AP CHO MÁY 40V MAX	OTHER	OPE	233.010	8%
4503	191V91-5	DRIVE SPROCKET 7 FOR 40V/80TXL	NHÔNG XÍCH 7 CHO MÁY 40V/80TXL	OTHER	OPE	311.040	8%
4504	1911W5-9	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V MAX MODEL	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V MAX	OTHER	OPE	60.588	8%
4505	191P40-6	DUST BAG SET/DUB363	BỘ TÚI BỤI/DUB363	OTHER	OPE	869.940	8%
4506	196264-3	END COVER & BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỖI CÁT CÀNH/EN410MP	OTHER	OPE	238.950	8%
4507	1914H0-2	END NOZZLE 74 SET/UB004C	ỔNG THỜI 74/UB004C	OTHER	OPE	589.680	8%
4508	412758-3	END NOZZLE 80/UB001C	ỔNG THỜI 80/UB001C	OTHER	OPE	168.210	8%
4509	191P97-7	END NOZZLE 80/UB001G	ỔNG THỜI 80/UB001G	OTHER	OPE	227.070	8%
4510	197888-8	EXTENSION NOZZLE SET/DUB184	ĐẦU THỜI MỎ RỘNG/UB001G	OTHER	OPE	168.210	8%
4511	A-70334	FIXED BLADE 160/DLM160	LƯỖI CÁT CỎ ĐÌNH 160/DLM160	OTHER	OPE	540.000	8%
4512	D-67468	FLAT FILE 12 PCS/SET	ĐỨA ĐEP 12 CÁI/BỘ	OTHER	OPE	757.890	8%
4513	D-67452	FLAT FILE 1PC	ĐỨA ĐEP 1PC	OTHER	OPE	101.790	8%
4514	197889-6	FLAT NOZZLE SET/DUB362	ĐẦU THỜI ĐEP/UB001G	OTHER	OPE	143.100	8%
4515	1914H1-0	FLAT NOZZLE SET/UB004C	ĐẦU THỜI ĐEP/UB004C	OTHER	OPE	703.350	8%
4516	196643-5	FLEXIBLE HOSE SET	BỘ ỐNG MỀM CHO MÁY THỜI	OTHER	OPE	346.410	8%
4517	191B67-2	FRAME CARRIER/DCU604/DCU602	KHUNG XE ĐẨY/DCU604/DCU602	OTHER	OPE	11.981.790	8%
4518	183P96-3	FRONT NOZZLE SET/DUB184	ỔNG THỜI TRƯỚC/DUB184	OTHER	OPE	259.416	8%
4519	1911B3-6	FUNCTIONAL UNIT FOR FLAT BUCKET + FLAT BUCKE	KHUNG THÙNG CHỨA PHẪNG + THÙNG CHỨA/DCU65	OTHER	OPE	24.259.950	10%
4520	191B63-0	FUNCTIONAL UNIT FOR MANUAL DUMP/DCU603/DCU	GIÁ ĐỖ CHO XE ĐẨY/DCU603/DCU604	OTHER	OPE	22.695.930	8%
4521	191G09-6	GARDEN NOZZLE ASSEMBLY SET/DUB186, DUB185	ỔNG THỜI SÂN VƯỜN/DUB186, DUB185	OTHER	OPE	168.210	8%
4522	454880-0	GRASS RECEIVER 110/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	OTHER	OPE	96.120	8%
4523	457426-1	GRASS RECEIVER 160	KHAY CHỨA CỎ 160	OTHER	OPE	100.440	8%
4524	198412-0	GRASS RECEIVER 160 SET/UH201D	BỘ BẢO VỆ LƯỖI/UH201D	OTHER	OPE	311.040	8%
4525	191N25-0	GRASS RECEIVER SET/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	OTHER	OPE	271.512	8%
4526	191N34-9	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 300MM/EM408MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 300MM/EM408MP	OTHER	OPE	4.764.420	8%
4527	191N46-2	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 330MM/EM409MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 330MM/EM409MP	OTHER	OPE	2.859.570	8%
4528	1911K6-3	GRAY TIRE 210 ASSEMBLY	LÓP XE XÁM 210	OTHER	OPE	2.122.200	8%
4529	1911K5-5	GRAY TIRE 330 ASSEMBLY	LÓP XE XÁM 330	OTHER	OPE	3.073.680	8%
4530	452093-7	GUIDE BAR CASE	VỎ BẢO VỆ LAM	OTHER	OPE	66.744	8%
4531	410054-3	GUIDE BAR CASE/5012B	VỎ BẢO VỆ LAM XÍCH/5012B	OTHER	OPE	143.100	8%
4532	191B03-8	GUTTER NOZZLE SET FOR BLOWER	BỘ PHỤ KIỆN THỜI TRÊN CAO	OTHER	OPE	2.501.820	8%
4533	161377-9	HARNES/DUP361	BỘ DÂY ĐEO/DUP361	OTHER	OPE	840.240	8%
4534	161603-6	HARNES/DUP362	TÚI ĐUNG ĐUNG CU/DUP362	OTHER	OPE	828.900	8%
4535	126766-5	HIGH PRESSURE HOSE 5M/DHW080	ỔNG XIT NƯỚC ẮP LỰC CAO 5M/DHW080	OTHER	OPE	434.970	8%
4536	1913K4-9	HOLSTER/DUC150	TÚI ĐEO HỒNG/DUC150	OTHER	OPE	887.760	8%
4537	161379-5	HOLSTER/DUP361	TÚI ĐEO/DUP361	OTHER	OPE	340.740	8%
4538	162C23-5	HOLSTER/UP001G	TÚI ĐEO HỒNG ĐUNG MÁY/UP001G	OTHER	OPE	227.070	8%
4539	PR00000144	HOOK/DUS054	MỐC TREO/DUS054	OTHER	OPE	19.332	8%
4540	D-67480	LOGGER'S FILING VISE	ÉTÔ DỨA XÍCH	OTHER	OPE	233.010	8%
4541	198486-1	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/UM600D	PHỤ KIỆN TAY CẮM NỐI DÀI/UM600D	OTHER	OPE	1.563.650	10%
4542	123246-2	LONG NOZZLE ASSEMBLY/DUB185	ỔNG THỜI DÀI/DUB185	OTHER	OPE	305.370	8%
4543	1913H6-4	MULCHING BLADE 430 SET/LM003G	LƯỖI CÁT CỎ 430/LM003G	OTHER	OPE	454.140	8%
4544	1913H8-0	MULCHING PLUG 430/LM004G	CHẶN CỎ 430/LM004G	OTHER	OPE	305.370	8%
4545	191D46-2	MULCHING PLUG SET/DLM382	NÁP CHẶN CỎ/DLM382	OTHER	OPE	328.860	8%
4546	413L55-2	MULTING PLUG/LM002G	MIỆNG CHẶN CỎ/LM002G	OTHER	OPE	156.330	8%
4547	327C46-2	NOZZLE 0.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 0.5	OTHER	OPE	133.760	10%
4548	327A93-1	NOZZLE 4.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 4.5/PM001G	OTHER	OPE	85.800	10%
4549	125729-8	NOZZLE ASSEMBLY/BHX2500	ỔNG NỐI/BHX2500	OTHER	OPE	239.220	8%
4550	123245-4	NOZZLE ASSY/UB1103	ỔNG THỜI/UB1103	OTHER	OPE	101.790	8%
4551	6958029000	NOZZLE COMPLETE/DVF154	ĐẦU PHUN CHỮ Y/DVF154	OTHER	OPE	268.380	8%
4552	1913N6-6	PEG SET 50PCS/RM350D	BỘ CHÓT 50 CÁI/RM350D	OTHER	OPE	510.510	10%
4553	191T41-8	POLE SAW ATTACHMENT SET 300MM/91PX/EY403MP	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH 300MM/91PX/EY403MP	OTHER	OPE	8.494.200	8%
4554	191A62-6	PORTABLE POWER PACK SET(18V/18Vx2)/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 2P/PDC01/18V/18Vx2	OTHER	OPE	19.089.000	8%
4555	191A67-6	PORTABLE POWER PACK SET(18Vx2)/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 18Vx2/PDC01	OTHER	OPE	16.027.200	8%
4556	191M44-0	PORTABLE POWER PACK SET/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI/PDC01	OTHER	OPE	15.929.568	8%
4557	197294-7	PROTECTION GUARD FOR BRUSH CUTTING BLADES/U	BẢO VỆ LƯỖI DÙNG CHO MÁY CẮT CỎ /UR002G	OTHER	OPE	572.130	8%
4558	457273-0	PROTECTION GUARD NARROW TYPE/UR101C/UR101C	TÀM CHẮN BẢO VỆ/UR101C	OTHER	OPE	370.170	8%
4559	198889-9	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOR EXTENTION/I	BẢO VỆ LƯỖI VỚI ĐẦU MỎ RỘNG/DUR369A	OTHER	OPE	471.690	8%
4560	191E43-4	PROTECTOR ASSEMBLY SET PDC01/A	BỘ DÂY ĐEO CHO PDC01/A	OTHER	OPE	364.230	8%
4561	191B54-1	PROTECTOR U 430 SET MG/DUR369	NÁP BẢO VỆ U 430 SET MG/DUR369	OTHER	OPE	417.150	8%
4562	191B55-9	PROTECTOR/DUR369A/UR101C	CHỤP BẢO VỆ/DUR369A/UR101C	OTHER	OPE	489.510	8%
4563	A-48957	ROTARY BLADE 160/DLM160	LƯỖI CÁT XOAY 160/DLM160	OTHER	OPE	543.240	8%
4564	191D51-9	ROTARY LAWN MOWER BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CÁT CỎ 460	OTHER	OPE	678.780	8%
4565	191D52-7	ROTARY LAWN MOWER BLADE/DLM530	LƯỖI CÁT CHO MÁY CẮT CỎ ĐÂY/DLM530	OTHER	OPE	804.870	8%
4566	191M57-1	ROTARY SCISSORS ATTACH SET E/EM407MP	PHỤ KIỆN CẮT CỎ/EM407MP	OTHER	OPE	19.190.325	10%
4567	744015-4	ROUND FILE 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC254ZNR	ĐỨA TRÒN 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC254ZNR/DUC2	OTHER	OPE	101.790	8%
4568	D-67365	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 12PCS	ĐỨA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 12 CÁI	OTHER	OPE	501.228	8%
4569	D-67359	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 2PCS	ĐỨA TRÒN4.0MM(5/32")X246MM 2 CÁI	OTHER	OPE	107.730	8%
4570	D-67387	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 12PCS	ĐỨA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 12 CÁI	OTHER	OPE	501.228	8%
4571	D-67371	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 2PCS	ĐỨA TRÒN4.5MM(11/64")X246MM 2 CÁI	OTHER	OPE	107.730	8%
4572	191E23-0	SHAFT EXTENSION ATTACHMENT/L/E400MP	PHỤ KIỆN THANH NỐI KÉO DÀI/L/E400MP	OTHER	OPE	4.488.770	10%
4573	199169-6	SHEAR BLADE L SET(FOR HARD BRANCH)	LƯỖI CÁT CÀNH L(CÀNH CỨNG)	OTHER	OPE	2.719.980	8%
4574	199171-9	SHEAR BLADE L SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỖI CÁT CÀNH L(CÀNH MỀM)	OTHER	OPE	2.836.620	8%
4575	197367-6	SHEAR BLADE L SET(STANDARD)	LƯỖI CÁT CÀNH L(TIÊU CHUẨN)	OTHER	OPE	1.528.200	8%
4576	1913P3-6	SHEAR BLADE L SET/DUP180	LƯỖI CÁT CÀNH L/DUP180	OTHER	OPE	555.120	8%

4577	1911W1-7	SHEAR BLADE L SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH L/UP100D	OTHER	OPE	454.140	8%
4578	197588-0	SHEAR BLADE U (STANDARD)/DUP361	LƯỠI CẮT CÀNH U (TIÊU CHUẨN)/DUP361	OTHER	OPE	1.739.340	8%
4579	199168-8	SHEAR BLADE U SET(FOR HARD BRANCH)	LƯỠI CẮT CÀNH U(CẢNH CỨNG)	OTHER	OPE	2.158.920	8%
4580	199314-3	SHEAR BLADE U SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỠI CẮT CÀNH U(CẢNH MỀM)	OTHER	OPE	2.407.320	8%
4581	1913P4-4	SHEAR BLADE U SET/DUP180	LƯỠI CẮT CÀNH U/DUP180	OTHER	OPE	589.680	8%
4582	1911W2-5	SHEAR BLADE U SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH U/UP100D	OTHER	OPE	454.140	8%
4583	166094-6	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	OTHER	OPE	90.180	8%
4584	G800000198	SHOULDER HARNESS ASSY/DUB187	BỘ DÂY ĐEO/DUB187	OTHER	OPE	168.210	8%
4585	122D94-0	SHOULDER STRAP ASSEMBLY/UR017G	DÂY ĐEO VAI/UR017G	OTHER	OPE	180.090	8%
4586	122906-3	SHOULDER STRAP/DUR369A	DÂY ĐEO VAI/DUR369A	OTHER	OPE	540.000	8%
4587	PR00000128	SHOULDER STRAP/DUS054	DÂY ĐEO/DUS054	OTHER	OPE	168.210	8%
4588	123422-8	SHOULDER STRAP/UR101C	DÂY ĐEO VAI/UR101C	OTHER	OPE	96.120	8%
4589	PR00000145	SPRAY WAND/DUS054	ỐNG CÁN PHUN/DUS054	OTHER	OPE	303.325	10%
4590	127104-4	STORAGE BOX ASSEMBLY/DHW080	THÙNG Đựng NƯỚC/DHW080	OTHER	OPE	1.979.100	8%
4591	197296-3	STRING TRIMMER HEAD/DUR365	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CỰC/DUR365	OTHER	OPE	525.960	8%
4592	191D47-0	SWING BACK BLADE 460 SET/4PCS	LƯỠI THAY THẾ CHO LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 460/4CÁI	OTHER	OPE	1.006.776	8%
4593	191D48-8	SWING BACK BLADE 530 SET/4PCS	LƯỠI THAY THẾ CHO LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 530/4CÁI	OTHER	OPE	1.029.024	8%
4594	191D49-6	SWING BACK BLADE460	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 460	OTHER	OPE	1.132.650	8%
4595	191D50-1	SWING BACK BLADE530	BỘ LƯỠI CẮT CỎ 4 LƯỠI 530	OTHER	OPE	1.240.380	8%
4596	D-72160	TEXTILE SHARPENING SET 4.5MM	BỘ Dũa HỒI XÍCH 4.5MM	OTHER	OPE	798.930	8%
4597	D-72176	TEXTILE SHARPENING SET 4.8MM	BỘ Dũa HỒI XÍCH 4.8MM	OTHER	OPE	604.800	8%
4598	D-72182	TEXTILE SHARPENING SET 5.2MM	BỘ Dũa HỒI XÍCH 5.2MM	OTHER	OPE	669.600	8%
4599	D-72198	TEXTILE SHARPENING SET 5.5MM	BỘ Dũa HỒI XÍCH 5.5MM	OTHER	OPE	669.600	8%
4600	D-72154	TEXTILE SHARPENING SET 4MM	BỘ Dũa HỒI XÍCH 4MM	OTHER	OPE	798.930	8%
4601	1911K4-7	TIRE 330 ASSEMBLY	LỐP XE 330	OTHER	OPE	2.977.560	8%
4602	PR00000142	TOW HEAD NOZZLE/DUS054	ĐẦU VỎI PHUN/DUS054	OTHER	OPE	96.120	8%
4603	199884-2	TRIMMER HEAD 105-M10L SET MG/UR012G	BỘ ĐẦU CẮT CỎ 105-M10L MG/UR012G	OTHER	OPE	744.660	8%
4604	TR000000001	TROLLEY	XE KÉO BẢNG TAY ĐỀ CHỖ HÀNG	OTHER	OPE	5.730.210	8%
4605	PR00000255	TWIN HEAD MIST NOZZLE ASSY/DUS108	ĐẦU BÉT PHUN ĐÓI/DUS108	OTHER	OPE	168.210	8%
4606	191P37-5	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỒNG VÁ TÚI HÚT BỤI/DUB363	OTHER	OPE	1.906.740	8%
4607	127425-4	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363	ỐNG HÚT BỤI A/DUB363	OTHER	OPE	190.080	8%
4608	1913J5-0	VERTICAL BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỠI CẮT/UV001G	OTHER	OPE	1.620.810	8%
4609	AB45127080	WEEDING NOZZLE WITH COVER/DUS158	ĐẦU PHUN CỎ CÓ CHỤP BẢO VỆ/DUS158	OTHER	OPE	1.185.840	8%
4610	1913N4-0	WIRE REPAIR SET(5M WIRE SET,10PCS PEG SET,6PCS C	BỘ PHỤ KIỆN SỬA CHỮA(5M DÂY KÉM,10 CÁI CHỐT,6	OTHER	OPE	1.116.720	8%
4611	1913N2-4	WIRE SET 150M/RM350D	DÂY KÉM 150M/RM350D	OTHER	OPE	3.215.850	10%
4612	1913Y3-9	WIRE SET 50M/RM350D	DÂY KÉM 50M/RM350D	OTHER	OPE	1.043.460	10%
4613	197881-2	ABSORPTION CONNECTER ASSY	ĐẦU NỐI	WASHE	OPE	132.840	8%
4614	122F22-7	ABSORPTION CONNECTOR G3/4/HW001G	ĐẦU NỐI ỒNG DẪN NƯỚC G3/4/HW001G	WASHE	OPE	106.380	8%
4615	197853-7	ACCESSORY JOINT ASSY	ĐẦU NỐI	WASHE	OPE	180.990	8%
4616	LX00000002	ANGLE NOZZLE/HW180D	ĐẦU XIT GÓC/HW180D	WASHE	OPE	543.240	8%
4617	197879-9	CLEANER PIN ASSY	PHỤ KIỆN VÉ SINH	WASHE	OPE	73.700	10%
4618	197864-2	CYCLONE GUARD SET	BẢN CHÁI XOAY	WASHE	OPE	620.730	8%
4619	197824-4	CYCLONE JET NOZZLE SET	ĐẦU XIT DẠNG XOÁY	WASHE	OPE	358.290	8%
4620	197850-3	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 10M	DÂY ẤP SUẤT CAO 10M	WASHE	OPE	1.217.160	8%
4621	197845-6	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 5M	DÂY ẤP SUẤT CAO 5M	WASHE	OPE	781.380	8%
4622	197847-2	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 8M	DÂY ẤP SUẤT CAO 8M	WASHE	OPE	983.340	8%
4623	197870-7	EXTENDED HOSE ASSY	ĐẦU NỐI DÀI	WASHE	OPE	1.259.225	10%
4624	191U84-6	EXTENSION SET/DHW080	CÁN NÓI DÀI/DHW080	WASHE	OPE	322.920	8%
4625	197886-2	FOAM NOZZLE ASSY	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	WASHE	OPE	506.196	8%
4626	1912Y2-5	FOAM NOZZLE SET/HW001G	BÌNH CHỨA XÀ BÔNG/HW001G	WASHE	OPE	555.120	8%
4627	LX000000001	FOAM NOZZLE/HW180D	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG/HW180D	WASHE	OPE	348.030	8%
4628	123784-4	HIGH PRESSURE HOSE 10M/HW1200	DÂY DẪN 10M	WASHE	OPE	536.760	8%
4629	1910R1-6	HOSE ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ỒNG NỐI/DHW080	WASHE	OPE	603.180	8%
4630	197883-8	ONE TOUCH JOINT ASSY	ĐẦU NỐI NHANH	WASHE	OPE	119.610	8%
4631	197837-5	PIPE CLEANING HOSE ASSY 10M	VỎI XIT LẮM SẠCH ỒNG 10M	WASHE	OPE	901.260	8%
4632	197840-6	PIPE CLEANING HOSE ASSY 15M	VỎI XIT LẮM SẠCH ỒNG 15M	WASHE	OPE	1.097.280	8%
4633	LX000000004	PLASTIC BOTTLE ADAPTER/HW180D	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHAI NHỰA/HW180D	WASHE	OPE	191.700	8%
4634	197831-7	ROTATION BRUSH ASSY	BẢN CHÁI XOAY	WASHE	OPE	495.450	8%
4635	197873-1	SELF-SUCTION HOSE ASSY	ỐNG HÚT NƯỚC	WASHE	OPE	922.050	8%
4636	1910R2-4	STRAINER ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ĐẦU NỐI BỘ LỌC/DHW080	WASHE	OPE	864.000	8%
4637	197842-2	TRIGGER GUN SET	SÚNG XIT RỬA	WASHE	OPE	489.510	8%
4638	197867-6	TWIST PREVENTION JOINT SET	ĐẦU NỐI CHỐNG XOẢN/HW1200	WASHE	OPE	561.550	10%
4639	197859-5	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XIT GÓC/DHW080	WASHE	OPE	829.950	10%
4640	198909-9	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/HW1200,HW1300	ĐẦU XIT GÓC/HW1200,HW1300	WASHE	OPE	770.580	8%
4641	197822-8	VARIABLE NOZZLE ASSY	ĐẦU XIT RỬA	WASHE	OPE	335.070	8%
4642	191U88-8	VARIO SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XIT RỬA/DHW080	WASHE	OPE	965.790	8%
4643	191U83-8	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XIT THĂNG, DET/DHW080	WASHE	OPE	595.620	8%
4644	191U86-2	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XIT THĂNG, DET/DHW080	WASHE	OPE	621.000	8%
4645	197876-5	VARIOSPRAY LANCE SET	ĐẦU XIT RỬA	WASHE	OPE	545.400	8%
4646	1912Y4-1	VARIOSPRAY NOZZLE SET/HW001G	ĐẦU XIT RỬA/HW001G	WASHE	OPE	632.610	8%
4647	197828-6	WASH BRUSH ASSY	ĐẦU XIT DẠNG BÀN CHÁI	WASHE	OPE	256.608	8%
4648	LX000000003	WHEEL BRUSH/HW180D	ĐẦU XIT DẠNG CHÓI/HW180D	WASHE	OPE	411.750	8%
4649	D-82270	BRUSH CUTTER BLADE TCT (230MMX25.4X36T)	LƯỠI CẮT CỎ TCT (230MMX25.4X36T)	BCBLD	OPE	389.340	8%
4650	196879-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/UH353D	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO/UH353D	HEDGE	OPE	523.368	8%
4651	1916V7-8	FLAT NOZZLE SET/UB003G	ĐẦU THỎI DEP/UB003G	OTHER	OPE	294.840	8%
4652	EN425MP	GROUND TRIMMER ATT/UX01G/DUX60/DUX18	PHỤ KIỆN TĨA CỎ SẮT ĐÁT/UX01G/DUX60/DUX18	MPFHE	OPE	8.454.240	8%
4653	1916J8-2	GUIDE BAR 20 SET/UC030G	THANH DẪN (LAM)/UC030G	CHAIN	OPE	3.520.800	8%
4654	1412F5-6	GUIDE BAR TIP	ĐẦU LAM	OTHER	OPE	812.160	8%
4655	1916K0-5	MULTI-PURPOSE CHAINBLADE 20 SET/UC030G	LƯỠI CHUỖA XÍCH/UC030G	CHAIN	OPE	9.622.260	8%
4656	191Y03-6	SHEAR BLADE 600 SET/UH013G	LƯỠI TĨA HÀNG RÀO 600/UH013G	HEDGE	OPE	3.682.260	8%
4657	1916C7-5	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4MMX2T)	LƯỠI CẮT CỎ (230MMX25.4MMX2T)	BCBLD	OPE	182.520	8%
4658	1916X3-0	500MM GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN425MP	LƯỠI CẮT CỎ 500MM/EN425MP	MPFHE	OPE	4.661.010	8%
4659	1917R0-0	BATTERY HOLDER SET/UB004G	TÚI Đựng PIN ĐEO HỒNG/UB004G	BAG	OPE	372.600	8%
4660	1917R2-6	CUSHION BELT COMPLETE SET/UB004G	DÂY ĐAI ĐEM ĐEO HỒNG/UB004G	OTHER	OPE	667.440	8%
4661	1918E9-7	END NOZZLE 81 SET/UB004G	ĐẦU THỎI LỚN/UB004G	OTHER	OPE	255.852	8%
Y	PIN, SẠC, BỘ PIN SẠC, ĐÈN						
4662	1913G0-9	BATTERY BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0AH)	PIN BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0AH)	12MAX		3.528.360	8%

4663	197406-2	BATTERY BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	PIN BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	12MAX	12MAX	1.897.560	8%
4664	197396-9	BATTERY BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	PIN BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	12MAX	12MAX	1.366.200	8%
4665	197393-5	BATTERY BL1016(LI-ION,12V MAX,1.5AH)	PIN BL1016(LI-ION,12V MAX, 1.5AH)	12MAX	12MAX	1.111.320	8%
4666	191353-7	BATTERY BL4080H(LI-ION 40V, 8.0AH)	PIN BL4080H(LI-ION 40V, 8.0AH)	40MAX		17.263.800	8%
4667	191X65-8	BATTERY BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	PIN BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	40MAX		11.136.960	8%
4668	191L47-8	BATTERY BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	PIN BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	40MAX		7.425.000	8%
4669	191B26-6	BATTERY BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	PIN BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	40MAX		6.498.360	8%
4670	191B36-3	BATTERY BL4025(LI-ION,40V, 2.5AH)	PIN BL4025(LI-ION,40V,2.5AH)	40MAX		5.250.420	8%
4671	191L29-0	BATTERY BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	PIN BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	40MAX		3.966.840	8%
4672	191Y69-6	BATTERY BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	PIN BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	64MAX		24.179.040	8%
4673	197709-4	BATTERY BL1460B SET(LI-ION,14.4V, 6.0 AH)	PIN BL1460B(LI-ION,14.4V, 6.0AH)	BL14	BL14	4.499.280	8%
4674	632G42-4	BATTERY BL1460A (LI-ION, 14.4V, 6.0 AH)(BULK)	PIN BL1460A (LI-ION,14.4V,6.0 AH)(BULK)	BL14	BL14	4.857.840	8%
4675	197615-3	BATTERY BL1430B SET(LI-ION,14.4V,3.0AH)	PIN BL1430B(LI-ION,14.4V, 3.0AH)	BL14	BL14	2.916.000	8%
4676	632G25-4	BATTERY BL1430B(BULK)	PIN BL1430B(LI-ION 14.4V, 3AH)(KHÔNG ĐÓNG GÓI)	BL14		2.354.400	8%
4677	191N76-3	BATTERY BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	PIN BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	BL14		1.932.120	8%
4678	196280-5	BATTERY BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	BL14	BL14	2.916.000	8%
4679	1915H4-0	BATTERY BL1890(LI-ION 18V, 9.0AH)	PIN BL1890(LI-ION 18V, 9.0AH)	BL18		6.056.640	8%
4680	197422-4	BATTERY BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0 AH)	PIN BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)	BL18	BL18	4.175.280	8%
4681	191AM2-3	BATTERY BL1850V SET/RM350D	PIN BL1850V/RM350D	BL18		5.266.080	8%
4682	197280-8	BATTERY BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	PIN BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	BL18	BL18	3.585.600	8%
4683	197599-5	BATTERY BL1830B (LI-ION, 18V, 3.0 AH)	PIN BL1830B (LI-ION, 18V,3.0AH)	BL18	BL18	2.359.800	8%
4684	191N69-0	BATTERY BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	BL18		2.128.680	8%
4685	197254-9	BATTERY BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	BL18	BL18	2.289.600	8%
4686	196235-0	BATTERY BL1815N(LI-ION,18V,1.5AH)	PIN BL1815N (LI-ION, 18V,1.5AH)	BL18	BL18	1.944.000	8%
4687	1915J2-8	BATTERY BL18120(LI-ION 18V, 12.0AH)	PIN BL18120(LI-ION 18V, 12.0AH)	BL18		7.338.600	8%
4688	191R06-8	BATTERY BL6440 SET(LI-ION,64V, 4.0AH)	PIN BL6440(LI-ION,64V, 4.0AH)	BL64		10.961.460	8%
4689	195471-5	CHARGER DC36WA	SAC PIN DC36WA			3.348.000	8%
4690	1910G0-1	CHARGER DC18WC	SAC PIN DC18WC			1.701.000	8%
4691	195423-6	CHARGER DC18WA	SAC PIN DC18WA			1.331.640	8%
4692	1916D9-8	CHARGER DC18SJ	SAC PIN DC18SJ			2.158.920	8%
4693	197343-0	CHARGER DC10WD	SAC PIN DC10WD			1.459.080	8%
4694	194588-1	CHARGER DC10WA	SAC PIN DC10WA			1.238.760	8%
4695	191L80-0	BATTERY CHARGER DC1002	SAC PIN DC1002			560.952	8%
4696	196829-1	BATTERY CHARGER DC1001	SAC PIN DC1001			427.896	8%
4697	191W19-9	BATTERY CHARGER DC64WA SET	SAC PIN 64V DC64WA			3.839.400	8%
4698	196426-3	4 PORT CHARGER DC18SF	SAC PIN 4 CỘNG DC18SF			6.625.800	8%
4699	199687-4	TWO PORT MULTI CHARGER/DC18SH	SAC PIN 2 CỘNG/DC18SH			3.561.840	8%
4700	191W37-7	CHARGER 18V DC18WB	SAC PIN 18V DC18WB			1.122.120	8%
4701	191E07-8	FAST CHARGER DC40RA	SAC NHANH DC40RA			4.024.080	8%
4702	194869-3	FAST CHARGER DC36RA	SAC NHANH DC36RA			4.190.400	8%
4703	195584-2	FAST CHARGER DC18RC	SAC NHANH DC18RC			3.006.720	8%
4704	197363-4	FAST CHARGER DC10SB	SAC NHANH DC10SB			1.828.440	8%
4705	196933-6	2 PORT FAST CHARGER DC18RD	SAC NHANH 2 CỘNG DC18RD			4.625.640	8%
4706	191N09-8	2PORT FAST CHARGER 40V/DC40RB	SAC NHANH 2 CỘNG 40V/DC40RB			6.418.440	8%
4707	191L00-4	BATTERY CHARGER DC4001/PDC1200	SAC DC4001/PDC1200			4.598.100	8%
4708	191M90-3	CHARGER 40V/DC40RC	SAC 40V/DC40RC			2.799.360	8%
4709	1911L9-4	DC40WA BATTERY CHARGER SET	BỘ SAC PIN DC40WA			4.371.840	8%
4710	194533-6	BATTERY CHARGER SET DC18SD	BỘ SAC PIN DC18SD			2.371.680	8%
4711	198186-3	BATTERY BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	PIN BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	GBTR		1.734.480	8%
4712	198192-8	BATTERY BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	PIN 14V BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	GBTR		1.342.440	8%
4713	ML005GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)			10.229.220	8%
4714	ML187	RECHARGEABLE FLASH LIGHT(G-BATTERY)(14.4V/18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(PIN TIẾT KIỂM)(14.4V/18V)			1.191.510	8%
4715	ML001G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)			1.526.310	8%
4716	ML006GX	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)			2.501.820	8%
4717	ML011G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)			2.113.560	8%
4718	DML816X	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V/14.4V)			2.334.960	8%
4719	DML817	CORDLESS WORKLIGHT(18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V)			1.753.650	8%
4720	DML808	LED FLASHLIGHT(14.4V-18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V-18V)			1.849.500	8%
4721	DML815	CORDLESS FLASHLIGHT(14.4V/18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V/18V)			1.132.650	8%
4722	ML104	CORDLESS LED FLASHLIGHT (12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)			2.977.560	8%
4723	ML106	CORDLESS LED FLASHLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)			1.961.280	8%
4724	ML107	CORDLESS WORKLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)			1.549.800	8%
4725	ML007G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN DÙNG PIN(40V MAX)			5.534.190	8%
4726	DML812	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN DÙNG PIN(18V/14.4V)			5.003.640	8%
4727	ML010G	CORDLESS AREA WORKLIGHT(40V MAX/18V/AC)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX/18V/AC)			17.415.000	8%
4728	ML003G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)			6.587.190	8%
4729	ML005G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)			10.333.170	8%
4730	ML009GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX/18V/14.4V)			16.673.796	8%
4731	ML002G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)			3.604.230	8%
4732	DML813	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V)			11.046.240	8%
4733	DML814	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V)			11.886.210	8%
4734	DML805	CORDED AND CORDLESS LED WORKLIGHT (18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V/14.4V)(18V, 14.4V)			5.020.380	8%
4735	DML807	CORDLESS LED WORKLIGHT (18V, 14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V, 14.4V)			2.997.000	8%
4736	ML012G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙNG PIN(40VMAX)			15.631.650	8%
4737	DML818	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙNG PIN(18V/14.4V)			12.505.860	8%
4738	198116-4	POWER SOURCE KIT/MKP1RGI82(BL1860B*2/DC18RC)	BỘ PIN SAC/MKP1RGI82(BL1860B*2/DC18RC)			10.437.120	8%
4739	197952-5	POWER SOURCE KIT/MKP1RF182(BL1830B*2/DC18RC)	BỘ PIN SAC/MKP1RF182(BL1830B*2/DC18RC)			7.348.320	8%
4740	191U42-2	POWER SOURCE KIT(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SAC(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)			33.531.840	8%
4741	191V35-5	POWER SOURCE KIT(BL4050F*2+DC40RA*1+TYPE2 CPC)	BỘ PIN SAC(BL4050F*2+DC40RA*1+TYPE2 CPC)			16.998.120	8%
4742	191U28-6	POWER SOURCE KIT(BL4040*4+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SAC(BL4040*4+DC40RB+MAKPAC)			28.652.940	8%
4743	191T64-6	POWER SOURCE KIT(BL1860B*2+BL4025*2+ADP10+DC40RA)	BỘ PIN SAC(BL1860B*2+BL4025*2+ADP10+DC40RA)			19.008.000	8%
4744	191J97-1	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL4040*2+DC40RA)	BỘ PIN SAC PSKG1(BL4040*2+DC40RA)			15.286.320	8%
4745	191T62-0	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL1860B*1+BL4025*1+ADP10+DC40RA)	BỘ PIN SAC PSKG1(BL1860B*1+BL4025*1+ADP10+DC40RA)			11.772.000	8%
4746	197624-2	POWER SOURCE KIT MKP1RT182(BL1850B*2/DC18RC)	BỘ PIN SAC MKP1RT182(BL1850B*2/DC18RC)			9.437.040	8%
4747	192595-8	BATTERY 9122	PIN 9122	NICD		2.017.440	8%
4748	191681-2	BATTERY 9000	PIN 9000	NICD		1.356.480	8%
4749	632006-6	BATTERY 7000 EN/FR/DE	PIN 7000 EN/FR/DE	NICD		889.920	8%

4750	191679-9	BATTERY 7000	PIN 7000	NICD		851.040	8%
4751	193059-5	BATTERY 1235 SET	PIN 1235 SET	NIMH		2.268.000	8%
4752	BL1055B	BATTERY/BL1055B	PIN SẠC DỰ PHÒNG/BL1055B	OTBTR	OTBTR	4.320.000	8%
4753	196877-0	BATTERY BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	OTBTR	OTBTR	1.922.400	8%
4754	191319-9	BATTERY BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH)	PIN BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH)	OTBTR		1.249.560	8%
4755	1913W2-7	BATTERY BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	PIN BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	OTBTR		1.215.000	8%
4756	TP00000164	BATTERY 4.8V / 6723DW	PIN 4.8V/ 6723DW	OTBTR	OTBTR	378.000	8%
4757	632R12-9	BATTERY (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	PIN (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	OTBTR		902.988	8%
4758	PDC1500A01	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TYPE/40V MAX/18	BỘ TRÙ PIN ĐEO VAI(BỘ CẤP NGUỒN/40V MAX/18Vx2	OTBTR		80.937.360	8%
4759	PDC1200A02	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TYPE/40V MAX/18	BỘ TRÙ PIN ĐEO VAI(BỘ CẤP NGUỒN/40V MAX/18Vx2	OTBTR		49.743.720	8%
4760	196809-7	BCV03/BATTERY CONVERTER SET	BCV03/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/BCV03	OTBTR		3.076.920	8%
4761	630E33-7	AC ADAPTER/RM350D	BỘ ĐỔI NGUỒN/RM350D	OTHER		3.326.130	8%
4762	ML013G	CORDLESS MAGNETIC LIGHT(40V MAX)	ĐÈN TỬ TÍNH DÙNG PIN(40V MAX)		PT	3.292.920	8%
4763	DML819	CORDLESS MAGNETIC LIGHT(18V)	ĐÈN TỬ TÍNH DÙNG PIN(18V)			3.292.920	8%
4764	1915U1-7	CIGARETTE ADAPTER SET/ADP14/DC18SJ	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN/ADP14/DC18SJ	OTHER		1.451.790	8%
4765	1918A3-1	BATTERY BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	PIN BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	40MAX		8.683.200	8%
4766	1918B0-4	BATTERY BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	PIN BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	40MAX		11.966.400	8%
4767	PSKGPT4J	POWER SOURCE KIT(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)	BỘ PIN SẠC(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC)			44.668.800	8%
Z OTHER-PHỤ KIỆN KHÁC							
4768	198363-7	ADP07 AC ADAPTER SET/DF001D	ADP07 CỤC SẠC PIN/DF001D			243.324	8%
4769	CP00000001	ADP09 AA BATTERY PACK/SK700GD	ADP09 BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN AA/SK700GD	OTHER		977.400	8%
4770	194312-2	INNER SLEEVE 1-49 SET	MĂNG SÓNG BÊN TRONG 1"-49	OTHER		4.404.400	10%
4771	194310-6	INNER SLEEVE 22-48 SET	MĂNG SÓNG BÊN TRONG 22-48	OTHER		5.386.425	10%
4772	194033-6	OUTER SLEEVE 22-49 SET	MĂNG SÓNG BÊN NGOÀI 22-49	OTHER		3.227.950	10%
4773	194034-4	OUTER SLEEVE 24-49 SET/6924N	MĂNG SÓNG BÊN NGOÀI 24-49/6924N	OTHER		2.724.975	10%
4774	194092-0	OUTER SLEEVE 7/8-49 SET	MĂNG SÓNG BÊN NGOÀI 7/8-49	OTHER		3.379.200	10%
4775	764352-0	INNER SLEEVE 22-85 COMPLETE	MĂNG SÓNG BÊN TRONG 22-85	OTHER		4.877.675	10%
4776	764419-4	INNER SLEEVE 3/4-38 COMPLETE	BẠC ĐÈM TRONG 3/4-38	OTHER		2.475.360	8%
4777	764353-8	INNER SLEEVE 3/4-84 COMPLETE	BẠC ĐÈM TRONG 3/4-84	OTHER		3.982.000	10%
4778	764420-9	INNER SLEEVE 5/8-36 COMPLETE	BẠC ĐÈM TRONG 5/8-36	OTHER		2.635.600	10%
4779	3640950	BAYONET FIX BRUSH 840.013	BÀN CHÁI/HW11			171.180	8%
4780	A-36712	TYPE 43 DRILL STAND	BÀN KHOAN 43	OTHER		6.284.300	10%
4781	194087-3	REAR TABLE SET	BÀN MỞ RỘNG MẶT SAU	OTHER		1.204.740	8%
4782	194086-5	LEFT TABLE SET/2704N	BÀN PHỤ TRÁI/2704N	OTHER		1.189.100	10%
4783	JM21000300	EXTENSION TABLE SET/LB1200F	BÀN TRƯỢT/LB1200F	OTHER		1.835.460	8%
4784	194417-8	REPAIR TAPE/LONG RULAR/RUBBER SHEET)	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT BĂNG TẮM CAO SU	OTHER		1.310.580	8%
4785	194416-0	REPAIR TAPE/LONG RULAR(SHEET)	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT THUỖNG	OTHER		1.036.260	8%
4786	HY00000212	WHEEL KITS	BÀNH XE	OTHER		4.906.980	8%
4787	1915G5-1	CASTER SET/VCO13G/VCO14G	BÀNH XE CHO MÁY HÚT BỤI/VCO13G/VCO14G	OTHER		719.820	8%
4788	196943-3	BASE COVER SET/DCC500	BẢO VỆ ĐỂ/DCC500	OTHER		119.610	8%
4789	195387-4	DUST COVER SET FOR GRINDER 180MM,230MM	BẢO VỆ ĐÁ HÚT BỤI CHO MÁY MÀI 180MM,230MM	OTHER		1.716.660	8%
4790	413885-9	BLADE COVER 110/UM110D	BẢO VỆ LƯỖI 110/UM110D	OTHER		26.676	8%
4791	412769-8	BLADE COVER/DUH604S	BẢO VỆ LƯỖI TIA HĂNG/DUH604S	OTHER		79.380	8%
4792	458345-4	BLADE COVER/EN420MP	BẢO VỆ LƯỖI/EN420MP	OTHER		112.860	8%
4793	0028002039	BLADE COVER/HTR5600	BẢO VỆ LƯỖI/HTR5600	OTHER		544.320	8%
4794	0028109009	BLADE COVER/HTR7610	BẢO VỆ LƯỖI/HTR7610	OTHER		380.160	8%
4795	952010640	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	OTHER		197.640	8%
4796	952020650	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	OTHER		262.548	8%
4797	952020660	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	OTHER		235.980	8%
4798	195311-7	BAP36N/BATTERY ADAPTER SET	BAP36N/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	OTHER		1.274.400	8%
4799	191C17-3	SHARPENING HOLDER ASSEMBLY SET	BÈ MÀI LƯỖI	OTHER		135.000	8%
4800	123004-6	SHARPENING HOLDER ASSY	BÈ MÀI LƯỖI BẢO	OTHER		84.975	10%
4801	123006-2	SHARPENING HOLDER ASSY	BÈ MÀI LƯỖI BẢO	OTHER		183.425	10%
4802	123055-9	SHARPENING HOLDER ASSY	BÈ MÀI LƯỖI BẢO	OTHER		96.120	8%
4803	6908031000	NOZZLE 1 HEAD	BÉC 1 ĐẦU	OTHER		460.080	8%
4804	6919500000	NOZZLE 4 HEAD	BÉC 4 ĐẦU	OTHER		766.800	8%
4805	198225-9	NOZZLE 0.7 SET/PM7650H	BÉC PHUN 0.7/PM7650H			105.840	8%
4806	196499-6	NOZZLE SET(0.7,0.8)/PM7650H	BÉC PHUN(0.7,0.8)/PM7650H	OTHER		201.300	10%
4807	3640380	FOAM TANK ROLE RIDE 840.015	BÌNH CHỨA			90.180	8%
4808	3640090	COMPL. DETERG. TANK M - READY 870.113	BÌNH CHỨA CHẤT TẨY RỬA			90.180	8%
4809	50954	DETERGENT TANK	BÌNH CHỨA XÁ PHỒNG			225.450	8%
4810	196353-4	PROTECTOR SET	BỘ BẢO VỆ	OTHER		339.390	8%
4811	191X25-0	RUBBER ATTACHMENT 20-30 SET/AS001G	BỘ CAO SU ĐÍNH KÈM 20-30/AS001G	OTHER	OUTDR	107.730	8%
4812	191X27-6	RUBBER ATTACHMENT 65 SET/AS001G	BỘ CAO SU ĐÍNH KÈM 65/AS001G	OTHER	OUTDR	113.670	8%
4813	STEX122299	BELT SANDER STAND	BỘ CHÀ NHÀM BĂNG ĐỨNG	OTHER		4.026.888	8%
4814	199514-5	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ CHẮN BỤI CHO MÁY MÀI	OTHER		715.500	8%
4815	GM00002283	TRIPOD/DML805	BỘ CHẮN ĐỒ MÁY/DML805	OTHER		2.329.020	8%
4816	194681-1	CHIP RECEIVER ASSY SET	BỘ CHỨA MÀNH VUN	OTHER		648.000	8%
4817	0301140000	CHIP RECEIVER/HTR7610	BỘ CHỨA MÀNH VUN/HTR7610	OTHER		505.440	8%
4818	191C11-5	INTERCHANGEABLE ADAPTER/ADP10	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V SANG PIN 40V MAX/ADP10	OTHER		1.441.800	8%
4819	191J50-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	OTHER		3.217.320	8%
4820	191J51-5	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	OTHER		4.711.230	8%
4821	TE00000442	AC ADAPTER/DCF301	BỘ CHUYỂN ĐỔI AC/DCF301	OTHER		924.480	8%
4822	D-57043	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE SIDE M16	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐÈM LÔNG CỨU 2 MẶT M16	OTHER		36.990	8%
4823	D-56960	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE SIDE	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐÈM LÔNG CỨU ĐANG CHỤP 2 M	OTHER		48.816	8%
4824	SE00000792	AC ADAPTER/DMR203	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐIỆN NGUỒN ĐIỆN/DMR203	OTHER		293.490	8%
4825	196272-4	ADAPTER A SET/TM3000C	BỘ CHUYỂN ĐỔI LƯỖI/TM3000C	OTHER		119.610	8%
4826	191A51-1	SOCKET ADAPTOR 6.35 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 6.35/WR100D	OTHER		489.510	8%
4827	191A50-3	SOCKET ADAPTOR 9.5 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 9.5/WR100D	OTHER		495.180	8%
4828	TE00000440	ADAPTOR(FRA)/DCF203	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN AC/DCF203	OTHER		620.730	8%
4829	WL00000313	AC ADAPTOR/CW002G	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN AC/CW002G	OTHER		2.455.110	8%
4830	TE00000242	AC ADAPTER/CF100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/CF100D	OTHER		429.030	8%
4831	SE00000679	AC ADAPTER/DMR114	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/DMR114	OTHER		674.460	8%
4832	BAC01	POWER CONVERTER	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	OTHER	OUTDR	21.462.840	8%
4833	191M50-5	BATTERY ADAPTER FOR BL CLEANERS/BAP18C	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V/BAP18C	OTHER		1.394.550	8%
4834	1913E8-9	BATTERY ADAPTER SET 40V MAX/BAP001G	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 40V MAX/BAP001G	OTHER		2.616.570	8%
4835	ADP08	USB ADAPTER(12V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN CÔNG USB(12V MAX)	OTHER		634.230	8%

4836	191N62-4	BATTERY ADAPTER FOR 40V MAX BATTERY MODELS	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN DÙNG CHO MÁY 40V MAX/PDC12	OTHER		4.420.440	8%
4837	1914H3-6	BATTERY ADAPTER SET(1.6M)/B0001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(1.6M)/B0001CG	OTHER		1.068.120	8%
4838	1914H5-2	BATTERY ADAPTER SET(5M)/B0001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(5M)/B0001CG	OTHER		1.307.070	8%
4839	1912K6-9	COMMUNICATION CONNECTOR SET/ADP12	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/ADP12	OTHER		4.759.020	8%
4840	199232-5	GUIDE RAIL ADAPTER I SET/DHS660	BỘ CHUYỂN ĐỔI RAY DẪN HƯỚNG/DHS660	OTHER		1.149.930	8%
4841	197252-3	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS710	BỘ CHUYỂN ĐỔI THANH DẪN HƯỚNG/DHS710/THANH	OTHER		1.906.740	8%
4842	199818-5	WIRELESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ CHUYỂN ĐỔI THU VÀ PHÁT KHÔNG DÂY/WUT02	OTHER		6.349.050	8%
4843	ADP001G	USB ADAPTER(40V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI USB(40V MAX)	OTHER		1.112.400	8%
4844	TE00000793	AC ADAPTER/CF003G	BỘ CHUYỂN ĐỔI/CF003G	OTHER		1.372.950	8%
4845	321492-3	TEMPLER GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	OTHER		667.980	8%
4846	321493-1	TEMPLER GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	OTHER		464.400	8%
4847	192622-1	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VỖM	OTHER		2.169.180	8%
4848	192628-9	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VỖM	OTHER		1.384.350	10%
4849	192669-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VỖM	OTHER		2.525.310	8%
4850	195253-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VỖM	OTHER		2.597.670	8%
4851	196664-7	BEVEL GUIDE SET	BỘ DẪN GÓC XIÊN	OTHER		1.042.416	8%
4852	191W60-2	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BƠM MỖ(3CÁI/BỘ)/DGP180	OTHER		831.875	10%
4853	PR00000041	SCRAPER SET	BỘ ĐẦU NAO	OTHER		219.450	10%
4854	127482-2	DUST CAP ASSEMBLY/DCS553	BỘ ĐẦU NỒI HÚT BỤI/DCS553	OTHER		691.470	8%
4855	1914H8-6	HARNES SET/B0001CG	BỘ DÂY ĐEO/B0001CG	OTHER		1.056.780	8%
4856	191Y14-1	HARNES COVER SET/VC008G	BỘ DÂY ĐEO/VC008G	OTHER		268.380	8%
4857	1915N0-0	OPTIONAL WIRE/TR001G	BỘ DÂY KẼM/TR001G	OTHER		6.113.250	10%
4858	194929-1	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐÉ	OTHER		237.600	8%
4859	194930-6	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐÉ	OTHER		507.276	8%
4860	199939-3	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐÉ 210/DSL800	OTHER		1.461.510	8%
4861	199940-8	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐÉ 210/DSL800	OTHER		1.663.200	8%
4862	199938-5	PAD 220 SET/DSL800	BỘ ĐÉ 220/DSL800	OTHER		1.596.510	8%
4863	193070-7	SANDING SHOE SET/BS001G	BỘ ĐÉ CHÀ NHAM/BS001G	OTHER		3.014.550	10%
4864	196326-7	STAND CHAIN VISE AND COVER SET/2107F	BỘ ĐÉ CỬA VÒNG VÀ VỎ BẢO VỆ/2107F	OTHER		30.750.840	8%
4865	198687-1	STAND SET	BỘ ĐÉ SET			11.932.110	8%
4866	193730-1	FLUORESCENT LIGHT SET	BỘ ĐÈN HUỖNH QUANG	OTHER		119.610	8%
4867	765027-4	ADJUSTMENT GRIP	BỘ ĐIỀU CHỈNH LỰC	OTHER		603.180	8%
4868	343577-5	TEMPLER GUIDE 10	BỘ ĐIỀU CHỈNH MÀU 10	OTHER		19.690	10%
4869	344364-5	TEMPLER GUIDE 16	BỘ ĐIỀU CHỈNH MÀU 16	OTHER		72.360	8%
4870	194579-2	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH Rãnh TRƯỢT	OTHER		1.310.580	8%
4871	193517-1	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH DẪN HƯỚNG	OTHER		1.115.640	8%
4872	198704-7	GUIDE RAIL ADAPTER SET/DJV184	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH RAY/DJV184	OTHER		674.190	8%
4873	197324-4	TOOL KIT/EA4301F	BỘ DỤNG CỤ/EA4301F	OTHER		161.460	8%
4874	194904-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	OTHER		90.180	8%
4875	196125-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	OTHER		90.180	8%
4876	198692-8	TOOL KIT/EK6101	BỘ DỤNG CỤ/EK6101	OTHER		122.580	8%
4877	197200-2	TOOL KIT/EK8100	BỘ DỤNG CỤ/EK8100	OTHER		111.240	8%
4878	194679-8	ARM BAND COMPLETE SET	BỘ GĂNG TAY	OTHER		143.100	8%
4879	193618-5	STAND SET/DBS180	BỘ GIÁ ĐỖ/DBS180	OTHER		1.122.990	10%
4880	194677-2	CORD HOLDER COMPLETE SET	BỘ GIỮ DÂY	OTHER		70.848	8%
4881	191F58-7	TOOL HANGER SET/TD001G	BỘ GIỮ MÁY/TD001G	OTHER		1.529.825	10%
4882	198731-4	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	OTHER		956.880	8%
4883	TD00000110	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	OTHER		1.396.170	8%
4884	198732-2	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	OTHER		972.000	8%
4885	TD00000111	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	OTHER		1.435.050	8%
4886	198170-8	BATTERY TIMER/BPS01	BỘ HEN GIÓ CHO PIN /BPS01	OTHER		3.627.720	8%
4887	199144-2	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	BỘ HÚT BỤI DÀNH CHO MÁY ĐỤC/DHR400	OTHER		1.263.870	8%
4888	134279-2	BORER ATTACHMENT	BỘ KẼP	OTHER		4.237.420	10%
4889	122940-3	VICE ASSY	BỘ KẼP THẮNG	OTHER		291.500	10%
4890	192694-6	CLAMP COMPLETE/BS001G	BỘ KẼP/BS001G	OTHER		1.739.340	8%
4891	199822-4	WIRELESS UNIT ADAPTOR SET	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY	OTHER		7.146.090	8%
4892	199393-1	WIRELESS UNIT SET/WUT01	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT01	OTHER		1.763.370	8%
4893	191S58-5	BATTERY CHECKER SET (BTC04+BTC05+BTC06)	BỘ KIỂM TRA PIN(BTC04+BTC05+BTC06)	OTHER		12.501.270	8%
4894	198641-5	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	OTHER		540.000	8%
4895	198642-3	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	OTHER		540.000	8%
4896	199596-7	FILTER SET/DX05	BỘ LỌC BỤI/DX05	OTHER		191.700	8%
4897	191X29-2	FILTER C/AS001G	BỘ LỌC C/AS001G	OTHER	OUTDR	101.790	8%
4898	198643-1	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC(20 CÁI)/FJ206D	OTHER		372.600	8%
4899	195855-7	FILTER SET/DX01	BỘ LỌC/DX01	OTHER		381.780	8%
4900	198644-9	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC/FJ206D	OTHER		388.800	8%
4901	SC00000130	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CẮT	OTHER		2.764.530	8%
4902	SC00000580	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CẮT	OTHER		7.051.590	8%
4903	SC09002450	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CẮT	OTHER		3.979.152	8%
4904	SC00000562	CUTTER 6MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 6MM	OTHER		3.979.152	8%
4905	SC00000510	CUTTER 10MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 10MM	OTHER		3.979.152	8%
4906	SC00000512	CUTTER 12MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 12MM	OTHER		3.979.152	8%
4907	SC00000508	CUTTER 8MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 8MM	OTHER		3.979.152	8%
4908	194755-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET	BỘ LƯỚI CẮT CHO MÁY CẮT TỖN	OTHER		1.037.880	8%
4909	SC00000515	STAINLESS STEEL CUTTER 10MM	BỘ LƯỚI CẮT KHÔNG GỈ 10MM	OTHER		3.979.152	8%
4910	SC00000514	STAINLESS STEEL CUTTER 8MM	BỘ LƯỚI CẮT KHÔNG GỈ 8MM	OTHER		3.979.152	8%
4911	792287-5	SHEAR BLADES SET	BỘ LƯỚI CẮT TỖN	OTHER		1.168.020	8%
4912	191383-0	SHEAR BLADE SET (2PCS/SET)	BỘ LƯỚI CẮT TỖN (2 LƯỚI/BỘ)	OTHER		977.400	8%
4913	1916M8-3	SHEAR BLADES U/L SET/UP181D	BỘ LƯỚI CẮT U/L/UP181D	OTHER	OPE	767.610	8%
4914	199231-7	HOOK SET	BỘ MÓC TREO	OTHER		183.425	10%
4915	197940-2	TOOL HANGER SET(WITH OUT SHOULDER BELT)/1979	BỘ MÓC TREO (KẾT HỢP VỚI DÂY ĐEO VAI)/197941-0	OTHER		209.520	8%
4916	1911K0-5	TOOL HANGER SET/DHR183	BỘ MÓC TREO/DHR183	OTHER		143.100	8%
4917	199386-8	HOOK SET/HS780D	BỘ MÓC TREO/HS780D	OTHER		402.030	8%
4918	GM00001288	SHOULDER HOOK SET/ML006G/ML006G	BỘ MÓC TREO/ML006G	OTHER		36.990	8%
4919	199155-7	BIT 2-130 SET 1SET=5PCS/FS6300	BỘ MÙI VÍT 2-130(5PCS/SET)/FS6300	SCBIT		995.652	8%
4920	A-55924	RECEIVER SET	BỘ NHẬN TÍN HIỆU	OTHER		26.964.630	8%
4921	192621-3	HOLDER SET	BỘ NỒNG THÉP	OTHER		292.140	8%
4922	195240-4	HOLDER 200 SET	BỘ NỒNG THÉP 200	OTHER		221.400	8%

4923	191655-1	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/GP001G	BỘ ỐNG BOM MỎ 1200/GP001G	OTHER		2.075.760	8%
4924	1911T4-0	HOLDER B SET FOR CAULKING GUN 600ML	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON B 600ML	OTHER		3.323.925	10%
4925	197195-9	HOLDER C SET FOR CAULKING GUN 800ML	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON C 800ML	OTHER		1.954.530	8%
4926	1911T5-8	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 400ML	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON D 400ML	OTHER		3.275.800	10%
4927	191P89-6	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 400ML	BỘ ỐNG ĐỠ SILICON D 400ML	OTHER		2.266.000	10%
4928	191X78-9	LONG NOZZLE SET/AS001G	BỘ ỐNG THỜI DÀI/AS001G	OTHER	OUTDR	227.070	8%
4929	183R02-0	LONG NOZZLE SET/DUB362	BỘ ỐNG THỜI DÀI/DUB362	OTHER		149.040	8%
4930	193903-6	DUST COVER ATTACHMENT SET/GA5080	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI/GA5080	OTHER		297.810	8%
4931	136018-6	DUST CASE ASSY/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	OTHER		1.982.880	8%
4932	197581-4	BATTERY ADAPTER SET/BAP182	BỘ PHỤ KIỆN KẾT NỐI PIN VỚI MÁY/BAP182	OTHER		4.860.270	8%
4933	191N90-9	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẤM BƠT BIẾN 80MM	OTHER		261.468	8%
4934	191N91-7	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẤM BƠT BIẾN 80MM	OTHER		352.350	8%
4935	193036-7	HOOD SET/2012NB	BỘ TẤM CHÂN/2012NB	OTHER		595.620	8%
4936	196685-9	PAD 150MM SET SUPER HARD/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU CỨNG/BO6030	OTHER		1.086.480	8%
4937	196686-7	PAD 150MM SET SUPER SOFT/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU MỀM/BO6030	OTHER		1.251.450	8%
4938	196924-7	GRIP ATTACHMENT SET	BỘ TAY CÀM	OTHER		1.941.225	10%
4939	191P11-3	HANDLE SET	BỘ TAY CÀM	OTHER		3.979.800	10%
4940	1916B3-6	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/DUP180	BỘ TAY CÀM NỐI DÀI/DUP180	OTHER		4.458.240	8%
4941	123138-5	SIDE GRIP ASSEMBLY/DHR400	BỘ TAY CÀM/DHR400	OTHER		566.460	8%
4942	195136-9	STRAIGHT GUIDE WITH MICRO ADJUSTMENT/RT001G	BỘ THANH CỨ CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH/RT001G	OTHER		1.441.800	8%
4943	193448-4	CIRCULAR GUIDE SET/DCO181	BỘ THANH DẪN HUỐNG CONG/DCO181	OTHER		1.068.120	8%
4944	191R02-6	DUST EXTRACTION SET/DTM51	BỘ THU BỤI/DTM51	OTHER		311.040	8%
4945	191454-3	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	OTHER		466.290	8%
4946	191455-1	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	OTHER		305.370	8%
4947	192732-4	GUIDE RULE SET	BỘ THƯỚC DẪN	OTHER		233.010	8%
4948	197538-5	RING SET(RING+BRACKET)/DTW1001	BỘ VÒNG TREO MÁY (VÒNG TREO VÀ GIÁ TREO)/DTW	OTHER		328.900	10%
4949	193682-6	AUTOMATIC REFRESHING ADAPTER/ADP03	BỘ XÀ PIN TỰ ĐÓNG/ADP03	OTHER		5.265.000	8%
4950	162742-5	WHEEL COVER 230/DCE090	BỘ BẢO VỆ LƯỠI 230/DCE090	OTHER		866.430	8%
4951	D-62636	POLISHING SPONGE BLUE (WAVE TYPE) MIDDLE	BỘT BIẾN ĐÁNH BÔNG MÀU XANH(LOẠI SÓNG)	OTHER		153.090	8%
4952	WL00000002	CIGAR SOCKET CABLE/CW001G	CÁP CHUYỂN ĐỔI NGUỒN TÁU THUỐC/CW001G	OTHER		280.152	8%
4953	TK0LVE3062	CABLE GCX(F)/SK312GD	CÁP GCX(F)/SK312GD	OTHER		340.740	8%
4954	199006-4	USB CABLE SET/SK312GD	CÁP USB/SK312GD	OTHER		297.000	8%
4955	XNR0000085	PLUG SOCKET/EBH340R	CẦU CHÌ/EBH340R	OTHER		180.090	8%
4956	D-70998	FLAT FILE & DEPTH GAUGE TOOLS SET	CÂY GIỮ DÂY XÍCH VÀ THƯỚC CANH	OTHER		209.520	8%
4957	D-70954	ROUND FILE & GUIDE SET 4.5MM	CÂY GIỮ HẦU XÍCH 4.5MM	OTHER		297.810	8%
4958	D-70960	ROUND FILE & GUIDE SET 4.8MM	CÂY GIỮ HẦU XÍCH 4.8MM	OTHER		256.608	8%
4959	D-70948	ROUND FILE & GUIDE SET 4MM	CÂY GIỮ HẦU XÍCH 4MM	OTHER		297.810	8%
4960	D-70976	ROUND FILE & GUIDE SET 5.2MM	CÂY GIỮ HẦU XÍCH 5.2MM	OTHER		280.152	8%
4961	D-70982	ROUND FILE & GUIDE SET 5.5MM	CÂY GIỮ HẦU XÍCH 5.5MM	OTHER		256.608	8%
4962	170043110N	GUARD	CHÂN BẢO VỆ	OTHER		237.600	8%
4963	TK0LM4001F	TRIPOD 1800	CHÂN MÁY	OTHER		3.907.980	8%
4964	TK0LM5030F	TRIPOD 2900/SK312GD	CHÂN MÁY/SK312GD	OTHER		5.764.770	8%
4965	144675-6	FOOT COMPLETE/DCU180	CHÂN PHỤ/DCU180	OTHER		162.270	8%
4966	763619-3	COLLET CONE 3/8"	CHÀU KEP 3/8"	OTHER		84.240	8%
4967	763602-0	COLLET CHUCK 1/2"	CHÀU KEP 1/2"	OTHER		812.160	8%
4968	763637-1	COLLET CONE 1/4"	CHÀU KEP 1/4"	OTHER		286.200	8%
4969	763622-4	COLLET CONE 12.7	CHÀU KEP 12.7MM	OTHER		446.850	8%
4970	763601-2	COLLET CHUCK 12MM	CHÀU KEP 12MM	OTHER		989.280	8%
4971	763632-1	COLLET CONE 13MM	CHÀU KEP 13MM	OTHER		831.600	8%
4972	193011-3	COLLET CONE 3MM	CHÀU KEP 3MM	OTHER		882.360	8%
4973	763627-4	COLLET CONE 3MM	CHÀU KEP 3MM	OTHER		393.930	8%
4974	763669-8	COLLET CONE 3MM	CHÀU KEP 3MM	OTHER		589.680	8%
4975	763663-0	COLLET CONE 6.35	CHÀU KEP 6.35MM	OTHER		109.350	8%
4976	763665-6	COLLET CONE 6.0	CHÀU KEP 6MM	OTHER		90.180	8%
4977	763646-0	COLLET CONE 6/GD0800C	CHÀU KEP 6MM			322.920	8%
4978	193012-1	COLLET CONE 6MM	CHÀU KEP 6MM	OTHER		733.320	8%
4979	763620-8	COLLET CONE 6MM	CHÀU KEP 6MM	OTHER		352.350	8%
4980	763670-3	COLLET CONE 6MM	CHÀU KEP 6MM	OTHER		340.740	8%
4981	763678-7	COLLET CONE 6MM/DCO181	CHÀU KEP 6MM	OTHER		231.275	10%
4982	192988-9	COLLET CONE 8MM	CHÀU KEP 8MM	OTHER		930.150	8%
4983	763671-1	COLLET CONE 8MM	CHÀU KEP 8MM	OTHER		589.680	8%
4984	763679-5	COLLET CONE 3.0/DCO181	CHÀU KEP 3MM	OTHER		208.710	8%
4985	763610-1	COLLET CONE 3MM	CHÀU KEP 3MM	OTHER		78.300	8%
4986	763649-4	COLLET CONE 8/GD0800C	CHÀU KEP 8/GD0800C	OTHER		436.320	8%
4987	763803-0	COLLET SLEEVE FOR 1/4" BIT	CHÀU KEP ỐNG 1/4"	OTHER		109.725	10%
4988	763806-4	COLLET SLEEVE F/INCH CHUCK,10M	CHÀU KEP ỐNG 10MM	OTHER		112.750	10%
4989	763807-2	COLLET SLEEVE FOR 10 MM BIT	CHÀU KEP ỐNG 10MM	OTHER		104.500	10%
4990	763805-6	COLLET SLEEVE FOR 3/8" BIT	CHÀU KEP ỐNG 3/8"	OTHER		103.400	10%
4991	763809-8	COLLET SLEEVE 6.35/MT362	CHÀU KEP ỐNG 6.35MM	OTHER		60.588	8%
4992	763808-0	COLLET SLEEVE 6.35MM	CHÀU KEP ỐNG 6.35MM	OTHER		100.170	8%
4993	763801-4	COLLET SLEEVE FOR 6 MM BIT	CHÀU KEP ỐNG 6MM	OTHER		93.500	10%
4994	763810-3	COLLET SLEEVE 9.53/MT362	CHÀU KEP ỐNG 9.53	OTHER		61.710	10%
4995	191413-0	BRUSH(HARD, CONTAINS ABRASIVES)/PS001G	CHỔI CHÀ SÀN(LOẠI CỨNG CÓ KÈM NHÁM)/PS001G	POLSC		4.894.020	8%
4996	191412-2	BRUSH(HARD)/PS001G	CHỔI CHÀ SÀN(LOẠI CỨNG)/PS001G	POLSC		2.032.020	8%
4997	191410-6	BRUSH(SOFT)/PS001G	CHỔI CHÀ SÀN(LOẠI MỀM)/PS001G	POLSC		2.032.020	8%
4998	191411-4	BRUSH(MEDIUM)/PS001G	CHỔI CHÀ SÀN(LOẠI VỮA)/PS001G	POLSC		2.067.120	8%
4999	162755-6	NYLON BRUSH/DTR180	CHỔI VỆ SINH ONG KÈM/DTR180	BRUSH		995.652	8%
5000	B-54396	PIN FOR 3/4" SQ. SOCKET	CHÓT 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	OTHER		137.390	10%
5001	162315-4	LATCH/DFS251	CHÓT GÁI/DFS251	OTHER		36.990	8%
5002	163467-4	LATCH/DPB180	CHÓT GÁI/DPB180	OTHER		42.930	8%
5003	194485-1	PIN 4 SET/DTW1004	CHÓT MÁY 4/DTW1004	OTHER		207.350	10%
5004	163445-4	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	OTHER		364.230	8%
5005	163446-2	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	OTHER		364.230	8%
5006	192454-6	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	OTHER		1.226.880	8%
5007	165714-9	WHEEL COVER 125	CHỤP BẢO VỆ / GS5000	OTHER		195.250	10%
5008	191F81-2	DUST COLLECTION FOR WHEEL GUARD 125MM	CHỤP BẢO VỆ 125MM	OTHER		1.086.480	8%
5009	162947-7	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	OTHER		286.200	8%

5010	347776-1	WHEEL COVER 150/GA035G	CHUP BẢO VỆ 150/GA035G	OTHER		197.640	8%
5011	135192-7	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHUP BẢO VỆ 150MM	OTHER		157.950	8%
5012	154666-9	WHEEL COVER 180 COMPLETE/M0920B	CHUP BẢO VỆ 180/M0920B	OTHER		132.840	8%
5013	122889-7	WHEEL COVER 180K ASSEMBLY/GA7050	CHUP BẢO VỆ 180K/GA7050	OTHER		197.640	8%
5014	154674-0	WHEEL COVER 180MM COMPLETE	CHUP BẢO VỆ 180MM	OTHER		140.076	8%
5015	154672-4	WHEEL COVER 230MM COMPLETE	CHUP BẢO VỆ 230MM	OTHER		197.640	8%
5016	154665-1	WHEEL COVER 230MM COMPLETE/M0921B	CHUP BẢO VỆ 230MM/M0921B	OTHER		238.950	8%
5017	162555-4	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 100MM	CHUP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 100MM	OTHER		1.040.148	8%
5018	199710-5	CUTTING WHEEL COVER ATTACHMENT 125MM	CHUP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 125MM	OTHER		247.590	8%
5019	140N45-1	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 125MM	CHUP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 125MM	OTHER		415.800	8%
5020	125172-1	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	OTHER		214.380	8%
5021	125266-2	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	OTHER		72.360	8%
5022	162706-9	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100M	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	OTHER		498.420	8%
5023	123099-9	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	OTHER		140.076	8%
5024	125268-8	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	OTHER		90.180	8%
5025	162708-5	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 125M	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	OTHER		233.010	8%
5026	122896-0	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 150MM	OTHER		227.070	8%
5027	122846-5	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	OTHER		268.380	8%
5028	122914-4	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	OTHER		411.750	8%
5029	122939-8	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	OTHER		221.400	8%
5030	122847-3	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	OTHER		292.140	8%
5031	122891-0	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	OTHER		209.520	8%
5032	122913-6	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	OTHER		364.230	8%
5033	122909-7	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL	CHUP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI DUNG KHI CÁT	OTHER		137.160	8%
5034	192412-2	WHEEL GUARD FOR WIRE BEVEL BRUSH 85MM	CHUP BẢO VỆ CHỔI ĐÁNH KIM LOẠI 85MM	BRUSH		577.500	10%
5035	1911X4-8	PROTECTOR U SET (330MM FOR NYLON CORD)/UR015	CHUP BẢO VỆ CHỖ U (DÀNH CHO ĐÁU CÁT NYLON 33	OTHER		434.970	8%
5036	1912L4-0	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOR CLAMP/UR006	CHUP BẢO VỆ CỐ KÉP CHO MÁY CẮT CỎ/UR006G/DUR	OTHER		662.040	8%
5037	122892-8	WHEEL COVER 230 ASSY/MT903	CHUP BẢO VỆ ĐĨA ĐÁ MÀI/MT903	OTHER		247.590	8%
5038	194303-3	DUST COLLECTING WHEELCOVER SET	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI	OTHER		1.843.830	8%
5039	192212-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI	OTHER		1.858.950	8%
5040	192968-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI	OTHER		6.885.810	8%
5041	193794-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI	OTHER		4.741.200	8%
5042	194044-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI	OTHER		7.169.580	8%
5043	191G06-2	DUST COLLECT COVER SET FOR DIAMOND WHEEL 12	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM(KHÔNG CẦN DỤNG CỤ	OTHER		1.960.740	8%
5044	198514-2	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND W	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI 180MM	CLEAN		4.379.400	8%
5045	198380-7	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND W	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM	CLEAN		3.396.330	8%
5046	198440-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 230MM/GA038G	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM/GA038G	CLEAN		4.253.400	8%
5047	198413-8	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100C SET	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 100M	OTHER		407.000	10%
5048	199295-1	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR DIAMOND W	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 100M	CLEAN		1.430.730	8%
5049	191W05-0	DUST COVER SET FOR CUP DIAMOND WHEEL/GA050G	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG/G	OTHER		1.620.810	8%
5050	191G05-4	DUST COLLECT COVER SET FOR X-LOCK DIAMOND W	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI X-LOCK 125MM	OTHER		2.224.800	8%
5051	122C54-6	DUST COLLECT COVER ATTACHMENT/DMC300	CHUP BẢO VỆ HÚT BỤI/DMC300	CLEAN		317.250	8%
5052	165486-6	COVER FOR CUT OFF WHEEL 150MM	CHUP BẢO VỆ KHI CẮT 150MM	OTHER		1.023.400	8%
5053	135108-2	TOOLLESS WHEEL COVER 125 ASSY	CHUP BẢO VỆ KHÔNG CẦN DỤNG CỤ 125MM	OTHER		168.210	8%
5054	191V54-1	WHEEL COVER FOR CUTTING	CHUP BẢO VỆ LƯỚI CẮT	OTHER		221.400	8%
5055	127713-9	TOOLLESS WHEEL COVER 180MM ASSY/GA037G	CHUP BẢO VỆ LƯỚI CẮT 180MM/GA037G	OTHER		265.680	8%
5056	127714-7	TOOLLESS WHEEL COVER 230MM ASSY/GA038G	CHUP BẢO VỆ LƯỚI CẮT 230MM/GA038G	OTHER		305.370	8%
5057	191V56-7	CUTTING W.C.A SET FOR ABRASVE CUT-OFF WHEEL C	CHUP BẢO VỆ LƯỚI CẮT/GA050G	OTHER		322.920	8%
5058	1910J4-4	BATTERY CASE H SET/VR001G	CHUP BẢO VỆ PIN LOẠI H/VR001G	OTHER		793.260	8%
5059	193066-8	WHEEL COVER SET	CHUP BẢO VỆ SET	OTHER		8.618.400	8%
5060	413G23-5	CHAIN COVER/CHAIN SAW	CHUP BẢO VỆ XÍCH/CHAIN SAW	OTHER		113.670	8%
5061	125185-2	WHEEL COVER ASSY/4112HS	CHUP BẢO VỆ/4112HS	OTHER		3.788.910	8%
5062	125336-7	WHEEL COVER ASSY/4114S	CHUP BẢO VỆ/4114S	OTHER		3.821.310	8%
5063	125097-9	WHEEL COVER ASSY/9015B	CHUP BẢO VỆ/9015B	OTHER		143.100	8%
5064	165215-7	WHEEL COVER/9067	CHUP BẢO VỆ/9067	OTHER		162.270	8%
5065	165216-5	WHEEL COVER/9069	CHUP BẢO VỆ/9069	OTHER		250.668	8%
5066	154755-0	WHEEL COVER COMPLETE/9500NB	CHUP BẢO VỆ/9500NB	OTHER		70.200	8%
5067	1914H7-8	PROTECTION COVER SET/BO001CG	CHUP BẢO VỆ/BO001CG	OTHER		1.096.200	8%
5068	122893-6	TOOLLESS WHEEL COVER 100K ASSY/DGA404	CHUP BẢO VỆ/DGA404	OTHER		262.548	8%
5069	123145-8	TOOLLESS WHEELCOVER 125AK ASSY/DGA506Z	CHUP BẢO VỆ/DGA506Z	OTHER		180.090	8%
5070	422C91-3	PROTECTOR/DTL300	CHUP BẢO VỆ/DTL300	OTHER		955.800	8%
5071	125885-4	WHEEL COVER 100AK ASSY/GA4030	CHUP BẢO VỆ/GA4030	OTHER		96.120	8%
5072	347478-9	WHEEL COVER 100/GA4050	CHUP BẢO VỆ/GA4050	OTHER		568.890	8%
5073	347479-7	WHEEL COVER 115/GA4050	CHUP BẢO VỆ/GA4050	OTHER		118.260	8%
5074	347480-2	WHEEL COVER 125/GA4050	CHUP BẢO VỆ/GA4050	OTHER		135.000	8%
5075	127147-6	115/125MM DUST COVER K SET/PCS010C	CHUP BẢO VỆ/PCS010C	OTHER		1.036.260	8%
5076	133533-1	WHEEL COVER 150 ASSY	CHUP BẢO VỆ 150/	OTHER		280.800	8%
5077	GM00002286	LAMP SHADE/DML809	CHUP CHỐNG CHÓI MÁT/DML809	OTHER		513.000	8%
5078	GM00002287	LAMP SHADE/DML811	CHUP CHỐNG CHÓI MÁT/DML811	OTHER		333.720	8%
5079	GM00002358	LAMP SHADE/ML005G	CHUP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML005G	OTHER		381.780	8%
5080	GM00002377	LAMP SHADE/ML009G	CHUP ĐÈN CHỐNG CHÓI/ML009G	OTHER		577.800	8%
5081	GM00001326	LAMP SHADE/ML006G	CHUP ĐÈN CHỐNG LỎA/ML006G	OTHER		174.150	8%
5082	JM27000329	WRENCH	CỖ LÉ 13	OTHER		25.164	8%
5083	AL00000044	WRENCH 10-13/GB602	CỖ LÉ 10-13/GB602	OTHER		36.990	8%
5084	782016-4	OFFSET WRENCH 13	CỖ LÉ 13	OTHER		25.164	8%
5085	782212-4	SOCKET WRENCH 13/4107R	CỖ LÉ 13/4107R			54.648	8%
5086	781039-9	WRENCH 13/MT912	CỖ LÉ 13/MT912	OTHER		36.990	8%
5087	782023-7	WRENCH 13-16	CỖ LÉ 13-16	OTHER		66.744	8%
5088	782026-1	UNIVERSAL WRENCH 13/16/EA3503S	CỖ LÉ 13-16/EA3503S	OTHER		89.100	8%
5089	782028-7	UNIVERSAL WRENCH 13-19/EK8100	CỖ LÉ 13-19/EK8100	OTHER		66.420	8%
5090	782024-5	WRENCH 13-22	CỖ LÉ 13-22	OTHER		90.180	8%
5091	SC00000107	WRENCH 17-14/DSC163	CỖ LÉ 14-17/DSC163	OTHER		250.668	8%
5092	782210-8	SOCKET WRENCH 17/LC1230	CỖ LÉ 17/LC1230	OTHER		42.930	8%
5093	781038-1	WRENCH 19	CỖ LÉ 19	OTHER		90.180	8%
5094	781206-6	WRENCH 19/GD0800C	CỖ LÉ 19/GD0800C	OTHER		113.670	8%
5095	781010-3	WRENCH 19/UT1305	CỖ LÉ 19/UT1305	OTHER		72.360	8%
5096	781041-2	WRENCH 22/MT412	CỖ LÉ 22/MT412	OTHER		25.164	8%

5097	781012-9	WRENCH 23/HM1306	CỖ LÊ 23/HM1306	OTHER		48.816	8%
5098	781030-7	WRENCH 24/3600H	CỖ LÊ 24/3600H	OTHER		78.300	8%
5099	782426-5	LOCK NUT WRENCH 35/PC5000C	CỖ LÊ 35/PC5000C	OTHER		54.648	8%
5100	AL00000045	WRENCH 8-19/GB602	CỖ LÊ 8-19/GB602	OTHER		42.930	8%
5101	JM27000087	WRENCH B	CỖ LÊ B	OTHER		72.360	8%
5102	410047-0	WRENCH HOLDER 5.6	CỖ LÊ BẢNG NHỰA 5.6	OTHER		13.392	8%
5103	783021-4	HEX. WRENCH 1.5	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC	OTHER		13.392	8%
5104	781036-5	WRENCH 10/3709	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 10/3709	OTHER		25.164	8%
5105	781006-4	WRENCH 13/MT660	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 13/MT660	OTHER		39.852	8%
5106	781037-3	WRENCH 17/3709	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 17/3709	OTHER		31.104	8%
5107	783208-8	HEX. WRENCH 2.5	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 2.5	OTHER		25.164	8%
5108	782401-1	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 20	OTHER		48.816	8%
5109	782420-7	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 20	OTHER		31.104	8%
5110	781043-8	WRENCH 22/4100NB	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 22/4100NB	OTHER		54.648	8%
5111	782412-6	LOCK NUT WRENCH 28	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 28	OTHER		90.180	8%
5112	783201-2	HEX. WRENCH 3	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 3	OTHER		13.392	8%
5113	781028-4	WRENCH 32	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 32	OTHER		96.120	8%
5114	191G10-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 35	OTHER		66.420	8%
5115	782034-2	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 35	OTHER		72.360	8%
5116	782407-9	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 35	OTHER		66.420	8%
5117	782423-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 35	OTHER		42.930	8%
5118	783202-0	HEX. WRENCH 4	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 4	OTHER		19.332	8%
5119	781019-5	WRENCH 50	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 50	OTHER		113.670	8%
5120	781034-9	WRENCH 8-24/3612BR	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC 8 - 24/3612BR	OTHER		57.564	8%
5121	783217-7	HEX. WRENCH 5/DHS710	CỖ LÊ HẦM ĐAI ỐC/DHS710	OTHER		13.392	8%
5122	JM00000445	HEX WRENCH/LS0816F	CỖ LÊ LỤC GIÁC/LS0816F	OTHER		19.332	8%
5123	783020-6	DRIVER/EY2650H	CỖ LÊ LỤC GIÁC/EY2650H	OTHER		54.648	8%
5124	410048-8	WRENCH HOLDER 3.4/4304	CỖ LÊ NHỰA 3.4/4304	OTHER		13.392	8%
5125	196896-6	ACCESSORY SET 2PCS/SET/EM3400U	CỖ LÊ/EM3400U	OTHER		119.610	8%
5126	KF00000020	STAINLESS CUP/DCM501	CỐC ĐUNG CAFE/DCM501	OTHER	OUTDR	321.750	10%
5127	PR00000035	PRESSURE ROLLER	CON LĂN ÁP LỰC	OTHER		255.310	10%
5128	197024-6	LOCATOR LONG	CỬ DÀI	OTHER		209.520	8%
5129	197025-4	LOCATOR SHORT	CỬ NGẮN	OTHER		209.520	8%
5130	199204-0	ROTOR LR SET/KR401MP	CỤM LƯỚI XỐI ĐÁT/KR401MP	OTHER		2.236.680	8%
5131	D-17756	DRESSING STONE 150-1200 SET	ĐÁ MÀI 150-1200 SET	OTHER		174.150	8%
5132	741614-3	WHEEL POINT 1-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 1-19-60	OTHER		90.180	8%
5133	741615-1	WHEEL POINT 4-19-60	ĐÁ MÀI GÓC 4-19-60	OTHER		125.388	8%
5134	794329-1	STRAIGHT CUP WHEEL 125-20/24	ĐÁ MÀI THẲNG 125-20/24	OTHER		1.308.960	8%
5135	794330-6	STRAIGHT CUP WHEEL 125-46/60	ĐÁ MÀI THẲNG 125-46/60	OTHER		1.308.960	8%
5136	195354-9	TOOLLESS LOCK NUT SET	ĐAI ỐC HẦM	OTHER		1.577.950	10%
5137	763615-1	COLLET NUT	ĐAI ỐC KEP	OTHER		91.850	10%
5138	763629-0	COLLET NUT	ĐAI ỐC KEP	OTHER		133.760	10%
5139	763645-2	COLLET NUT	ĐAI ỐC KEP	OTHER		91.850	10%
5140	763674-5	COLLET NUT	ĐAI ỐC KEP	OTHER		171.325	10%
5141	763661-4	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KEP	OTHER		67.650	10%
5142	763664-8	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KEP	OTHER		43.725	10%
5143	763675-3	COLLET NUT/DCO180	ĐAI ỐC KEP			151.800	10%
5144	763668-0	COLLET NUT/GD0602	ĐAI ỐC KEP			36.990	8%
5145	763236-9	COLLET NUT6/GD0603	ĐAI ỐC KEP	OTHER		49.720	10%
5146	763606-2	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KEP 6MM	OTHER		115.775	10%
5147	191725-8	EXTENSION GUIDE SET	DẪN HƯỚNG	OTHER		477.630	8%
5148	164775-6	TEMPLET GUIDE 11	DẪN HƯỚNG 11	OTHER		411.750	8%
5149	164388-3	TEMPLET GUIDE 12	DẪN HƯỚNG 12	OTHER		411.750	8%
5150	164776-4	TEMPLET GUIDE 13	DẪN HƯỚNG 13	OTHER		454.140	8%
5151	193043-0	TEMPLET GUIDE 14.5	DẪN HƯỚNG 14.5	OTHER		316.800	10%
5152	165366-6	TEMPLET GUIDE 17B	DẪN HƯỚNG 17B	OTHER		423.090	8%
5153	164393-0	TEMPLET GUIDE 20	DẪN HƯỚNG 20	OTHER		615.330	8%
5154	165364-0	TEMPLET GUIDE 24	DẪN HƯỚNG 24	OTHER		417.150	8%
5155	164470-8	TEMPLET GUIDE 27	DẪN HƯỚNG 27	OTHER		466.290	8%
5156	163080-8	TEMPLET GUIDE 29	DẪN HƯỚNG 29	OTHER		364.230	8%
5157	164471-6	TEMPLET GUIDE 30	DẪN HƯỚNG 30	OTHER		393.930	8%
5158	164472-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	OTHER		644.220	8%
5159	165046-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	OTHER		589.680	8%
5160	164379-4	TEMPLET GUIDE 9.5	DẪN HƯỚNG 9.5	OTHER		446.850	8%
5161	191W93-7	CASING 41 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BÀN VÍT 41/DFR452	OTHER		4.113.180	8%
5162	191W94-5	CASING 55 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BÀN VÍT 55/DFR452	OTHER		4.090.932	8%
5163	191L23-2	AUTOFEED ATTACHMENT SET/FS6300	ĐẦU BÀN VÍT TỰ ĐỘNG NẠP/FS6300	OTHER		2.311.740	8%
5164	422872-7	NOSE ADAPTER/PT002G	ĐẦU BẢO VỆ MŨI/PT002G	OTHER		60.588	8%
5165	191W61-0	ADAPTER 1 PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ 1 CÁI/DGP180	OTHER		341.000	10%
5166	162662-3	ADAPTER 1PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ 1 CÁI/DGP180	OTHER		311.580	8%
5167	191A77-3	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ GÓC/DGP180	OTHER		2.156.760	8%
5168	1916U8-9	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ/DGP180	OTHER		913.950	8%
5169	191X17-9	NOZZLE FOR INFLATING FLOAT/AS001G	ĐẦU BƠM PHẠO/AS001G	OTHER	OUTDR	75.330	8%
5170	191M75-9	ROTARY SCISSORS SET E/EM407MP	ĐẦU CẮT CỎ/EM407MP	OTHER		18.317.200	10%
5171	A-69593	CABLE CUTTER/TC300DRG	ĐẦU CẮT DÂY ĐIỆN/TC300DRG	OTHER		30.680.100	8%
5172	322279-6	BIT PIECE	ĐẦU CHÈM MŨI VÍT	OTHER		54.648	8%
5173	E-24957	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 152MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO MŨI KHOAN 152MM	OTHER		330.480	8%
5174	E-24963	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 304MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO MŨI KHOAN 304MM	OTHER		389.340	8%
5175	E-24941	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 76MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO MŨI KHOAN 76MM	OTHER		224.100	8%
5176	743126-2	ADAPTER /DPV300	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/DPV300	OTHER		107.730	8%
5177	1915M0-3	ADAPTER *3 SET/GP001G	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/GP001G	OTHER		902.340	8%
5178	1915L9-8	ADAPTER*1 SET/GP001G	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/GP001G	OTHER		324.270	8%
5179	192439-2	RATSCHEIT HEAD	ĐẦU CHUYỂN SIẾT BU LỒNG	OTHER		4.573.800	8%
5180	192440-7	STRAIGHT HEAD(NZ)	ĐẦU CHUYỂN VẠN VÍT(NZ)	OTHER		2.002.320	8%
5181	122700-3	GUIDE HOLDER ASSY	ĐẦU DẪN HƯỚNG	OTHER		364.230	8%
5182	197027-0	LOCATOR 3/8" SET/FS2500	ĐẦU ĐIỀU CHỈNH MŨI VÍT3/8"/FS2500	OTHER		101.790	8%
5183	1915N4-2	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÁI BƠM MỎ/DGP180	OTHER		1.604.340	8%

5184	191A76-5	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÁI BƠM MỖ/DGP180	OTHER		3.500.010	8%
5185	784813-4	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-60	ĐẦU GIỮ Mũi CỎ NAM CHẮM 6.35-60	OTHER		168.210	8%
5186	PR00000039	SPEED WELDING NOZZLE	ĐẦU HÀN NHANH CHO MÁY THỜI NÔNG	OTHER		183.425	10%
5187	STEX122198	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	OTHER		1.771.200	8%
5188	763269-4	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DF003G/HP003G	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF003G/HP003G	OTHER		778.680	8%
5189	191F46-4	DRILL CHUCK SET/HR2670FT	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HR2670FT	OTHER		1.680.480	8%
5190	127230-9	NOSEPIECE ASSEMBLY 2.4MM/DRV150	ĐẦU LẬP Mũi 2.4MM/DRV150	OTHER		440.910	8%
5191	127229-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 3.2MM/DRV150	ĐẦU LẬP Mũi 3.2MM/DRV150	OTHER		423.090	8%
5192	127228-6	NOSEPIECE ASSEMBLY 4.0MM/DRV150	ĐẦU LẬP Mũi 4.0MM/DRV150	OTHER		423.090	8%
5193	127224-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 6.4MM/DRV250	ĐẦU LẬP Mũi 6.4MM/DRV250	OTHER		429.030	8%
5194	783013-3	BOX DRIVER 16-17/EE2650H	ĐẦU MỔ ỐC 16-17/EE2650H	OTHER		56.650	10%
5195	PR00000040	SCRAPER	ĐẦU NAO	OTHER		249.425	10%
5196	PR00000042	SCRAPER	ĐẦU NAO	OTHER		177.375	10%
5197	3082130	INLET FITTING 3/4" WITH WATER FILTER 840.034	ĐẦU NỐI			45.900	8%
5198	326649-1	SHAFT HOLDER 1/2-M14/DUT130	ĐẦU NỐI CÁN TRÒN 1/2-M14/DUT130	OTHER		194.400	8%
5199	197221-4	JOINT (DUST NOZZLE)/HS7600	ĐẦU NỐI HÚT BỤI/HS7600	OTHER		101.790	8%
5200	D-14093	CHUCK ADAPTER WITH SCREW	ĐẦU NỐI Mũi VÍT	OTHER		58.630	10%
5201	3082661	QUICK COUPLING	ĐẦU NỐI NHANH			288.090	8%
5202	654575-7	TERMINAL BLOCK/PC5000C	ĐẦU NỐI NHANH/PC5000C	OTHER		43.725	10%
5203	TE00000594	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI ỐNG BƠM HỒI/MP100D	OTHER		31.680	10%
5204	454703-2	JOINT/DUB185	ĐẦU NỐI/DUB185	OTHER		12.528	8%
5205	197935-5	CONNECTOR SET/HW1200	ĐẦU NỐI/HW1200	OTHER		247.590	8%
5206	197810-5	CONNECTOR SET/HW1300	ĐẦU NỐI/HW1300	OTHER		203.040	8%
5207	TE00000335	BALL ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	OTHER		22.000	10%
5208	TE00000334	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	OTHER		21.600	8%
5209	TE00000333	SWIM RING ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	OTHER		31.104	8%
5210	6679504400	END PIPE	ĐẦU ỐNG	OTHER		616.000	10%
5211	418919-3	SASH NOZZLE/M4000B	ĐẦU ỐNG THỜI/M4000B	OTHER		25.164	8%
5212	199729-4	ACCESSORY SET FOR 2.4.DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 2.4/DRV150	OTHER		912.600	8%
5213	199728-6	ACCESSORY SET FOR 3.2.DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 3.2/DRV150	OTHER		869.940	8%
5214	191C04-2	ACCESSORY SET B FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.0/DRV150	OTHER		410.400	8%
5215	191F79-9	ACCESSORY SET A FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DRV150	OTHER		744.660	8%
5216	191C03-4	ACCESSORY SET B FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DRV150	OTHER		404.730	8%
5217	199725-2	ACCESSORY SET FOR 6.0.DRV250	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.0/DRV250	OTHER		674.460	8%
5218	191F78-1	ACCESSORY SET FOR 6.4.DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.4/DRV150	OTHER		702.270	8%
5219	191F80-4	ACCESSORY SET A FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI/DRV150	OTHER		1.453.410	8%
5220	199730-9	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	OTHER		600.600	10%
5221	199731-7	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	OTHER		510.510	10%
5222	135201-2	ANGLE WRENCH HEAD 9.5MM (3/8") SQUARE DRIVE	ĐẦU SIẾT BU LÔNG GÓC 9.5MM (3/8")	OTHER		3.289.410	8%
5223	191X11-1	NOZZLE FOR NARROW PLACE/AS001G	ĐẦU THỜI CHỖ HẸP/AS001G	OTHER	OUTDR	54.648	8%
5224	191X21-8	FLEXIBLE TUBE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI ĐÀ NẰNG/AS001G	OTHER	OUTDR	358.290	8%
5225	191X13-7	NOZZLE FOR CLEANING FILTER/AS001G	ĐẦU THỜI LÀM SẠCH BỘ LỌC/AS001G	OTHER	OUTDR	54.648	8%
5226	PR00000034	WELDING NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG CHO HÀN	OTHER		159.225	10%
5227	PR00000033	SOLDER SLEEVES REFLECTOR	ĐẦU THỜI NÓNG CHO HÀN PHẦN XẠ NHIỆT	OTHER		419.100	10%
5228	PR00000028	GLASS PROTECTION NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG CHO KÍNH	OTHER		159.225	10%
5229	PR00000032	OVERLAP WELDING NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG DẠNG ĐEP	OTHER		352.825	10%
5230	PR00000031	REDUCTION NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG DẠNG HỒI TU	OTHER		171.325	10%
5231	PR00000029	WIDE SLOT NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG DẠNG KHE RỘNG	OTHER		151.800	10%
5232	PR00000030	REFLECTOR NOZZLE	ĐẦU THỜI NÓNG DẠNG PHẢN XẠ NHIỆT	OTHER		195.250	10%
5233	191X15-3	NOZZLE FOR BLOWING/AS001G	ĐẦU THỜI QUẠT/AS001G	OTHER	OUTDR	54.648	8%
5234	191X19-5	WIDE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI RỘNG/AS001G	OTHER	OUTDR	125.388	8%
5235	GB00000165	WIDE NOZZLE/DUB187	ĐẦU THỜI RỘNG/DUB187	OTHER		197.640	8%
5236	194305-9	LOCK NUT RELEASE SOCKET 35 SET	ĐẦU TỰP THÁO ỐC 35	OTHER		1.668.600	8%
5237	3320120	ROTO POWER OPP SERIES 840.004	ĐẦU XIT DẠNG XOÁY			103.140	8%
5238	50955	ADJUSTABLE LANCE	ĐẦU XIT RỬA			389.340	8%
5239	3640650	MULTI LANCE OPP (1.00) RED 840.020	ĐẦU XIT THĂNG, ĐET			113.670	8%
5240	3640640	MULTI LANCE OPP (1.04) BLACK 840.021	ĐẦU XIT THĂNG, ĐET			174.150	8%
5241	199137-9	TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚC BẢNG KIM LOẠI MỀM 50 CUỐN	OTHER		5.743.925	10%
5242	191A57-9	GALVANIZED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚC MẠ KẼM 50 CUỐN	OTHER		7.253.950	10%
5243	191J59-9	POLY COATED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚC PHỦ POLI 50 CUỐN	OTHER		8.857.310	10%
5244	TD00000112	CABLE UNIT B	DÂY CÁP B	OTHER		111.240	8%
5245	191T97-1	CABLE UNIT C	DÂY CÁP C	OTHER		100.170	8%
5246	TKERW219UN	LEAD UNIT/SK312GD	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/SK312GD	OTHER		221.400	8%
5247	WL00000058	AC CORD ADAPTER/CW001G	DÂY CHUYỂN ĐỔI AC/CW001G	OTHER		1.890.000	8%
5248	126206-3	FLEXIBLE ASSEMBLY/DVR450Z	DÂY ĐÀM DỮ/DVR450Z	OTHER		6.604.200	8%
5249	3640660	STEEL ARMED HOSE 12MM 5,5MT 840.027/HW111	DÂY DẪN 5,5MM/HW111			1.144.800	8%
5250	3640630	HP HOSE 5 MT M-READY 840.026	DÂY DẪN 5MM			632.610	8%
5251	1911H9-6	WIRE GUIDE B/DTR181	DÂY DẪN HƯỚNG MÀU ĐEN LOẠI B/DTR181	OTHER		947.375	10%
5252	3641590	HIGH PRESSURE HOSE/ HW111	DÂY DẪN NƯỚC/HW111			1.310.580	8%
5253	197941-0	TOOL CATCHER SET/DTW300	DÂY ĐEO KÈM MỘC TREO/DTW300	OTHER		381.780	8%
5254	166058-0	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	OTHER		274.320	8%
5255	162698-2	BAND 30 COMPLETE/DUB363	DÂY ĐEO VAI 30/DUB363	OTHER		110.700	8%
5256	196817-8	SHOULDER BELT SET(A-60589)	DÂY ĐEO VAI(A-60589)	OTHER		143.100	8%
5257	161464-4	SHOULDER BELT/197941-0	DÂY ĐEO VAI/197941-0	OTHER		125.388	8%
5258	162544-9	SHOULDER BELT/CL121D	DÂY ĐEO VAI/CL121D	OTHER		118.260	8%
5259	A-71093	SHOULDER BELT/CW001G	DÂY ĐEO VAI/CW001G/CW001G	OTHER		119.610	8%
5260	199069-0	SHOULDER STRAP/DSC102/SCI03D	DÂY ĐEO VAI/DSC102/SCI03D	OTHER		393.930	8%
5261	199486-4	SHOULDER BELT/DVC750L	DÂY ĐEO VAI/DVC750L	OTHER		174.150	8%
5262	161884-2	BAND COMPL/DVF154	DÂY ĐEO VAI/DVF154	OTHER		370.170	8%
5263	161347-8	SHOULDER BELT/DWT310	DÂY ĐEO VAI/DWT310	OTHER		149.040	8%
5264	417926-3	SHOULDER STRAP/ML187	DÂY ĐEO VAI/ML187	OTHER		13.392	8%
5265	TK00SB0001	SHOULDER BELT/SK312GD	DÂY ĐEO VAI/SK312GD	OTHER		215.460	8%
5266	191M83-0	STRAP SET/TW001G	DÂY ĐEO VAI/TW001G	OTHER		555.120	8%
5267	166124-3	SHOULDER BELT/DCL500	DÂY ĐEO VAI/DCL500	OTHER		101.790	8%
5268	GM00002239	STRAP HOOK ASSY/DML812	DÂY ĐEO/DML812	OTHER		85.050	8%
5269	XNR0000126	CORD STRAP/EBH340R	DÂY ĐEO/EBH340R	OTHER		25.164	8%
5270	196733-4	BAND/PM001G	DÂY ĐEO/PM001G	OTHER		96.120	8%

5271	163319-9	HAND STRAP/PM7650H	DÂY ĐEO/PM7650H	OTHER		31.212	8%
5272	199007-2	HAND STRAP SET/SK312GD	DÂY ĐEO/SK312GD	OTHER		48.600	8%
5273	191L94-9	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO/UB001C	OTHER		228.690	8%
5274	122A37-4	BAND ASSEMBLY/UH006G	DÂY ĐEO/UH006G	OTHER		626.670	8%
5275	TE00000779	POWER SUPPLY CORD/CF003G	DÂY ĐIỆN/CF003G	OTHER		262.548	8%
5276	QY00000093	POWER SUPPLY CORD/ML010G	DÂY ĐIỆN/ML010G	OTHER		501.228	8%
5277	199178-5	USB CABLE SET/SK105	DÂY SẠC/SK105	OTHER		286.200	8%
5278	163400-6	HANDSTRAP/DCL180	DÂY TREO MÂY/DCL180	OTHER		25.164	8%
5279	682575-7	CORD GUARD 12-90/VC3210L	DÂY TREO MỀM 12-90/VC3210L	OTHER		18.090	8%
5280	GM00001028	SHOULDER HOOK SET/ML105	DÂY TREO/ML105			42.930	8%
5281	743081-8	PAD 123/BO5041	ĐỀ 123/BO5041	OTHER		518.832	8%
5282	743053-3	PAD 165 M14	ĐỀ 165 M14	OTHER		560.520	8%
5283	743054-1	PAD 165 M16	ĐỀ 165 M16	OTHER		623.160	8%
5284	743036-3	RUBBER PAD 100	ĐỀ CAO SU 100	OTHER		250.668	8%
5285	743015-1	RUBBER PAD 115	ĐỀ CAO SU 115	OTHER		288.900	8%
5286	743016-9	RUBBER PAD 125	ĐỀ CAO SU 125	OTHER		280.152	8%
5287	743033-9	RUBBER PAD 147	ĐỀ CAO SU 147	OTHER		709.290	8%
5288	743008-8	RUBBER PAD 170	ĐỀ CAO SU 170	OTHER		414.720	8%
5289	743012-7	RUBBER PAD 170	ĐỀ CAO SU 170	OTHER		471.690	8%
5290	743009-6	RUBBER PAD 76	ĐỀ CAO SU 76	OTHER		62.640	8%
5291	155263-4	TRIMMER SHOE	ĐỀ CÁT VÁT CÀNH CHO MÁY PHAY	OTHER		834.300	8%
5292	194026-3	PORTABLE BAND SAW STAND/2107F	ĐỀ CỬA VÒNG DI ĐỘNG/2107F	OTHER		27.584.280	8%
5293	193470-1	SPONGE PAD 190MM	ĐỀ ĐỆM 190MM	OTHER		1.121.040	8%
5294	191454-1	PAD BASE/PS001G	ĐỀ ĐỆM CHÀ SÀN/PS001G	POLSC		1.963.440	8%
5295	GM00002379	FLAT BAR/ML005G/ML003G	ĐỀ ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN/ML005G/ML003	OTHER		1.217.160	8%
5296	192523-3	PUNCH PLATE	ĐỀ ĐỘT GIẤY NHÂM	OTHER		787.590	8%
5297	194947-9	PUNCH PLATE SET	ĐỀ ĐỘT GIẤY NHÂM	OTHER		236.520	8%
5298	192989-7	PUNCH PLATE/BO3710	ĐỀ ĐỘT GIẤY NHÂM/BO3710	OTHER		191.970	8%
5299	158323-1	PAD COMPLETE/BO4555	ĐỀ LÓT/BO4555	OTHER		107.730	8%
5300	158324-9	PAD COMPLETE/BO4556	ĐỀ LÓT/BO4556	OTHER		101.790	8%
5301	158796-8	PAD COMPLETE/MT920	ĐỀ LÓT/MT920	OTHER		60.588	8%
5302	158595-8	PAD COMPLETE	ĐỀ LÓT/MT921	OTHER		84.240	8%
5303	193523-6	PAD	ĐỀ MÂY CHÀ NHÂM	OTHER		507.276	8%
5304	WST05	MITERSAW STAND/DEAWST05	ĐỀ MÂY CỬA ĐÀ GÓC/DEAWST05	OTHER		7.540.020	8%
5305	WST06	MITERSAW STAND/WST06	ĐỀ MÂY CỬA ĐÀ GÓC/WST06	OTHER		7.861.590	8%
5306	WST07	MITERSAW STAND/WST07	ĐỀ MÂY CỬA ĐÀ GÓC/WST07	OTHER		8.106.696	8%
5307	STEX122390	TRIMMER BASE ASSY	ĐỀ MÂY ĐẢNH CÀNH	OTHER		1.017.900	8%
5308	194267-1	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐỀ MÂY SOI	OTHER		352.350	8%
5309	194268-9	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐỀ MÂY SOI	OTHER		328.860	8%
5310	194269-7	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐỀ MÂY SOI	OTHER		1.596.510	8%
5311	194270-2	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐỀ MÂY SOI	OTHER		1.407.240	8%
5312	413150-6	TILT BASE PLATE	ĐỀ NGHIỀNG	OTHER		67.650	10%
5313	198987-9	TILT BASE SET	ĐỀ NGHIỀNG	OTHER		875.610	8%
5314	743025-8	PLASTIC PAD 120	ĐỀ NHỰA 120	OTHER		119.610	8%
5315	193288-0	FELT PAD	ĐỀ NỈ	OTHER		560.520	8%
5316	413148-3	OFFSET BASE PLATE	ĐỀ PHAY	OTHER		121.825	10%
5317	195562-2	OFFSET BASE SET	ĐỀ PHAY	OTHER		2.597.670	8%
5318	122238-8	TRIMMER BASE ASSY/3700B, N3701, 3703, 3704, 4403	ĐỀ PHAY TRONG SUỐT/3700B, N3701, 3703, 3	OTHER		429.030	8%
5319	122202-9	TRIMMER BASE ASSY/3700B,N3701,3703,3704,4403	ĐỀ PHAY/3700B, N3701,3703,3704, 4403	OTHER		828.900	8%
5320	165447-6	SUB BASE	ĐỀ PHỤ	OTHER		415.800	8%
5321	1915R3-2	SUB BASE SET/JV186D	ĐỀ PHỤ CHO MÁY CỬA LÔNG/JV186D	OTHER		282.260	10%
5322	196094-2	PLUNGE BASE SET	ĐỀ SOI	OTHER		2.144.880	8%
5323	199089-4	TRIMMER BASE ASSEMBLY CLEAR	ĐỀ SOI	OTHER		584.010	8%
5324	196613-4	TRIMMER BASE SET/DRT50	ĐỀ TIA MÉP/DRT50	OTHER		728.200	10%
5325	122683-7	BASE SET/4112HS	ĐỀ/4112HS	OTHER		912.600	8%
5326	165431-1	BASE/4114S	ĐỀ/4114S	OTHER		450.630	8%
5327	191N92-5	WOOL PAD 80MM SET	ĐỆM LÔNG CỨU 80MM	OTHER		346.410	8%
5328	794173-6	WOOL BONNET FOR DRILL 100MM	ĐỆM LÔNG CỨU DÙNG CHO MÁY KHOAN 100MM	OTHER		317.250	8%
5329	TK0219UNIM	CD-ROM/SK312GD	ĐĨA CD/SK312GD	OTHER		507.276	8%
5330	5019001000	TOOL KIT	DỤNG CỤ MỔ ỐC	OTHER		91.850	10%
5331	199658-1	DX05 DUST COLLECTION SYSTEM SET /DHR182	DX05 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR182	OTHER		2.139.480	8%
5332	199561-6	DX06 DUST COLLECTION SYSTEM /DHR242	DX06 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR242	OTHER		3.073.680	8%
5333	199579-7	DX08 DUST COLLECTION SYSTEM SET /DHR280/DHR2	DX08 HỆ THỐNG HÚT BỤI /DHR280/DHR282	OTHER		3.634.470	8%
5334	191E53-1	DX12 DUST COLLECTION SYSTEM SET/HR001G/HR003	DX12 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR001G/HR003G	OTHER		3.785.670	8%
5335	418198-3	KEY HOLDER 9/MT653	GÁ ĐỠ KHÓA MỔ/MT653	OTHER		12.528	8%
5336	194684-5	GRIP ATTACHMENT SET	GÁ KẸP	OTHER		495.450	8%
5337	988000103	Working Gloves	Giăng Tay Bảo Hộ	OTHER		1.693.170	8%
5338	A-68672	WORK GROVE L	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE L	OTHER		934.470	8%
5339	A-68666	WORK GROVE M	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE M	OTHER		934.470	8%
5340	JM27000086	PUSH STICK	GẤY DÂY	OTHER		54.648	8%
5341	TK0LM2000F	MINI TRIPOD/SK312GD	GIÁ 3 CHÂN NHỎ/SK312GD	OTHER		1.429.920	8%
5342	GM00001369	UNDER STAND FOR LED WORKLIGHT	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	OTHER		215.460	8%
5343	GM00002378	TRIPOD/ML009G	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG /ML009G	OTHER		5.968.875	10%
5344	GM00002073	TRIPOD FOR DML809/DML811	GIÁ ĐỠ 3 CHÂN CHO DML809/DML811	OTHER		5.762.340	8%
5345	193326-8	HOSE COMPLETE 38-2.5	GIÁ ĐỠ 38-2.5	OTHER		2.282.500	10%
5346	196351-8	KIT OF HOLDER A 300ML	GIÁ ĐỠ A 300ML	OTHER		1.132.650	8%
5347	762014-4	MAGNETIC HOLDER	GIÁ ĐỠ CÓ TỪ TÍNH	OTHER		149.040	8%
5348	JM27000300	STAND SET(WST03)/MLT100	GIÁ ĐỠ MÁY CỬA BÀN(WST03)/MLT100	OTHER		14.292.180	8%
5349	194093-8	STAND SET/2704	GIÁ ĐỠ MÁY CỬA BÀN/2704	OTHER		11.314.350	8%
5350	SC03801080	WORK STAND/DPP200	GIÁ ĐỠ/DPP200	OTHER		2.597.670	8%
5351	122446-1	HOLDER ASSY/LS1211s	GIÁ ĐỠ/LS1211	OTHER		912.330	8%
5352	LE00870137	WALL MOUNT/SK105	GIÁ ĐỠ/SK105	OTHER		3.097.170	8%
5353	198688-9	STAND SET	GIÁ ĐỨNG	OTHER		3.431.970	8%
5354	411780-7	KEY HOLDER 10/6501	GIÁ TREO MỔ ĐẦU KHOAN 10/6501	OTHER		13.392	8%
5355	162341-3	BRACKET/DTW1001	GIÁ TREO/DTW1001	OTHER		174.150	8%
5356	140G50-6	GRIP COMPLETE/DUT130	GIỮ CỐ ĐỊNH/DUT130	OTHER		333.720	8%
5357	191F47-2	TOOL HOLDER SET/HR2670FT	GIỮ ĐẦU KHOAN/HR2670FT	OTHER		1.086.480	8%

5358	PR00000314	HOOK FOR SPRAY WAND/DUS108/DUS158	GIỮ ĐẦU PHUN/DUS108/DUS158	OTHER		25.164	8%
5359	DX17	DUST COLLECTION SYSTEM DX17/HR011G	HỆ THỐNG HÚT BỤI DX17/HR011G	OTHER		2.603.070	8%
5360	1911P2-6	DUST COLLECTION SYSTEM SET/DX16	HỆ THỐNG THU BỤI/DX16	OTHER		1.906.740	8%
5361	135327-0	DUST BOX ASSEMBLY	HỘP ĐUNG BỤI	OTHER		143.100	8%
5362	T-90037	MEDIUM TOOL BOX 561X387X161MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ 561X387X161MM	OTHER		5.228.280	8%
5363	T-90015	LARGE TOOL BOX 802X565X252MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ 802X565X252MM	OTHER		10.122.840	8%
5364	T-90059	LOW-PROFILE MEDIUM ORGANIZER 596X387X85MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG NÔNG 596X387X85MM	OTHER		4.572.180	8%
5365	T-90065	DEEP COMPACT ORGANIZER 389X278X162MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG SÂU 389X278X162MM	OTHER		3.565.350	8%
5366	T-90043	DEEP MEDIUM ORGANIZER 562X387X163MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG SÂU 562X387X163MM	OTHER		3.893.400	8%
5367	T-90021	EXTRA LARGE EXTENSION TOOLBOX 565X395X402MM	HỘP ĐUNG DỤNG CỤ DẠNG MỞ RỘNG 565X395X402MM	OTHER		7.063.740	8%
5368	D-63862	PLASTIC CASE FOR DIAMOND WHEEL	HỘP ĐUNG LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG	OTHER		143.100	8%
5369	821645-9	PLASTIC CARRYING CASE/DFS251	HỘP ĐUNG MÁY/DFS251	OTHER		644.220	8%
5370	821929-5	PLASTIC CASE/TW009G/TW010G	HỘP ĐUNG MÁY/TW009G/TW010G	OTHER		1.521.990	8%
5371	B-69917	BATTERY TYPE CASE	HỘP ĐUNG MŨI VÍT HÌNH PIN	OTHER		125.172	8%
5372	135246-0	DUST BOX ASSEMBLY WITH PAPER DUST BAG	HỘP ĐUNG TÚI BỤI GIẤY	OTHER		119.610	8%
5373	A80VP007MK	ALUMINUM CASE/DVP180	HỘP ĐUNG/DVP180	OTHER		2.808.810	8%
5374	199555-1	DUST CASE SET	HỘP LỌC BỤI	OTHER		1.055.700	8%
5375	199595-9	DUST CASE SET/DX05	HỘP LỌC BỤI/DX05	OTHER		1.012.284	8%
5376	1911P5-0	DUST CASE SET/DX16	HỘP LỌC BỤI/DX16	OTHER		667.980	8%
5377	199586-0	DUST CASE SET/HR2653	HỘP LỌC BỤI/HR2653	OTHER		1.101.600	8%
5378	143603-8	PLASTIC CARRYING CASE	HỘP NHỰA BẢO VỆ	OTHER		873.450	8%
5379	821524-1	PLASTIC CARRYING CASE/DHP486	HỘP NHỰA BẢO VỆ/DHP486	OTHER		846.720	8%
5380	821857-4	PLASTIC CARRYING CASE/DTD172	HỘP NHỰA BẢO VỆ/DTD172	OTHER		852.120	8%
5381	821709-9	PLASTIC CARRYING CASE/TL064D	HỘP NHỰA BẢO VỆ/TL064D	OTHER		645.840	8%
5382	140401-1	PLASTIC CASE COMPLETE/HR2611F	HỘP NHỰA/HR2611F	OTHER		632.610	8%
5383	D-37661	HANGER DISPLAY	KỆ TRUNG BÀY	OTHER		2.453.760	8%
5384	D-37677	HANGER DISPLAY	KỆ TRUNG BÀY	OTHER		2.795.040	8%
5385	D-46492	DISPLAY FOR MULTI TOOL BLADE	KỆ TRUNG BÀY CHO LƯỚI MÁY ĐA NĂNG	OTHER		2.164.320	8%
5386	122854-6	VICE ASSEMBLY	KEP	OTHER		558.470	10%
5387	192625-5	VICE SET	KEP	OTHER		548.640	8%
5388	192672-6	VICE SET	KEP	OTHER		595.620	8%
5389	GM00001396	VICE FOR LED WORKLIGHT	KEP CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	OTHER		504.350	10%
5390	1913K5-7	EXTRUSION CLAMPS	KEP ĐÓ MÓ RỘNG THANH RAY	OTHER		1.168.020	8%
5391	126617-2	VICE ASSY/LS1019L	KEP GIỮ VẬT LIỆU/LS1019L	OTHER		589.680	8%
5392	JM21000320	CIRCULAR CUTTING ATTACHMENT/LB1200F	KEP LƯỚI/LB1200F	OTHER		534.490	10%
5393	122567-9	VICE ASSY	KEP NGANG	OTHER		1.620.810	8%
5394	122470-4	VICE ASSY	KEP NGANG	OTHER		3.097.170	8%
5395	122563-7	VICE ASSY	KEP NGANG	OTHER		1.668.600	8%
5396	122930-6	VICE ASSY	KEP NGANG	OTHER		2.931.390	8%
5397	122536-0	VICE ASSY	KEP THẰNG ĐỨNG	OTHER		282.260	10%
5398	198885-7	CONNECT ADAPTER	KẾT NỐI THANH DẪN HƯỚNG	OTHER		626.175	10%
5399	191R51-3	CHIP RECEIVER 600 E SET/UH004G	KHAY CHỨA CỎ 600 E/UH004G	OTHER		1.317.330	8%
5400	191R52-1	CHIP RECEIVER 750 SET/UH005G	KHAY CHỨA CỎ 750/UH005G	OTHER		2.139.480	8%
5401	127622-2	TOOL BOX ASSEMBLY/DVCI156	KHAY ĐUNG PHỤ KIỆN HÚT BỤI/DVCI156	OTHER		477.630	8%
5402	839725-7	INNER TRAY	KHAY ĐUNG TRONG THÙNG MAKPAC	OTHER		85.050	8%
5403	839726-5	INNER TRAY	KHAY NHỰA	OTHER		79.380	8%
5404	839742-7	INNER TRAY	KHAY NHỰA	OTHER		79.380	8%
5405	A-60551	ACCESSORY TRAY	KHAY NHỰA CHỨA PHỤ KIỆN	OTHER		2.476.440	8%
5406	763415-9	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	OTHER		73.700	10%
5407	763418-3	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	OTHER		48.816	8%
5408	763447-6	CHUCK KEY S10	KHÓA ĐẦU KHOAN S10	OTHER		19.690	10%
5409	763452-3	CHUCK KEY S10/MT80A	KHÓA ĐẦU KHOAN S10/MT80A	OTHER		19.690	10%
5410	763235-1	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	OTHER		25.630	10%
5411	763432-9	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	OTHER		67.650	10%
5412	763441-8	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	OTHER		31.680	10%
5413	763450-7	CHUCK KEY S10/DA332D	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DA332D	OTHER		42.930	8%
5414	763448-4	CHUCK KEY S13/DUT131	KHÓA ĐẦU KHOAN S13/DUT131	OTHER		48.816	8%
5415	763442-6	CHUCK KEY S6	KHÓA ĐẦU KHOAN S6	OTHER		25.164	8%
5416	763449-2	CHUCK KEY S6.5	KHÓA ĐẦU KHOAN S6.5	OTHER		19.690	10%
5417	783223-2	HEX. WRENCH 4/EBH340U	KHÓA LỤC GIÁC 4/EBH340U	OTHER		16.740	8%
5418	783022-2	HEX. WRENCH 5/CA5000X	KHÓA LỤC GIÁC 5/CA5000X	OTHER		25.164	8%
5419	781044-6	HEX. WRENCH 6/LS1019L	KHÓA LỤC GIÁC 6/LS1019L	OTHER		25.630	10%
5420	783023-0	HEX. WRENCH 8/MT243	KHÓA LỤC GIÁC 8/MT243	OTHER		25.164	8%
5421	783203-8	HEX. WRENCH 5/DSP600	KHÓA LỤC GIÁC/DSP600	OTHER		12.528	8%
5422	783214-3	HEX.SOCKET SCREW KEY 2/DUP361	KHÓA LỤC GIÁC/DUP361	OTHER		10.368	8%
5423	782017-2	WRENCH 22/4107R	KHÓA MÓ 22/4107R	OTHER		84.240	8%
5424	763430-3	CHUCK KEY S13/6307	KHÓA MÓ ĐẦU KHOAN S13/6307	OTHER		31.680	10%
5425	763453-1	CHUCK KEY S13/MT80B	KHÓA MÓ ĐẦU KHOAN S13/MT80B	OTHER		25.630	10%
5426	763251-3	CHUCK KEY S-13/DDA460	KHÓA S-13/DDA460	OTHER		92.988	8%
5427	JPA122275	JOINT 55 ASS"Y	KHỚP NỐI 55	OTHER		159.840	8%
5428	459887-1	SIDE DISCHARGE MOUTH/DLM530Z	KHỚP NỐI BẰNG NHỰA/DLM530Z	OTHER		113.670	8%
5429	134877-2	UNIVERSAL JOINT 12.7 ASSY	KHỚP NỐI ĐA NĂNG 12.7	OTHER		2.597.670	8%
5430	134874-8	EXTENSION BAR 12.7 ASSY	KHỚP NỐI ĐUNG SIẾT BU LÔNG 12.7	OTHER		901.260	8%
5431	134870-6	EXTENSION BAR 25.4 ASSY	KHỚP NỐI ĐUNG SIẾT BU LÔNG 25.4	OTHER		3.192.750	8%
5432	459249-3	HOSE JOINT/DLS211	KHỚP NỐI HÚT BỤI/DLS211	OTHER		96.120	8%
5433	191L96-5	ADAPTER PIPE 85-72/UB001C,UB001G	KHỚP NỐI ỐNG THỜI 85-72/UB001C,UB001G	OTHER		311.040	8%
5434	191C15-7	ADAPTER BUB400MP,UB401MP	KHỚP NỐI ỐNG THỜI BUB400MP,UB401MP	OTHER		230.850	8%
5435	457924-5	FRAME	KHUNG CHỨA QUẠT	OTHER		84.240	8%
5436	JM23610050	BRACKET SET/WST06	KHUNG ĐÓ/WST06	OTHER		2.180.520	8%
5437	A-69397	YOKE FOR COMPRESSION DIE/TC300DRG	KHUÔN BẮM COS/TC300DRG	OTHER		13.173.300	8%
5438	321308-2	TEMPLER GUIDE	KHUÔN DẪN	OTHER		523.800	8%
5439	323018-7	TEMPLER GUIDE	KHUÔN DẪN	OTHER		198.000	10%
5440	323023-4	TEMPLER GUIDE	KHUÔN DẪN	OTHER		529.200	8%
5441	323449-0	TEMPLER GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN	OTHER		453.600	8%
5442	323448-2	TEMPLER GUIDE 9.5	KHUÔN DẪN	OTHER		540.000	8%
5443	321472-9	TEMPLER GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN 12.7	OTHER		556.200	8%
5444	792264-7	DIE	KHUÔN DẬP	OTHER		2.147.200	10%

5445	792292-2	DIE	KHUÔN DẬP	OTHER		936.900	8%
5446	A-15051	DIE	KHUÔN DẬP	OTHER		603.180	8%
5447	A-69319	FEMALE DIE 14-38MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 14-38MM/TC300DRG	OTHER		3.549.690	8%
5448	A-69347	FEMALE DIE 150MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 150MM/TC300DRG	OTHER		3.549.690	8%
5449	A-69325	FEMALE DIE 60-70MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 60-70MM/TC300DRG	OTHER		3.549.690	8%
5450	A-69331	FEMALE DIE 80-100MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 80-100MM/TC300DRG	OTHER		3.549.690	8%
5451	445060455	SOLID NOSE BAR	LAM	OTHER		2.030.400	8%
5452	161887-6	GUIDE BAR 10/DUC204	LAM 10/DUC204	OTHER		572.130	8%
5453	161888-4	GUIDE BAR 8/DUC204	LAM 8/DUC204	OTHER		525.960	8%
5454	162669-9	SOLID CARVING BAR M11 (250MM)/DUC254HZR	LAM M11 (250MM)/DUC254HZR	OTHER		2.311.740	8%
5455	B-20644	CUTTER 100X6T/DPJ180	LƯỠI CẮT 100X6T/DPJ180	OTHER		709.290	8%
5456	YA00000747	BLADE 410MM/ELM4120	LƯỠI CẮT 410MM/ELM4120	OTHER		340.740	8%
5457	725163-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỠI CẮT A/EH7500S	OTHER		1.223.640	8%
5458	725164-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỠI CẮT B/EH7500S	OTHER		1.357.290	8%
5459	792533-6	SIDE BLADE SET	LƯỠI CẮT CANH	OTHER		1.693.170	8%
5460	ZM00000129	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	OTHER		5.745.600	8%
5461	ZM00000175	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	OTHER		15.687.270	8%
5462	ZM00000134	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	OTHER		5.745.600	8%
5463	ZM00000191	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỠI CẮT CÁP/DTC100, DTC101	OTHER		12.406.770	8%
5464	Z87705	ROTARY SCISSORS ATTACHMENT/EM407MP	LƯỠI CẮT CỎ BÀNH XE/EM407MP	OTHER		6.652.260	8%
5465	B-01971	NYLON CORD 2.4X5M	LƯỠI CẮT CỎ NYLON 2.4X5M	OTHER		82.080	8%
5466	198604-1	MULTI CUTTER BLADE SET/CP110D	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/CP110D	OTHER		175.230	8%
5467	SV00146014	LOWER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỠI CẮT DƯỚI/EM407MP	OTHER		887.760	8%
5468	B-69783	JOINT CUTTER BLADE/ SEALING/TMA082	LƯỠI CẮT LẤY RÀNH CHO THUYỀN/TMA082	OTHER		545.400	8%
5469	SC09002710	CUTTER M10/DSC121	LƯỠI CẮT M10/DSC121	OTHER		4.288.680	8%
5470	SC09002720	CUTTER M12/DSC121	LƯỠI CẮT M12/DSC121	OTHER		4.288.680	8%
5471	SC09002700	CUTTER M8/DSC121	LƯỠI CẮT M8/DSC121	OTHER		4.288.680	8%
5472	199083-6	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M10 (2PCS)/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN M10/DSC102	OTHER		1.858.950	8%
5473	199087-8	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M6 (2PCS)/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN M6/DSC102	OTHER		1.858.950	8%
5474	199085-2	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M8 (2PCS)/DSC102	LƯỠI CẮT SẮT REN M8/DSC102	OTHER		1.858.950	8%
5475	B-69761	TC PLUNGE BLADE/ MULTIMATERIAL/TMA080	LƯỠI CẮT SẤU HÌNH THANG/NHIỀU VẬT LIỆU TMA080	OTHER		703.350	8%
5476	B-69755	TC BAR PLUNGE BLADE/ METAL/TMA079	LƯỠI CẮT SẤU/ KIM LOẠI TMA079	OTHER		1.006.776	8%
5477	B-49703	BOARD CUTTER BLADE	LƯỠI CẮT THẠCH CAO	OTHER		478.440	8%
5478	792534-4	CENTER BLADE	LƯỠI CẮT THẮNG	OTHER		2.098.440	8%
5479	A-42248	SHEAR BLADE	LƯỠI CẮT TỖN	OTHER		1.162.080	8%
5480	A-86664	SHEAR BLADE(L)	LƯỠI CẮT TỖN(L)	OTHER		1.645.380	8%
5481	A-86670	SHEAR BLADE(U)	LƯỠI CẮT TỖN(U)	OTHER		1.090.800	8%
5482	SV00146013	UPPER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỠI CẮT TRÊN/EM407MP	OTHER		977.400	8%
5483	195149-0	CUTTER ASSY SET/BBC300L	LƯỠI CẮT/BBC300L	OTHER		691.200	8%
5484	SC09002470	CUTTER BLADE SET/DSC163	LƯỠI CẮT/DSC163	OTHER		6.289.650	8%
5485	196797-8	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỠI CẮT/EH6000W	OTHER		1.693.170	8%
5486	DA00000169	CUTTER/EM2500U	LƯỠI CẮT/EM2500U	OTHER		302.400	8%
5487	725187-4	SHEAR BLADE/EN401MP	LƯỠI CẮT/EN401MP	OTHER		543.240	8%
5488	725197-1	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỠI CẮT/EN420MP	OTHER		322.920	8%
5489	DA00001274	BLADE/PLM4631N2	LƯỠI CẮT/PLM4631N2	OTHER		456.300	8%
5490	A-02624	UNIVERSAL SAW BLADE 160	LƯỠI CỬA ĐA NĂNG 160	OTHER		3.045.600	8%
5491	6018505301	BLADE (LOWER)	LƯỠI ĐAO CỬA MÁY TIA HÀNG RÀO	OTHER		946.080	8%
5492	6018505200	BLADE (UPPER)	LƯỠI ĐAO CỬA MÁY TIA HÀNG RÀO	OTHER		946.080	8%
5493	6018505500	LOWER BLADE	LƯỠI ĐAO CỬA MÁY TIA HÀNG RÀO	OTHER		1.149.930	8%
5494	6018505400	UPPER BLADE	LƯỠI ĐAO CỬA MÁY TIA HÀNG RÀO	OTHER		1.149.930	8%
5495	A-89523	HEDGE TRIMER ATTACHMENT	LƯỠI TIA HÀNG RÀO	OTHER		9.201.600	8%
5496	165757-1	MIXING BLADE 165/M6600XB	LƯỠI TRỘN 165/M6600XB	OTHER		180.090	8%
5497	A-43717	MIXING BLADE	LƯỠI TRỘN SƠN	OTHER		989.280	8%
5498	A-43670	MIXING BLADE 130	LƯỠI TRỘN SƠN 130	OTHER		346.410	8%
5499	A-43692	MIXING BLADE 165	LƯỠI TRỘN SƠN 165	OTHER		393.930	8%
5500	A-33065	MIXING BLADE INOX 190MM	LƯỠI TRỘN SƠN INOX 190MM	OTHER		1.430.730	8%
5501	A-43723	MIXING BLADE ALUMINIUM 135MM	LƯỠI TRỘN SƠN NHÔM 135MM	OTHER		444.960	8%
5502	A-43701	MIXING BLADE ALUMINIUM 175MM	LƯỠI TRỘN SƠN NHÔM 175MM	OTHER		481.140	8%
5503	B-69777	PLUNGE CUT SAW BLADE/ DRYWALL/TMA081	LƯỠI VÁCH THẠCH CAO/TMA081	OTHER		399.330	8%
5504	XNR0000532	ROTOR L/KR401MP	LƯỠI XỐI ĐÁT L/KR401MP	OTHER		501.228	8%
5505	XNR0000535	ROTOR R/KR401MP	LƯỠI XỐI ĐÁT R/KR401MP	OTHER		501.228	8%
5506	195173-3	DUST CUP SET	LY CHỨA BUI	OTHER		149.040	8%
5507	194580-7	DUSTCUP SET	LY CHỨA BUI	OTHER		561.600	8%
5508	421342-3	DUST CUP 5	LY CHỨA BUI 5	OTHER		48.816	8%
5509	421664-1	DUST CUP 9	LY CHỨA BUI 9	OTHER		96.120	8%
5510	1914L9-2	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670	LY CHỨA BUI(ĐÚC)/HR2670	OTHER		346.410	8%
5511	1914M0-7	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670FT	LY CHỨA BUI(ĐÚC)/HR2670FT	OTHER		387.720	8%
5512	1914L7-6	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670	LY CHỨA BUI(KHOAN)/HR2670	OTHER		311.040	8%
5513	1914L8-4	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670FT	LY CHỨA BUI(KHOAN)/HR2670FT	OTHER		340.740	8%
5514	1911P8-4	DUSTCUP SET/DHR183	LY CHỨA BUI/DHR183	OTHER		495.450	8%
5515	PR00000317	MEASURING CUP/DUS158	LY ĐÌNH LƯỢNG/DUS158	OTHER		84.240	8%
5516	A-58154	ANTI-GLARE FILM/DML805	MÀN CHỐNG CHÓI/DML805	OTHER		107.730	8%
5517	GM00002359	ANTI-GLARE FILM/ML005G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML005G	OTHER		221.400	8%
5518	GM00002376	ANTI-GLARE FILM/ML009G	MÀN CHỐNG CHÓI/ML009G	OTHER		364.230	8%
5519	192227-7	SUPER FLANGE	MẶT BÍCH CHO MÁY MÀI	OTHER		436.975	10%
5520	224493-9	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI 10-30	OTHER		25.630	10%
5521	224485-8	LOCK NUT 14-45	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45	OTHER		67.650	10%
5522	458191-5	DUST COVER/JV103D	MIẾNG CHẰN BUI/JV103D	OTHER		26.676	8%
5523	413L57-8	DISCHARGE CHUTE/LM002G	MIẾNG CHẰN XÁ CỎ/LM002G	OTHER		328.860	8%
5524	122716-8	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHẰN	OTHER		90.180	8%
5525	193471-9	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHẰN	OTHER		60.588	8%
5526	346909-5	HOOK/DF031D	MIẾNG ĐÉM GÁI/DF031D	OTHER		25.164	8%
5527	341947-2	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐÉM PHẪNG	OTHER		346.500	10%
5528	342428-9	STRAIGHT GUIDE	MIẾNG ĐÉM PHẪNG	OTHER		143.100	8%
5529	422992-7	SEALING CAP(5PCS/SET)/DX16	MIẾNG ĐÉM(SCÁI/BỘ)/DX16	OTHER		19.332	8%
5530	196684-1	PAD 150 SET (SOFT)/BO6030	MIẾNG ĐÉM/BO6030	OTHER		1.121.040	8%
5531	A-16922	BISCUIT NO.0	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.0	OTHER		297.810	8%

5532	A-16938	BISCUIT NO.10	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.10	OTHER		297.810	8%
5533	A-16944	BISCUIT NO.20	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.20	OTHER		297.810	8%
5534	956372	PLEXIGLAS BLOCK	MIẾNG KÍNH THỦ MŨI KHOAN	OTHER		1.217.160	8%
5535	198975-6	SPONGE SET FOR MAKPAC	MIẾNG LÓT THÙNG MAKPAC	OTHER		164.160	8%
5536	ZM00000189	MOVING BLADE ASSY/DTC100, DTC101	MIẾNG THÉP CHE LƯỚI CÁT/DTC100, DTC101	OTHER		306.350	10%
5537	1914C5-7	GREASE SET 30G	MỠ 30G	OTHER		238.950	8%
5538	197439-7	GREASE VESSEL SET 80ML	MỠ BỒ 80ML	OTHER		250.668	8%
5539	199450-5	GREASE VESSEL SET 80ML	MỠ BỒ 80ML	OTHER		328.860	8%
5540	198993-4	GREASE VESSEL SET	MỠ BỒI TRON			233.010	8%
5541	4YT-1023	JIG FOR DEMONSTRATION	MÔ HÌNH DEMO CHO MÁY SIẾT BỤ LÔNG 5 ĐẦU	OTHER		29.056.050	8%
5542	158024-1	HOOK COMPLETE	MỐC	OTHER		42.930	8%
5543	281012-4	HOOK	MỐC TREO	OTHER	AUTO	297.810	8%
5544	197043-2	TOOL CATCHER	MỐC TREO	OTHER		1.068.120	8%
5545	199428-8	TOOL CATCHER SET/DHP485	MỐC TREO BĂNG THÉP/DHP485	OTHER		1.549.800	8%
5546	199593-3	TOOL CATCHER SET/DHR182	MỐC TREO BĂNG THÉP/DHR182	OTHER		674.190	8%
5547	B-63111	KEY ADAPTER NZ	MỐC TREO CHÌA KHÓA NZ	OTHER		96.120	8%
5548	195779-7	HOOK SET/DCO181	MỐC TREO/DCO181	OTHER		107.730	8%
5549	199296-9	TOOL HANGER/DCS553	MỐC TREO/DCS553	OTHER		314.280	8%
5550	194759-0	HOOK SET/DF0300	MỐC TREO/DF0300	OTHER		168.210	8%
5551	191C37-7	HOOK SET/DHK180	MỐC TREO/DHK180	OTHER		259.200	8%
5552	197224-8	WIDE HOOK SET/DHR182	MỐC TREO/DHR182	OTHER		63.504	8%
5553	135963-2	HOOK ASSY/DHR280	MỐC TREO/DHR280	OTHER		101.790	8%
5554	196386-1	HOOK SET/DPB182	MỐC TREO/DPB182	OTHER		96.120	8%
5555	191G64-8	HOOK ASSEMBLY SET/DPB183	MỐC TREO/DPB183	OTHER		153.090	8%
5556	191K57-9	TOOL HANGER SET/DTW300	MỐC TREO/DTW300	OTHER		1.416.960	8%
5557	191W90-3	HOOK SET/HR007G	MỐC TREO/HR007G	OTHER		364.230	8%
5558	191F45-6	TOOL HANGER SET/HR3001C	MỐC TREO/HR3001C	OTHER		376.110	8%
5559	191C05-0	HOOK SET/JR3051T	MỐC TREO/JR3051T	OTHER		203.040	8%
5560	1914Y8-5	HOOK/UC029G	MỐC TREO/UC029G	OTHER		221.400	8%
5561	794560-9	WOOL PAD	MŨI ĐÁNH BÔNG	OTHER		428.490	8%
5562	197920-8	WOOL PAD 125 SET	MŨI ĐÁNH BÔNG	OTHER		405.540	8%
5563	A-69490	T DIE 123-154MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 123-154MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5564	A-69509	T DIE 155-190MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 155-190MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5565	A-69515	T DIE 191-240MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 191-240MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5566	A-69440	T DIE 27-44MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 27-44MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5567	A-69456	T DIE 45-60MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 45-60MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5568	A-69462	T DIE 61-76MM /TC300DRG	MŨI BẮM COS 61-76MM /TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5569	A-69478	T DIE 77-98MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 77-98MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5570	A-69484	T DIE 99-122MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 99-122MM/TC300DRG	OTHER		5.217.750	8%
5571	A-69272	MALE DIE 38-70MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 38-70MM/TC300DRG	OTHER		3.049.650	8%
5572	A-69288	MALE DIE 80-150MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 80-150MM/TC300DRG	OTHER		3.049.650	8%
5573	791121-6	T.C.T. HAMMER BIT 18-380	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM 18-380	OTHER		1.477.440	8%
5574	791133-9	T.C.T. HAMMER BIT 20-525	MŨI KHOAN BÉ TỔNG HỢP KIM 20-525	OTHER		2.250.720	8%
5575	A-87563	CENTER BIT	MŨI KHOAN ĐINH TÂM	OTHER		1.885.520	8%
5576	193450-7	DRYWALL GUIDE BIT 3MM/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO 3MM/DCO181	OTHER		174.150	8%
5577	D-08218	FLASH BIT/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO/DCO181	OTHER		376.110	8%
5578	784614-0	BIT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	MŨI VẠN VÍT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	SCBIT		66.420	8%
5579	784243-9	BIT 1-45/DF012D	MŨI VÍT 1-45/DF012D	SCBIT		19.332	8%
5580	784261-7	BIT 2-25/FS4000	MŨI VÍT 2-25/FS4000	SCBIT		13.392	8%
5581	784202-3	BIT 2-45/DF012D	MŨI VÍT 2-45/DF012D	OTHER		25.164	8%
5582	784244-7	SCREW BIT 2-50/DA333D	MŨI VÍT 2-50/DA333D	SCBIT		19.332	8%
5583	784636-0	BIT 2-65/DF347D	MŨI VÍT 2-65/DF347D	OTHER		25.164	8%
5584	D-65551	"DOUBLE-END(C-FORM)"	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DANG C)	OTHER		317.250	8%
5585	191V01-2	BIT12-137 SET/DFR452	MŨI VÍT PH2-137MM/DFR452	SCBIT		685.530	8%
5586	191V02-0	BIT2-155 SET/DFR551	MŨI VÍT PH2-155MM/DFR551	SCBIT		531.360	8%
5587	KF0000068	SPOON/DCM501	MUỐNG NHỰA/DCM501	OTHER		31.104	8%
5588	GM00001683	MAGNET ATTACHEMENT/ML105	NAM CHÂM/ML105	OTHER		402.840	8%
5589	417852-6	COVER PLATE	NẮP BẢO VỆ	OTHER		76.680	8%
5590	450128-8	BATTERY COVER	NẮP BẢO VỆ PIN	OTHER		19.332	8%
5591	123001-2	CHARGER CASE TOP ASSY/BCC01/BCC02	NẮP BỐ SẠC/BCC01/BCC02			168.210	8%
5592	422163-6	RUBBER CAP(LARGE)/DFS600	NẮP CAO SU/DFS600	OTHER		59.400	8%
5593	421641-3	RUBBER CAP/DFS600	NẮP CAO SU/DFS600	OTHER		16.200	8%
5594	141P46-4	WHEEL COVER 125 COMPLETE/GA5090	NẮP CHỤP BẢO VỆ 125/GA5090	OTHER		168.210	8%
5595	141P47-2	WHEEL COVER 150 COMPLETE/GA048G	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150/GA048G	OTHER		221.400	8%
5596	123230-7	WHEEL COVER 150AK ASSEMBLY/MT905	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150K/MT905	OTHER		156.330	8%
5597	347618-9	WHEEL COVER 125/DGA419	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DGA419	OTHER		180.900	8%
5598	193894-1	DUST COVER SET/MT362	NẮP CHỤP BỤI/MT362	OTHER		54.648	8%
5599	B-20476	BACK UP PAD 100MM	NẮP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 100MM	OTHER		31.104	8%
5600	B-20482	BACK UP PAD 115/125 MM	NẮP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 115/125MM	OTHER		42.930	8%
5601	153909-6	OUTER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	MĂNG SỔNG BÊN NGOÀI M22-39/6922NB	OTHER		1.699.500	10%
5602	194311-4	INNER SLEEVE 24-49 SET/6924N	MĂNG SỔNG BÊN TRONG 24-49/6924N	OTHER		5.362.500	10%
5603	KF0000069	CUP COVER/DCM501	NẮP ĐÁY CỐC/DCM501	OTHER		45.900	8%
5604	459206-1	SEALING CAP/DX10	NẮP ĐÁY/DX10	OTHER		19.332	8%
5605	417724-5	LATCH/HRI830	NẮP GÁI THÙNG MÁY/HRI830	OTHER		13.392	8%
5606	457247-1	LATCH(WHITE)	NẮP GÁI(MÀU TRẮNG)	OTHER		23.652	8%
5607	453974-8	LATCH/HRI841	NẮP GÁI/HRI841	OTHER		18.090	8%
5608	GM00001499	DUST COVER	NẮP TŨI BỤI	OTHER		462.240	8%
5609	6417015003	BAND ASSY	NEP	OTHER		770.000	10%
5610	192629-7	WOOL PAD 180MM	NỈ ĐÁNH BÔNG 180MM	OTHER		613.170	8%
5611	988000009	Safety Helmet	Nón Bảo Hộ	OTHER		2.525.310	8%
5612	SC00000103	HEX. WRENCH M3/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M3/DSC163	OTHER		31.104	8%
5613	SC00000104	HEX. WRENCH M4/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M4/DSC163	OTHER		31.104	8%
5614	SC00000105	HEX. WRENCH M5/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M5/DSC163	OTHER		42.930	8%
5615	6659500901	PIPE	ỐNG CAO SU	OTHER		135.000	8%
5616	A-30617	RUBBER SLEEVE 36-38/SJ401	ỐNG CAO SU 36-38/SJ401	OTHER		16.200	8%
5617	196432-8	WATER SUPPLY PIPE SET/M4100B	ỐNG CẤP NƯỚC/M4100B	OTHER		328.860	8%
5618	1910X4-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP180	ỐNG CHỨA MỠ B 450G/DGP180	OTHER		2.547.875	10%

5619	191F25-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ B 450G/DGP180	OTHER		2.310.000	10%
5620	191F27-8	CARTRIDGE BARREL C SET 500G GREASE/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ C 500G/DGP180	OTHER		2.863.025	10%
5621	191F24-4	CARTRIDGE BARREL A SET 400/DGP180	ỐNG CHỨA MỖ LOẠI A 400/DGP180	OTHER		2.110.790	10%
5622	1910M7-9	ADAPTER PIPE 104-72 SET/UB002C	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 104-72/UB002C	OTHER		429.030	8%
5623	199439-3	LONG NOZZLE 415	ỐNG DÀI 415	OTHER		107.730	8%
5624	164405-9	PIPE	ỐNG DẪN	OTHER		256.608	8%
5625	162747-5	PIPE 2.2 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.2/DRV150	OTHER		668.250	10%
5626	162746-7	PIPE 2.6 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.6/DRV150	OTHER		668.250	10%
5627	162745-9	PIPE 3.4 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 3.4/DRV250	OTHER		1.504.525	10%
5628	162744-1	PIPE 4.1 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 4.1/DRV250	OTHER		424.875	10%
5629	140H92-6	HOSE COMPLETE/CL121D	ỐNG DẪN BUI/CL121D	OTHER		286.200	8%
5630	191657-7	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	ỐNG DẪN MỖ 600/DGP180	OTHER		2.029.104	8%
5631	412088-2	VINYL TUBE 5	ỐNG DẪN NƯỚC	OTHER		78.300	8%
5632	193751-3	WATER SUPPLY PIPE ASSEMBLY	ỐNG DẪN NƯỚC	OTHER		387.720	8%
5633	140Y23-7	WATER SUPPLY HOSE COMPLETE/DCC500	ỐNG DẪN NƯỚC/DCC500	OTHER		203.580	8%
5634	195534-7	WATER SET/EK7651	ỐNG DẪN NƯỚC/EK7651	OTHER		884.520	8%
5635	412137-5	VINYL TUBE 5/M0401B	ỐNG DẪN NƯỚC/M0401B	OTHER		48.816	8%
5636	164350-8	PIPE/4107R	ỐNG DẪN/4107R	OTHER		858.060	8%
5637	451329-1	NOZZLE	ỐNG HÚT	OTHER		48.816	8%
5638	183R04-6	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363ZV	ỐNG HÚT BUI LOẠI A/DUB363ZV	OTHER		325.620	8%
5639	183R08-8	VACUUM PIPE B/DUB363ZV	ỐNG HÚT BUI LOẠI B/DUB363ZV	OTHER		164.160	8%
5640	413F05-1	DUST NOZZLE/DJV184	ỐNG KẾT NỐI HÚT BUI/DJV184	OTHER		107.730	8%
5641	194934-8	DUST NOZZLE/VP1801	ỐNG KẾT NỐI HÚT BUI/VP1801	OTHER		244.890	8%
5642	1915G6-9	HOSE COMPELTE 28-5 SET/VC013G/VC014G	ỐNG MỀM DÀI 28-5/VC013G/VC014G	OTHER		2.317.140	8%
5643	412028-0	VINYL TUBE 5X9X5000	ỐNG NHỰA VINYL 5X9X5000	OTHER		297.810	8%
5644	419620-3	DUST NOZZLE	ỐNG NỔI	OTHER		66.420	8%
5645	327285-6	JOINT 4.8/DRV150	ỐNG NỔI 4.8/DRV150	OTHER		107.730	8%
5646	327280-6	JOINT 6.4/DRV150	ỐNG NỔI 6.4/DRV150	OTHER		123.768	8%
5647	199618-3	DUST ATTACHMENT SET	ỐNG NỔI DẸP NỔI VỚI MÁY HÚT BUI	OTHER		201.300	10%
5648	199624-8	DUST ATTACHMENT SET/ TM3010C	ỐNG NỔI DẸP NỔI VỚI MÁY HÚT BUI/TM3010C	OTHER		213.950	10%
5649	199627-2	DUST ATTACHMENT SET /DTM51	ỐNG NỔI VỚI MÁY HÚT BUI/DTM51	OTHER		272.592	8%
5650	195334-5	JOINT DUST NOZZLE/HS301D	ỐNG NỔI VỚI MÁY HÚT BUI/HS301D	OTHER		31.104	8%
5651	199630-3	DUST ATTACHMENT SET /TM30D	ỐNG NỔI VỚI MÁY HÚT BUI/TM30D	OTHER		278.100	8%
5652	418920-8	JOINT/MT401	ỐNG NỔI/MT401	OTHER		13.392	8%
5653	3640670	FOAM NOZZLE OPP 840.033	ỐNG PHUN			66.420	8%
5654	183R06-2	PIPE 90-72 ASSEMBLY/DUB363	ỐNG THỜI 90-72/DUB363	OTHER		219.780	8%
5655	421905-5	NOZZLE/MT401	ỐNG THỜI/MT401	OTHER		78.300	8%
5656	191X23-4	AIR VENT NOZZLE ATTACHMENT/AS001G	ỐNG THÔNG HƠI/AS001G	OTHER	OUTDR	477.630	8%
5657	3320130	EXTENSION LANCE READY 1ST TOOLING 8	ỐNG XỊT MỎ RỘNG			101.520	8%
5658	122D16-0	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỖ A 400G/DGP180	OTHER		2.144.880	8%
5659	191B12-7	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỖ A 400G/DGP180	OTHER		2.084.720	10%
5660	1910X1-8	BARREL ASSEMBLY B SET 450G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỖ B 450G/DGP180	OTHER		3.549.690	8%
5661	1910X3-4	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỖ C 500G/DGP180	OTHER		3.573.180	8%
5662	191F23-6	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỖ C 500G/DGP180	OTHER		3.300.000	10%
5663	195798-3	BATTERY PROTECTOR S	ỚP BẢO VỆ PIN	OTHER		1.166.400	8%
5664	422807-8	BATTERY PROTECTOR/DBO380	ỚP BẢO VỆ PIN/DBO380	OTHER		101.790	8%
5665	KF0000066	FILTER SET/DCM501	PHỄU LỌC/DCM501	OTHER		72.360	8%
5666	195232-3	ANTI KICK BACK HEAD ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	OTHER		7.909.380	8%
5667	1913J9-2	KICKBACK REDUCTION STOPPER	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	OTHER		156.330	8%
5668	195059-1	DUST COVER ATTACHMENT	PHỤ KIỆN CHỮA BUI	OTHER		354.780	8%
5669	194289-1	DUST COVER ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CHỮA BUI	OTHER		96.120	8%
5670	191M40-8	CHIP RECEIVER SET/DUN500W,DUN600L	PHỤ KIỆN CHỮA CỎ/DUN500W,DUN600L	OTHER		615.600	8%
5671	198570-2	GUIDE RALL ADAPTER/HS0600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THANH DẪN HUỐN	OTHER		5.099.490	8%
5672	198673-2	GUIDE RALL ADAPTER SET	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THANH DẪN HUỐN	OTHER		548.640	8%
5673	196953-0	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS680	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THANH DẪN HUỐN	OTHER		960.120	8%
5674	197462-2	GUIDE RALL ADAPTER/HS6600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THANH DẪN HUỐN	OTHER		608.850	8%
5675	199917-3	POLE SAW ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH	OTHER		5.872.500	8%
5676	191X01-4	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500	OTHER		1.430.730	8%
5677	191M48-2	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500Z	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500Z	OTHER		1.246.050	8%
5678	192954-6	FLEXIBLE ASSY	PHỤ KIỆN ĐẦU MỀM	OTHER		5.940.000	8%
5679	194581-5	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỮA BUI	OTHER		444.960	8%
5680	194582-3	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỮA BUI	OTHER		162.270	8%
5681	194583-1	GRIPBASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỮA BUI	OTHER		108.000	8%
5682	452947-8	BIT HOLDER	PHỤ KIỆN GIỮ MÔI VÍT	OTHER		13.392	8%
5683	STEX122177	ANGLE ATTACHEMENT/DS4011	PHỤ KIỆN GÓC/DS4011	OTHER		5.482.080	8%
5684	457801-1	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV102, DJV103	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BUI/DJV102, DJV103	OTHER		118.260	8%
5685	TK02100200	GLASSES LASER VISIBILITY/SK312GD	PHỤ KIỆN KÍNH HIỂN THỊ LAZE/SK312GD	OTHER		405.540	8%
5686	TP00000159	FISHTAIL SPREADER	PHỤ KIỆN MÁY THOI NÓNG C	OTHER		22.000	10%
5687	Z29704	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THOI/UB401MP	OTHER		2.484.000	8%
5688	195237-3	DUST COVER SET	PHỤ KIỆN THU BUI	OTHER		1.382.940	8%
5689	122C71-6	DUST NOZZLE ASSEMBLY/JV001G	PHỤ KIỆN THU BUI/JV001G	OTHER		90.180	8%
5690	B-80226	PORTABLE COFFEE HARVESTER	PHỤ KIỆN THU HOẠCH CÀ PHÊ	OTHER		8.380.800	8%
5691	TK01.DG501F	LASER RECEIVER LDG-5/SK10GD	PHỤ KIỆN THỦ TIA LAZER/SK10GD	OTHER		5.717.790	8%
5692	197148-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT/HM1812	PHỤ TÙNG KHỬ BUI/HM1812	OTHER		1.865.700	8%
5693	PR00000036	WELDING RODS ABS	QUE HÀN ABS	OTHER		250.668	8%
5694	PR00000037	WELDING RODS HDPE	QUE HÀN HDPE	OTHER		227.070	8%
5695	PR00000038	WELDING RODS PP	QUE HÀN PP	OTHER		227.070	8%
5696	TK219UNQSG	OPERATION GUIDE/SK312GD	SÁCH HƯỚNG DẪN/SK312GD	OTHER		119.610	8%
5697	191897-9	CUTTING WAX	SÁP CÁT	OTHER		387.720	8%
5698	3082280	GUN/HW101	SÚNG XỊT ÁP LỰC/CHW101			421.470	8%
5699	3320152	GUN/HW102	SÚNG XỊT ÁP LỰC/CHW102			428.490	8%
5700	458501-6	BAR COVER 250MM	TÂM BẢO VỆ 250MM	OTHER		125.388	8%
5701	D-70792	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(WHITE)	TÂM BƠT BIÊN 190MM (MÀU TRẮNG)	OTHER		467.370	8%
5702	D-70786	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(YELLOW)	TÂM BƠT BIÊN 190MM (MÀU VÀNG)	OTHER		467.370	8%
5703	B-69799	TC SANDING PLATE/ MORTAR #20/TM083	TÂM CHÀ NHẢM CHO VỮA #20/TM083	OTHER		641.250	8%
5704	B-69808	TC SANDING PLATE/ MORTAR #40/TM084	TÂM CHÀ NHẢM CHO VỮA #40/TM084	OTHER		641.250	8%
5705	B-69814	TC SANDING PLATE/ MORTAR #60/TMA085	TÂM CHÀ NHẢM CHO VỮA #60/TMA085	OTHER		605.070	8%

5706	B-69820	TC SANDING PLATE/ MORTAR #86/TMA086	TÂM CHÀ NHÂM CHO VÙA #86/TMA086	OTHER		605.070	8%
5707	199873-7	PROTECTOR 225 SET MG/UR640AD	TÂM CHÀN BẢO VỆ 255/UR640AD	OTHER		720.900	8%
5708	199875-3	PROTECTOR SET MG/UR640AD	TÂM CHÀN BẢO VỆ/UR640AD	OTHER		606.650	10%
5709	192557-6	ANTI-SPLITTING DEVICE	TÂM CHÀN MÀN CỬA	OTHER		186.030	8%
5710	150662-5	SUB FENCE COMPLETE	TÂM CHÀN PHU	OTHER		204.325	10%
5711	122472-0	SET PLATE ASSY	TÂM CHÀN THÉP	OTHER		72.360	8%
5712	418647-0	CHIP DEFLECTOR/MT372	TÂM CHÀN/MT372	OTHER		51.570	8%
5713	457867-1	COVER PLATE/DJV184	TÂM CHE BỤI/DJV184	OTHER		42.930	8%
5714	GM00002312	LAMP SHADE/ML003G	TÂM CHỐNG CHÓI/ML003G	OTHER		174.150	8%
5715	450066-4	PUNCH PLATE	TÂM DẠNG LỖ	OTHER		37.675	10%
5716	743124-6	PAD 50MM	TÂM ĐỀ 50MM	OTHER		417.150	8%
5717	743125-4	PAD 75MM	TÂM ĐỀ 75MM	OTHER		1.121.040	8%
5718	794558-6	SPONGE PAD	TÂM ĐỀ BƠI BIỂN	OTHER		513.000	8%
5719	193199-9	CORK RUBBER PLATE/BS001G	TÂM ĐỀ CAO SU CORK/BS001G	OTHER		159.300	8%
5720	193197-3	CARBON PLATE/BS001G	TÂM ĐỀ CARBON/BS001G	OTHER		300.780	8%
5721	794159-0	FOAM POLISHING PAD FOR DRILL 125MM	TÂM ĐỀ ĐÁNH BÓNG DỪNG CHO MÁY KHOAN 125MM	OTHER		446.850	8%
5722	196152-4	FELT PAD	TÂM ĐỀ NỈ	OTHER		437.400	8%
5723	191459-1	PAD(BLACK)/PS001G	TÂM ĐỀ NỈ CHÀ SÀN DẠNG CỨOC(DEN)/PS001G	POLSC		807.084	8%
5724	191456-7	PAD(RED)/PS001G	TÂM ĐỀ NỈ CHÀ SÀN DẠNG CỨOC(DO)/PS001G	POLSC		778.680	8%
5725	191458-3	PAD(BROWN)/PS001G	TÂM ĐỀ NỈ CHÀ SÀN DẠNG CỨOC(NAU)/PS001G	POLSC		807.084	8%
5726	191455-9	PAD(WHITE)/PS001G	TÂM ĐỀ NỈ CHÀ SÀN DẠNG CỨOC(TRANG)/PS001G	POLSC		778.680	8%
5727	191457-5	PAD(BLUE)/PS001G	TÂM ĐỀ NỈ CHÀ SÀN DẠNG CỨOC(XANH)/PS001G	POLSC		778.680	8%
5728	415579-2	SET PLATE 4	TÂM ĐEM	OTHER		126.060	10%
5729	421093-8	CORK RUBBER PLATE	TÂM ĐEM CAO SU	OTHER		91.800	8%
5730	199424-6	WOOL PAD 150MM	TÂM ĐEM ĐÁNH BÓNG 150MM	OTHER		657.720	8%
5731	341705-6	STEEL PLATE	TÂM ĐEM THÉP	OTHER		79.750	10%
5732	150980-1	STEEL PLATE COMPLETE	TÂM ĐEM THÉP	OTHER		219.450	10%
5733	140441-9	PAD COMPLETE/BO3710	TÂM LỘT/BO3710	OTHER		88.560	8%
5734	193540-6	SET PLATE 82 SET	TÂM THÉP 82	OTHER		303.325	10%
5735	451340-3	GRIP	TAY CÀM	OTHER		113.670	8%
5736	198044-3	GRIP 36 SET	TAY CÀM	OTHER		233.010	8%
5737	122464-9	GRIP ASSY	TAY CÀM	OTHER		543.240	8%
5738	318685-1	GRIP ATTACHMENT SET	TAY CÀM	OTHER		61.710	10%
5739	158980-5	KNOB 55 COMPLETE	TAY CÀM	OTHER		262.548	8%
5740	194483-5	LOOP HANDLE SET	TAY CÀM	OTHER		238.950	8%
5741	152492-0	GRIP 36 COMPLETE/9015B	TAY CÀM /9015B	OTHER		96.120	8%
5742	125779-3	GRIP ASSEMBLY/BO5041	TAY CÀM /BO5041	OTHER		204.930	8%
5743	273457-0	GRIP 32	TAY CÀM 32	OTHER		233.010	8%
5744	273467-7	GRIP 32	TAY CÀM 32	OTHER		208.710	8%
5745	273495-2	GRIP 32	TAY CÀM 32	OTHER		180.090	8%
5746	273649-1	GRIP 34	TAY CÀM 34	OTHER		162.270	8%
5747	1910X6-8	GRIP 35 SET/GA050G	TAY CÀM 35/GA050G	OTHER		238.950	8%
5748	135197-7	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		763.560	8%
5749	135209-6	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		738.720	8%
5750	135302-6	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		90.180	8%
5751	135332-7	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		703.350	8%
5752	135380-6	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		706.590	8%
5753	136603-5	GRIP 36 ASSY	TAY CÀM 36	OTHER		186.030	8%
5754	152491-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CÀM 36	OTHER		96.120	8%
5755	152539-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CÀM 36	OTHER		60.588	8%
5756	153489-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CÀM 36	OTHER		36.990	8%
5757	158131-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CÀM 36	OTHER		350.460	8%
5758	153504-2	GRIP 36 COMPLETE/GA4030	TAY CÀM 36/GA4030	OTHER		48.816	8%
5759	273466-9	GRIP 37	TAY CÀM 37	OTHER		215.460	8%
5760	143486-6	GRIP 37 COMPLETE/GA7060	TAY CÀM 37/GA7060	OTHER		57.564	8%
5761	413F67-9	LOOP HANDLE/PV001G	TAY CÀM BĂNG NHỰA/PV001G	OTHER		317.250	8%
5762	134909-5	SIDE HANDLE ASSY	TAY CÀM BÊN	OTHER		912.330	8%
5763	134890-0	SIDE HANDLE 68 ASSY	TAY CÀM BÊN 68	OTHER		1.223.640	8%
5764	127552-7	SIDE GRIP LONG/DF001G	TAY CÀM BÊN DÀI/DF001G	OTHER		595.620	8%
5765	127579-7	SIDE GRIP SHORT/DF001G	TAY CÀM BÊN NGẮN/DF001G	OTHER		656.150	10%
5766	191R81-4	SIDE GRIP/DA001G	TAY CÀM BÊN/DA001G	OTHER		757.890	8%
5767	122A18-8	SIDE GRIP/DDA460	TAY CÀM BÊN/DDA460	OTHER		405.540	8%
5768	122C02-5	SIDE GRIP/DDF486	TAY CÀM BÊN/DDF486	OTHER		635.310	8%
5769	122D10-2	GRIP ASSEMBLY/DHP486	TAY CÀM BÊN/DHP486	OTHER		626.175	10%
5770	1914C4-9	SIDE HANDLE SET/DP4020	TAY CÀM BÊN/DP4020	OTHER		182.790	8%
5771	136362-1	SIDE HANDLE/HM001G	TAY CÀM BÊN/HM001G	OTHER		691.470	8%
5772	122D08-9	GRIP ASSEMBLY/HP001G	TAY CÀM BÊN/HP001G	OTHER		626.175	10%
5773	140X75-2	GRIP/PV301D	TAY CÀM BÊN/PV301D	OTHER		159.225	10%
5774	TE00000796	0 DEGREES AIR CHUCK/MP001G	TAY CÀM BOM HƠI NỔI DÀI/MP001G	OTHER		752.400	10%
5775	TE00000691	AIR CHUCK/MP001G	TAY CÀM BOM HƠI NỔI DÀI/MP001G	OTHER		734.250	10%
5776	152490-4	SIDE GRIP/N9500N	TAY CÀM CHO MÁY MÀI/N9500N	OTHER		78.300	8%
5777	194514-0	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CÀM CHỐNG RUNG	OTHER		466.290	8%
5778	194543-3	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CÀM CHỐNG RUNG	OTHER		531.360	8%
5779	199176-9	LOOP HANDLE SET/GA7070	TAY CÀM CONG/GA7070	OTHER		650.375	10%
5780	416256-9	LOOP HANDLE	TAY CÀM DẠNG VÒNG	OTHER		292.140	8%
5781	1912A3-5	GRIP ASSEMBLY/DDF489	TAY CÀM HỖ TRỢ/DDF489	OTHER		765.875	10%
5782	1912A4-3	GRIP ASSEMBLY/DHP489	TAY CÀM HỖ TRỢ/DHP489	OTHER		777.700	10%
5783	122727-3	SIDE GRIP ASSY	TAY CÀM HỒNG	OTHER		757.890	8%
5784	192985-5	SIDE HANDLE SET	TAY CÀM HỒNG	OTHER		358.290	8%
5785	135269-8	SIDE HANDLE 82 ASSY	TAY CÀM HỒNG 82	OTHER		1.407.240	8%
5786	191G67-2	EXTENSION HANDLE FOR IMPACT WRENCH	TAY CÀM MỎ RỘNG CHO MÁY SIẾT BU LÔNG	OTHER		4.004.000	10%
5787	199937-7	EXTENSION HANDLE SET/DSL800	TAY CÀM MỎ RỘNG/DSL800	OTHER		4.832.190	8%
5788	191M27-0	EXTENSION HANDLE SET/DTR180	TAY CÀM NỔI DÀI/DTR180	OTHER		5.335.740	8%
5789	1915N6-8	EXTENSION HANDLE SET/TR001G	TAY CÀM NỔI DÀI/TR001G	OTHER		6.822.360	8%
5790	455292-0	LOOP HANDLE	TAY CÀM VÒNG	OTHER		227.070	8%
5791	126412-0	GRIP ASSEMBLY/DDF481	TAY CÀM/DDF481	OTHER		615.330	8%
5792	158237-4	GRIP 36 COMPLETE/DGA413	TAY CÀM/DGA413	OTHER		72.360	8%

5793	122D11-0	GRIP ASSEMBLY/DHP481	TAY CÀM/DHP481	OTHER		801.900	10%
5794	158057-6	GRIP 36 COMPLETE/DHR165	TAY CÀM/DHR165	OTHER		101.790	8%
5795	196792-8	SIDE HANDLE 73 SET/DHR400	TAY CÀM/DHR400	OTHER		715.500	8%
5796	198043-5	SIDE GRIP/DPO500	TAY CÀM/DPO500	OTHER		214.380	8%
5797	451749-9	HANDLE/DTW180	TAY CÀM/DTW180	OTHER		36.990	8%
5798	162264-5	VIBRATION PROOF GRIP/GA9030R	TAY CÀM/GA9030R	OTHER		30.132	8%
5799	191E41-8	GRIP ASSEMBLY SET/HP002G/DF002G	TAY CÀM/HP002G/DF002G	OTHER		873.540	8%
5800	153503-4	GRIP 36 COMPLETE/HP1630	TAY CÀM/HP1630	OTHER		35.424	8%
5801	154935-8	GRIP 36 COMPLETE/HR2300	TAY CÀM/HR2300	OTHER		67.932	8%
5802	142088-5	GRIP 36 COMPLETE/MT660	TAY CÀM/MT660	OTHER		54.648	8%
5803	152892-4	GRIP COMPLETE/UT1305	TAY CÀM/UT1305	OTHER		311.040	8%
5804	782229-7	BOX WRENCH 9	TAY MỐ 9	OTHER		36.990	8%
5805	782203-5	SOCKET WRENCH 9	TAY MỐ 9	OTHER		151.800	10%
5806	782209-3	BOX WRENCH 9/4100NB	TAY MỐ 9/4100NB	OTHER		60.588	8%
5807	040026-001	BLADE CHANGING ROD/SJ401	THANH CHÂN MÓ LUỖI/SJ401	OTHER		13.640	10%
5808	122739-6	RULER ASSY/2704N	THANH CỬ/2704N	OTHER		4.407.480	8%
5809	JM21080230	RIP FENCE ASSY/LB1200F	THANH CỬ/LB1200F	OTHER		466.290	8%
5810	122699-2	TRIMMER GUIDE ASSY/MT362	THANH CỬ/MT362	OTHER		72.360	8%
5811	122343-1	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP BA VỐ	OTHER		834.300	8%
5812	123022-4	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP CHO MÁY PHAY	OTHER		376.110	8%
5813	122473-8	ANGLE GUIDE ASSY	THANH DẪN GÓC	OTHER		1.179.360	8%
5814	122256-6	GUIDE HOLDER ASSY	THANH DẪN HƯỚNG	OTHER		719.820	8%
5815	195564-8	GUIDE HOLDER SET	THANH DẪN HƯỚNG	OTHER		137.160	8%
5816	122703-7	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP	OTHER		201.300	10%
5817	122704-5	STRAIGHT GUIDE ASSEMBLY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP THẲNG	OTHER		101.790	8%
5818	1916F4-2	GUIDE RAIL ADAPTER FOR CUTTERS	THANH DẪN HƯỚNG CHO MÁY CẮT	OTHER		1.014.552	8%
5819	193312-9	STRAIGHT GUIDE	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	OTHER		3.741.120	8%
5820	122391-0	STRAIGHT GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	OTHER		209.520	8%
5821	123029-0	STRAIGHT GUIDE ASSY/3600H	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG/3600H	OTHER		709.290	8%
5822	164834-6	STRAIGHT GUIDE/RP0900	THANH DẪN HƯỚNG/RP0900	OTHER		119.610	8%
5823	127478-3	JAW PUSHER ASSEMBLY 1.9/DRV150	THANH ĐÁY ĐINH 1.9/DRV150	OTHER		162.270	8%
5824	127477-5	JAW PUSHER ASSEMBLY 2.5/DRV150	THANH ĐÁY ĐINH 2.5/DRV150	OTHER		168.210	8%
5825	127476-7	JAW PUSHER ASSEMBLY 3.1/DRV150	THANH ĐÁY ĐINH 3.1/DRV150	OTHER		162.270	8%
5826	127474-1	JAW PUSHER ASSEMBLY 4.0/DRV250	THANH ĐÁY ĐINH 4.0/DRV250	OTHER		168.210	8%
5827	394369610	GUIDE TROLLEY DT4000/EK7651H	THANH ĐÁY ĐINH HƯỚNG/EK7651H	OTHER		2.224.800	8%
5828	342390-8	DEPTH GUIDE	THANH HƯỚNG DẪN SÂU	OTHER		72.360	8%
5829	JM23510009	WISE ASSEMBLY	THANH KÉP VẬT LIỆU	OTHER		215.460	8%
5830	1911M9-1	EXTENSION PIPE SET/DGP180	THANH NÓI DÀI/DGP180	OTHER		352.825	10%
5831	199140-0	GUIDE RAIL 1000	THANH RAY 1000	OTHER		1.173.690	8%
5832	194368-5	GUIDE RAIL 1400MM	THANH RAY 1400MM	OTHER		1.430.730	8%
5833	199141-8	GUIDE RAIL 1500	THANH RAY 1500	OTHER		1.573.020	8%
5834	194925-9	GUIDE RAIL 1900MM	THANH RAY 1900MM	OTHER		2.025.756	8%
5835	JM21000330	BELT SANDING ATTACHMENT SET/LB1200F	THANH THẺP GIỮ CỖ ĐINH GIẤY NHÁM/LB1200F	OTHER		322.850	10%
5836	A-43773	SHAFT COMPLETE / UT2204	THANH TRỤC / UT2204	OTHER		1.096.200	8%
5837	168349-5	SHAFT/M6600B	THANH TRỤC TRÒN SƠN/M6600B	OTHER		582.725	10%
5838	125159-3	ARM 13 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 13/9032	OTHER		3.276.180	8%
5839	125157-7	ARM 6 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 6/9032	OTHER		1.618.650	8%
5840	125158-5	ARM 9 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 9/9032	OTHER		872.100	8%
5841	TK0LDG301F	LASER RECEIVER LDG-3/SK312GD	THIẾT BỊ THU TIA LAZER LDG-3/SK312GD	OTHER		8.454.240	8%
5842	LE00855702	LASER RECEIVER/LDX1	THIẾT BỊ THU TIA LAZER/LDX1	OTHER		8.576.280	8%
5843	199008-0	BUCKET SET/DCU180	THÙNG CHỨA/DCU180	OTHER		4.580.010	8%
5844	199009-8	CARRIER SET/DCU180	THÙNG ĐỂ HÃNG DẠNG KHUNG/DCU180	OTHER		5.908.140	8%
5845	183N93-7	PLASTIC WITH ACCESSORY	THÙNG ĐỰNG MÁY KÈM PHỤ KIỆN	OTHER		662.040	8%
5846	821550-0	MAKPAC CASE 2 (395X295X155MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X155MM)	OTHER		1.155.870	8%
5847	821551-8	MAKPAC CASE 3 (406X305X229MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X210MM)	OTHER		1.334.880	8%
5848	821552-6	MAKPAC CASE 4 (395X295X315MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X315MM)	OTHER		1.645.380	8%
5849	821549-5	MAKPAC CASE 1 (396X296X105MM)	THÙNG MAKPAC (396X296X105MM)	OTHER		947.970	8%
5850	191X80-2	MAKPAC ORGANIZER SET	THÙNG MAKPAC CHO PHỤ KIỆN	OTHER		1.739.340	8%
5851	821746-3	PLASTIC CASE/DHR400	THÙNG MÁY BĂNG NHỰA/DHR400	OTHER		1.217.160	8%
5852	824913-9	PLASTIC CARRYING CASE/HR2601	THÙNG MÁY BĂNG NHỰA/HR2601	OTHER		595.620	8%
5853	824789-4	PLASTIC CARRYING CASE/HR2810	THÙNG MÁY BĂNG NHỰA/HR2810	OTHER		455.760	8%
5854	821080-1	WOODEN CARRYING CASE/1804N	THÙNG MÁY/1804N	OTHER		3.003.480	8%
5855	821723-5	PLASTIC CARRYING CASE/DA333D	THÙNG MÁY/DA333D	OTHER		501.228	8%
5856	141856-3	PLASTIC CASE COMPLETE/DF456D	THÙNG MÁY/DF456D	OTHER		525.960	8%
5857	821822-3	CARRY CASE/DVP181	THÙNG MÁY/DVP181	OTHER		1.115.640	8%
5858	821817-6	PLASTIC CASE/GA403D	THÙNG MÁY/GA403D	OTHER		798.930	8%
5859	140073-2	STEEL CARRYING CASE COMPLETE/PC5000C	THÙNG MÁY/PC5000C	OTHER		3.192.750	8%
5860	TKAK400MUN	STORAGE CASE/SK312GD	THÙNG MÁY/SK312GD	OTHER		6.210.875	10%
5861	141104-0	PLASTIC CARRYING CASE/DF030D	THÙNG NHỰA/DF030D	OTHER		417.150	8%
5862	1914U3-7	BATTERY CHARGING CASE/BCC01	THÙNG SẠC PIN/BCC01	OTHER		25.088.400	8%
5863	411111-0	GAUGE PLATE	THƯỚC CẠNH	OTHER		42.930	8%
5864	SC03300790	SLIDE STOPPER/DPP200	THƯỚC CẠNH CHỖNG TRƯỢT/DPP200	OTHER		2.136.310	10%
5865	122576-8	STOPPER POLE ASSY/DHP481	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHP481	OTHER		48.816	8%
5866	331886-4	DEPTH GAUGE/DHR280	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHR280	OTHER		51.570	8%
5867	331955-1	DEPTH GAUGE/DHR400	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHR400	OTHER		90.180	8%
5868	321144-6	DEPTH GAUGE/MT814	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/MT814	OTHER		23.652	8%
5869	123009-6	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CẠNH LƯỖI	OTHER		376.110	8%
5870	123062-2	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CẠNH LƯỖI	OTHER		84.240	8%
5871	191C19-9	BLADE GAUGE ASSEMBLY SET	THƯỚC CẠNH LƯỖI BẢO	OTHER		90.450	8%
5872	762016-0	BLADE GAUGE/2012NB	THƯỚC CẠNH LƯỖI/2012NB	OTHER		125.388	8%
5873	762001-3	TRIANGULAR RULE/LH1040	THƯỚC CẠNH/LH1040	OTHER		25.164	8%
5874	127069-0	ANGLE RULE ASSEMBLY/2704N	THƯỚC CHỈNH GÓC CẮT VẬT LIỆU/2704N	OTHER		1.471.770	8%
5875	164019-4	GUIDE RULE	THƯỚC DẪN	OTHER		222.480	8%
5876	123060-6	GUIDE RULE ASSY	THƯỚC DẪN	OTHER		440.910	8%
5877	193516-3	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	OTHER		305.370	8%
5878	195055-9	GUIDE RULE SET	THƯỚC DẪN	OTHER		256.608	8%
5879	1915E3-1	GUIDE RULE	THƯỚC DẪN HƯỚNG	OTHER		279.290	10%

5880	191C23-8	GUIDE RULE ASSEMBLY SET/DKP181	THƯỚC DẪN/DKP181	OTHER		696.870	8%
5881	164095-8	GUIDE RULE/MTS83	THƯỚC DẪN/MTS83	OTHER		85.800	10%
5882	164367-1	GUIDE RULE/NS900B	THƯỚC DẪN/NS900B	OTHER		109.725	10%
5883	165153-3	GUIDE RULE/RS001G	THƯỚC DẪN/RS001G	OTHER		216.000	8%
5884	122707-9	RULER ASSY	THƯỚC ĐO	OTHER		286.200	8%
5885	762007-1	THICKNESS GAUGE	THƯỚC ĐO	OTHER		79.380	8%
5886	762013-6	THICKNESS GAUGE/JS1601	THƯỚC ĐO ĐỘ DÀY/JS1601	OTHER		79.380	8%
5887	1913K7-3	PARALLEL GUIDE	THƯỚC ĐO SONG SONG	OTHER		4.097.628	8%
5888	191C22-0	CHAMFERING RULE ASSEMBLY/DKP181	THƯỚC PHAY/DKP181	OTHER		2.311.740	8%
5889	163539-5	GUIDE RULE/M1100B	THƯỚC CẠNH MÉP/M1100B	OTHER		335.070	8%
5890	1910E1-5	FLEXIBLE SHAFT 32-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TÔNG 32-1.2 SET/VR003G	OTHER		9.290.430	8%
5891	1910E2-3	FLEXIBLE SHAFT 32-1.7 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TÔNG 32-1.7 SET/VR003G	OTHER		9.743.760	8%
5892	1910C2-9	FLEXIBLE SHAFT 32-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TÔNG 32-2.4 SET/VR003G	OTHER		10.494.630	8%
5893	1910E3-1	FLEXIBLE SHAFT 38-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TÔNG ĐÉO 38-1.2 SET/VR003G	OTHER		9.410.040	8%
5894	1910C4-5	FLEXIBLE SHAFT 38-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐẢM DÙI BỀ TÔNG ĐÉO 38-2.4 SET/VR003G	OTHER		10.196.280	8%
5895	327B34-3	SHAFT HOLDER 1/2-M12/UT001G	TRỤC NỐI 1/2-M12/UT001G	OTHER		159.225	10%
5896	T-90009	ROLLING TOOL CHEST 998X565X295MM	TỦ ĐỰNG DỤNG CỤ CỎ BÀNH XE VÀ TAY KÉO 998X565X295MM	OTHER		15.390.270	8%
5897	TKL.M400117	STORAGE BAG/TK0LM4001F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM4001F	OTHER		804.870	8%
5898	TKL.M503023	STORAGE BAG/TK0LM5030F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM5030F	OTHER		942.300	8%
5899	1911W4-1	PROTECTION COVER SET/VC008G	TÚI BẢO VỆ/VC008G	OTHER		477.630	8%
5900	126738-0	DUST BAG ASSEMBLY/4100KB	TÚI BỤI/4100KB	OTHER		149.040	8%
5901	122884-7	DUST BAG ASSEMBLY/DLS600	TÚI BỤI/DLS600	OTHER		149.040	8%
5902	196845-3	DUST COLLECT COVER K SET / GA5021C	TÚI BỤI/GA5021C	OTHER		2.023.272	8%
5903	196858-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/HR2512C	TÚI BỤI/HR2512C	OTHER		2.288.250	8%
5904	A-56889	ATTACHMENT SET	TÚI CHỨA BỤI	OTHER		259.200	8%
5905	122193-4	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	OTHER		345.600	8%
5906	135132-5	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	OTHER		156.330	8%
5907	151780-2	DUST BAG COMPLETE	TÚI CHỨA BỤI	OTHER		66.420	8%
5908	151517-7	DUST BAG COMPLETE/BO6030	TÚI CHỨA BỤI BẢNG VẢI/BO6030	OTHER		191.700	8%
5909	122351-2	DUST BAG ASSY/LS1011N,LS1030	TÚI CHỨA BỤI/LS1011N,LS1030	OTHER		137.160	8%
5910	122402-1	DUST BAG ASSY/1911B	TÚI CHỨA BỤI/1911B	OTHER		1.359.450	8%
5911	122548-3	DUST BAG ASSY/9910,9911	TÚI CHỨA BỤI/9910,9911	OTHER		143.100	8%
5912	122562-9	DUST BAG ASSY/9912,9403	TÚI CHỨA BỤI/9912,9403	OTHER		399.600	8%
5913	122296-4	DUST BAG ASSY/9924DB	TÚI CHỨA BỤI/9924DB	OTHER		376.110	8%
5914	140115-2	DUST BAG COMPLETE/BO3710	TÚI CHỨA BỤI/BO3710	OTHER		54.648	8%
5915	135222-4	DUST BAG ASSY/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	OTHER		143.100	8%
5916	166078-4	DUST BAG/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	OTHER		58.968	8%
5917	162697-4	DUST BAG/DUB363	TÚI CHỨA BỤI/DUB363	OTHER		577.800	8%
5918	122793-0	DUST BAG ASSY/KP0810,KP0800,DKP180	TÚI CHỨA BỤI/KP0810,KP0800,DKP180	OTHER		608.850	8%
5919	127512-9	DUST BAG/LS002G	TÚI CHỨA BỤI/LS002G	OTHER		233.010	8%
5920	JM23510010	DUST BAG/LS0815FL	TÚI CHỨA BỤI/LS0815FL	OTHER		107.730	8%
5921	JM00000535	DUST BAG ASSY/LS0816F	TÚI CHỨA BỤI/LS0816F	OTHER		96.120	8%
5922	122852-0	DUST BAG ASSY/LS1016,LS1216,LH1040,BLS713	TÚI CHỨA BỤI/LS1016,LS1216,LH1040,BLS713	OTHER		78.300	8%
5923	JM00000624	DUST BAG ASSY/LS1110F	TÚI CHỨA BỤI/LS1110F	OTHER		100.440	8%
5924	122853-8	DUST BAG ASSY/PC5000C	TÚI CHỨA BỤI/PC5000C	OTHER		119.610	8%
5925	123150-5	DUST BAG ASSEMBLY/PJ7000	TÚI CHỨA BỤI/PJ7000	OTHER		143.100	8%
5926	195854-9	DUST CASE SET/DX01	TÚI ĐỰNG BỤI/DX01	OTHER		656.370	8%
5927	831284-7	TOOL BAG/DUP361	TÚI ĐỰNG CỤ/DUP361	OTHER		1.131.840	8%
5928	831340-3	TOOL BAG/EK8100	TÚI ĐỰNG CỤ/EK8100	OTHER		131.328	8%
5929	198589-1	TOOL BAG SET	TÚI ĐỰNG MÁY/CP100	OTHER		703.350	8%
5930	831304-7	ACCESSORY BAG/EBH340R	TÚI ĐỰNG/EBH340R	OTHER		44.550	8%
5931	195284-4	VACUUM KIT	TÚI HÚT CHẤN KHÔNG	OTHER		3.622.050	8%
5932	195866-2	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	OTHER		2.448.630	8%
5933	196536-6	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	OTHER		1.684.800	8%
5934	196571-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	OTHER		1.115.640	8%
5935	199557-7	FILTER SET	TÚI LỌC BỤI	OTHER		258.660	8%
5936	F-32245	FLAT TAPE COLLATED SCREWS 3.9X30MM(1000PCS)	VÍT CUỘN 3.9X30MM(1000CÁI)	OTHER		462.000	10%
5937	417349-5	PROTECTOR USE FOR CORDLESS IMPACT DRIVER	VỎ BẢO VỆ DÙNG CHO MÁY VẤN VÍT	OTHER		334.800	8%
5938	4133H6-7	GUIDE BAR CASE 535	VỎ BẢO VỆ LAM 535	OTHER		138.160	10%
5939	459404-7	PROTECTOR RED/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5940	459409-7	PROTECTOR RED/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5941	422828-0	PROTECTOR RED/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ/DFT060T	OTHER		798.930	8%
5942	422827-2	PROTECTOR CLEAR/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU TRONG SUỐT/DFT060T	OTHER		691.470	8%
5943	459406-3	PROTECTOR YELLOW/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5944	459411-0	PROTECTOR YELLOW/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5945	422830-3	PROTECTOR YELLOW/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG/DFT060T	OTHER		798.930	8%
5946	459405-5	PROTECTOR BLUE/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5947	459410-2	PROTECTOR BLUE/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5948	459407-1	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5949	459412-8	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5950	459997-4	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5951	459998-2	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5952	422829-8	PROTECTOR BLUE/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH/DFT060T	OTHER		798.930	8%
5953	413G40-5	PROTECTOR/DTW1001	VỎ BẢO VỆ MÁY/DTW1001	OTHER		816.750	8%
5954	1910J1-0	XGT BATTERY COVER 4.0Ah AND 8.0Ah	VỎ BẢO VỆ PIN XGT 4.0Ah VÀ 8.0Ah	OTHER		2.072.412	8%
5955	459408-9	PROTECTOR CLEAR/DTDA040	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA040	OTHER		965.790	8%
5956	459413-6	PROTECTOR CLEAR/DTDA100	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DÙNG CHO MÁY CHÍNH LỰC/DTDA100	OTHER		679.860	8%
5957	422718-7	PROTECTOR CLEAR/DT112D	VỎ BẢO VỆ/DT112D	OTHER		1.036.260	8%
5958	142845-1	CHARGER CASE COMPLETE	VỎ BỘ SẠC	OTHER		2.002.320	8%
5959	413B75-6	PROTECTOR/DTWA260	VỎ BỘ BẢO VỆ MÁY/DTWA260	OTHER		1.835.460	8%
5960	196818-6	HARNES/BAP182	VỎ CHỮA PIN/BAP182	OTHER		1.026.756	8%
5961	194085-7	PLASTIC CASE/MT814KSP	VỎ HỘP MÁY/MT814KSP	OTHER		1.031.292	8%
5962	413G28-5	GUIDE BAR CASE 210/DUA200	VỎ LAM 210/DUA200	OTHER		76.680	8%
5963	TP00000153	NOZZLE A	VỎI DỆP THỜI NÓNG A	OTHER		43.200	8%
5964	JPA122194	NOZZLE ASS"Y	VỎI HÚT	OTHER		352.350	8%
5965	JPA122197	NOZZLE ASS"Y	VỎI HÚT	OTHER		1.576.800	8%
5966	6939024000	JET NOZZLE	VỎI PHUN	OTHER		5.788.800	8%

5967	6958018000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	OTHER		561.600	8%
5968	6958025000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	OTHER		912.600	8%
5969	6939025000	NOZZLE C-2	VỎI PHUN C-2	OTHER		4.125.600	8%
5970	341796-7	WASHER	VÒNG ĐỆM	OTHER		19.690	10%
5971	A-85248	RING 20 (THICKNESS:2.0MM)	VÒNG ĐỆM 20 (MÓNG: 2.0MM)	OTHER		255.310	10%
5972	764406-3	OUTER SLEEVE 16-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 16-100/6922NB	OTHER		8.362.008	8%
5973	764362-7	OUTER SLEEVE 16-35/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 16-35/6922NB	OTHER		1.213.025	10%
5974	764367-7	OUTER SLEEVE 16-81/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 16-81/6922NB	OTHER		2.049.084	8%
5975	764408-9	OUTER SLEEVE 20-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 20-100/6922NB	OTHER		5.503.140	8%
5976	764363-5	OUTER SLEEVE 20-83	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 20-83	OTHER		3.169.260	8%
5977	764410-2	OUTER SLEEVE 22-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 22-100/6922NB	OTHER		5.503.140	8%
5978	764365-1	OUTER SLEEVE 22-170/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 22-170/6922NB	OTHER		9.361.980	8%
5979	764411-0	OUTER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-200/6922NB	OTHER		10.171.980	8%
5980	764364-3	OUTER SLEEVE 22-85	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI 22-85	OTHER		3.203.750	10%
5981	764361-9	OUTER SLEEVE 20-37/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN NGOÀI/6922NB	OTHER		1.195.150	10%
5982	764357-0	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 16-100/6922NB	OTHER		3.668.760	8%
5983	764400-5	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 16-100/6922NB	OTHER		12.982.950	8%
5984	764416-0	INNER SLEEVE 16-36/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 16-36/6922NB	OTHER		3.349.500	10%
5985	764356-2	INNER SLEEVE 16-82/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 16-82/6922NB	OTHER		3.765.690	8%
5986	764402-1	INNER SLEEVE 20-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 20-100/6922NB	OTHER		12.364.380	8%
5987	764404-7	INNER SLEEVE 22-100/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 22-100/6922NB	OTHER		14.023.075	10%
5988	764354-6	INNER SLEEVE 22-170/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG 22-170/6922NB	OTHER		15.531.480	8%
5989	764405-5	INNER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-200/6922NB	OTHER		19.367.100	8%
5990	764417-8	INNER SLEEVE 20-38 COMPLETE/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG/6922NB	OTHER		3.120.660	8%
5991	764418-6	INNER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	MĂNG SÔNG BÊN TRONG/6922NB	OTHER		3.251.875	10%
5992	A-86860	RING 16MM FOR DIAMOND WHEEL	VÒNG ĐỆM LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG 16MM	OTHER		137.160	8%
5993	1913P0-2	RING SET/DTW1004	VÒNG ĐỆM/DTW1004	OTHER		577.800	8%
5994	191L91-5	SPACER SET/HR3011FC	VÒNG ĐỆM/HR3011FC	OTHER		156.330	8%
5995	191G08-8	RING SET/TW007G	VÒNG ĐỆM/TW007G	OTHER		752.400	10%
5996	457974-0	KEY HOLDER/DA332D	VÒNG KHÓA/DA332D	OTHER		25.630	10%
5997	1915C1-1	CART SET/CE001G	XE ĐẨY CHO MÁY CÁT BÊ TÔNG/CE001G	OTHER		27.164.970	8%
5998	JM00000674	HAMMER CARRIER/HM004G	XE ĐẨY CHO MÁY ĐUCHM004G	OTHER		5.479.920	8%
5999	123241-2	DUST BAG ASSEMBLY/UB1103	TÚI CHỨA BỤI/UB1103	CLEAN	OPE	143.100	8%
6000	191E19-1	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỒNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	CLEAN	OPE	1.749.600	8%
6001	192236-6	ANCHOR NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	CLEAN	OPE	168.210	8%
6002	733237-1	STRAIGHT BIT 12E/MT360	MŨI THẮNG 12E/MT360	OTHER		286.200	8%
6003	794060-9	DRESSING STONE 180-1200	ĐÁ MÀI 180-1200	OTHER		387.720	8%
6004	794061-7	DRESSING STONE 150-1200	ĐÁ MÀI 150-1200	OTHER		328.860	8%
6005	1916E5-3	DUST EXTRACTION ATTACHMENT SET/TM53D	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/TM53D	OTHER		178.200	8%
6006	1916E4-5	DEPTH GAUGE/TM53D	BỘ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU/TM53D	OTHER		484.110	8%
6007	1916T9-0	VACUUM KIT SET/UB003G	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/UB003G	OTHER	OPE	2.153.520	8%
6008	1917G7-9	CONTROL LEVER/GU01G	CÂN ĐIỀU KHIỂN/GU01G	OTHER		1.073.520	8%
6009	1917H0-0	COVER WITHOUT FILTER/GU01G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ/GU01G	OTHER		161.460	8%
6010	1917H2-6	THREADED SPINDLE/GU01G	TRỤC TRUYỀN ĐỒNG/GU01G	OTHER		745.470	8%
6011	191Y78-5	BATTERY CHECKER ADAPTER PDC1200/BL64	BỘ KẾT NỐI KIỂM TRA PIN PDC1200/BL64	OTHER		8.281.872	8%
6012	A-00500	DRILL STAND/DF003G/HP003G	BỘ TAY CÀM CỐ ĐỊNH KHOAN/DF003G/HP003G	OTHER		7.791.390	8%
6013	1918B8-8	WDE NOZZLE 280MM WIDTH/UB005G	ĐẦU HÚT BỤI DẠNG RỘNG/UB005G	OTHER	OPE	456.300	8%
6014	P-91001	ROLLING TOOL CHEST 998X565X295MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CỎ BÀNH XE VÀ TAY KÉO 9	OTHER		15.390.270	8%
6015	P-91017	LARGE TOOL BOX 802X565X252MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 802X565X252MM	OTHER		10.122.840	8%
6016	P-91023	EXTRA LARGE EXTENSION TOOLBOX 565X395X402M	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ DẠNG MỞ RỘNG 565X395X40	OTHER		7.063.740	8%
6017	P-91039	MEDIUM TOOL BOX 561X387X161MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 561X387X161MM	OTHER		5.228.280	8%
6018	P-91045	DEEP MEDIUM ORGANIZER 562X387X163MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG SÂU 562X	OTHER		3.893.400	8%
6019	P-91051	LOW-PROFILE MEDIUM ORGANIZER 596X387X85MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG NỒNG 596	OTHER		4.572.180	8%
6020	P-91067	DEEP COMPACT ORGANIZER 389X278X162MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG SÂU 389X	OTHER		3.565.350	8%
6021	1917D3-6	BLADE 1800MM/VL001G	THUỐC ĐÀM 1800MM/VL001G	OTHER		3.849.120	8%
6022	1917D4-4	BLADE 1400MM/VL001G	THUỐC ĐÀM 1400MM/VL001G	OTHER		3.415.230	8%